ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ CƠ BẢN 1
Mã học phần: ML211020

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5
Loại môn học: Bắt buộc.
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành:
Học phần học trước: không
Học phần tiên quyết: không
Giảng viên giảng dạy:

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ ĐIỆN THOẠI	EMAIL
1	Trần Khải Định	0914.072.858	
2	Đinh Gia Ngân	0977.597.262	
3	Nguyễn Thị Hải Yến	0914.069.347	yenmaclenin@yahoo.com.vn
4	Nguyễn Đình Huấn	0914.483.777	
5	Phạm Phương Anh	0914.250.184	

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin I, trang bị cho sinh viên những kiến thức giúp sinh viên hiểu sâu hơn, có hệ thống hơn và nắm vững hơn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Tiền đề ra đời, các giai đoạn hình thành của chủ nghĩa Mác – Lênin. Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận thế giới quan khoa học. Phép biện chứng duy vật – cơ sở phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. Chủ nghĩa duy vật lịch sử chỉ rõ quy luật vận động phát triển của xã hội – là cơ sở lý luận để nhận thức và định hướng xây dựng xã hội tiến bộ. phân tích và nhận thức mối quan hệ giữa giai cấp, đấu tranh giai cấp trong thời đại hiện nay, nhận thức và vận dụng xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam và hội nhập quốc tế hiện nay.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

-Kiến thức

+ Trình bày được thế giới quan và phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin

+ Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật.

+ Trình bày được những nội dung cơ bản của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

+ Trình bày được những quy luật chi phối sự vận động và phát triển của xã hội.

- Kĩ năng:

+ Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích và bình luận các hiện tượng mang tính phổ quát diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.

+ Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.

+ Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh, môn đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam và các môn khoa học pháp lý.

+ Hình thành kỹ năng tư duy lôgic, khoa học.

+ Phát triển các kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề khoa học đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.

+ Hình thành và phát triển các kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

+ Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình.

-Thái độ:

+ Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.

+ Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước

+ Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên.

+Củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương mở đầu Khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin	A.1. Trình bày đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và những bộ phận cấu thành A.2. Ghi nhớ đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương	B.1. Hiểu được vị trí và vai trò của môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin.	C.1. So sánh được tầm quan trọng của việc học môn những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin với các môn học khác. C.2. Đánh giá được vị trí và vai trò môn

	pháp học tập, nghiên cứu môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và những bộ phận cấu thành A.3. Nhận diện đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và những bộ phận cấu thành	B.2. Phân tích quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin. B.3. Lý giải vị trí và vai trò của môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin.	những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin qua đó chứng minh của sự ra đời của chủ nghĩa Mác-Lênin là một tất yếu lịch sử C.3. Vận dụng môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin vào đời sống xã hội.
Chương I Chủ nghĩa duy vật biện chứng	I.A.1.Trình bày được sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng. Vấn đề vật chất và ý thức; mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. I.A.2. Ghi nhớ được vấn đề vật chất và ý thức; mối quan hệ giữa vật chất và ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. I.A.3. Nhận diện được quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	I.B.1. Hiểu được sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm; Định nghĩa vật chất của Lênin; mối quan hệ giữa vật chất và ý thức theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng. I.B.2. Phân tích định nghĩa vật chất của Lênin; mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. I.B.3. Lý giải được nội dung của định nghĩa vật chất của Lênin; mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.	I.C.1. So sánh sự khác nhau giữa các trường phái triết học (DT và DV); các quan điểm về vật chất và ý thức trước đó với chủ nghĩa duy vật biện chứng I.C.2. Đánh giá vai trò của định nghĩa vật chất của Lênin đối với sự phát triển của khoa học. I.C.3. Vận dụng định nghĩa vật chất của Lênin; mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn
Chương II Phép biện chứng duy vật	II.A.1. Trình bày các nguyên lý, cặp phạm trù và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức duy vật biện chứng II.A.2. Ghi nhớ nội dung cơ bản của các nguyên lý, cặp phạm trù và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức duy vật biện chứng II.A.3. Nhận diện nội dung cơ bản của các nguyên lý, cặp	II.B.1. Hiểu những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật. của phép biện chứng duy vật; vấn đề Lý luận nhận thức duy vật biện chứng II.B.2. Phân tích những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; Vấn đề Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	II.C.1. So sánh kết quả của sự vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ và quan điểm phát triển trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. II.C.2. Đánh giá việc vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ và quan điểm phát trong nhận thức và thực tiễn.Qua đó, chống

	phạm trù và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật; Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	II.B.3. Lý giải các nội dung cơ bản của những nguyên lý, cặp phạm trù và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật; Nhận thức và con đường biện chứng của sự nhận thức.	lại khuynh hướng tả khuynh và hữu khuynh. II.C.3. Vận dụng quan điểm toàn diện, quan điểm lịch sử cụ và quan điểm phát trong nhận thức và thực tiễn trên cơ sở phương pháp biện chứng và thế giới quan duy vật.
Chương III Chủ nghĩa duy vật lịch sử	III.A.1. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử III.A.2. Ghi nhớ những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử III.A.3. Nhận diện những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	III.B.1. Hiểu mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng;tồn tại xã hội và ý thức xã hội; nội dung của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội; vấn đề giai cấp, nhà nước, cách mạng xã hội, con người trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng III.B.2. Phân tích mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng;tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề giai cấp, nhà nước, cách mạng xã hội; quá trình lịch sử -tự nhiên của hình thái kinh tế - xã hội; vai trò sáng tạo của quần chúng nhân dân trong lịch sử. III.B.3. Nhận diện quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng	III.C.1. So sánh chủ nghĩa duy vật lịch sử là hệ thống quan điểm duy vật biện chứng về xã hội; là kết quả của sự vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử nhân loại. III.C.2.Đánh giá vai trò của Chủ nghĩa duy vật lịch sử trong việc giải quyết những vấn đề của đời sống xã hội và lịch sử nhân loại. III.C.3.Vận dụng nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng vào việc nghiên cứu và giải quyết những vấn đề của đời sống xã hội và lịch sử nhân loại.

		tầng;tồn tại xã hội và ý thức xã hội; nội dung của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội; vấn đề giai cấp, nhà nước, cách mạng xã hội, con người.	

4. Tài liệu học tập:

[1].Bộ GD và ĐT, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB chính trị quốc gia, 2009.

[2].Đinh Gia Ngân, Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Thị Hải Yến, Nguyễn Quang Dương,Bài giảng *Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin –Lưu hành nội bộ.*

5. Tài liệu tham khảo:

[3].Bộ GD và ĐT, *Giáo trình triết học Mác-Lênin* (dùng trong các trường đại học, cao đẳng), NXB chính trị quốc gia, 2002-2007.

[4].Hội đồng TƯ chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình triết học Mác-Lênin*, NXB chính trị quốc gia, 1999.

[5].Trung tâm ĐT, bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học quốc gia Hà Nội, *Một số chuyên đề về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tập I*, *II, III,* NXB lý luận chính trị, 2008.

[6].C.Mác và Ph.Ăngghen, *luận cương về Phoi-ơ-Bắc*; *Hệ tư tưởng Đức*, toàn tập, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

[7]. C.Mác và Ph.Ăngghen, *Chống Đuy-Rinh;Biện chứng của tự nhiên*, toàn tập, tập 20, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

[8].C.Mác và Ph.Ăngghen, *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

[9].C.Mác và Ph.Ăngghen, *Phê phán cương lĩnh Gôta*, toàn tập, tập 19, NXB Chính trị quốc gia, 1995.

[8]. V.I Lênin, *Bút ký triết học*, toàn tập, tập 29, NXB Chính trị quốc gia, 2005.

[10]. V.I Lênin,*Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, toàn tập, tập 18, NXB Chính trị quốc gia, 2005.

[11]. V.I Lênin, *Ba nguồn gốc và ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác*, toàn tập, tập 23, NXB Chính trị quốc gia, 2005.

[12]. V.I Lênin, *Nhà nước và cách mạng*, toàn tập, tập 33, NXB Chính trị quốc gia, 2005.

[13]. ***Văn kiện Đại hội Đảng:*** Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X.XI.XII NXB Chính trị quốc gia.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**CHƯƠNG MỞ ĐẦU: NHẬP MÔN NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN** **I. KHÁI LƯỢC VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN** **1, Chủ nghĩa Mác - Lênin và ba bộ phận cấu thành** **2, Khái lược sự ra đời và phát triển của Chủ nghĩa Mác - Lênin** *a, Những điều kiện, tiền đề của sự ra đời chủ nghiã Mác* *b, Giai đoạn hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác* *c, Giai đoạn bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác* *d, Chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn phong trào cách mạng thế giới* II.Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu môn học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin **1, Đối tượng và mục đích của việc học tập, nghiên cứu** **2, Một số yêu cầu cơ bản về phương pháp học tập, nghiên cứu** **Hình thức tổ chức dạy học:** Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực của sinh viên trong giờ học **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết	[1] ;[2].
	Chương 1. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG **I.Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật biện chứng** **1, Sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học**	LT:4 tiết TL: 2 tiết	[1];[2].

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2, Chủ nghĩa duy vật biện chứng- hình thức phát triển cao nhất của chủ nghĩa duy vật II/ QUAN ĐIỂM DUY VẬT BIỆN CHỨNG VỀ VẬT CHẤT, Ý THỨC VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC **1, Vật chất** *a, Phạm trù vật chất* *b, Phương thức và hình thức tồn tại của vật chất* *c, Tính thống nhất vật chất của thế giới* **2, Ý thức** *a, Nguồn gốc của ý thức* *b, Bản chất và kết cấu của ý thức* **3, Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức** *a, Vai trò của vật chất đối với ý thức* *b, Vai trò của ý thức đối với vật chất* *c, Ý nghĩa phương pháp luận* **Hình thức tổ chức dạy học:** Nghe giảng do giảng viên trình bày Thảo luận nhóm: Sự khác nhau căn bản giữa thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực của sinh viên trong giờ học **Địa điểm học:** Giảng đường		
2-3	**CHƯƠNG 2: PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT** I/ PHÉP BIỆN CHỨNG VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT **1, Phép biện chứng và các hình thức cơ bản của phép biện chứng** *a, Phép biện chứng* *b, Các hình thức cơ bản của phép biện chứng* **2, Phép biện chứng duy vật** II/ CÁC NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHÚNG DUY VẬT 1, Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến **2, Nguyên lý về sự phát triển** III/ CÁC CẶP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT **1, Cái chung và cái riêng** **2, Nguyên nhân và kết quả** **3, Tất nhiên và ngẫu nhiên** **4, Nội dung và hình thức**	LT:8 tiết TL: 4 tiết	[1];[2]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	5, Bản chất và hiện tượng **6, Khả năng và hiện thực** IV/ CÁC QUI LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT **1, Qui luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại** *a, Khái niệm chất, lượng* *b, Quan hệ biện chứng giữa chất và lượng* *c, Ý nghĩa phương pháp luận* **2, Qui luật thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập** *a, Khái niệm mâu thuẫn và các tính chất chung của mâu thuẫn* *b, Quá trình vận động của mâu thuẫn* *c, Ý nghĩa phương pháp luận* **3, Qui luật phủ định của phủ định** *a, Khái niệm phủ định biện chứng và những đặc trưng cơ bản của nó* *b, Phủ định biện chứng* *c, Ý nghĩa phương pháp luận* V/ LÝ LUẬN NHẬN THỨC DUY VẬT BIỆN CHỨNG **1, Thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức** *a, Thực tiễn và các hình thức cơ bản của thực tiễn* *b, Nhận thức và các trình độ nhận thức* *c, Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức* - Nguyên tắc thống nhất giữa thực tiễn và lý luận - Ý nghĩa phương pháp luận **2, Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý** *a, Quan điểm của Lênin về con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý* *b, Chân lý và vai trò của chân lý với thực tiễn* **Hình thức tổ chức dạy học:** Nghe giảng do giảng viên trình bày Thảo luận nhóm: -Vận dụng quy luật mâu thuẫn để giải quyết vấn đề tự học của sinh viên hiện nay. -Nguyên nhân, biểu hiện và việc đấu tranh phê phán bệnh giáo điều và bệnh kinh nghiệm? **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi -Thảo luận nhóm		

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Thái độ tích cực của sinh viên trong giờ học - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
4	**CHƯƠNG 3: CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ** I/ VAI TRÒ CỦA SẢN XUẤT VẬT CHẤT VÀ QUI LUẬT QUAN HỆ SẢN XUẤT PHÙ HỢP VỚI TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT **1, Sản xuất vật chất và vai trò của nó** *a, Khái niệm sản xuất vật chất và phương thức sản xuất* *b, Vai trò của sản xuất vật chất và phương thức sản xuất đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội* **2, Qui luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất** *a, Khái niệm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất* *b, Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất* II/ BIỆN CHỨNG CỦA CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ KIẾN TRÚC THƯỢNG TẦNG **1, Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng** *a, Khái niệm, kết cấu cơ sở hạ tầng* *b, Khái niệm, kết cấu kiến trúc thượng tầng* **2, Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội** *a, Vai trò quyết định của cơ sở hạ tầng đối với kiến trúc thượng tầng* *b, Vai trò tác dộng trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng* III/ TỒN TẠI XÃ HỘI QUYẾT ĐỊNH Ý THỨC XÃ HỘI VÀ TÍNH ĐỘC LẬP TƯƠNG ĐỐI CỦA Ý THỨC XÃ HỘI **1, Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội** *a, Khái niệm tồn tại xã hội và ý thức xã hội* *b, Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội* **2, Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội** IV/ HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ - TỰ NHIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI **1, Khái niệm, kết cấu hình thái kinh tế - xã hội** **2, Quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội**	LT:8 tiết TL: 2 tiết	[1]; [2]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	V/ VAI TRÒ CỦA ĐẤU TRANH GIAI CẤP VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI ĐỐI KHÁNG GIAI CẤP **1, Giai cấp và vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp** *a, Khái niệm giai cấp, tầng lớp xã hội* *b, Nguồn gốc giai cấp* *c, Vai trò của đấu tranh giai cấp đối với sự vận động và phát triển của xã hội có giai cấp* **2, Cách mạng xã hội và vai trò của nó đối với sự phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp** *a, Khái niệm cách mạng xã hội và nguồn gốc của cách mạng xã hội* *b, Vai trò của cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội có đối kháng giai cấp* VI/ QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ VỀ CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ SÁNG TẠO LỊCH SỬ CỦA QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN **1, Con người và bản chất của con người** *a, Khái niệm con người* *b, Bản chất của con người* **2, Khái niệm quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và cá nhân** *a, Khái niệm quần chúng nhân dân* *b, Vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân và vai trò sáng tạo của cá nhân trong lịch sử* **Hình thức tổ chức dạy học:** Nghe giảng do giảng viên trình bày Thảo luận nhóm: -Nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực của sinh viên trong giờ học **Địa điểm học:** Giảng đường		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến	2,5%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2,5%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

Tiêu chí đánh giá:

+ *Tiêu chí 1:* Xác định đúng vấn đề cần phải giải quyết.

+ *Tiêu chí 2:* Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy lý luận tốt.

+ *Tiêu chí 3:* Có sử dụng các tài liệu, phương pháp nghiên cứu do giảng viên hướng dẫn.

+ *Tiêu chí 4:* Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, độ dài từ 03 đến 04 trang khổ A4.

Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí:

Điểm	Tiêu chí
9 – 10	- Đạt cả 4 tiêu chí
7 – 8	- Đạt 2 tiêu chí đầu. - Tiêu chí 3: có sử dụng các tài liệu, song chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa có bình luận. - Tiêu chí 4: còn mắc vài lỗi nhỏ.
5 – 6	- Đạt tiêu chí 1. - Tiêu chí 2: sức thuyết phục của các luận cứ, luận chứng chưa thật cao, vấn đề chưa được giải quyết trọn vẹn. - Tiêu chí 3, 4: còn mắc một vài lỗi nhỏ.
Dưới 5	- Không đạt cả 4 tiêu chí.

- Phương pháp đánh giá: (Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm).
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn) | **Trưởng Bộ môn** | **Người biên soạn**

Phạm Phương Anh

Nguyễn Thị Hải Yến

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGUYÊN LÝ CƠ BẢN 2
Mã học phần: ML211021

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 03
Loại môn học: Bắt buộc.
Giảng viên giảng dạy:
Th.S Nguyễn Bảo Lâm; Số điện thoại: 0905232423; Email:

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin bao gồm ba bộ phận lý luận cấu thành của Chủ nghĩa Mác-Lênin: Triết học, Kinh tế chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học, được kết cấu thành 10 chương. Môn học được chia làm 2 học phần: Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1 và Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2.

Ở học phần Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2 gồm hai phần 6 chương:

- *Phần thứ thứ nhất: Học thuyết kinh tế của Chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa* gồm 3 chương bao quát những nội dung cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Cụ thể:
+ Chương IV: Học thuyết giá trị.
+ Chương V: Học thuyết giá trị thặng dư.
+ Chương VI: Học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

- *Phần thứ hai: Lý luận của Chủ nghĩa Mác-Lênin về Chủ nghĩa xã hội* gồm 3 chương khái quát những nội dung cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin về CNXH, một số vấn đề về CNXH hiện thực và triển vọng của nó. Cụ thể:

+ Chương VII: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng XHCN.
+ Chương VIII: Những vấn đề chính trị-xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng XHCN.
+ Chương IX: CNXH hiện thực và triển vọng

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản của học thuyết giá trị thặng dư và học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin.
- Trình bày được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, những vấn đề chính trị - xã hội mang tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- Trình bày được sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực, thành tựu, hạn chế và nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng. Trên cơ sở đó trình bày đươ

3.1.2 Kỹ năng

- Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để hiểu, giải thích và bình luận được các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế.
- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn tư tưởng Hồ Chí Minh, môn đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam và các môn khoa học pháp lý.
- Phát triển các kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề khoa học đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với việc nghiên cứu các môn khoa học pháp lý.
- Hình thành và phát triển các kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm.

- Phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình.

3.1.3 Thái độ

- Có ý thức bảo vệ, phổ biến những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác -Lênin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.
- Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
- Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên.
- Củng cố niềm tin vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 4. Học thuyết giá trị	I.A.1. Trình bày được một số khái niệm về sản xuất hàng hóa, hàng hóa, giá trị, giá cả, tiền tệ. I.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm, hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa, hai thuộc tính của hàng hóa, lượng giá trị của hàng hóa, các chức năng cơ bản của tiền tệ . I.A.3. Nhận diện được các khái niệm sản xuất hàng hóa, hàng hóa, tiền tệ; các thuộc tính cơ bản của hàng hóa, các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa .	I.B.1. Hiểu được khái niệm về sản xuất hàng hóa, giá trị, giá cả, tiền tệ. I.B.2. Phân tích được khái niệm, hai điều kiện ra đời của sản xuất hàng hóa, hai thuộc tính cơ bản của hàng hóa, lượng giá trị hàng hóa, các chức năng cơ bản của tiền tệ I.B.3. Lí giải khái niệm, sự ra đời của sản xuất hàng hóa, các nhân tố ảnh hưởng đến lượng giá trị của hàng hóa như thế nào? sự ra đời của tiền tệ.	I.C.1. So sánh được sự giống và khác nhau hai thuộc tính của hàng hóa, phân biệt được giá trị, giá cả, giá cả thị trường. I.C.2. Đánh giá được ưu thế của sản xuất hàng hóa, vai trò sự ra đời của tiền tệ. I.C.3. Vận dụng được tri thức đã học vào hoạt động kinh tế của thực tiễn. Hiểu được các biểu hiện liên quan đến hàng hóa, trao đổi trên thị trường trong đời sống kinh tế.
Chương 5. Học thuyết giá trị thặng dư	II.A.1. Trình bày được một số khái niệm về hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư, tư bản, tư bản bất biến, tư bản khả biến, giá trị mới, tiền công, tích lũy tư bản chủ nghĩa, tuần hoàn tư bản, chu chuyển tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay... II.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, các nội dung liên quan đến hàng hóa sức lao động (điều kiện để sức lao động trở thành hàng hóa, hai thuộc tính), về tiền công, quá trình lưu thông của tư bản, về tích lũy tư bản chủ nghĩa (thực chất, nguồn gốc, động cơ), hai	II.B.1. Hiểu được khái niệm và nội dung cơ bản về hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư, tư bản, quá trình lưu thông của tư bản, tích lũy tư bản chủ nghĩa, các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. II.B.2. Phân tích được khái niệm và nội dung cơ bản, nhất là về quá trình sản xuất giá trị thặng dư.	II.C.1. So sánh được sự giống và khác nhau giữa hàng hóa thông thường và hàng hóa sức lao động; So sánh các hình thức cơ bản của tiền công; So sánh phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối. II.C.2. Đánh giá được vai trò của hàng hóa sức lao động trong quá trình sản xuất giá trị thặng dư;

	phương pháp sản xuất giá trị thặng dư, kết cấu giá trị của một hàng hóa, các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. II.A.3. Nhận diện được khái niệm về hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư, tư bản, tiền công, các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư, các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.	II.B.3. Lí giải khái niệm về hàng hóa sức lao động, giá trị thặng dư, tiền công, tích lũy tư bản chủ nghĩa, các hình thái biểu hiện của giá trị thặng dư.	Đánh giá được việc bóc lột giá trị thặng dư của nhà tư bản được biến tướng bởi nhiều hình thức khác nhau. II.C.3. Vận dụng được tri thức đã học để hiểu hơn bản chất của nhà tư bản trong sản xuất kinh doanh để thu được giá trị thặng dư và hiểu hơn đời sống của người lao động. Từ đó vận dụng vào hoạt động kinh tế thực tiễn.
Chương 6. Học thuyết kinh tế về Chủ nghĩa tư bản độc quyền và Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước	III.A.1. Trình bày được một số khái niệm và nguyên nhân ra đời của chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; Các đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền, bản chất và những biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước; Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản. III.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, bản chất và các đặc điểm cơ bản nhất của chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. III.A.3. Nhận diện được các đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền và các biểu hiện mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.	III.B.1. Hiểu được khái niệm chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, tư bản tài chính, xuất khẩu tư bản... III.B.2. Phân tích được khái niệm, các đặc điểm kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản độc quyền; Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản. III.B.3. Lí giải khái niệm, bản chất của chủ nghĩa tư bản và những biểu hiện của nó qua các giai đoạn.	III.C.1. So sánh được chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. III.C.2. Đánh giá được vai trò, hạn chế của chủ nghĩa tư bản. III.C.3. Vận dụng được tri thức đã học vào hoạt động thực tiễn.
Chương 7. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã	VII.A.1. Trình bày được khái niệm giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, khái niệm cách mạng xã hội chủ nghĩa, những	VII.B.1. Hiểu những nội dung cơ bản sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, nội dung cách mạng xã hội	VII.C.1. So sánh sứ mệnh lịch sử của GCCN với sứ mệnh của các giai cấp trong lịch sử như: chủ nô, địa chủ phong kiến, tư

hội chủ nghĩa.	nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, những nội dung của liên minh công-nông-trí… VII.A.2. - Ghi nhớ những điều kiện khách quan, nhân tố chủ quan và vai trò của Đảng Cộng sản trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN. - Ghi nhớ nguyên nhân, mục tiêu, động lực của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. - Ghi nhớ tính tất yếu và những nguyên tắc cơ bản của liên minh công-nông-trí trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. - Ghi nhớ các giai đọan của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. VII.A.3. Nhận diện được lực lượng duy nhất có sứ mệnh lãnh đạo cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa chính là giai cấp công nhân và để tiến lên chủ nghĩa xã hội GCCN phải liên minh với các giai tầng khác trong xã hội.	chủ nghĩa, nội dung của liên minh công- nông-trí. VII.B.2. Phân tích tính tất yếu và quy luật hình thành, phát triển chính đảng của GCCN; mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản và GCCN; phân tích được mục tiêu và động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa, những đặc trưng cơ bản của các giai đoạn trong hình thái kinh tế - xã hội CSCN. VII.B.3. Lý giải được vì sao GCCN là giai cấp cách mạng nhất, triệt để nhất, có tinh thần quốc tế nhất…	sản; so sánh đặc trưng cơ bản của các giai đoạn trong hình thái kinh tế - xã hội CSCN. VII.C.2. Đánh giá được vai trò của GCCN trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa, CSCN. VII.C.3. Vận dụng được những tri thức đã học góp phần vào trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.
Chương 8. Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.	VIII.A.1. Trình bày được các khái niệm Nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, văn hóa XHCN, dân tộc, tôn giáo. VIII.A.2. Ghi nhớ đặc trưng cơ bản của nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, văn hóa XHCN, các nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong CNXH, nội dung cương lính dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin… VIII.A.3. Nhận diện được tính tất yếu của việc xây dựng nền DC XHCN, xây dựng Nhà nước XHCN, xây dựng nền văn hóa XHCN, các nguyên tắc cơ bản trong quá trình giải quyết vấn đề dân tộc và tôn giáo.	VIII.B.1. Hiểu được bản chất của nền DC XHCN, phương thức xây dựng nền văn hóa XHCN, các xu hướng phát triển của dân tộc, vấn đề dân tộc trong xây dựng CNXH… VIII.B.2. Phân tích được những đặc trưng cơ bản của Nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, văn hóa XHCN, dân tộc, tôn giáo. VIII.B.3. Lý giải được vì sao trong tiến trình cách mạng XHCN phải thiết lập được Nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, văn hóa XHCN; lý giải được trong quá trình xây	VIII.C.1. So sánh được bản chất Nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, văn hóa XHCN với các nền dân chủ, Nhà nước, nền văn hóa trong lịch sử. VIII.C.3. Đánh giá được tính ưu việt của việc xây dựng Nền dân chủ XHCN, Nhà nước XHCN, văn hóa XHCN; đánh giá được tính khoa học và cách mạng của Cương lĩnh dân tộc. VIII.C.3. Vận dụng những kiến thức đã học góp phần nâng cao nhận thức của người học vào việc xây dựng Nhà nước XHCN, văn hóa XHCN và có thể giải quyết một số vấn đề về tôn giáo, dân

		dựng CNXH tôn giáo vẫn tồn tại.	tộc trong thực tiễn.
Chương 9. Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.	IX.A.1. Trình bày được khái niện CNXH hiện thực, sự ra đời của CNXH hiện thực. IX.A.2. Ghi nhớ mô hình CNXH hiện thực đầu tiên trên thế giới, những thành tựu của CNXH hiện thực. IX.A.3. Nhận diện sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết và nguyên nhân của nó; nhận diện CNTB không phải là tương lai của xã hội loài người.	IX.B.1. Hiểu sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình CNXH Xô Viết và nguyên nhân của nó; hiểu được CNXH là tương lai của xã hội loài người. IX.B.2. Phân tích được sự khủng hoảng và nguyên nhân sâu xa, chủ yếu, trực tiếp dẫn đến sự khủng hoảng đó. IX.B.3. Lý giải được vì sao CNXH thế kỷ XX lại lâm vào khủng hoảng và sụp đổ. Lý giải được CNXH nhất định là xã hội tương lai của loài người.	IX.C.1. So sánh được quá trình cải cách, mở cửa, đổi mới ở các nước XHCN còn lại với những năm đầu của quá trình xây dựng CNXH ở Liên Xô (1921 – 1924). So sánh để thấy được điểm giống nhau của chính sách kinh tế mới(Nep) với những lý luận cơ bản của công cuộc xây dựng CNXH ở các nước XHCN hiện nay. IX.C.2. Đánh giá được triển vọng của CNXH, đặc biệt là trào lưu CNXH thế kỷ XXI ở khu vực Mỹ Latinh. IX.C.3. Vận dụng những kiến thức đã học sinh viên có thể tin tưởng vào công cuộc xây dựng CNXH ở nước ta hiện nay và triển vọng của CNXH trên phạm vi toàn thế giới.

4. Tài liệu học tập:

[1]. TS. Nguyễn Viết Thông, TS. Phạm Văn Sinh, GS. TS.Phạm Quang Phan, PGS. TS.Vũ Tình, PGS. TS.Đoàn Đức Hiếu, PGS. TS. Đào Phương Liên, TS.Dương Văn Duyên, TS. Trần Hùng (2009) - *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin* – NXBCTQG, HÀ NỘI

5. Tài liệu tham khảo:

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có): Không

6.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có): Không.

6.4. Phần khác (nếu có): Không.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 4. Học thuyết giá trị **Nội dung:**	LT: 8 tiết	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.1. Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa 4.2. Hàng hóa 4.3. Tiền tệ 4.4. Quy luật giá trị Câu hỏi ôn tập và bài tập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu. - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.		
	Chương 5. Học thuyết giá trị thặng dư 5.1. Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản 5.2. Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản 5.3. Tiền công trong chủ nghĩa tư bản 5.4. Sự chuyển hóa của giá trị thặng dư thành tư bản – Tích lũy tư bản 5.5. Quá trình lưu thông của tư bản và giá trị thặng dư 5.6. Các hình thái của tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư Câu hỏi ôn tập và bài tập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.	LT: 10 tiết	[1]
	Chương 6. Học thuyết kinh tế về Chủ nghĩa tư bản độc quyền và Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.1. Chủ nghĩa tư bản độc quyền 6.2. Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước 6.3. Vai trò, hạn chế và xu hướng vận động của chủ nghĩa tư bản Câu hỏi ôn tập và bài tập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 4.5 tiết	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.		
	Chương 7. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.1 Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 7.2 Cách mạng xã hội chủ nghĩa 7.3 Hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.		
	Chương 8. Một số vấn đề chính trị xã hội mang tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa 8.1 Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 8.2 Xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa 8.3 Giải quyết vấn đề dân tộc, tôn giáo. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.		
	Chương 9. Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng 9.1 Chủ nghĩa xã hội hiện thực 9.2 Sự khủng hoảng, sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô Viết và nguyên nhân của nó 9.3 Triển vọng của chủ nghĩa xã hội **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

(Trọng số điểm bộ phận <=40%; Hiện nay từ 10-15%; Còn lại là trọng số thi=100-Trọng số bộ phận)

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	7%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá:

(Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên, nên đảm bảo mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)

- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
		Nguyễn Bảo Lâm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
Mã học phần: ML211002

1. Thông tin chung học phần và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5 (23 tiết lý thuyết); Số tín chỉ thực hành: 0,5 (07 tiết thảo luận).

Trình độ: Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Loại môn học: Bắt buộc.

Học phần học tiên quyết: Nguyên lý cơ bản 2.

Giảng viên giảng dạy:

Stt	Họ và tên	Học hàm, học vị, đơn vị	Điện thoại, Email
1	Nguyễn Minh Hải	Thạc sĩ; Khoa Lý luận chính trị	0987.504.608; nmhaivn79@gmail.com
2	Lại Thị Ngọc Hạnh	Thạc sĩ; Khoa Lý luận chính trị	0984.949.906; hanh84dhtn@gmail.com
3	Nguyễn Thị Khuyên	Thạc sĩ; Khoa Lý luận chính trị	0984.949.906; nguyenthikhuyen82@gmail.com
4	Trần Minh Tâm	Cử nhân; Khoa Lý luận chính trị	0975.007.768; minhtam_tran86@yahoo.com.vn
5	Phạm Hoài Phương	Thạc sĩ; Khoa Lý luận chính trị	01689.226.557; phamhoaiphuong.mk@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là một trong ba học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị (Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam). Cùng với Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và dân tộc Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản thuộc nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh với tư cách là một khoa học, là hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, bao gồm:

- Khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở hình thành; quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc.
- Tư tưởng về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- Tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.
- Tư tưởng về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Tư tưởng về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

3. Mục tiêu của học phần

3.1. Mục tiêu chung:

*** Kiến thức:**

Hiểu được một cách có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam.

*** Kỹ năng:**

- Hình thành kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát vấn đề.
- Hình thành kỹ năng vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích, lý giải các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới.
- Hình thành kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các quan điểm lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.
- Hình thành kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề lý luận và thực tiễn.

*** Thái độ:**

- Xây dựng và củng cố niềm tin của sinh viên vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Nâng cao lòng tự hào, tự tôn dân tộc, niềm kính yêu với lãnh tụ cách mạng, danh nhân văn hóa Hồ Chí Minh.
- Xác lập ý thức trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội.
- Hòa đồng, khoan dung, tôn trọng các giá trị khác biệt.
- Tích cực, chủ động tham gia các hoạt động học tập, hoạt động xã hội phù hợp với năng lực và vị trí của bản thân.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / **Chương**	**Bậc 1** *(ghi nhớ)*	**Bậc 2** *(hiểu, phân tích)*	**Bậc 3** *(đánh giá, vận dụng)*
Chương mở đầu	1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Nêu lên hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh (những nội dung cơ bản). 3. Ghi nhớ đối tượng, nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.	1. Phân tích nội hàm khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Lý giải được mối quan hệ giữa môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh với môn học Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin và môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. 3. Hiểu cơ sở phương pháp luận và các phương pháp cụ thể nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh.	1. Đánh giá tác dụng của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên.
Chương 1	1. Ghi nhớ cơ sở khách quan và nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Trình bày 5 thời kỳ hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh (những nội dung cơ bản).	1. Phân tích các yếu tố dân tộc và thời đại tác động đến việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Phân tích vai trò của nhân tố chủ quan đối với sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. 3. Hiểu cơ sở phân chia thời kỳ và logic hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	1. Đánh giá những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam và nhân loại.
Chương 2	1. Trình bày hệ thống quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc. 2. Trình bày hệ thống quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.	1. Phân tích những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc. 2. Phân tích những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc.	1. Đánh giá những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc. 2. So sánh con đường cứu nước của Hồ Chí Minh với con đường cứu nước của những nhà yêu nước Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.
Chương 3	1. Ghi nhớ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh về	1. Phân tích những đóng góp về lý luận và thực tiễn	1. Đánh giá những giá trị của tư tưởng Hồ Chí

	chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam. 2. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 3. Nêu lên quan niệm của Hồ Chí Minh về đặc trưng bản chất tổng quát của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 4. Chỉ ra các mục tiêu và động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo quan điểm của Hồ Chí Minh. 5. Trình bày các quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đặc điểm, nhiệm vụ, nội dung xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ quá độ. 6. Nêu lên những chỉ dẫn có tính định hướng của Hồ Chí Minh về nguyên tắc, bước đi, biện pháp xây dựng CNXH ở nước ta trong thời kỳ quá độ.	của Hồ Chí Minh trong việc giải quyết vấn đề chủ nghĩa xã hội và xây dựng nghĩa xã hội ở Việt Nam. 2. Hiểu được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam trong *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)"*.	Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội đối với công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay.
Chương 4	1. Ghi nhớ quan điểm của Hồ Chí Minh về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. 2. Trình bày quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam. 3. Nêu lên quan niệm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền. 4. Trình bày 4 nội dung công tác xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	1. Phân tích những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam.	1. Đánh giá những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam đối với công tác xây dựng Đảng hiện nay. 2. Liên hệ tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.
Chương 5	1. Trình bày các quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc. 2. Khái quát các quan điểm cơ bản của Hồ Chí	1. Phân tích những sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.	1. Đánh giá những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế. 2. Liên hệ tư tưởng Hồ

	Minh về đoàn kết quốc tế.		Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc với việc xây dựng khối đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay.
Chương 6	1. Trình bày quan niệm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân. 2. Trình bày quan điểm Hồ Chí Minh về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của nhà nước. 3. Trình bày quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền trong sạch, hoạt động có hiệu quả.	1. Phân tích những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. 2. Phân biệt bản chất của Đảng và bản chất của Nhà nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh. 3. Lý giải quan điểm của Hồ Chí Minh về sự kết hợp giữa pháp luật và đạo đức trong quản lý xã hội.	1. Đánh giá những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay. 2. Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, liên hệ với trách nhiệm công dân trong việc xây dựng nhà nước hiện nay.
Chương 7	1. Nêu lên định nghĩa về văn hóa và quan điểm xây dựng nền văn hóa mới của Hồ Chí Minh. 2. Trình bày quan điểm của Hồ Chí Minh về các vấn đề chung của văn hóa và một số lĩnh vực chính của văn hóa. 3. Trình bày nội dung cơ bản của Hồ Chí Minh về đạo đức. 4. Trình bày các quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới.	1. Phân tích những đóng góp về lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh trong lĩnh vực văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.	1. Đánh giá nhưng giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. 2. Liên hệ tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới với việc rèn luyện năng lực và phẩm chất cá nhân.

4. Tài liệu học tập

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tái bản có sửa chữa)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Tài liệu tham khảo

[2] Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn các giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2006), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3] Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh - Nhà tư tưởng lỗi lạc,* Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

[4] Võ Nguyên Giáp (chủ biên, 2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập,15 tập,* Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[6] CD-ROM *Hồ Chí Minh Toàn tập* (xuất bản lần thứ 3, 2012), Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị tài liệu, đọc tài liệu, xây dựng đề cương, nêu câu hỏi.
- Hoàn thành bài kiểm tra một tiết.
- Hoàn thành các yêu cầu học tập giảng viên giao.
- Thực hiện nghiêm túc qui chế học tập.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương mở đầu**. **Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh** **Nội dung:** I. Đối tượng nghiên cứu 1. Khái niệm tư tưởng và tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Mối quan hệ giữa môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam II. Phương pháp nghiên cứu 1. Cơ sở phương pháp luận 2. Các phương pháp cụ thể III. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên 1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác 2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề. - Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường.	LT: 02 tiết TL: 0 tiết	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương mở đầu)
	Chương I. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh **Nội dung:** I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Cơ sở khách quan 2. Nhân tố chủ quan II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Thời kỳ trước năm 1911 2. Thời kỳ 1911 - 1920 3. Thời kỳ 1921 - 1930 4. Thời kỳ 1930 - 1945 5. Thời kỳ 1945 - 1969 I. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển thế giới **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề.	LT: 03 tiết TL: 01 tiết	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương I)

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… - Thảo luận nhóm: giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. - Báo cáo của nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường		
2	**Chương II: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc** I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc 1. Vấn đề dân tộc thuộc địa 2. Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc 1. Tính chất, nhiệm vụ và mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc 2. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 3. Cách mạng giải phóng dân tộc trong thời đại mới phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo 4. Lực lượng của cách mạng giải phóng dân tộc bao gồm toàn dân tộc 5. Cách mạng giải phóng dân tộc cần được tiến hành chủ động, sáng tạo và có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc 6. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng con đường cách mạng bạo lực **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề. - Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… - Thảo luận nhóm: Chủ đề thảo luận (chọn 1 trong 2 chủ đề): 1. Những luận điểm sáng tạo của Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc 2. Tính đúng đắn, sáng tạo của con đường cách mạng vô sản mà Hồ Chí Minh đã tìm ra cho cách mạng Việt Nam **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. - Báo cáo của nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 03 tiết TL: 01 tiết	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương II)
	Chương III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	LT: 03 tiết TL: 01 tiết	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3. Mục tiêu, động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam II. Con đường, biện pháp quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 1. Đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 2. Nguyên tắc, bước đi, biện pháp thực hiện trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề. - Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… - Thảo luận nhóm: Chủ đề thảo luận: Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. - Báo cáo của nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường		(Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương III)
3	**Chương IV. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam** I. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò, bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam 4. Quan niệm về Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh 1. Xây dựng Đảng - quy luật tồn tại và phát triển của Đảng 2. Nội dung công tác xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề. - Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… - Thảo luận nhóm: Chủ đề thảo luận: 1. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn cách mạng hiện nay. 2. Phấn đấu trở thành Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. - Báo cáo của nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 03 tiết TL: 01 tiết	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương IV)
	Chương V. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế	LT: 03 tiết TL: 01 tiết	[1] Giáo

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	I. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 2. Lực lượng đại đoàn kết dân tộc 3. Hình thức tổ chức khối đại đoàn kết dân tộc II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 1. Vai trò của đoàn kết quốc tế 2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức 3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề. - Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… - Thảo luận nhóm: Chủ đề thảo luận: Xây dựng, củng cố khối đoàn kết dân tộc ở Tây Nguyên hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. - Báo cáo của nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường		trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương V)
4	**Chương VI. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân** I. Xây dựng Nhà nước thể hiện quyền là chủ và làm chủ của nhân dân 1. Nhà nước của dân 2. Nhà nước do dân 3. Nhà nước vì dân II. Quan điểm về sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước 1. Về bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước 2. Bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc của Nhà nước III. Xây dựng Nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ 1. Xây dựng một nhà nước hợp pháp, hợp hiến 2. Hoạt động quản lý nhà nước bằng Hiến pháp, pháp luật và chú trọng đưa pháp luật vào cuộc sống IV. Xây dựng Nhà nước trong sạch, hoạt động có hiệu quả 1. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đủ đức và tài 2. Đề phòng và khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước 3. Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề. - Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… - Thảo luận nhóm: Chủ đề thảo luận: Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh.	LT: 03 tiết TL: 01 tiết	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương VI)

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. - Báo cáo của nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương VII. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới **Nội dung:** I. Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về văn hóa 1. Định nghĩa về văn hóa và quan điểm về xây dựng nền văn hóa mới 2. Quan điểm về các vấn đề chung của văn hóa 3. Quan điểm về một số lĩnh vực chính của văn hóa II. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 1. Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 2. Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh III. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới 1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 2. Quan điểm về vai trò của con người và chiến lược "trồng người" **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên thuyết trình kết hợp nêu vấn đề. - Sử dụng máy chiếu, phấn, bảng,… - Thảo luận nhóm: Chủ đề thảo luận: Sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, chuẩn bị đề cương bài học. - Nghe, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Chuẩn bị đề cương thảo luận, trả lời câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Thái độ tích cực tham gia của sinh viên trong giờ học. - Đề cương bài học, câu trả lời trực tiếp của sinh viên. - Báo cáo của nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 03 tiết TL: 01 tiết	[1] Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương VII)

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm:

- Điểm đánh giá bộ phận: 10%
- Điểm thi kết thúc học phần: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận:

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2,5%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Tỷ lệ
2	Bài thảo luận	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với nhau. Phương pháp đánh giá thông qua đề cương thảo luận chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2,5%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra một tiết (tự luận).	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

Phương pháp, hình thức thi: Bài thi tự luận, thời gian làm bài 90 phút, nội dung gồm hai câu hỏi tự luận, mỗi câu 5 điểm.

Tiêu chí đánh giá:

+ *Tiêu chí 1:* Xác định đúng vấn đề cần phải giải quyết.

+ *Tiêu chí 2:* Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy lý luận tốt.

+ *Tiêu chí 3:* Có sử dụng các tài liệu, phương pháp nghiên cứu do giảng viên hướng dẫn.

+ *Tiêu chí 4:* Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, độ dài từ 04 đến 05 trang khổ A4.

Biểu điểm trên cơ sở mức độ đạt 4 tiêu chí:

Điểm	Tiêu chí
8,5 - 10	- Đạt cả 4 tiêu chí.
7,0 - 8,4	- Đạt 2 tiêu chí đầu. - Tiêu chí 3: có sử dụng các tài liệu, song chưa đầy đủ, sâu sắc, chưa có bình luận. - Tiêu chí 4: còn mắc vài lỗi nhỏ.
4,0 - 6,9	- Đạt tiêu chí 1. - Tiêu chí 2: sức thuyết phục của các luận cứ, luận chứng chưa thật cao, vấn đề chưa được giải quyết trọn vẹn. - Tiêu chí 3, 4: còn mắc một vài lỗi nhỏ.
Dưới 4,0	- Không đạt cả 4 tiêu chí.

Ngày 20 tháng 02 năm 2017

Trưởng khoa **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Mã học phần: ML211003

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thảo luận: 1
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần: Học phần tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976;
Email: Tinhtnulsd@gmail.com
Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145;
Email: khactrinhdhtn@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về quá trình lãnh đạo và chỉ đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

- Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.
- Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng. Trong đó, đặc biệt làm rõ đường lối của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản của thời kỳ đổi mới.
- Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trên một số lĩnh vực cơ bản trong tiến trình cách mạng Việt Nam.

3.1.2 Kỹ năng:

- Sinh viên có cơ sở vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

3.1.3 Thái độ:

- Bồi dưỡng cho sinh viên có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương mở đầu	Mục đích, nội dung, phương pháp học môn học	Đảng cầm quyền	Các bài học tiếp theo của môn học
Chương I	Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sự ra đời của Đảng là lựa chọn của chính lịch sử	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên
Chương II	Quá trình lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng chuẩn bị lực lượng cách mạng trong 15 năm để làm nên cách mạng tháng Tám năm 1945	Đảng là nhân tố quyết định thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên
Chương III	Quá trình lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng chuẩn bị lực lượng cách mạng trong 9 năm để làm	Đảng là nhân tố quyết định thành công của cuộc kháng chiến	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên

	nên thắng lợi Điện Biên Phủ năm 1954 và 21 để làm nên Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975	chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ	
Chương IV	Quá trình lãnh đạo và chỉ đạo sự nghiệp công nghiệp hóa ở Việt Nam	Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa ở Việt Nam	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên
Chương V	Quá trình lãnh đạo và chỉ đạo sự nghiệp xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Đảng là nhân tố quyết định thành công xây dựng định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên
Chương VI	Quá trình lãnh đạo và chỉ đạo xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam	Đảng là nhân tố quyết định thành công xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên
Chương VII	Quá trình lãnh đạo và chỉ đạo sự nghiệp văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam	Đảng là nhân tố quyết định thành công xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc và giải quyết các vấn đề xã hội	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên
Chương VIII	Quá trình lãnh đạo và chỉ đạo sự nghiệp đối ngoại ở Việt Nam	Đảng là nhân tố quyết định thành công công tác đối ngoại hiện nay	Trong học tập và cuộc sống của sinh viên

4. Tài liệu học tập:

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Chương trình môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Ban hành theo Quyết định số 52 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).*

[2]. Bộ giáo dục và Đào tạo (2015), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh),* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

5. Tài liệu tham khảo:

[3]. Nguyễn Viết Thông (2015), *Ngân hàng câu hỏi thi, kiểm tra môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam (Dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ thi, kiểm tra cho các trường đại học, cao đẳng)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2005), *Tập mô hình hóa kiến thức cơ bản của giáo trình các bộ môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh tập II*, Hà Nội.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *CD-Rom Văn kiện Đảng toàn tập (Tập 1-54),* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Học ở lớp ít nhất 30 tiết
- Chuẩn bị thảo luận và tham dự thảo luận 15 tiết
- Hoàn thành các bài tập hoặc bài kiểm tra ở lớp hoặc ở nhà

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành: không có

6.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: không có

6.4. Phần khác: có thể tổ chức tham quan thực tế các di tích lịch sử

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	***Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*** **Nội dung:** I. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Nhiệm vụ nghiên cứu II. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập môn học 1. Phương pháp nghiên cứu 2. Ý nghĩa của việc học tập môn học **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Học môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam để làm gì? **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học	LT: 1 tiết BT: 0,5 tiết TL: 0,5 tiết	[1]; [2] Chương mở đầu
2	***Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng*** **Nội dung:** I. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Hoàn cảnh quốc tế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 2. Hoàn cảnh trong nước II. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam 3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Tại sao nói: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là tất yếu lịch sử? **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp	LT: 5 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1]; [2]; Chương I

	- Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học		
3	***Chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)*** **Nội dung:** I. Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939 1. Trong những năm 1930-1935 2. Trong những năm 1936-1939 II. Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến năm 1945 1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng 2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Quá trình tạo và chớp thời cơ cho cách mạng tháng Tám năm 1945. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học	LT: 3 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1]; [2]; Chương II
4-5	***Chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975)*** **Nội dung:** I. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954) 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm II. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thống nhất tổ quốc (1954-1975) 1. Đường lối trong giai đoạn 1954-1964 2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975 3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi của cả hai cuộc cách mạng được tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ với nhau. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp	LT: 8 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1]; [2]; Chương III

	- Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học		
6	***Chương IV: Đường lối công nghiệp hoá*** **Nội dung:** I. Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới 1. Mục tiêu và phương hướng công nghiệp hóa 2. Đánh giá sự thực hiện đường lối công nghiệp hóa II. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới 1. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa 2. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa 3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức 4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. Liên hệ với thực tiễn hiện nay. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học	LT: 2 tiết BT: 0,5 tiết TL: 0,5 tiết	[1]; [2]; Chương IV
7	***Chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*** **Nội dung:** I. Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường 1. Cơ chế quản lý kinh tế thời kỳ trước đổi mới 2. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới II. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nội dung cơ bản của định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam thời kỳ đổi mới. Liên hệ với thực tiễn hiện nay. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1]; [2]; Chương V

8	***Chương VI: Đường lối xây dựng hệ thống chính trị*** **Nội dung:** I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới (1945-1985) 1. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954) 2. Hệ thống dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản (1954-1975) 3. Hệ thống chuyên chính vô sản theo tư tưởng làm chủ tập thể (1975-1985) I. Đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị 2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Cấu trúc, chức năng của hệ thống chính trị ở Việt Nam. Liên hệ tỉnh Đắk Lắk và Trường Đại học Tây Nguyên **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học	LT: 3 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1]; [2]; Chương VI
9	***Chương VII: Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội*** **Nội dung:** I. Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa 1. Thời kỳ trước đổi mới 2. Trong thời kỳ đổi mới II. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội 1. Thời kỳ trước đổi mới 2. Trong thời kỳ đổi mới **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Giáo dục và Đào tạo và Khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu. Liên hệ thực tiễn hiện nay. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học	LT: 4 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1]; [2]; Chương VII
10	***Chương VIII: Đường lối đối ngoại*** **Nội dung:** I. Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986	LT: 2 tiết BT: 0,5 tiết TL: 0,5 tiết	[1]; [2]; Chương VIII

	1. Hoàn cảnh lịch sử 2. Nội dung đường lối đối ngoại của Đảng 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân II. Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối 2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế 3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Tại sao phải nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. Liên hệ với thực tiễn hiện nay. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghiên cứu tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu trả lời cho các bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường học		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3,3%
2	Thảo luận	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	3,3%
3	Bài kiểm tra	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm hoặc vấn đáp.	3,4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	**10%**

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận hoặc thi vấn đáp
- Thời gian: 90 phút (Tự luận)

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TÂM LÍ HỌC GIÁO DỤC
Mã học phần: SP 211023

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ:03 Số tín chỉ lý thuyết:03 ; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: 0
Học phần học trước: 0
Học phần tiên quyết: 0
Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1:
Họ và tên: ThS. Vũ Thị Vân ;Số điện thoại: 093 2352362;
Email: vanvt.dhtn@gmail.com

Giảng viên 2:
Họ và tên: ThS. Nguyễn Thị Hoài.;Số điện thoại: 090 5234816;
Email: hoaihuehao@gmail.com

Giảng viên 3:
Họ và tên: ThS. Vũ Trọng Hào; Số điện thoại: 093 5295166;
Email: phuonglinhbaohuy@gmail.com

Giảng viên 4:
Họ và tên: CN. Lê Thị Thảo Nguyên; Số điện thoại: 0165 5527707;
Email: thaonguyen.le1206@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

- Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học.
- Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lí con người, các qui luật tâm lí của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lí của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất.
- Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lí học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lí học cũng như các khoa học khác.
- Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lí học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm.
- Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp.
- Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

- Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lí học, tâm lí học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm: Thuật ngữ chuyên ngành, bản chất tâm lí người, sự phát triển của tâm lí người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên.
- Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lí học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.

3.1.2 Kỹ năng:

- Biết vận dụng kiến thức tâm lí học để hình thành kỹ năng đánh giá bản thân, tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của chính mình để học tập tốt hơn và ra trường thích ứng nghề nghiệp nhanh hơn.

- Có kỹ năng đánh giá người khác để giúp họ hoàn thiện bản thân

- Có khả năng tự hoàn thiện bản thân theo yêu cầu của xã hội.

- Hình thành kỹ năng giao tiếp ở người học.

- Biết vận dụng kiến thức tâm lí học vào từng ngành nghề cụ thể.

- Kỹ năng trình bày và chia sẻ thông tin với người khác.

- Có kỹ năng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu của xã hội.

- Biết dựa vào những kiến thức tâm lý để giao tiếp, dạy học, giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh các lứa tuổi.

- Có kỹ năng làm chủ xúc cảm bản thân để ứng xử khéo léo, tế nhị với học sinh, với đồng nghiệp và tất cả nhân dân trong cộng đồng.

3.1.3 Thái độ:

- Có hứng thú với môn học, biết tôn trọng, đối xử công bằng với bạn bè và mọi tầng lớp trong xã hội.

- Có lối sống tích cực, thể hiện lòng nhân ái, có lòng tự trọng.

- Có lòng yêu nghề, yêu quí học sinh, đối xử công bằng, phù hợp với học sinh.

- Có lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ, tận tuy với nghề, được học sinh, đồng nghiệp, nhân dân yêu thương, tôn trọng, quí mến.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	**Bậc 1**	**Bậc 2**	**Bậc 3**
Chương I **TÂM LÍ HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC**	I.A.1. Trình bày được các vấn đề liên quan đến khoa học tâm lí như: Quan niệm, lịch sử hình thành, phát triển, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, các giai đoạn lứa tuổi của con người. I.A.2. Ghi nhớ được quan niệm về tâm lí học, bản chất của tâm lí người I.A.3.Nhận diện được các giai đoạn lứa tuổi của con người.	I.B.1. Hiểu được quan niệm về tâm lí học, bản chất của tâm lí người, khái niệm giai đoạn lứa tuổi. I.B.2. Phân tích được bản chất của tâm lí người I.B.3. Lý giải được mối quan hệ giữa não và tâm lí, tâm lí người mang tính chủ thể, bản chất xã hội của tâm lí người.	I.C.1. So sánh các góc độ khác nhau quan niệm về tâm lí học để phân biệt các hiện tượng tâm lí. I.C.2. Đánh giá được vị trí, vai trò của khoa học tâm lí trong hoạt động sư phạm và trong cuộc sống I.C.3. Vận dụng tri thức về bản chất của tâm lí người để người giáo viên biết giáo dục học sinh biết bảo vệ bản thân, đánh giá học sinh một cách khách quan, cách thức hình thành hay xóa bỏ những đặc điểm tâm lí cần thiết.
Chương II **HOẠT ĐỘNG – GIAO TIẾP – GIAO TIẾP SƯ PHẠM**	II.A.1. Trình bày được khái niệm hoạt động, giao tiếp, nhân cách, các vấn đề liên quan đến các khái niệm trên, hoạt động chủ đạo của các	II.B.1. Hiểu được bản chất hoạt động, giao tiếp, giao tiếp sư phạm, vai trò của chúng đối với hoạt động sư phạm.	II.C.1. So sánh được các quá trình hoạt động, ưu nhược điểm của các loại giao tiếp. II.C.2. Đánh giá được vai

	lứa tuổi, giao tiếp sư phạm, các vấn đề nhân cách liên quan đến các lứa tuổi II.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, vai trò của hoạt động và giao tiếp, khái niệm, nguyên tắc của giao tiếp sư phạm. II.A.3. Nhận diện được hoạt động, giao tiếp, mối quan hệ giữa hoạt động và giao tiếp, mục đích, của giao tiếp sư phạm.	II.B.2. Phân tích được hoạt động chủ đạo ở các giai đoạn lứa tuổi học sinh, chức năng của giao tiếp sư phạm. III. B.3. Lý giải được mối quan hệ giữa hoạt động và giao tiếp, vai trò hoạt động chủ đạo đối với công tác giáo dục học sinh.	trò của hoạt động, giao tiếp, giao tiếp sư phạm. III. C.3. Vận dụng được vai trò của hoạt động, giao tiếp, giao tiếp sư phạm vào rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên sư phạm, cung cấp tri thức cho sinh viên sư phạm khi đi kiến tập, thực tập biết cách giáo dục, ứng xử với học sinh cho phù hợp với lứa tuổi.
Chương III **HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC– HOẠT ĐỘNG NHẬN THỨC LỨA TUỔI HỌC SINH**	III. A.1. Trình bày được khái niệm, nhận thức cảm tính, nhận thức lí tính, trí nhớ và đặc điểm các hoạt động ở từng lứa tuổi học sinh. III. A.2. Ghi nhớ được khái niệm cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng, trí nhớ. III. A.3. Nhận diện được quá trình nhận thức ở các lứa tuổi học sinh.	III. B.1. Hiểu được quá trình nhận thức của con người nói chung, của các lứa tuổi học sinh để áp dụng các phương pháp dạy học và giáo dục hiệu quả. III.B.2. Phân tích được các qui luật của quá trình nhận thức, đặc điểm của quá trình tư duy, các quá trình của trí nhớ. III.B.3.Lý giải được khả năng nhận thức của con người nói chung, của học sinh ở các giai đoạn lứa tuổi nói riêng	III. C.1. So sánh được các quá trình nhận thức. III. C.2. Đánh giá được vai trò của các quá trình nhận thức đối với hoạt động của con người, đánh giá được các quá trình nhận thức ở lứa tuổi học sinh mà sinh viên sẽ dạy như: Mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học. III.C.3.Vận dụng kiến thức đã học để hiểu, biết ứng dụng các phương pháp dạy học, giáo dục cho phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh ở từng lứa tuổi.
Chương IV **MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NHÂN CÁCH VÀ NHÂN CÁCH LỨA TUỔI HỌC SINH**	IV. A.1. Trình bày được khái niệm nhân cách, cấu trúc nhân cách, các thuộc tính nhân cách, tình cảm, ý chí. IV. A.2. Ghi nhớ được khái niệm nhân cách, nhu cầu, tính cách, khí chất, năng lực, tình cảm, ý chí. IV. A.3. Nhận diện được các đặc điểm nhân cách ở các lứa tuổi học sinh khác nhau	IV. B.1. Hiểu được các vấn đề liên quan đến nhân cách con người như tính cách, khí chất, năng lực, tình cảm, ý chí, hành động… và các hiện tượng đó ở các giai đoạn lứa tuổi học sinh. IV. B.2. Phân tích được các thuộc tính của nhân cách. IV.B.3.Lý giải được các vấn đề nhân cách của học sinh ở các giai đoạn lứa tuổi.	IV.C.1. So sánh được phẩm chất và năng lực của nhân cách. IV. C.2. Đánh giá được nhân cách của học sinh ở lứa tuổi mà sinh viên sẽ giảng dạy sau này. IV.C.3. Vận dụng kiến thức về nhân cách để biết cách tự đánh giá bản thân, đánh giá học sinh sau này.
Chương V **TÂM LÍ HỌC NHÂN CÁCH NGƯỜI GIÁO VIÊN**	V. A.1. Trình bày được đặc điểm lao động, cấu trúc nhân cách, sự hình thành uy tín của người giáo viên. V. A.2. Ghi nhớ được các	V. B.1. Hiểu được đặc điểm lao động, cấu trúc nhân cách, sự hình thành uy tín của người giáo viên. V. B.2. Phân tích được các	V. C.1. So sánh được uy tín đích thực và uy tín giả tạo của người giáo viên. V.C.2.Đánh giá được bản chất hoạt động lao động,

	đặc điểm lao động, cấu trúc nhân cách của người giáo viên. V. A.3. Nhận diện được các đặc điểm lao động, phẩm chất, năng lực sư phạm, uy tín đích thực của người giáo viên.	đặc điểm lao động của người giáo viên. V.B.3. Lý giải được các phẩm chất, các năng lực mà người giáo viên cần có trong hoạt động sư phạm, tại sao giáo viên phải hình thành uy tín cho bản thân.	các phẩm chất và năng lực, uy tín đích thực của người giáo viên ở các cấp học. V. C.3. Vận dụng kiến thức vào việc rèn luyện các phẩm chất và năng lực mà người giáo viên cần có cho sinh viên sư phạm.

4. Tài liệu học tập:

[1] Vũ Thị Vân (hoặc Nguyễn Thị Hoài, Vũ Trọng Hào, Lê Thị Thảo Nguyên) (2017), *Đề cương bài giảng Tâm lí học giáo dục*, lưu hành nội bộ (Từ giảng viên).

[2] Nguyễn Quang Uẩn (1996), *Tâm lí học đại cương*, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội (Từ Thư viện Đại học Tây Nguyên).

[3] Lê Văn Hồng (2009), *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội (Từ Thư viện Đại học Tây Nguyên).

[4] Bùi Văn Huệ (2008), *Giáo trình Tâm lí học tiểu học*, nhà xuất bản Đại học Sư phạm (Từ Thư viện Đại học Tây Nguyên, từ giảng viên).

[5] Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2009), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, nhà xuất bản Đại học Sư phạm (Từ Thư viện Đại học Tây Nguyên, từ giảng viên).

[6] Nguyễn văn Lũy – Mai Quang Sơn (2014), *Giáo trình giao tiếp sư phạm*, nhà xuất bản Đại học sư phạm (Từ giảng viên).

5. Tài liệu tham khảo:

[7] Phạm Minh Hạc (2002), *Tuyển tập Tâm lí học*, nhà xuất bản giáo dục (Từ giảng viên).

[8] Huỳnh Văn Sơn (2010), *Những kiến thức cơ bản của Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, nhà xuất bản Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh (Từ giảng viên).

[9] Vũ Thị Nho (2003), *Tâm lí học phát triển*, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội (Từ giảng viên).

[10] Nguyễn Ngọc Bích (2000), *Tâm lí học nhân cách*, nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội (Từ giảng viên).

[11] Hoàng Oanh (2004), *Giáo trình tâm lí học giao tiếp*, nhà xuất bản Đại học sư phạm (Từ giảng viên).

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Không

6.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không

6.4. Phần khác: Không

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1-3	**Chương 1. Tâm lí học là một khoa học** **Nội dung:** 1.1. Quan niệm về tâm lí học 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học tâm lí 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lí 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của khoa học tâm lí	LT: 10 TL: 1	[1] chương1 [2] phần 1, chương 1 [3] chương 1, mục I [4] chương 1

	1.3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lí 1.4. Phương pháp nghiên cứu tâm lí học 1.5. Bản chất của tâm lí người 1.5.1. Tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan của não 1.5.2. Tâm lí người mang tính chủ thể 1.5.3. Tâm lí người mang bản chất xã hội – lịch sử 1.6. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người 1.6.1. Khái niệm về giai đoạn lứa tuổi 1.6.2. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày: 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6 - Thảo luận nhóm: Nội dung: Đặc điểm hoạt động chủ đạo **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu [1] [2] [3] [8], ghi chép, chuẩn bị vấn đề thảo luận để báo cáo. **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		[5] chương 1 [7] chương 1, chương 2.
4-5	**Chương 2. Hoạt động – Giao tiếp – Giao tiếp sư phạm** **Nội dung:** 2.1. Hoạt động 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Các quá trình hoạt động 2.1.3. Đặc điểm của hoạt động 2.1.4. Phân loại hoạt động 2.1.5. Vai trò của hoạt động đối với sự phát triển tâm lí 2.1.6. Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi mầm non, lứa tuổi tiểu học, lứa tuổi trung học cơ sở, lứa tuổi trung học phổ thông *** Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp** 2.2. Giao tiếp 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Phân loại giao tiếp 2.2.3. Vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển tâm lí 2.2.4. Đặc điểm giao tiếp của lứa tuổi mầm non, lứa tuổi tiểu học, lứa tuổi trung học cơ sở, lứa tuổi trung học phổ thông *** Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp** 2.3. Giao tiếp sư phạm 2.3.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm 2.3.2. Mục đích giao tiếp sư phạm 2.3.3. Kỹ năng giao tiếp sư phạm **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày: 2.1, 2.2, 2.3 - Thảo luận nhóm: Nội dung: Các phương tiện giao tiếp sư phạm **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu [1] [2] [6] [11], ghi chép, chuẩn bị vấn đề thảo luận để báo cáo. **Hình thức đánh giá:**	LT: 6 tiết TL:1 tiết	[1] chương2 [2] phần 1, chương 2 [3] chương 2,chương 3 [4] chương 2, chương 6 [5] phần II [6] phần I

	- Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
6-8	**Chương 3. Hoạt động nhận thức – Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh** **Nội dung:** 3.1. Hoạt động nhận thức 3.1.1. Nhận thức cảm tính 3.1.2. Nhận thức lí tính 3.1.3. Trí nhớ 3.2. Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi mầm non 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh tiểu học 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở 3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh trung học phổ thông *** Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày: 3.1, 3.2 - Thảo luận nhóm: Nội dung: Vai trò hoạt động nhận thức của lứa tuổi (mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học) đối với hoạt động học tập của học sinh (Tùy theo đối tượng giảng dạy, giảng viên lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp) **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu [1] [2] [3] [4], [5], [7], [8], [9], ghi chép, chuẩn bị vấn đề thảo luận để báo cáo. **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 11 tiết TL: 1 tiết	1] chương 3 [2] phần 2 [3] chương 3 [4] chương 4 [5] phần II
9-10	**Chương 4. Một số vấn đề về nhân cách và nhân cách lứa tuổi học sinh** **Nội dung:** 4.1. Những vấn đề chung về nhân cách 4.1.1. Khái niệm nhân cách 4.1.2. Cấu trúc nhân cách 4.1.3. Các thuộc tính của nhân cách 4.1.4. Mặt tình cảm và ý chí của nhân cách 4.2. Một số vấn đề về nhân cách lứa tuổi học sinh 4.2.1.Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi mầm non 4.2.1.Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi học sinh tiểu học 4.2.1.Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở 4.2.1.Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi trung học phổ thông *** Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày: 4.1, 4.2 - Thảo luận nhóm:	LT: 8 tiết TL: 1 tiết	[1] chương 4 [2] phần 3 [3] chương 2, chương 3 [4] chương 5 [5] phần II

	Nội dung: Vai trò của tình cảm ở lứa tuổi (mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở, phổ thông trung học) đối với việc giáo dục đạo đức cho học sinh (Tùy theo đối tượng giảng dạy, giảng viên lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp) **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu [1] [2] [3] [4], [5], [7], [8], [9], ghi chép, chuẩn bị vấn đề thảo luận để báo cáo. **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
11-12	**Chương 5. Tâm lí học nhân cách người giáo viên** **Nội dung:** 5.1. Đặc điểm lao động của người giáo viên 5.2. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên 5.3. Sự hình thành uy tín người giáo viên. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày: 4.1, 4.2 - Thảo luận nhóm: Nội dung: Một người giáo viên cần rèn luyện cho mình những phẩm chất và năng lực dạy học nào? **Yêu cầu sinh viên:** Đọc tài liệu [1] [3] [4],[8], ghi chép, chuẩn bị vấn đề thảo luận để báo cáo. **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 5 tiết TL: 1 tiết	[1] chương 5 [3] chương 6 [4] chương 8 [8] chương 6

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị thảo luận của sinh viên.Cụ thể: - Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần. - Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trên lớp như phát biểu, chuẩn bị thảo luận	1%
2	Bài tập cá nhân	Không	0%
3	Bài tập nhóm	Không	0%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Không Không	0%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, sinh viên tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của mình hiện nay, xác định	9%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		được biện pháp rèn luyện bản thân để trở thành người giáo viên trong tương lai sau khi kết thúc học phần. Phương pháp đánh giá: Kiểm tra tự luận	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Cụ thể:
  - Hiểu, nắm vững các vấn đề cơ bản về tâm lí con người, tâm lí lứa tuổi học sinh ở các cấp học mà sinh viên sẽ giảng dạy sau này.
  - Vận dụng những kiến thức tâm lí học vào việc học tập, rèn luyện và hoạt động sư phạm.
  - Bài thi kết thúc học phần đánh giá theo mức độ:
  - Bậc 1(A) 30%
  - Bậc 2 (B) 40%
  - Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày 12 tháng 01 năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn) | **Trưởng Bộ môn** | **Người biên soạn**

ThS. Nguyễn Thị Hoài

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIÁO DỤC HỌC PHỔ THÔNG
Mã học phần: SP211017

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1:

Họ và tên: Lê Quang Hùng; Số điện thoại: 0914.111.102; Email: Lqhung252@gmail.com

Giảng viên 2:

Họ và tên: Nguyễn Thị Ánh Mai; Số điện thoại: 0973.112.129; Email: nguyenanhmai07@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Nội dung của học phần gồm các khối kiến thức về: Giáo dục học là một khoa học, giáo dục và sự phát triển xã hội, giáo dục và sự phát triển nhân cách, mục đích và nguyên lý giáo dục, hệ thống giáo dục quốc dân; Quá trình dạy học, tính quy luật và nguyên tắc, nội dung, phương pháp và phương tiện, hình thức thức tổ chức dạy học, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập ở phổ thông; Quá trình giáo dục, nguyên tắc giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục ở phổ thông, môi trường giáo dục.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức

- Trình bày được các vấn đề chung về giáo dục học, Các phương pháp nghiên cứu giáo dục học; hệ thống khoa học giáo dục, mối quan hệ giữa khoa học giáo dục và các khoa học khác.
- Nắm được các chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với các vấn đề của xã hội; Những đặc điểm của xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục hiện nay; Xu thế và định hướng phát triển giáo dục thế kỷ XXI.
- Hiểu được bản chất của con người theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật biện chứng; Nắm rõ vai trò của yếu tố di truyền, môi trường, giáo dục, hoạt động cá nhân đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; Một số phẩm chất nhân cách truyền thống của người Việt Nam.
- Nắm được những đặc điểm của mục đích giáo dục, các cấp độ của mục đích giáo dục, những cơ sở để xây dựng mục đích giáo dục, mục đích giáo dục Việt Nam hiện nay; Nắm được các nhiệm vụ giáo dục giáo dục phổ thông.
- Nắm được nội dung, ý nghĩa, biện pháp thực hiện của từng con đường giáo dục cụ thể.
- Trình bày được bản chất, chức năng, động lực và các quy luật của quá trình dạy học.
- Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình dạy học.
- Xác định được tầm quan trọng, nguyên tắc xây dựng nội dung dạy học, kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa - tài liệu khác và xu thế đổi mới nội dung dạy học ở phổ thông.
- Xác định được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học ở phổ thông.
- Trình bày được bản chất, đặc điểm, động lực, tự giáo dục và giáo dục lại.
- Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của quá trình giáo dục.
- Nắm vững các nội dung giáo dục ở trường phổ thông.
- Xác định được các phương pháp giáo dục và cách vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục ở phổ thông.

3.1.2 Kỹ năng

- Bước đầu hình thành và rèn luyện kỹ năng dạy học và giáo dục, như:
- Phát triển và hoàn thiện các kỹ năng: nhận định, đánh giá, phân tích, tổng hợp, vận dụng tri thức, trình bày vấn đề.
- Soạn được giáo án chuyên môn.
- Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học qua các bài dạy, tiết dạy cụ thể.
- Biết lập kế hoạch chủ nhiệm, soạn được giáo án chủ nhiệm lớp.

- Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.

3.1.3 Thái độ

- Đánh giá đúng tầm quan trọng của mục đích giáo dục và việc nắm chắc mục đích giáo dục trong quá trình giáo dục học sinh.
- Có thái độ tích cực, tự giác và nghiêm túc trong việc tìm hiểu và nắm vững mục đích giáo dục của hệ thống giáo dục cũng như của cấp học mình sẽ giảng dạy.
- Hình thành thái độ đúng đắn đối với công tác dạy học và giáo dục học sinh.
- Hình thành lí tưởng, tình cảm nghề nghiệp.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIÁO DỤC HỌC	I.A.1. Trình bày I.A.2. Ghi nhớ I.A.3. Nhận diện …	I.B.1. Hiểu I.B.2. Phân tích I.B.2. Lý giải …	I.C.1. So sánh I.C.2. Đánh giá I.C.3. Vận dụng
Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC	A3 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.1.1. Bản chất, nguồn gốc của giáo dục 1.1.2. Tính chất của giáo dục 1.1.2.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng của giáo dục 1.1.2.2. Tính quy định của xã hội đối với giáo dục 1.1.2.3. Tính lịch sử của giáo dục 1.1.2.4. Tính giai cấp của giáo dục 1.1.2.5. Tính nhân văn, đại chúng, dân tộc và quốc tế 1.2. Giáo dục học là một khoa học 1.2.1. Khái quát lịch sử giáo dục học 1.2.2. Đối tượng và nhiệm vụ của giáo dục học 1.2.2.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học 1.2.2.2. Nhiệm vụ của giáo dục học 1.2.3. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học 1.2.3.1. Giáo dục theo nghĩa rộng 1.2.3.2. Giáo dục theo nghĩa hẹp	B2 1.2.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của giáo dục học 1.2.4.1. Phương pháp luận 1.2.4.2. Phương pháp cụ thể * Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết a) Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết * Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn a) Phương pháp quan sát b) Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi c) Phương pháp phỏng vấn d) Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục e) Phương pháp thực nghiệm sư phạm f) Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động sư phạm g) Phương pháp chuyên gia h) Phương pháp sử dụng toán thống kê	

	1.2.3.3. Dạy học A2 1.2.5. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của giáo dục học với một số khoa học khác 1.2.5.1. Hệ thống các khoa học về giáo dục 1.2.5.2. Mối quan hệ của giáo dục học với một số khoa học		
Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI	A3 2.1. Các chức năng xã hội của giáo dục 2.1.1. Chức năng kinh tế sản xuất 2.1.2. Chức năng chính trị- tư tưởng 2.1.3. Chức năng văn hóa-xã hội 2.2. Xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục 2.2.1. Đặc điểm của xã hội hiện đại 2.2.1.1. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ 2.2.1.2. Xu thế toàn cầu hóa 2.2.1.3. Phát triển nền kinh tế tri thức 2.2.2. Những thách thức đặt ra cho giáo dục 2.3. Xu thế phát triển giáo dục thế kỷ XXI và định hướng phát triển giáo dục 2.3.1. Xu thế phát triển giáo dục 2.3.1.1. Nhận thức giáo dục là sự nghiệp hàng đầu của mỗi quốc gia 2.3.1.2. Xã hội hóa giáo dục 2.3.1.3. giáo dục suốt đời 2.3.1.4. Áp dụng sáng tạo công nghệ thông tin vào quá trình giáo dục 2.3.1.5. Đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục 2.3.1.6. Phát triển giáo dục đại học 2.3.2. Định hướng phát triển		

	giáo dục trong thế kỷ XXI 2.3.3. Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục ở Việt Nam		
Chương 3: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH	A2 3.1. Nhân cách và sự phát triển nhân cách 3.1.1. Khái niệm con người, cá nhân, nhân cách A2 3.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi 3.4. Một số phẩm chất nhân cách con người Việt Nam cần gìn giữ và phát huy.	B3 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách 3.2.1. Di truyền, bẩm sinh và sự phát triển nhân cách 3.2.2. Môi trường và sự phát triển nhân cách 3.2.3. Giáo dục đối với sự phát triển nhân cách 3.2.4. Hoạt động và giao tiếp của cá nhân đối với nhân cách	
Chương 4: MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC	A2 4.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu giáo dục 4.1.1. Khái niệm mục đích giáo dục 4.1.2. Khái niệm mục tiêu giáo dục 4.2. Mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam 4.2.1. Những căn cứ để xây dựng mục đích giáo dục 4.2.2. Mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam 4.3. Nguyên lý giáo dục 4.3.1. Khái niệm nguyên lý giáo dục 4.3.2. Nội dung nguyên lý giáo dục Việt Nam 4.3.3. Phương hướng quán triệt nguyên lý giáo dục		
Chương 5: HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN	A2 5.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân 5.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam 5.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân		

	5.3.1. Sự phát triển của hệ thống giáo dục trong xã hội hiện đại 5.3.2. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân		
PHẦN II: LÝ LUẬN DẠY HỌC			
Chương 6: QUÁ TRÌNH DẠY HỌC	A2 6.1. Khái niệm quá trình dạy học A2 6.5. Lôgic của quá trình dạy học 6.5.1. Khái niệm 6.5.2. Các khâu của quá trình dạy học 6.5.3. Bản chất của quá trình dạy học 6.5.3.1. Giáo viên đề xuất vấn đề, tạo cho học sinh ý thức nhiệm vụ học tập 6.5.3.2. Tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới 6.5.3.3. Tổ chức, điều khiển học sinh củng cố tri thức 6.5.3.4. Tổ chức, điều khiển học sinh rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo 6.5.3.5. Kiểm tra, đánh giá việc nắm tri thức, kĩ năng, kĩ xảo có hệ thống của học sinh và tổ chức cho họ tự kiểm tra, đánh giá 6.5.3.6. Phân tích kết quả từng giai đoạn, từng bước nhất định của quá trình dạy học	B3 6.2. Bản chất của quá trình dạy học 6.2.1. Dạy học là hoạt động phối hợp của hai chủ thể 6.2.2. Dạy học là hoạt động trí tuệ, hoạt động nhận thức 6.2.3. Quá trình dạy học với tư cách là một hệ thống 6.3. Nhiệm vụ dạy học 6.3.1. Những cơ sở để xác định nhiệm vụ dạy học 6.3.2. Các nhiệm vụ dạy học cụ thể 6.4. Động lực của quá trình dạy học 6.4.1. Khái niệm 6.4.2. Mâu thuẫn cơ bản và những điều kiện để chúng trở thành động lực của quá trình dạy học	I.C.1. So sánh I.C.2. Đánh giá I.C.3. Vận dụng
Chương 7: TÍNH QUY LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC DẠY HỌC	A2 7.1. Tính quy luật của quá trình dạy học 7.1.1. Khái niệm tính quy luật 7.1.2. Những quy luật của quá trình dạy học 7.1.2.1. Tính quy luật về tính quy định của của xã hội đối với quá trình dạy học 7.1.2.2. Tính quy luật về mối	B3 7.2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học cụ thể 7.2.2.1. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục trong dạy học 7.2.2.2. Đảm bảo sự	II.C.1. II.C.2. …

	liên hệ giữa dạy học và giáo dục 7.1.2.3. Tính quy luật về mối quan hệ giữa dạy học và phát triển trí tuệ 7.1.2.4. Tính quy luật về sự thống nhất và quy định lẫn nhau giữa các thành tố của quá trình dạy học 7.2. Nguyên tắc dạy học 7.2.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học	thống nhất giữa lí luận và thực tiễn, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với đời sống, với nhiệm vụ phát triển của đất nước 7.2.2.3. Đảm bảo tính hệ thống và tính tuần tự trong dạy học 7.2.2.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính tự giác, tính tích cực, tính độc lập, sáng tạo của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên trong quá trình dạy học 7.2.2.5. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính trực quan với sự phát triển tư duy lý thuyết 7.2.2.6. Đảm bảo tính vững chắc của tri thức và sự phát triển năng lực nhận thức của học sinh 7.2.2.7. Đảm bảo tính vừa sức và chú ý đến những đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm các biết và tính tập thể của việc dạy học 7.2.2.8. Đảm bảo tính cảm xúc tích cực của dạy học 7.2.2.9. Chuyển quá trình dạy học sang quá trình tự học 7.2.2.10. Đảm bảo tính 7.2.3. Mối liên hệ giữa các nguyên tắc	
Chương 8: NỘI DUNG DẠY HỌC	A2 8.1. Khái quát về nội dung dạy học 8.1.1. Khái niệm nội dung dạy học và nội dung học vấn 8.1.2. Nội dung dạy học 8.1.3. Nội dung học vấn 8.2. Cấu trúc của nội dung dạy học		

	8.3. Môn học, kế hoạch, chương trình dạy học và sách giáo khoa trong nhà trường phổ thông 8.3.1. Môn học 8.3.2. Kế hoạch dạy học 8.3.3. Chương trình dạy học 8.3.4. Sách giáo khoa và tài liệu dạy học khác 8.4. Phương hướng xây dựng nội dung dạy học 8.4.1. Định hướng xây dựng nội dung dạy học ở Việt Nam 8.4.2. Phương hướng cơ bản chỉ đạo xây dựng nội dung dạy học hiện nay		
Chương 9: PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC	A2 9.1. Khái quát về phương pháp dạy học 9.1.1. Khái niệm về phương pháp dạy học 9.1.2. Đặc điểm về phương pháp dạy học 9.2. Hệ thống các phương pháp dạy học 9.2.1. Một vài cách phân loại phương pháp dạy học A2 9.3.1. Đặc trưng của dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh A3 9.4. Phương tiện dạy học 9.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương tiện dạy học a) Khái niệm phương tiện dạy học b) Ý nghĩa của phương tiện dạy học 9.4.1. Phân loại các phương tiện dạy học 9.4.1.1. Phân loại theo tính chất các phương tiện dạy học	B3 9.2.2. Hệ thống các phương pháp dạy học 9.2.2.1. Nhóm các phương pháp dạy học dùng ngôn ngữ a) Phương pháp thuyết trình b) Phương pháp vấn đáp c) Phương pháp sử dụng sách giáo khoa và tài liệu 9.2.2.2. Nhóm các phương pháp dạy học trực quan a) Phương pháp quan sát b) Phương pháp minh họa c) Phương pháp biểu diễn thí nghiệm 9.2.2.3. Các phương pháp dạy học thực hành a) Phương pháp luyện tập 9.2.2.4. Phương pháp thực hành thí nghiệm 9.2.3. Lựa chọn có hiệu quả các phương pháp dạy học 9.3. Các phương pháp	

	9.4.1. Phân loại theo cấu tạo 9.4.1. Các phương tiện dạy học cơ bản và phổ biến rộng rãi trong nhà trường 9.5. Những yêu cầu đối với việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện dạy học	dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh B3 9.3.2. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh 9.3.2.1. Dạy học nêu và giải quyết vấn đề 9.3.2. Một số phương pháp dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh a) Phương pháp động não b) Phương pháp trò chơi c) Phương pháp đóng kịch d) Phương pháp tình huống e) Phương pháp dạy học theo dự án	
Chương 10: HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC	A3 10.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học 10.1.1. Hình thức tổ chức dạy học là gì? 10.1.2. Các hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông 10.1.2.1. Căm cứ địa điểm diễn ra quá trình dạy học a) Hình thức dạy học trên lớp b) Hình thức tổ chức dạy học ngoài lớp 10.1.2.1. Căm cứ vào chỉ đạo của giáo viên đối với toàn lớp hay nhóm học sinh trong lớp a) Hình thức dạy học toàn lớp b) Hình thức tổ chức dạy học theo nhóm c) Hình thức tổ chức dạy học	B3 10.3. Bài học và giờ học trong hình thức tổ chức dạy học 10.3.1. Bài học 10.3.1.1. Khái niệm 10.3.1.2. Những yêu cầu đối với bài học 10.3.2. Giờ học 10.3.3. Tổ chức thực hiện giờ học 10.3.3.1. Tổ chức thực hiện giờ học lĩnh hội tri thức mới 10.3.3.2. Tổ chức thực hiện giờ học hình thành kỹ năng, kỹ xảo 10.3.3.3. Tổ chức thực hiện giờ học vận dụng kỹ năng, kỹ xảo	

	cá nhân	10.3.3.4. Tổ chức thực hiện giờ học khái quát và hệ thống hóa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo 10.3.3.5. Tổ chức thực hiện giờ học kiểm tra và trả bài kiểm tra 10.3.3.6. Tổ chức thực hiện giờ học ngoại khóa 10.3.3.7. Tổ chức thực hiện giờ học tham quan học tập 10.3.3.8. Tổ chức thực hiện giờ học thảo luận 10.4. Công tác chuẩn bị lên lớp của giáo viên 10.4.1. Chuẩn bị dài hạn 10.4.2. Chuẩn bị cho giờ lên lớp 10.4.2.1. Nghiên cứu, phân tích nội dung sách giáo khoa 10.4.2.2. Lập kế hoạch lên lớp 10.4.2.3. Lên lớp và sau khi lên lớp	
Chương 11: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP	A2 11.1. Khái quát về kiểm tra và đánh giá kết quả học tập 11.1.1. Khái niệm 11.1.2. Ý nghĩa và chức năng của việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập a) Ý nghĩa b) chức năng cơ bản của việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập 11.1.3. Các dạng kiểm tra kết quả học tập A3 11.3. Các bước tiến hành kiểm tra - đánh giá và những yêu cầu đối với kiểm tra - đánh giá kết quả học tập 11.3.1. Các bước tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập 11.3.2. Các yêu cầu đối với kiểm tra - đánh giá kết quả học tập	B2 11.2. Các phương pháp kiểm tra 11.2.1. Phương pháp kiểm tra vấn đáp 11.2.2. Phương pháp kiểm tra viết 11.2.3. Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm khách quan 11.2.4. Phương pháp kiểm tra thực hành	

	11.3.2.1. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo khách quan 11.3.2.2. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo tính toàn diện 11.3.2.3. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo tính thường xuyên, có hệ thống 11.3.2.4. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo kết quả học tập phải đảm bảo tính phát triển		
PHẦN III: LÝ LUẬN GIÁO DỤC			
Chương 12: QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC	A2 12.1. Khái niệm quá trình giáo dục 12.1.1. Quá trình giáo dục là gì 12.1.2. Cấu trúc của quá trình giáo dục A2 12.4. Tự giáo dục và giáo dục lại 12.4.1. Tự giáo dục 12.4.2. Giáo dục lại	B3 12.2. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục 12.2.1. Bản chất của quá trình giáo dục 12.2.2. Đặc điểm của quá trình giáo dục 12.3. Động lực và các khâu của quá trình giáo dục 12.3.1. Động lực của quá trình giáo dục 12.3.2. Các khâu của quá trình giáo dục	
Chương 13. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC	A2 13.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục	B3 13.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục 13.2.1. Đảm bảo tính mục đích trong hoạt động giáo dục 13.2.2. Đảm bảo giáo dục gắn với đời sống xã hội 13.2.3. Đảm bảo thống nhất giữa ý thức và hành vi trong giáo dục 13.2.4. Đảm bảo giáo dục trong lao động và bằng lao động 13.2.5. Đảm bảo giáo dục trong tập thể và bằng tập thể 13.2.6. Đảm bảo tôn	

		trọng nhân cách và yêu cầu hợp lý trong quá trình giáo dục 13.2.7. Đảm bảo thống nhất giữa sự tổ chức lãnh đạo sư phạm của giáo viên với việc phát huy tinh tự giác tích cực, độc lập, tự giáo dục của học sinh 13.2.8. Đảm bảo tính hệ thống kế tiếp liên tục trong công tác giáo dục 13.2.9. Đảm bảo thống nhất giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục của cộng đồng xã hội 13.2.10. Bảo đảm chú ý đến đặc điểm đối tượng giáo dục	
Chương 14. NỘI DUNG GIÁO DỤC	A2 14.1. Nội dung giáo dục cơ bản trong nhà trường 14.1.1. Giáo dục đạo đức và ý thức công dân a) Giáo dục đạo đức b) Giáo dục ý thức công dân 14.1.2. Giáo dục thẩm mỹ 14.1.3. Giáo dục lao động và hướng nghiệp a) Giáo dục lao động b) Giáo dục hướng nghiệp 14.1.4. Giáo dục thể chất 14.2. Những nội dung giáo dục mới 14.2.1. Giáo dục môi trường 14.2.2. Giáo dục dân số 14.2.3. Giáo dục giới tính 14.2.4. Giáo dục phòng chống ma túy 14.2.5. Giáo dục giá trị 14.2.6. Giáo dục quốc tế		
Chương 15. PHƯƠNG PHÁP GIÁO	A2 15.1. Khái niệm và đặc điểm của phương pháp giáo dục	B3 15.2.2. Nhóm các phương pháp thuyết phục	

DỤC	15.1.1. Phương pháp giáo dục là gì? 15.1.2. Đặc điểm của phương pháp giáo dục 15.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục 15.2.1. Phân loại các phương pháp giáo dục	15.2.2.1. Phương pháp đàm thoại 15.2.2.2. Phương pháp giảng giải 15.2.2.3. Phương pháp nêu gương 15.2.3. Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm hành vi ứng xử xã hội 15.2.3.1. Phương pháp đòi hỏi sư phạm 15.2.3.2. Phương pháp tập thói quen 15.2.3.3. Phương pháp rèn luyện 15.2.4. Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của người được GD 15.2.4.1. Phương pháp khen thưởng 15.2.4.2. Phương pháp trách phạt 15.3. Lựa chọn phối hợp các phương pháp giáo dục	
Chương 16: MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC	A2 16.1. Giáo dục gia đình 16.1.1. Ý nghĩa của giáo dục gia đình 16.1.2. Đặc điểm của giáo dục gia đình 16.1.3. Một số sai lầm thường gặp trong giáo dục gia đình 16.1.4. Một số nguyên tắc trong việc xây dựng môi trường giáo dục gia đình 16.1.4.1. Tạo không khí gia đình êm ấm, hòa thuận 16.1.4.2. Nghiêm khắc và khoan dung độ lượng 16.1.4.3. Thống nhất mục đích theo mô hình lý tưởng xã hội 16.1.4.4. Uy quyền của bố mẹ trong giáo dục gia đình 16.1.4.5. Tôn trọng nhân cách của trẻ 16.1.4.6.Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động		

	16.2. Giáo dục nhà trường 16.3. Giáo dục xã hội 16.4. Một số giải pháp phối hợp giáo dục giữa các môi trường giáo dục 16.4.1. Nội dung phối hợp 16.4.2. Những yêu cầu để thực hiện tốt việc phối hợp 16.4.2.1. Đối với gia đình 16.4.2.2. Đối với nhà trường 16.4.2.3. Đối với các tổ chức xã hội		

4. Tài liệu học tập:

[1] Trần Thị Tuyết Oanh (Chủ biên) (1994). *Giáo trình Giáo dục học*, tập 1, 2. NXB Đại học sư phạm (Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên).

[2] Trần Thị Hương (1994). *Giáo trình Giáo dục học phổ thông*, NXB Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh (Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên).

[3] Lê Quang Hùng (2016). *Bài giảng Giáo dục học phổ thông (Lưu hành nội bộ)*

5. Tài liệu tham khảo:

[4] Xkátkin (1982), *Lí luận dạy học trường phổ thông.* NXB GD

[5] Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Lí luận dạy học đại cương*, tập 1, 2. NXB Trường Cán bộ quản lí giáo dục. Hà Nội

[6]. Nguyễn Cảnh Toàn (2004), *Học và dạy cách học.* NXB ĐHSP Hà Nội

[7] Trịnh Đức Thắng (2003), *Học tập một kho báu tiềm ẩn.* NXB GD

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC **Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC** 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.1.1. Bản chất, nguồn gốc của giáo dục 1.1.2. Tính chất của giáo dục 1.1.2.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng của giáo dục 1.1.2.2. Tính quy định của xã hội đối với giáo dục 1.1.2.3. Tính lịch sử của giáo dục 1.1.2.4. Tính giai cấp của giáo dục 1.1.2.5. Tính nhân văn, đại chúng, dân tộc và quốc tế 1.2. Giáo dục học là một khoa học 1.2.1. Khái quát lịch sử giáo dục học 1.2.2. Đối tượng và nhiệm vụ của giáo dục học 1.2.2.1. Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học 1.2.2.2. Nhiệm vụ của giáo dục học	LT: 4 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 1.2.3. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học 1.2.3.1. Giáo dục theo nghĩa rộng 1.2.3.2. Giáo dục theo nghĩa hẹp 1.2.3.3. Dạy học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu 1.2.4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của giáo dục học 1.2.4.1. Phương pháp luận 1.2.4.2. Phương pháp cụ thể * Các phương pháp nghiên cứu lý thuyết a) Phương pháp phân tích và tổng hợp lý thuyết * Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn a) Phương pháp quan sát b) Phương pháp trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi c) Phương pháp phỏng vấn d) Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục e) Phương pháp thực nghiệm sư phạm f) Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động sư phạm g) Phương pháp chuyên gia h) Phương pháp sử dụng toán thống kê 1.2.5. Hệ thống các khoa học về giáo dục và mối quan hệ của giáo dục học với một số khoa học khác 1.2.5.1. Hệ thống các khoa học về giáo dục 1.2.5.2. Mối quan hệ của giáo dục học với một số khoa hoc **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường		[1], [3], [6]
	Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI 2.1. Các chức năng xã hội của giáo dục 2.1.1. Chức năng kinh tế sản xuất 2.1.2. Chức năng chính trị- tư tưởng	LT: 3 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1.3. Chức năng văn hóa-xã hội 2.2. Xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục 2.2.1. Đặc điểm của xã hội hiện đại 2.2.1.1. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ 2.2.1.2. Xu thế toàn cầu hóa 2.2.1.3. Phát triển nền kinh tế tri thức 2.2.2. Những thách thức đặt ra cho giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 2.3. Xu thế phát triển giáo dục thế kỷ XXI và định hướng phát triển giáo dục 2.3.1. Xu thế phát triển giáo dục 2.3.1.1. Nhận thức giáo dục là sự nghiệp hàng đầu của mỗi quốc gia 2.3.1.2. Xã hội hóa giáo dục 2.3.1.3. giáo dục suốt đời 2.3.1.4. Áp dụng sáng tạo công nghệ thông tin vào quá trình giáo dục 2.3.1.5. Đổi mới mạnh mẽ quản lý giáo dục 2.3.1.6. Phát triển giáo dục đại học 2.3.2. Định hướng phát triển giáo dục trong thế kỷ XXI 2.3.3. Các quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục ở Việt Nam **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu		[1], [3], [6]
	Chương 3: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 3.1. Nhân cách và sự phát triển nhân cách 3.1.1. Khái niệm con người, cá nhân, nhân cách 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách 3.2.1. Di truyền, bẩm sinh và sự phát triển nhân cách 3.2.2. Môi trường và sự phát triển nhân cách 3.2.3. Giáo dục đối với sự phát triển nhân cách 3.2.4. Hoạt động và giao tiếp của cá nhân đối với nhân cách 3.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi 3.4. Một số phẩm chất nhân cách con người Việt Nam cần gìn giữ và phát huy. **Hình thức tổ chức dạy học:**	LT: 4 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 4: MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU VÀ NGUYÊN LÝ GIÁO DỤC 4.1. Khái niệm mục đích, mục tiêu giáo dục 4.1.1. Khái niệm mục đích giáo dục 4.1.2. Khái niệm mục tiêu giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 4.2. Mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam 4.2.1. Những căn cứ để xây dựng mục đích giáo dục 4.2.2. Mục đích, mục tiêu giáo dục Việt Nam 4.3. Nguyên lý giáo dục 4.3.1. Khái niệm nguyên lý giáo dục 4.3.2. Nội dung nguyên lý giáo dục Việt Nam 4.3.3. Phương hướng quán triệt nguyên lý giáo dục **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 2 tiết	[1], [3], [6]
	Chương 5: HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN 5.1. Khái niệm hệ thống giáo dục quốc dân 5.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 5.3. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân 5.3.1. Sự phát triển của hệ thống giáo dục trong xã hội hiện đại 5.3.2. Định hướng hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 2 tiết	[1], [3], [6]
1-3	**PHẦN II: LÝ LUẬN DẠY HỌC** **Chương 6. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC** 6.1. Khái niệm quá trình dạy học	LT: 3 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.2. Bản chất của quá trình dạy học 6.2.1. Dạy học là hoạt động phối hợp của hai chủ thể 6.2.2. Dạy học là hoạt động trí tuệ, hoạt động nhận thức 6.2.3. Quá trình dạy học với tư cách là một hệ thống 6.3. Nhiệm vụ dạy học 6.3.1. Những cơ sở để xác định nhiệm vụ dạy học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu 6.3.2. Các nhiệm vụ dạy học cụ thể 6.3.2.1. Nhiệm vụ 1: Điều khiển, tổ chức học sinh nắm vững hệ thống tri thức phổ thông cơ bản, hiện đại, phù hợp với thực tiễn đất nước về tự nhiên, xã hội - nhân văn, đồng thời rèn luyện cho họ hệ thống kỹ năng, kỹ xảo tương ứng 6.3.2.2. Nhiệm vụ 2: Tổ chức, điều khiển học sinh hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất trí tuệ, đặc biệt là năng lực tư duy độc lập và sáng tạo 6.3.2.3. Nhiệm vụ 3: Tổ chức, điều khiển học sinh hình thành cơ sở thế giới quan khoa học, những phẩm chất đạo đức nói riêng và phát triển nhân cách nói chung 6.3.2.4. Mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ dạy học 6.4. Động lực của quá trình dạy học 6.4.1. Khái niệm 6.4.2. Mâu thuẫn cơ bản và những điều kiện để chúng trở thành động lực của quá trình dạy học 6.5. Lôgic của quá trình dạy học 6.5.1. Khái niệm 6.5.2. Các khâu của quá trình dạy học 6.5.3. Bản chất của quá trình dạy học 6.5.3.1. Giáo viên đề xuất vấn đề, tạo cho học sinh ý thức nhiệm vụ học tập 6.5.3.2. Tổ chức, điều khiển học sinh lĩnh hội tri thức mới 6.5.3.3. Tổ chức, điều khiển học sinh củng cố tri thức 6.5.3.4. Tổ chức, điều khiển học sinh rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo 6.5.3.5. Kiểm tra, đánh giá việc nắm tri thức, kĩ năng, kĩ xảo có hệ thống của học sinh và tổ chức cho họ tự kiểm tra, đánh giá 6.5.3.6. Phân tích kết quả từng giai đoạn, từng bước nhất định của quá trình dạy học **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường		[1], [2], [3], [5]
4-5	**Chương 7: TÍNH QUY LUẬT VÀ NGUYÊN TẮC DẠY HỌC**	LT: 4 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	7.1. Tính quy luật của quá trình dạy học 7.1.1. Khái niệm tính quy luật 7.1.2. Những quy luật của quá trình dạy học 7.1.2.1. Tính quy luật về tính quy định của của xã hội đối với quá trình dạy học 7.1.2.2. Tính quy luật về mối liên hệ giữa dạy học và giáo dục 7.1.2.3. Tính quy luật về mối quan hệ giữa dạy học và phát triển trí tuệ 7.1.2.4. Tính quy luật về sự thống nhất và quy định lẫn nhau giữa các thành tố của quá trình dạy học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu 7.2. Nguyên tắc dạy học 7.2.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học 7.2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học cụ thể 7.2.2.1. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục trong dạy học 7.2.2.2. Đảm bảo sự thống nhất giữa lí luận và thực tiễn, học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với đời sống, với nhiệm vụ phát triển của đất nước 7.2.2.3. Đảm bảo tính hệ thống và tính tuần tự trong dạy học 7.2.2.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính tự giác, tính tích cực, tính độc lập, sáng tạo của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên trong quá trình dạy học 7.2.2.5. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính trực quan với sự phát triển tư duy lý thuyết 7.2.2.6. Đảm bảo tính vững chắc của tri thức và sự phát triển năng lực nhận thức của học sinh 7.2.2.7. Đảm bảo tính vừa sức và chú ý đến những đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm các biết và tính tập thể của việc dạy học 7.2.2.8. Đảm bảo tính cảm xúc tích cực của dạy học 7.2.2.9. Chuyển quá trình dạy học sang quá trình tự học 7.2.2.10. Đảm bảo tính 7.2.3. Mối liên hệ giữa các nguyên tắc **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường		[1], [2], [3]
	Chương 8: NỘI DUNG DẠY HỌC 8.1. Khái quát về nội dung dạy học 8.1.1. Khái niệm nội dung dạy học và nội dung học vấn 8.1.2. Nội dung dạy học	LT: 2 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	8.1.3. Nội dung học vấn 8.2. Cấu trúc của nội dung dạy học 8.3. Môn học, kế hoạch, chương trình dạy học và sách giáo khoa trong nhà trường phổ thông **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 8.3.1. Môn học 8.3.2. Kế hoạch dạy học 8.3.3. Chương trình dạy học 8.3.4. Sách giáo khoa và tài liệu dạy học khác 8.4. Phương hướng xây dựng nội dung dạy học 8.4.1. Định hướng xây dựng nội dung dạy học ở Việt Nam 8.4.2. Phương hướng cơ bản chỉ đạo xây dựng nội dung dạy học hiện nay **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu		[1], [2], [3]
	Chương 9: PHƯƠNG PHÁP VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC 9.1. Khái quát về phương pháp dạy học 9.1.1. Khái niệm về phương pháp dạy học 9.1.2. Đặc điểm về phương pháp dạy học 9.2. Hệ thống các phương pháp dạy học 9.2.1. Một vài cách phân loại phương pháp dạy học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu 9.2.2. Hệ thống các phương pháp dạy học 9.2.2.1. Nhóm các phương pháp dạy học dùng ngôn ngữ a) Phương pháp thuyết trình b) Phương pháp vấn đáp c) Phương pháp sử dụng sách giáo khoa và tài liệu 9.2.2.2. Nhóm các phương pháp dạy học trực quan a) Phương pháp quan sát b) Phương pháp minh họa c) Phương pháp biểu diễn thí nghiệm 9.2.2.3. Các phương pháp dạy học thực hành a) Phương pháp luyện tập 9.2.2.4. Phương pháp thực hành thí nghiệm 9.2.3. Lựa chọn có hiệu quả các phương pháp dạy học 9.3. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh 9.3.1. Đặc trưng của dạy học theo hướng phát huy tính tích cực	LT: 4 tiết	[1], [3], [5]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	nhận thức của học sinh 9.3.2. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh 9.3.2.1. Dạy học nêu và giải quyết vấn đề 9.3.2. Một số phương pháp dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh a) Phương pháp động não b) Phương pháp trò chơi c) Phương pháp đóng kịch d) Phương pháp tình huống e) Phương pháp dạy học theo dự án **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 9.4. Phương tiện dạy học 9.4.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương tiện dạy học a) Khái niệm phương tiện dạy học b) Ý nghĩa của phương tiện dạy học 9.4.1. Phân loại các phương tiện dạy học 9.4.1.1. Phân loại theo tính chất các phương tiện dạy học 9.4.1. Phân loại theo cấu tạo 9.4.1. Các phương tiện dạy học cơ bản và phổ biến rộng rãi trong nhà trường 9.5. Những yêu cầu đối với việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện dạy học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu		[1], [3]
	Chương 10: HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC 10.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học 10.1.1. Hình thức tổ chức dạy học là gì? 10.1.2. Các hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông 10.1.2.1. Căm cứ địa điểm diễn ra quá trình dạy học a) Hình thức dạy học trên lớp b) Hình thức tổ chức dạy học ngoài lớp 10.1.2.1. Căm cứ vào chỉ đạo của giáo viên đối với toàn lớp hay nhóm học sinh trong lớp a) Hình thức dạy học toàn lớp b) Hình thức tổ chức dạy học theo nhóm c) Hình thức tổ chức dạy học cá nhân 10.3. Bài học và giờ học trong hình thức tổ chức dạy học 10.3.1. Bài học	LT: 2 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	10.3.1.1. Khái niệm 10.3.1.2. Những yêu cầu đối với bài học 10.3.2. Giờ học 10.3.3. Tổ chức thực hiện giờ học 10.3.3.1. Tổ chức thực hiện giờ học lĩnh hội tri thức mới 10.3.3.2. Tổ chức thực hiện giờ học hình thành kỹ năng, kỹ xảo 10.3.3.3. Tổ chức thực hiện giờ học vận dụng kỹ năng, kỹ xảo 10.3.3.4. Tổ chức thực hiện giờ học khái quát và hệ thống hóa tri thức, kỹ năng, kỹ xảo 10.3.3.5. Tổ chức thực hiện giờ học kiểm tra và trả bài kiểm tra 10.3.3.6. Tổ chức thực hiện giờ học ngoại khóa 10.3.3.7. Tổ chức thực hiện giờ học tham quan học tập 10.3.3.8. Tổ chức thực hiện giờ học thảo luận **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 10.4. Công tác chuẩn bị lên lớp của giáo viên 10.4.1. Chuẩn bị dài hạn 10.4.2. Chuẩn bị cho giờ lên lớp 10.4.2.1. Nghiên cứu, phân tích nội dung sách giáo khoa 10.4.2.2. Lập kế hoạch lên lớp 10.4.2.3. Lên lớp và sau khi lên lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu		[1], [3], [5]
	Chương 11: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP 11.1. Khái quát về kiểm tra và đánh giá kết quả học tập 11.1.1. Khái niệm 11.1.2. Ý nghĩa và chức năng của việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập a) Ý nghĩa b) chức năng cơ bản của việc kiểm tra - đánh giá kết quả học tập 11.1.3. Các dạng kiểm tra kết quả học tập **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu 11.2. Các phương pháp kiểm tra 11.2.1. Phương pháp kiểm tra vấn đáp 11.2.2. Phương pháp kiểm tra viết 11.2.3. Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm khách quan 11.2.4. Phương pháp kiểm tra thực hành **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết	[1], [3]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	11.3. Các bước tiến hành kiểm tra - đánh giá và những yêu cầu đối với kiểm tra - đánh giá kết quả học tập 11.3.1. Các bước tiến hành kiểm tra - đánh giá kết quả học tập 11.3.2. Các yêu cầu đối với kiểm tra - đánh giá kết quả học tập 11.3.2.1. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo khách quan 11.3.2.2. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo tính toàn diện 11.3.2.3. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo tính thường xuyên, có hệ thống 11.3.2.4. Kiểm tra - đánh giá đảm bảo kết quả học tập phải đảm bảo tính phát triển **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu		[1], [3]
	PHẦN III: LÝ LUẬN GIÁO DỤC **Chương 12: QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC** 12.1. Khái niệm quá trình giáo dục 12.1.1. Quá trình giáo dục là gì 12.1.2. Cấu trúc của quá trình giáo dục **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu 12.2. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục 12.2.1. Bản chất của quá trình giáo dục 12.2.2. Đặc điểm của quá trình giáo dục 12.3. Động lực và các khâu của quá trình giáo dục 12.3.1. Động lực của quá trình giáo dục 12.3.2. Các khâu của quá trình giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường 12.4. Tự giáo dục và giáo dục lại 12.4.1. Tự giáo dục 12.4.2. Giáo dục lại **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 2 tiết	[1], [3], [4] [1], [3], [4]
	Chương 13. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC 13.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục 13.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục 13.2.1. Đảm bảo tính mục đích trong hoạt động giáo dục 13.2.2. Đảm bảo giáo dục gắn với đời sống xã hội 13.2.3. Đảm bảo thống nhất giữa ý thức và hành vi trong giáo dục 13.2.4. Đảm bảo giáo dục trong lao động và bằng lao động 13.2.5. Đảm bảo giáo dục trong tập thể và bằng tập thể 13.2.6. Đảm bảo tôn trọng nhân cách và yêu cầu hợp lý trong quá trình giáo dục	LT: 3 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	13.2.7. Đảm bảo thống nhất giữa sự tổ chức lãnh đạo sư phạm của giáo viên với việc phát huy tinh tự giác tích cực, độc lập, tự giáo dục của học sinh 13.2.8. Đảm bảo tính hệ thống kế tiếp liên tục trong công tác giáo dục 13.2.9. Đảm bảo thống nhất giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục của cộng đồng xã hội 13.2.10. Bảo đảm chú ý đến đặc điểm đối tượng giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 14. NỘI DUNG GIÁO DỤC 14.1. Nội dung giáo dục cơ bản trong nhà trường 14.1.1. Giáo dục đạo đức và ý thức công dân a) Giáo dục đạo đức b) Giáo dục ý thức công dân 14.1.2. Giáo dục thẩm mỹ 14.1.3. Giáo dục lao động và hướng nghiệp a) Giáo dục lao động b) Giáo dục hướng nghiệp 14.1.4. Giáo dục thể chất 14.2. Những nội dung giáo dục mới 14.2.1. Giáo dục môi trường 14.2.2. Giáo dục dân số 14.2.3. Giáo dục giới tính 14.2.4. Giáo dục phòng chống ma túy 14.2.5. Giáo dục giá trị 14.2.6. Giáo dục quốc tế **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết	
	Chương 15. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC 15.1. Khái niệm và đặc điểm của phương pháp giáo dục 15.1.1. Phương pháp giáo dục là gì? 15.1.2. Đặc điểm của phương pháp giáo dục 15.2. Hệ thống các phương pháp giáo dục 15.2.1. Phân loại các phương pháp giáo dục **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 4 tiết	[1], [3], [5]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	15.2.2. Nhóm các phương pháp thuyết phục 15.2.2.1. Phương pháp đàm thoại 15.2.2.2. Phương pháp giảng giải 15.2.2.3. Phương pháp nêu gương 15.2.3. Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm hành vi ứng xử xã hội 15.2.3.1. Phương pháp đòi hỏi sư phạm 15.2.3.2. Phương pháp tập thói quen 15.2.3.3. Phương pháp rèn luyện 15.2.4. Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của người được GD 15.2.4.1. Phương pháp khen thưởng 15.2.4.2. Phương pháp trách phạt 15.3. Lựa chọn phối hợp các phương pháp giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 16: MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC 16.1. Giáo dục gia đình 16.1.1. Ý nghĩa của giáo dục gia đình 16.1.2. Đặc điểm của giáo dục gia đình 16.1.3. Một số sai lầm thường gặp trong giáo dục gia đình 16.1.4. Một số nguyên tắc trong việc xây dựng môi trường giáo dục gia đình **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu 16.1.4.1. Tạo không khí gia đình êm ấm, hòa thuận 16.1.4.2. Nghiêm khắc và khoan dung độ lượng 16.1.4.3. Thống nhất mục đích theo mô hình lý tưởng xã hội 16.1.4.4. Uy quyền của bố mẹ trong giáo dục gia đình 16.1.4.5. Tôn trọng nhân cách của trẻ 16.1.4.6.Tổ chức môi trường cho trẻ hoạt động 16.2. Giáo dục nhà trường 16.3. Giáo dục xã hội 16.4. Một số giải pháp phối hợp giáo dục giữa các môi trường giáo dục 16.4.1. Nội dung phối hợp 16.4.2. Những yêu cầu để thực hiện tốt việc phối hợp 16.4.2.1. Đối với gia đình 16.4.2.2. Đối với nhà trường 16.4.2.3. Đối với các tổ chức xã hội **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Ghi chép **Địa điểm học:**	LT: 2 tiết	[1], [3], [4]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Giảng đường		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	T 0,3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	T 0,7%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	T 9%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

8.3. Thi kết thúc học phần:

* Tiêu chí đánh giá: Đánh giá theo mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3 (C) 30%)

* Phương pháp đánh giá: Thi tự luận

* Thời gian: 120 phút.

Ngày 10 tháng 11 năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
		Lê Quang Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: DẪN LUẬN NGÔN NGỮ HỌC
Mã học phần: SP 212002

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2 ; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: bắt buộc
Giảng viên: Họ và tên: Nguyễn Minh Hoạt;
Số điện thoại: 0983.786.864; Email: hoatspdhtn@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần có vị trí, vai trò quan trọng, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, giúp sinh viên học tốt các môn học chuyên ngành liên quan đến ngôn ngữ trong chương trình đào tạo của các ngành Sư phạm Ngữ văn, Văn học, GD Tiểu học tiếng Jrai, GD Tiểu học, Sư phạm tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh.

3. Mục tiêu học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

- *Kiến thức:* Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và ngôn ngữ học (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, các loại hình ngôn ngữ...)
- *Kỹ năng:* Hiểu các thuật ngữ, các khái niệm ngôn ngữ, nắm được bản chất, qui luật hình thành và phát triển của ngôn ngữ để vận dụng vào học tập, nghiên cứu, giảng dạy.
- *Thái độ:* Chăm chỉ, học tập nghiêm túc nắm chắc kiến thức lý thuyết vận dụng vào thực tế.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
ChươngI: Những vấn đề chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học	I.A.1. Trình bày được những vấn đề chung về ngôn ngữ, ngôn ngữ học. I.A.2. Ghi nhớ được hệ thống khái niệm, quan điểm có liên quan. I.A.3. Nhận diện được các đơn vị và các cấp độ của ngôn ngữ.	I.B.1. Hiểu rõ các qui luật phát triển của ngôn ngữ. I.B.2. Nắm được các tiêu chí phân biệt ngôn ngữ và lời nói. I.B.3. Lý giải được mối quan hệ giữa các đơn vị ngôn ngữ.	I.C.1. So sánh được các khái niệm ngôn ngữ và ngôn ngữ học, … I.C.2. Đánh giá được quá trình phát triển của ngôn ngữ, phân biệt ngôn ngữ và lời nói. I.C.3. Vận dụng kiến thức để tìm hiểu các bộ môn ngôn ngư.
Chương II: Nguồn gốc và bản chất của ngôn ngữ	II.A.1. Trình bày được Nguồn gốc và bản chất của ngôn ngữ. II.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm có liên quan. II.A.3. Nhận diện được Nguồn gốc và bản chất của ngôn ngữ.	II.B.1. Hiểu rõ các quan niệm về nguồn gốc và bản chất của ngôn ngữ. II.B.2. Lí giải được bản chất xã hội của ngôn ngữ.. II.B.3. Phân tích được ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt.	II.C.1. So sánh được các quan niệm sai lầm về nguồn gốc và bản chất của ngôn ngữ. II.C.2. Đánh giá được nguồn gốc và bản chất của ngôn ngữ theo quan niệm của Mác. II.C.3. Vận dụng vào học tập nghiên cứu ngôn ngữ.

Chương III: Các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ	III.A.1. Trình bày được các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ III.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm có liên quan. III.A.3. Nhận diện được các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ.	III.B.1. Hiểu rõ các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ. III.B.2. Lý giải được các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ III.B.3. Phân tích được mối quan hệ các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ.	III.C.1. So sánh được các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ. III.C.2. Đánh giá được vai trò của các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ trong ngôn ngữ học. III.C.3.Vận dụng kiến thức đề học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.
Chương IV: Ngữ âm học	IV.A.1. Trình bày được các kiến thức cơ bản vê ngữ âm học IV.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm có liên quan. IV.A.3. Nhận diện được các vấn đề liên quan đến ngữ âm học.	IV.B.1. Hiểu rõ các nội dung về bản chất âm thanh của lời nói. IV.B.2. Lý giải được các phương thức cấu âm và vị trí cấu âm. IV.B.3. Phân tích bản chất của âm thanh lời nói. Cơ chế tạo âm của ngôn ngữ,	IV.C.1. So sánh được các mặt biểu hiện của ngữ âm học IV.C.2. Đánh giá được vai trò của âm tiết, Sự biến đổi ngữ âm trong lời nói, Các hiện tượng ngôn điệu,… IV.C.3.Vận dụng kiến thức đề học tập và nghiên cứu ngôn ngữ vè mặt ngữ âm.
Chương V: Từ vựng học	V.A.1. Trình bày được các các nội dung liên quan đến từ vựng học. V.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm có liên quan. V.A.3. Nhận diện được các Các xu hướng nghiên cứu về từ.	V.B.1. Hiểu rõ Cấu trúc ý nghĩa của từ. V.B.2. Lý giải được một số hiện tượng từ vựng phổ biến V.B.3. Phân tích được các cách thức phân loại từ và nghiên cứu từ tiếng Việt.	V.C.1. So sánh được các quan hệ trong từ vựng và ngữ nghĩa học. V.C.2. Đánh giá được vai trò của từ vựng và ngữ nghĩa học.. V.C.3.Vận dụng kiến thức đề học tập và nghiên cứu ngôn ngữ về từ vựng và ngữ nghĩa học.
Chương VI: Ngữ pháp học	VI.A.1. Trình bày được các nội dung cơ bản về ngữ pháp học VI.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm có liên quan. VI.A.3. Nhận diện được các quan hệ, ý nghĩa, phương thức, phạm trù ngữ pháp.	VI.B.1. Hiểu rõ các quan hệ, ý nghĩa, phương thức, phạm trù ngữ pháp. VI.B.2. Lý giải được các quan hệ, ý nghĩa, phương thức, phạm trù ngữ pháp VI.B.3. Phân tích được các quan hệ, ý nghĩa, phương thức, phạm trù ngữ pháp.	VI.C.1. So sánh được quan hệ, ý nghĩa, phương thức, phạm trù ngữ pháp. VI.C.2. Đánh giá được vai trò của các quan hệ, ý nghĩa, phương thức, phạm trù ngữ pháp. VI.C.3.Vận dụng kiến thức đề học tập, nghiên cứu ngôn ngữ.
Chương VII: Ngôn ngữ học so sánh	VII.A.1. Trình bày được nội dung cơ bản về ngôn ngữ học so sánh. VII.A.2. Ghi nhớ được các	VII.B.1. Hiểu rõ các nội dung so sánh trong ngôn ngữ,... VII.B.2. Lý giải được các	VII.C.1. So sánh được các hình thức so sánh ngôn ngữ. VII.C.2. Đánh giá được vai

	khái niệm có liên quan. VII.A.3. Nhận diện được các nội dung so sánh loại hình, so sánh đối chiếu, so sánh lịch sử.	hình thức so sánh ngôn ngữ VII.B.3. Phân tích các kiểu so sánh trong ngôn ngữ.	trò của các hình thức so sánh trong ngôn ngữ học. VII.C.3.Vận dụng kiến thức đề học tập và nghiên cứu ngôn ngữ.

4. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Minh Hoạt (2009*)*, *Bài giảng Dẫn luận ngôn ngữ học* (Lưu hành nội bộ) (Giảng viên cung cấp cho sinh viên trước khi học học phần).

5. Tài liệu tham khảo:

[2]. Diệp Quang Ban…(1996), *Ngữ pháp tiếng Việt.* Nxb GD. H.
[3]. Nguyễn Tài Cẩn (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt*. Nxb Đại học Quốc gia H.
[4]. Nguyễn Tài Cẩn (1997), *Lịch sử ngữ âm tiếng Việt*. Nxb GD. H.
[5]. Nguyễn Tài Cẩn (2001), *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá*. Nxb ĐHQG,H.
[6]. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*. Nxb GD. H.
[7]. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại*. Nxb Đại học và TH chuyên nghiệp. H.
[8]. Nguyễn Thiện Giáp,…(1977), *Dẫn luận ngôn ngữ học.* Nxb GD. H.
[9]. Lê Bá Hán,… (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học.* Nxb Đại học Quốc gia H.
[10]. Đoàn Thiện Thuật (1977), *Ngữ âm tiếng Việt*. Nxb Đại học và TH chuyên nghiệp. H.
[11]. Nguyễn Văn Tu (1978), *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại.* Nxb Đại học và THCN. H.
[12]. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1978), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học.* Nxb GD,

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1: Những vấn đề chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học **Nội dung:** 1.1.Khái niệm về ngôn ngữ 1.2. Khoa học về ngôn ngữ 1.3. Sự phát triển của ngôn ngữ 1.4 Phân biệt ngôn ngữ và lời nói 1.5. Các bộ môn của ngôn ngữ học 1.6. Các đơn vị của ngôn ngữ và các cấp độ của ngôn ngữ **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sự phát triển của ngôn ngữ. - Thực hành: Bài tập về Các đơn vị của ngôn ngữ và các cấp độ của ngôn ngữ. **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 3 tiết BT: 2 tiết	[1]: Chương 1

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. **Hình thức đánh giá:** Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 2: Ngồn gốc và bản chất của ngôn ngữ **Nội dung:** 2.1.Nguồn gốc của ngôn ngữ 2.2.Bản chất xã hội của ngôn ngữ 2.3.Bản chất tín hiệu và hệ thống cấu trúc của ngôn ngữ **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: phần 2.2 - Thực hành: Bài tập về Bản chất tín hiệu của ngôn ngữ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Bài tập của nhóm. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương 2
	Chương 3: Các quan hệ và các chức năng của ngôn ngữ **Nội dung:** 3.1.Các quan hệ của ngôn ngữ 3.2.Các chức năng của ngôn ngữ **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: phần 3.1 - Thực hành: Chức năng làm phương tiện biểu đạt tư duy của ngôn ngữ. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Bài tập của nhóm. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 BT:1	[1]: Chương 3
	Chương 4: Ngữ âm học **Nội dung:** 4.1. Khái niệm ngữ âm và ngữ âm học 4.2. Lợi ích của ngữ âm học 4.3. Bản chất của âm thanh lời nói	LT: 3 BT:3	[1]: Chương 4

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.4. Cơ chế tạo âm của ngôn ngữ 4.5. Âm tiết 4.6. Sự biến đổi ngữ âm trong lời nói 4.7. Các hiện tượng ngôn điệu 4.8. Sự khu biệt trong mặt biểu đạt của ngôn ngữ 4.9. Chữ viết **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: phần 4.3. - Thực hành: Cơ chế tạo âm của ngôn ngữ. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Bài tập của nhóm. **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 5: Từ vựng học **Nội dung:** 5.1. Khái niệm từ vựng và từ vựng học 5.2. Các xu hướng nghiên cứu về từ 5.3. Các bộ môn nghiên cứu về từ 5.4. Cấu trúc ý nghĩa của từ 5.5. Một số hiện tượng từ vựng phổ biến 5.6. Các phương thức tạo từ phổ biến 5.7. Phân loại từ tiếng Việt 5.8. Một số phương pháp nghiên cứu từ vựng **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: phần 5.5 - Thực hành: Phân loại từ tiếng Việt **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Bài tập của nhóm. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 BT:2	[1]: Chương 5
	Chương 6: Ngữ pháp học **Nội dung:** 6.1. Khái niệm 6.2. Các trường phái ngữ pháp cơ bản	LT: 3 BT:3	[1]: Chương 6

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.3. Các quan hệ ngữ pháp phổ biến 6.4. Ý nghĩa ngữ pháp 6.5. Phương thức ngữ pháp 6.6. Phạm trù ngữ pháp **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: phần 6.2. - Thực hành: Phương thức ngữ pháp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Bài tập của nhóm. **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 7: Ngôn ngữ học so sánh **Nội dung:** 7.1. So sánh loại hình 7.2. So sánh đối chiếu 7.3 So sánh lịch sử **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: phần 7.1 - Thực hành: So sánh lịch sử **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp. - Bài tập của nhóm. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 BT:2	[1]: Chương 7

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	T 40%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa	T 10%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	T 50%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá:

- Trình bày các kiến thức cơ bản: 30 %
- Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập: 40 %
- Tính sáng tạo trong quá trình trình bày vấn đề: 30 %

- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ..... tháng ..... năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn) | **Trưởng Bộ môn** | **Người biên soạn**

TS. Nguyễn Minh Hoạt

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÍ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÍ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Mã học phần: SP211005

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 00
Loại môn học: Bắt buộc.
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Ngô Thị Hiếu; Số điện thoại: 0914116779;
Email: hieutnu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Theo Thông tư liên tịch số 24/2002/TTLT-BGDĐT-BTCCBCP ngày 29/4/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay Bộ Nội vụ) hướng dẫn việc xét tuyển dụng công chức, viên chức, giáo viên phổ thông, mầm non. Do đó Bộ GD&ĐT đã đưa ban hành qui định đưa nội dung kiến thức Quản lí hành chính Nhà nước (QL HCNN) và những nội dung liên quan đến viên chức ngành GD&ĐT thành học phần của chương trình đào tạo giáo viên, là điều kiện để các trường làm căn cứ xét duyệt cấp bằng tốt nghiệp sư phạm. Học phần QL HCNN và QL ngành GD&ĐT gồm 01 tín chỉ với các nội dung sau:

- Một số vấn đề về Nhà nước và QL HCNN
- Nhà nước CHXHCNVN
- Quan điểm của Hồ Chí Minh về GD&ĐT, Quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD&ĐT
- Chiến lược phát triển GD giai đoạn 2011-2020
- Luật Giáo dục
- Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức
- Điều lệ Nhà trường, Chuẩn giáo viên
- Văn bản quản lí HCNN
- Giáo dục địa phương

Từ nội dung, học phần sẽ cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục; chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lí hành chính nhà nước và công vụ, công chức; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ, qui chế, qui định của Bộ Giáo dục và đào tạo đối với giáo dục phổ thông và thực tiễn giáo dục địa phương; các qui định về soạn thảo văn bản hành chính nhà nước.

3.1.2. Kĩ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kĩ năng cơ bản như: Trình bày văn bản, vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn.

3.1.3. Thái độ: Rèn luyện cho sinh viên tính tự học, tự nghiên cứu,.. nghiêm túc trong thi hành công vụ.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1		Bậc 2		Bậc 3	
	I.A.1.	Trình bày được lí	I.B.1	Phân tích được nguồn	I.C.1	So sánh bản chất,

Chương I. **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÍ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**		luận chung về Nhà nước, NN CHXHCN Việt Nam; những vấn đề cơ bản về quản lí NN, QL HCNN và QL NN về GD&ĐT.		gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của Nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Trình bày được các khái niệm Quản lí, quản lí Nhà nước, quản lí Nhà nước về Giáo dục; các nội dung chủ yếu của QLHCNN; nội dung quản lí NN về GD&ĐT; quá trình phát triển hệ thống quản lí NN về GD&ĐT ở Việt Nam và hệ thống các cơ quản QLNN về GD&ĐT		đặc trưng của NN nói chung và NN CHXHCNVN; Sự khác, giống nhau của quản lí NN và QL HCNN
	I.A.2.	Ghi nhớ được nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của Nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Hệ thống chính trị ở nước ta; Bộ máy NN CHXHCN Việt Nam; cơ quan QL NN về GD&ĐT	I.B.2.	Phân tích được nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của Nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Các khái niệm Quản lí, quản lí Nhà nước, quản lí Nhà nước về Giáo dục; các nội dung chủ yếu của QLHCNN; nội dung quản lí NN về GD&ĐT; quá trình phát triển hệ thống quản lí NN về GD&ĐT ở Việt Nam và hệ thống các cơ quản QLNN về GD&ĐT	I.C.2	Đánh giá được những thành tựu, hạn chế của 3 lần cải cách giáo dục ở Việt Nam.
	I.A.3.	Nhận diện được các nội dung về Nhà nước và Nhà nước CHXHCNVN; Quản lí HHNN và QL NN về GD&ĐT	I.B.3.	Lí giải được tại sao nhà nước phải ra đời; tại sao phải có hệ thống cơ quan quản lí NN về GD&ĐT; tầm quan trọng quản lý hành chính đối với đối với sự phát triển của ngành giáo dục Việt Nam.	I.C.3	Vận dụng được kiến thức về Nhà nước, NN CHXHCNVN, QLHCNN và QLHCNN về GD&ĐT để SV dễ tiếp cận, quan tâm đến những thông tin, tin tức, sự kiện về các Nhà nước trên thế giới và Việt Nam, đặc biệt sinh viên sư phạm

						được định hướng các nội dung Nhà nước quản lí về giáo dục và đạo tạo
Chương II QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO	II.A.1.	Trình bày được tư tưởng của Hồ Chí Minh về Giáo dục và Đào tạo; Quan điểm của Đảng và Nhà nước về GD&ĐT theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW về giáo dục với các quan quan điểm chỉ đạo đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo	II.B.1	Phân tích được quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu GD&ĐT, phương pháp GD và các nhân tố chủ yếu quyết định đến chất lượng GD&ĐT; 07 quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước theo Nghị quyết 29-NQ/TW về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	II.C.1	So sánh được các phương pháp giáo dục phù hợp với từng môn học, từng đối tượng cụ thể; các quá trình đổi mới GD&ĐT nước ta.
	II.A.2.	Ghi nhớ được ba quan điểm chính của Hồ Chí Minh về mục tiêu GD, phương pháp GD và các nhân tố chủ yếu quyết định đến chất lượng GD&ĐT	II.B.2.	Phân biệt được các mục tiêu GD, phương pháp GD và các nhân tố chủ yếu quyết định đến chất lượng GD&ĐT); 07 quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước theo Nghị quyết 29-NQ/TW	II.C.2	Đánh giá được tầm quan trọng của các tư tưởng của Người về GD&ĐT; các quan điểm chỉ đạo phát triển GD&ĐT của nước ta trong giai đoạn hiện nay.
	II.A.3.	Nhận diện được tầm quan trọng của GD&ĐT đối với đất nước; các quan điểm, chính sách, đường lối phát triển GD&ĐT của nước ta phù hợp với bối cảnh quốc tế, đất nước	II.B.3.	Lý giải được tại sao: - Hồ Chí Minh xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng và là trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế–xã hội của đất nước; và để đào tạo ra những nhân tài cho quốc gia, dân tộc thì giáo dục; - Đảng khẳng định: "*Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam* theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa,	II.C.3	Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc rèn luyện đạo đức, phong cách học tập của mỗi sinh viên; các quan điểm của Đảng, Nhà nước đối với các Nhà Quản lí GD

				dân chủ hóa và hội nhập quốc tế".		
Chương III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2011−2020	III.A.1.	Trình bày được những thành tựu, hạn chế của nền giáo dục & đào tạo của nước ta giai đoạn 2001−2010; bối cảnh quốc tế trong nước và mục tiêu, giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011−2020.	III.B.1	Phân tích được những thành tựu, hạn chế của nền giáo dục & đào tạo của nước ta giai đoạn 2001−2010; bối cảnh quốc tế trong nước và mục tiêu, giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011−2020.	III.C.1	So sánh được thành tựu, hạn chế của nền giáo dục & đào tạo của nước ta giai đoạn 2001−2010.
	III.A.2.	Ghi nhớ được những thành tựu, hạn chế của nền giáo dục & đào tạo của nước ta giai đoạn 2001−2010; bối cảnh quốc tế trong nước và mục tiêu, giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011−2020.	III.B.2.	Phân biệt được mục tiêu cụ thể của GD Mầm non, GD Phổ thông, GD Nghề nghiệp và GD Đại học, GD thường xuyên; Giải pháp phát triển GD mang tính đột phá và then chốt	III.C.2	Đánh giá được tầm quan trọng của giải pháp đổi mới quản lí giáo dục (mang tính đột phá) và giải pháp đội ngũ Nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục (mang tính then chốt).
	III.A.3.	Nhận diện được những thành tựu, hạn chế của nền giáo dục & đào tạo của nước ta giai đoạn 2001−2010; mục tiêu cụ thể của GD Mầm non, GD Phổ thông, GD Nghề nghiệp và GD Đại học, GD thường xuyên; các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011−2020.	III.B.3.	Lý giải được giải pháp phát triển GD mang tính đột phá và then chốt của Chiến lược phát triển GD giai đoạn 2011-2020.	III.C.3	Vận dụng được các mục tiêu phát triển GD từng bậc học đối với mỗi giáo viên, cán bộ quản lí; Nhận thức được vai trò của bản thân trong quá trình phát triển GD&ĐT trong giai đoạn hiện nay
Chương IV LUẬT GIÁO DỤC	IV.A.1.	Trình bày được cơ quan, thời gian ban hành Luật; bố cục của Luật Giáo dục 2005; một số nội dung về Hệ thống giáo dục quốc dân, Nhà giáo, Người học, khen thưởng và xử lí vi phạm	IV.B.1	Phân tích được quá trình thể chế hóa quản lí giáo dục trước khi có Luật giáo dục; sự cần thiết ban hành Luật Giáo dục; các qui định của Luật Giáo dục 2005, Luật Giáo dục sửa đổi bổ sung 2009	IV.C.1	So sánh và chỉ ra được tính ưu việt của Luật giáo dục sửa đổi năm 2005 với luật Giáo dục 1998
	IV.A.2.	Ghi nhớ được một số Điều về Hệ thống giáo dục quốc dân, Nhà giáo, Người học, khen thưởng và xử lí	IV.B.2.	Phân biệt được mục tiêu giáo dục; tính chất, nguyên lí của giáo dục; nội dung, phương pháp của GD; Hệ thống GD	IV.C.2	Đánh giá được tác động của Luật Giáo dục đối với quá trình cải cách giáo dục.

		vi phạm.		Quốc dân; GD phổ thông		
	IV.A.3.	Nhận diện được một số Điều về Hệ thống giáo dục quốc dân, Nhà giáo, Người học, khen thưởng và xử lí vi phạm.	IV.B.3.	Lý giải được: Nội dung GD phải bảo đảm tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại và có hệ thống là như thế nào,	IV.C.3	Vận dụng được các qui đinh Luật GD vào trách nhiệm của Người học, Nhà giáo trong việc thực hiện các qui định của Luật GD; trong việc nâng cao hiệu quả quản lí và chất lượng giáo dục (GD) hiện nay.
Chương V LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, LUẬT VIÊN CHỨC	V.A.1.	Trình bày được sự cần thiết ban hành Luật cán bộ, công chức (CBCC) ; Luật Viên chức (VC); bố cục của Luật CBCC, VC	V.B.1	Phân tích được sự cần thiết ban hành Luật cán bộ, công chức (CBCC) ; Luật Viên chức (VC); bố cục của Luật CBCC, VC	V.C.1	So sánh được sự giống và khác nhau của CB, CC, VC, VC quản lí; nhiệm vụ, quyền lợi của CBCC, VC; các hình thức kỉ luật của CBCC, VC
	V.A.2.	Ghi nhớ được một số nội dung về quyền, nghĩa vụ, tuyển dụng, đánh giá của CBCC, VC;	V.B.2.	Phân biệt được ai là cán bộ, công chức, viên chức, viên chức quản lí	V.C.2	Đánh giá được tầm quan trọng của việc thi hành Luật CBCC,VC
	V.A.3.	Nhận diện được các qui định đối với CBCC, VC	V.B.3.	Lý giải được các qui định về quyền, nghĩa vụ; đạo đức văn hóa giao tiếp nơi công sở; các điều kiện đảm bảo thi hành công vụ; các hình thức kỉ luật đối với CBCC, VC	V.C.3	Vận dụng được các qui định về nghĩa vụ, quyền; đạo đức văn hóa giao tiếp; những điều không được làm; đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng, kỉ luật,. ..đối với CBCC, VC
Chương VI ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG, CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO	VI.A.1.	Trình bày được cấu trúc, vai trò của điều lệ nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên Mầm non, Tiểu học, THCS và THPT	VI.B.1	Phân tích được các quy định đối với Nhà trường, giáo viên, học sinh trong Điều lệ trường Mầm non, trường Tiểu học và trường Trung học cũng như chuẩn đánh giá giáo viên, học sinh, trẻ em tại các Trường này	VI.C.1	So sánh các Lĩnh vực, yêu cầu, tiêu chí của chuẩn nghề nghiệp GV.

VIÊN	VI.A.2.	Ghi nhớ được Chương trình, nội dung GD của từng bậc học; qui định về Người học và Nhà giáo; Các yêu cầu của chuẩn Nghề nghiệp GV, tiêu chuẩn xếp loại, qui trình đánh giá xếp loại GV các cấp học	VI.B.2.	Phân biệt được cách tổ chức quản lí Nhà trường ở các bậc học khác nhau; Phân biệt được nhiệm vụ của giáo viên bộ môn với giáo viên chủ nhiệm Các Lĩnh vực, yêu cầu, tiêu chí của chuẩn nghề nghiệp GV	VI.C.2	Đánh giá được sự cần thiết phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các qui định của Điều lệ Nhà trường và Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên
	VI.A.3.	Nhận diện được Chương trình, nội dung GD của từng bậc học; qui định về Người học và Nhà giáo; nhiệm vụ của giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm; Các yêu cầu của chuẩn Nghề nghiệp GV, tiêu chuẩn xếp loại, qui trình đánh giá xếp loại GV các cấp học.	VI.B.3.	Lý giải được các yêu cầu cơ bản về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; kiến thức; kĩ năng sư phạm mà GV cần phải đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu GD.	VI.C.3	Vận dụng các qui định của Điều lệ Nhà trường và Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên vào thực tiễn Giáo viên, từ đó hình thành thái độ nghiêm túc thực hiện các qui định của Điều lệ và yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệpRèn luyện kĩ năng đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn, yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp, các qui định của Điều lệ.
Chương VII VĂN BẢN QUẢN LÍ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	VII.A.1.	Trình bày được khái niệm về Văn bản, văn bản quản lí Nhà nước và văn bản quản lí Hành chính Nhà nước; Vai trò, chức năng, các loại văn bản QLNN; qui trình ban hành văn bản QLNN	VII.B.1	Phân tích đươc các chức năng của văn bản QLNN: chức năng thông tin, Chức năng pháp lí, Chức năng quản lí, Chức năng văn hóa − xã hội và Các chức năng khác: giao tiếp, thống kê, sử liệu	VII.C.1	So sánh được sự giống, khác nhau của Văn bản, văn bản quản lí Nhà nước, văn bản quản lí hành chính Nhà nước
	VII.A.2.	Ghi nhớ được các loại Văn bản quản lí Nhà nước; các thành phần thể thức của Văn bản theo qui định của Thông tư 01/2011	VII.B.2.	Phân biệt được các loại Văn bản quản lí Nhà nước; các thành phần thể thức của Văn bản theo qui định của Thông tư 01/2011	VII.C.2	Đánh giá sự cần thiết phải ban hành văn bản QPPL, VB HCNN
	VII.A.3.	Nhận diện được Văn bản qui phạm pháp luật, văn bản cá biệt, văn bản hành chính	VII.B.3.	Lý giải được các qui định về soạn thảo văn bản hành chính thông thường: Công văn,	VII.C.3	Vận dụng hướng dẫn sinh viên các yêu cầu,

		thông thường, văn bản chuyên môn kĩ thuật		Quyết định, Thông báo, Đơn, ….		kĩ thuật cơ bản khi soạn thảo một báo cáo, công văn, tờ trình, biên bản, Đơn, Quyết định, …
Chương VIII GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG	VIII. A.1.	Trình bày được qui định hiện hành về Giáo dục địa phương; tình hình phát triển giáo dục ở địa phương	VIII. B.1	Phân tích được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT	VIII.C .1	So sánh vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD&ĐT và phòng GD&ĐT
	VIII. A.2.	Ghi nhớ được vị trí, chức năng, các nhiệm vụ, quyền hạn QLGD các cấp ở địa phương	VIII. B.2.	Phân biệt được vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT	VIII.C .2	Đánh giá tầm quan trọng của GD địa phương
	VIII. A.3.	Nhận diện được vị trí, chức năng, các nhiệm vụ, quyền hạn QLGD các cấp ở địa phương	VIII. B.3.	Lý giải được phân cấp quản lí GD&ĐT của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT	VIII.C .3	Vận dụng vào thực tiễn phát triển giáo dục địa phương của sinh viên, vai trò của SV trong công tác phát triển GD tại địa phương mình

4. Tài liệu học tập:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ (2015), *Thông tư liên tịch hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND cấp tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND cấp huyện*, Hà Nội.

[2] Bộ Nội vụ (2011), *Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 về việc hướng dẫn về thể thức và kĩ thuật trình bày văn bản hành chính.*

[3] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Chuẩn nghề nghiệp GVMN,* ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2008/QĐ−BGDĐT ngày 22 tháng 01 năm 2008.

[4] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên tiểu học*, ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ−BGDĐT ngày 04 tháng 5 năm 2007.

[5] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông,* ban hành kèm theo Thông tư số 30/2009/TT−BGDĐTngày 22 tháng10 năm 2009.

[6] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Điều lệ trường Mầm non*, ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2008/QĐ−BGDĐT ngày 07 tháng 4 năm 2008.

[7] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Điều lệ trường Tiểu học, b*an hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT−BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 .

[8] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Điều lệ trường trung học*, ban hành kèm theo Thông tư số: 12/2011/TT−BGDĐT ngày 28/3 /2011.

[9] Hoàng Anh (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay,* Nxb. Chính trị Quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

[10] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục* số 38/2005/QH11 của thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2005.

[11] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục* số 44/2009/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục 2005.

[12] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), *Luật CBCC* số 22/2008/QH12.

[13] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Luật viên chức* số 58/2010/QH12.

[14] Phạm Viết Vượng, Ngô Thành Can (2003), *Quản lí hành chính Nhà nước và quản lí ngành Giáo dục và Đào tạo,* NX.B Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[15] Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 − 2020*, ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ−TTg ngày 13/6/2012.

5. Tài liệu tham khảo:

[16] Đoàn Thị Tâm (2015), *Soạn thảo văn bản hành chính*, NXB Đại học Sư Phạm Tp. HCM, Tp. Hồ Chí Minh.

[17] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk (2013), *Qui hoạch phát triển Giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2020, định hướng đến 2025*.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1-2	**CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÍ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC** **1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước** ***1.1.1.Lí luận chung về Nhà nước*** 1.1.1.1. Nguồn gốc Nhà nước 1.1.1.2. Bản chất của Nhà nước 1.1.1.3. Đặc trưng cơ bản của Nhà nước 1.1.1.4. Chức năng của Nhà nước ***1.1.2. Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*** 1.1.2.1. Khái lược về Hệ thống Chính trị Việt Nam 1.1.2.2. Bản chất, đặc trưng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.1.2.3. Chức năng của Nhà nước CHXHCN Việt Nam 1.1.2.4. Bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam **1.2. Quản lí Hành chính Nhà nước, Quản lí Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo** ***1.2.1. Những vấn đề cơ bản về quản lí hành chính Nhà nước*** 1.2.1.1. Môt số khái niệm 1.2.1.2. Những tính chất chủ yếu của nền hành chính nước CHXHCN Việt Nam	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[14] ; Sinh viên đọc chương 1.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.2.1.3. Nội dung chủ yếu của hoạt động quản lí hành chính Nhà nước ***1.2.2. Quản lí Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo*** 1.2.2.1. Khái niệm 1.2.2.2. Tính chất 1.2.2.3. Nội dung 1.2.2.4. Hệ thống quản lí Nhà nước về GD&ĐT ở Việt Nam **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép - Thảo luận , đặt câu hỏi, tình huống **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra. **Địa điểm học:** Giảng đường, Tự học ở nhà.		
3-4	**CHƯƠNG 2. QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO** **2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Giáo dục và Đào tạo** ***2.1.1. Về mục tiêu giáo dục*** 2.1.1.1. Giáo dục nhằm giải phóng con người thoát khỏi tăm tối, lạc hậu, đưa dân tộc ta trở thành một dân tộc văn minh, tiến bộ 2.1.1.2. Đào tạo ra những con người xây dựng chủ nghĩa xã hội "vừa hồng vừa chuyên" ***2.1.2. Về phương pháp giáo dục*** 2.1.2.1. Phương pháp đối thoại 2.1.2.2. Phương pháp học đi đôi với hành 2.1.2.3. Phương pháp phù hợp với điều kiện giáo dục và đối tượng giáo dục 2.1.2.4. Phương pháp làm gương ***2.1.3. Về những nhân tố chủ yếu quyết định đến chất lượng giáo dục*** 2.1.3.1. ***Vai trò của các cô giáo, thầy giáo*** 2.1.3.2. ***Vai trò của những người làm công tác quản lí giáo dục*** **2.2. Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo** ***2.2.1. Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân*** ***2.2.2. Đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết*** ***2.2.3. Phát triển giáo dục và đào tạo là nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*** ***2.2.4. Phát triển GD&ĐT phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc*** ***2.2.5. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh***	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[9] ; Sinh viên đọc chương 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	hoạt, liên ***2.2.6. Chủ động phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển GD&ĐT*** ***2.2.7. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển GD&ĐT*** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép - Thảo luận , đặt câu hỏi, tình huống **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra. **Địa điểm học:** Giảng đường, Tự học ở nhà.		
5-6	**CHƯƠNG 3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2011−2020** **3.1. Tình hình Giáo dục Việt Nam giai đoạn 2001-2010** ***3.1.1.Thành tựu*** ***3.1.2. Những bất capạ và yếu kém*** **3.2. Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với nước ta giai đoạn 2011-2020** ***3.2.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước*** ***3.2.2. Thời cơ và thách thức*** **3.3. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục** 3.3.1. Phát triển giáo dục phải thực sự là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân 3.3.2. Xây dựng nền giáo dục có tính nhân dân, dân tộc, tiên tiến, hiện đại, xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng 3.3.3. Đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa, hội nhập quốc tế 3.3.4. Hội nhập quốc tế sâu, rộng về giáo dục trên cơ sở bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc, giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa **3.4. Mục tiêu phát triển Giáo dục đến năm 2020** *3.4.1. Mục tiêu tổng quát* *3.4.2. Mục tiêu cụ thể* 3.4.2.1. Giáo dục mầm non 3.4.2.2. Giáo dục phổ thông 3.4.2.3. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học 3.4.2.4. Giáo dục thường xuyên 3.5. Các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020 *3.5.1. Đổi mới quản lí giáo dục* *3.5.2. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí giáo dục*	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[15] ; Sinh viên đọc chương 3

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.5.3. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục *3.5.4. Tăng nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính giáo dục* *3.5.5. Tăng cường gắn đào tạo với sử dụng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu xã hội* *3.5.6. Tăng cường hỗ trợ phát triển giáo dục đối với các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội* *3.5.7. Phát triển khoa học giáo dục* *3.5.8. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về giáo* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép - Thảo luận , đặt câu hỏi, tình huống **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra. **Địa điểm học:** Giảng đường, Tự học ở nhà.		
7-8	**CHƯƠNG 4. LUẬT GIÁO DỤC** **4.1. Sự cần thiết ban hành Luật Giáo dục 2005** ***4.1.1. Xuất phát từ tình hình giáo dục*** ***4.1.2. Quan điểm đổi mới giáo dục của Đảng*** ***4.1.3. Yêu cầu hội nhập quốc tế*** **4.2. Nội dung cơ bản của Luật Giáo dục** ***4.2.1. Chương I. Những quy định chung*** ***4.2.2. Chương II. Hệ thống Giáo dục quốc dân*** ***4.2.3. Chương III. Nhà trường và cơ sở giáo dục khác*** ***4.2.4. Chương IV. Nhà giáo*** ***4.2.5. Chương V. Người học*** ***4.2.6. Chương VI. Nhà trường, gia đình và xã hội*** ***4.2.7. Chương VII. Quản lí Nhà nước về Giáo dục*** ***4.2.8. Chương VIII. Khen thưởng và xử lí vi phạm*** ***4.2.9. Chương IX. Điều khoản thi hành*** **4.3. Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung năm 2009** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép - Thảo luận , đặt câu hỏi, tình huống **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra.	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[10], [11] ; Sinh viên đọc chương 4

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: Giảng đường, Tự học ở nhà.		
9-10	**CHƯƠNG 5. LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, LUẬT VIÊN CHỨC** 5.1. Luật cán bộ, công chức *5.1.1. Sự cần thiết ban hành Luật cán bộ, công chức* *5.1.2. Nội dung cơ bản của Luật Cán bộ, công chức* 5.1.2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 5.1.2.2. Giải thích từ ngữ 5.1.2.3. Nghĩa vụ, quyền của cán bộ, công chức 5.1.2.4. Cán bộ, công chức ở Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện 5.1.2.5. Tuyển dụng, các qui định của ngạch công chức 5.1.2.6. Đào tạo, bồi dưỡng công chức 5.1.2.7. Điều động công chức 5.1.2.8. Đánh giá công chức 5.1.2.9. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức 5.2. Luật Viên chức *5.2.1. Sự cần thiết ban hành Luật viên chức* *5.2.2. Nội dung cơ bản của Luật viên chức 2010* 5.2.2.1. Giải thích một số từ ngữ 5.2.2.2. Quyền, nghĩa vụ của viên chức 5.2.2.3. Tuyển dụng viên chức 5.2.2.4. Hợp đồng làm việc 5.2.2.5. Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nghề nghiệp 5.2.2.6. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng viên chức 5.2.2.7. Phân loại đánh giá viên chức 5.2.2.8. Khen thưởng, kỷ luật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép - Thảo luận , đặt câu hỏi, tình huống **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra. **Địa điểm học:** Giảng đường, Tự học ở nhà.	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[12], [13]; Sinh viên đọc chương 5
11-12	**CHƯƠNG 6. ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG, CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN** **6.1. Điều lệ Nhà trường** *6.1.1. Điều lệ trường Mầm non* *6.1.2. Điều lệ trường Tiểu học* *6.1.3. Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường THPT có nhiều cấp học* **6.2. Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên** *6.2.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non* *6.2.2. Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên tiểu học*	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[3], [4], [5], [6], [7], [8] ; Sinh viên đọc chương 6

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	6.2.3. Chuẩn Giáo viên Trung học cơ sở, Giáo viên Trung học phổ thông **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép - Thảo luận , đặt câu hỏi, tình huống **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra. **Địa điểm học:** Giảng đường, Tự học ở nhà.		
13-14	**CHƯƠNG 7. VĂN BẢN QUẢN LÍ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC** **7.1. Khái quát về văn bản quản lí hành chính Nhà nước** *7.1.1. Khái niệm* *7.1.2. Chức năng, vai trò của văn bản quản lí Nhà nước* *7.1.3. Phân loại văn bản quản lí Nhà nước* 7.1.3.1. Văn bản quy phạm pháp luật 7.1.3.2.Văn bản cá biệt 7.1.3.3.Văn bản hành chính thông thường 7.1.3.4.Văn bản chuyên môn, kĩ thuật *7.1.4. Quy trình xây dựng và ban hành văn bản* **7.2. Yêu cầu, kĩ thuật soạn thảo văn bản hành chính Nhà nước** *7.2.1. Yêu cầu chung về kĩ thuật soạn thảo văn bản* *7.2.2. Yêu cầu về thể thức văn bản* ***7.2.3. Kĩ thuật soạn thảo một số loại văn bản quản lí hành chính thông thường*** 7.2.3.1. Quyết định 7.2.3.2. Soạn thảo công văn 7.2.3.3. Tờ trình 7.2.3.4. Biên bản **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thảo luận , đặt câu hỏi, tình huống - Làm bài tập: soạn các loại VBQLHCNN **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra. **Địa điểm học:** Giảng đường, Tự học ở nhà.	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[2] ,[16]; Sinh viên đọc chương 7
15	**CHƯƠNG 8. GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG** **8.1. Sở Giáo dục và Đào tạo** *8.1.1. Vị trí và chức năng*	LT: 1 tiết BT: 0 tiết	[1], [17] ; Sinh viên đọc

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	8.1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn *8.1.3. Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo* *8.1.4. Cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo* *8.1.5. Biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo* **8.2. Phòng Giáo dục và Đào tạo** *8.2.1. Vị trí và chức năng* *8.2.2. Nhiệm vụ và quyền hạn* *8.2.3. Tổ chức và biên chế* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận; Hỏi - đáp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép - Thảo luận - Tìm hiểu tình hình phát triển GD&ĐT ở địa phương của mình. **Hình thức đánh giá:** thái độ học tập tích cực phát biểu, làm bài kiểm tra. **Địa điểm học:** Giảng đường, Tự học ở nhà.		chương 8

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10% ;Trọng số thi kết thúc học phần: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	1%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá:
  - Trình bày: 30% tổng điểm
  - Phân tích, làm rõ bản chất: 50% tổng số điểm
  - Vận dụng, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn: 20% tổng số điểm
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 60 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
Mã học phần: SP211003

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết:02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học song hành: không
Học phần học trước: không
Học phần tiên quyết: không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: TS.Buôn Krông Tuyết Nhung; Số điện thoại: 0905691169
Email: tuyetnhungbkw@gmail.com
Giảng viên 2: ThS.Hoàng Thị Thúy Số điện thoại: 0919508293

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Nội dung học phần gồm khối kiến thức liên quan đến khát quái về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình và tọa độ văn hóa Việt Nam; Đặc điểm tổ chức cá nhân, cộng đồng và xã hội Việt Nam; Đặc điểm, giá trị vai trò di sản vật thể và phi vật thể, và Văn hóa nghệ thuật nghệ thuật Việt Nam và vai trò, vị trí văn hóa Việt Nam; Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội; khả năng thích ứng của văn hóa Việt Nam với công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Học phần có quan hệ với Học phần: Văn học dân gian Việt Nam; Văn học Tây Nguyên, Đại cương Văn hóa Tây Nguyên; Nhân học đại cương; xã hội học, lịch sử văn minh thế giới.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

- **Kiến thức:**

Người học cần nắm được khát quái về văn hóa và văn hóa học; Chủ thể, tiến trình, đặc điểm và tọa độ, giá trị văn văn hóa Việt Nam; Có kiến thức văn văn hóa nhận thức; Đặc điểm văn hóa tổ chức cá nhân, cộng đồng Việt Nam; Có kiến thức về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Thấy được vai trò, vị trí của văn hóa Việt Nam với quản lý và phát triển xã hội.

- **Kỹ năng:**

Rèn luyện kĩ năng vận dụng kiến thức văn hóa Việt Nam trong nghiên cứu, học tập một cách phù hợp với từng vùng văn hóa, với 54 cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với những nguyên tắc, quy định trên cơ sở văn hóa Việt Nam.

Kỹ năng cảm thụ, truyền và kích thích xúc cảm nghệ thuật người học: Người học có khả năng cảm thụ giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua di sản văn hóa, qua hoạt động thực tiễn.

Kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo: Tạo sự năng động cho người học qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của văn hóa Việt nam. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; phê bình, tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá…văn hóa Việt Nam.

- **Thái độ:**

Có thái độ đúng đắn, khoa học đối với di sản văn hóa Việt Nam; Trân trọng, tự hào về giá trị văn hóa Việt Nam; Có ý thức phát huy, bảo tồn giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I: Văn hóa và văn hóa học	I.A.1. Nắm được khái niệm I.A.2.Tính chất và chức năng của văn hóa I.A.3.Đặc trưng và cấu trúc văn hóa I.A.4.Nhận diện được các loại hình văn hóa	I.B.1. Xây dựng được khái niệm văn hóa Việt Nam I.B.2. Phân tích được đặc trưng cơ bản và cấu trúc của văn hóa I.B.3. Phân tích được nét tương đồng khác biệt giữa văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể	I.C.1. Vận dụng tri thức khái niệm, đặc trưng văn hóa để phân tích di sản I.C.2. Đánh giá được vai trò của di sản trong sự phát triển
Chương II: Xác định tọa độ văn hóa Việt Nam	2.1. Nhận diện được chủ thể văn hóa Việt Nam 2.2. Không gian văn hóa (lãnh thổ văn hóa Việt Nam) 2.2.1. Tam giác không gian tam giác Việt Nam. 2.2.2. Các vùng văn hóa Việt Nam 2.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam 2.3.1. Lớp văn hóa bản địa 2.3.2. lớp văn hóa gia lưu với Trung Hoa và khu vực 2.4. Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây và thế giới	II.B.1. Chỉ ra được không gian, tiến trình văn hóa Việt Nam II.B.2. Phân tích được đặc trưng các vùng văn hóa Việt Nam II.B.3. Phân biệt được các đặc điểm các lớp văn hóa Việt Nam	II.C.1. Phân tích được những cốt lõi của văn hóa Việt Nam. II.C.2. Nhận diện giá trị nhân sinh của các lớp văn hóa Việt Nam
Chương III: Văn hóa nhận thức	3.1. Nhận thức về vũ trụ: X từ bản chất vũ trụ, cấu tr gian vũ trụ;, cấu trúc thời trụ. 3.2. Nhận thức về con nhiên và con người xã quan niệm của văn hóa Việ	3.B.1. Luận giả được nhận thức về vũ trụ, không gian và thời gian vũ trụ. 3.B.2. Phân tích được quan niệm về con người theo quan niệm trong văn hóa Việt Nam	3..C.1. Vận dụng tri thức để phân tích nhận thức về không gian, thời gian vũ trụ trong văn hóa Việt Nam 3.C.2. Vận dụng kiến thức để đánh giá tính tích cực quan niệm về con người trong văn hóa Việt Nam.
Chương IV: Văn chức đời sống cộng đồng	4.1. Nhận diện đặc điểm tổ chức cộng đồng gia tộc 4.2 Nhận diện đặc điểm Tổ chức làng xã 4.3. Nhận diện đặc điểm Tổ chức đô thị.	4.B.1. Phân tích được đặc điểm tổ chức cộng đồng gia tộc, tổ chức làng xã, tổ chức đô thị, quốc gia 4.B.2. Phân tích sự tương đồng, khác biệt giữa các loại cấu trúc tổ chức xã hội	4.C.1. Vận dụng kiến thức phân tích cấu trúc xã hội trong thực tiễn 4.C.2. Chỉ ra giá trị vai trò của các loại tổ chức xã hội đối với thực tiễn.

	4.4. Nhận diện đặc điểm Tổ chức quốc gia		
Chương 5: Văn hóa tổ chức sống cá nhân	5.1. Hiểu được khái niệm v ngưỡng, Phong tục, nghi lễ lễ hội 5. Nắm được đặc điểm giac tiếp – nghệ thuật ngôn từ v nghệ thuật thanh sắc và ngl thuật hình khối trong văn h Việt Nam	5.B.1. Phân tích được khái niệm, đặc trưng của tín ngưỡng, nghi lễ - lễ hội 5.B.2. Phân tích được đặc điểm giao tiếp và nghệ thuật âm sắc, nghệ thuật hình khối trong văn hóa Việt Nam 5.B.3. So sánh sự tương đồng giữa các loại hình liên quan đến văn hóa tổ chức cá nhân	5.C.1. Vận dụng lý thuyết phân tích văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 5.C.2. Phân tích vai trò, giá trị của văn hóa tổ chức đời sống cá nhân đối với thực tiễn. 5.C.3. Thực hành nội dung liên quan đến văn hóa tổ chức đời sống cá nhân
Chương 6: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên	6.A.1. Nhận diện được văn hóa ẩm thực 6.A.2. Nhận diện được văn hóa Ở và đi lại 6.A.3. Nhận diện được văn hóa mặc trong văn hóa Việt Nam	6.B.1. Phân tích được đặc trưng văn hóa ẩm thực, mặc, ở, đi lại 6.B.2. So sánh đặc điểm, vai trò của văn hóa ứng xử 6.B.3. Ý nghĩa và hiệu quả việc vận dụng văn hóa ứng xử với môi trường	6.C1. Vận dụng được lý thuyết để luận giải đặc điểm văn hóa ứng xử đối với môi trường 6.C.2. Vận dụng kiến thức để lý giải sự tồn tại và vận động của văn hóa ứng xử với môi trường. 6.C.3. Thực hành các loại hình văn hóa ứng xử với môi trường
Chương 7: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	7.A.1. Nhận diện được sự tiếp nhận văn hóa Ấn độ; tiếp nhận văn hóa Trung Hoa và tiếp nhận văn hóa phương Tây 7.A.2. Nhận diện được tính dung hợp của văn hóa Việt Nam	7.B.1. Nêu được ảnh hưởng của văn hóa Ấn, Trung Hoa, văn hóa phương tây Trong văn hóa Việt Nam 7.B.2. Chỉ ra được đặc điểm dung hợp của văn hóa Việt Nam	7.C.1. Vận dụng tri thức để luận giả sự dung hòa của các nền văn hóa trong văn hóa Việt Nam. 7.C.2. Thực hành kỹ năng giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam
Chương 8: Văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại	8.A.1. Nhận diện được hằng số văn hóa Việt Nam 8.A.2. Trình bày bản sắc văn hóa Việt Nam 8.A.3. Nắm được giá trị văn hóa tiêu biểu	8.B.1. Phân tích được hằng số văn hóa Việt Nam 8.B.2. Phân tích bản sắc văn hóa Việt Nam	IX.C.1. Đánh giá được xu IX.C.2. Đánh giá vai trò của nó trong thực tiễn. IX.C.3. Luận giải và xu hướng biến đổi của văn hóa Việt Nam trước công nghiệp hóa, hiện đại hóa

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1]. Nguyễn Hữu Đức (2007), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Bài giảng lưu hành nội bộ, Trường ĐH Tây Nguyên.

[2]. Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb ĐH KHXH &NV TP HCM.

[3]. Trần Quốc Vượng (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. Lê Văn Chưởng, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Trẻ, TP.HCM, 1999.

[2]. Trần Quốc Vượng, ...Văn hóa học đại cương, Nxb Giáo dục, H. 1998

[3]. Nguyễn Từ Chi (1996), *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*. Nxb VHTT, Hà Nội.

[4]. Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*. Nxb Văn hóa Thông tin, HN.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

STT	Tên chương	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Văn hóa và văn hóa học	1.1.Khái niệm 1.2. Tính chất và chức năng của văn hóa 1.3. Đặc trưng và cấu trúc văn hóa 1.4. Các loại hình văn hóa	3	[1]. [2], [3], [4].
2	Chương 2. Tọa độ văn hóa Việt Nam	2.1. Chủ thể văn hóa Việt Nam 2.2. Không gian văn hóa (lãnh thổ văn hóa Việt Nam) 2.2.1. Tam giác không gian tam giác Việt Nam. 2.2.2. Các vùng văn hóa Việt Nam 2.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam 2.4.1. Lớp văn hóa bản địa 2.4.2. lớp văn hóa gia lưu với Trung Hoa và khu vực 2.5. Lớp văn hóa giao lưu với văn hóa phương Tây và thế giới	5	[1]. [2], [3], [4].
3	Chương 3: Văn hóa nhận thức	3.1. Nhận thức về vũ trụ 3.1.1. Xuất phát từ bản chất vũ trụ 3.1.2. Xuất pháp từ cấu trúc không gian vũ trụ; 3.1.3. Xuất phát từ cấu trúc thời gian vũ trụ. 3.2. Nhận thức về con người 3.2.1. Quan niệm con người tự nhiên 3.2.2. Quan niệm con người xã hội	5	[1]. [2], [3], [4].
4	Chương 4:Văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng	4.1. Tổ chức cộng đồng gia tộc 4.2 Tổ chức làng xã 4.3. Tổ chức đô thị. 4.4. Tổ chức quốc gia	4	[1]. [2], [3], [4].
5	Chương 5. Văn hóa tổ sống cá nhân	5.1. Tín ngưỡng 5.2. Phong tục 5.3. Nghi lễ - lễ hội 5.4. Giao tiếp – nghệ thuật ngôn từ 5.5. Nghệ thuật thanh sắc và nghệ thuật hình khối	4	[1]. [2], [3], [4].

STT	Tên chương	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
6	Chương 6: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên	6.1. Ăn 6.2. Ở và đi lại 6.3. Mặc	4	[1]. [2], [3], [4].
7	Chương 7: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	7.1.Tiếp nhận văn hóa Ấn độ 7.2.Tiếp nhận văn hóa Trung Hoa 7.3.Tiếp nhận văn hóa phương Tây 7.4. Tính dung hợp của văn hóa Việt Nam	4	[1]. [2], [3], [4].
8	Chương 8: Văn hóa Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại	8.1. Hằng số văn hóa Việt Nam 8.2. Bản sắc văn hóa Việt Nam 8.3. Giá trị văn hóa tiêu biểu 8.4. Văn hóa Việt Nam trước công nghiệp hóa, hiện đại hóa	1	[1]. [2], [3], [4].

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 70%

(Trọng số điểm bộ phận <=40%; Hiện nay từ 10-15%; Còn lại là trọng số thi=100-Trọng số bộ phận)

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	0.5%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	1%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	0.5%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.	1%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá	7%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: thang điểm 10, theo các bậc: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
		TS.Buôn Krông Tuyết Nhung

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH
Mã học phần: SP211001

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2/0; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: các học phần đại cương.

Học phần học trước: Không hoặc *Dẫn luận ngôn ngữ học* (đối với ngành có học phần này).

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Đoàn Thị Tâm; Số điện thoại: 0944.91.92.98; Email: doanthitam77@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Học phần *Tiếng Việt thực hành* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, phân tích câu, dùng từ và chính tả. Học phần có kết cấu 4 chương: *Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kĩ năng dùng từ; Rèn luyện kĩ năng chính tả.* Cuối mỗi chương đều có hệ thống câu hỏi ôn tập và bài tập.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức

Học phần *Tiếng Việt thực hành* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Bên cạnh việc cung cấp những kiến thức cơ bản về tiếng Việt, học phần đặc biệt chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kĩ năng sử dụng tiếng Việt. Việc thực hành này có tác dụng nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học, gắn với hoạt động dạy học và nghiên cứu của sinh viên hiện nay cũng như sau khi ra trường công tác.

3.1.2 Kỹ năng

Thông qua việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, môn học cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học. Đồng thời, rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Giúp người học tiếp thu kiến thức một cách chủ động bằng việc tích cực tham dự giờ lên lớp, tự tìm và đọc tài liệu, cập nhật thông tin, chuẩn bị và tham gia các thảo luận.

3.1.3 Thái độ

Giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn

giao tiếp. Bồi dưỡng thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1. Rèn luyện về văn bản	I.A.1. Trình bày được một số khái niệm về văn bản; các phong cách chức năng. I.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, cấu tạo của văn bản, liên kết trong văn bản; một số phong cách chức năng. I.A.3. Nhận diện được khái niệm, cấu tạo của văn bản, liên kết trong văn bản; một số phong cách chức năng.	I.B.1. Hiểu được khái niệm, cấu tạo của văn bản, liên kết trong văn bản; một số phong cách chức năng. I.B.2. Phân tích được khái niệm, cấu tạo của văn bản, liên kết trong văn bản; một số phong cách chức năng. I.B.3. Lí giải khái niệm, cấu tạo của văn bản, liên kết trong văn bản; một số phong cách chức năng.	I.C.1. So sánh được sự giống và khác nhau giữa một số phong cách chức năng I.C.2. Đánh giá được khái niệm, cấu tạo của văn bản, liên kết trong văn bản; một I.C.3. Vận dụng được tri thức đã học vào hoạt động thực tiễn (soạn thảo được một số loại văn bản khoa học, hành chính…)
Chương 2. Rèn luyện về câu	II.A.1. Trình bày được một số khái niệm câu. II.A.2. Ghi nhớ được khái niệm về câu; cách phân loại các loại câu. II.A.3. Nhận diện được khái niệm về câu; cách phân loại các loại câu; các lỗi về câu.	II.B.1. Hiểu được khái niệm về câu; cách phân loại các loại câu; các lỗi về câu. II.B.2. Phân tích được khái niệm về câu; cách phân loại các loại câu; các lỗi về câu. II.B.3. Lí giải khái niệm về câu; cách phân loại các loại câu; các lỗi về câu.	II.C.1. So sánh được sự giống và khác nhau giữa các kiểu câu. II.C.2. Đánh giá được khái niệm về câu; cách phân loại các loại câu; các lỗi về câu. II.C.3. Vận dụng được tri thức đã học vào hoạt động giao tiếp.
Chương 3. Rèn luyện về từ	III.A.1. Trình bày được một số khái niệm về từ và các đơn vị từ vựng. III.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, khái niệm về từ và các đơn vị từ vựng; thành ngữ, tục ngữ. III.A.3. Nhận diện được các đơn vị từ vựng, cách cấu tạo các đơn vị từ vựng; cách dùng từ sai.	III.B.1. Hiểu được khái niệm, khái niệm về từ và các đơn vị từ vựng; thành ngữ, tục ngữ. III.B.2. Phân tích được khái niệm, khái niệm về từ và các đơn vị từ vựng; thành ngữ, tục ngữ. III.B.3. Lí giải khái niệm, khái niệm về từ và các đơn vị từ vựng; thành ngữ, tục	III.C.1. So sánh được sự giống và khác nhau từ láy và từ ghép, từ Hán Việt và từ thuần Việt. III.C.2. Đánh giá được sự giống và khác nhau từ láy và từ ghép, từ Hán Việt và từ thuần Việt. III.C.3. Vận dụng được tri thức đã học vào hoạt động giao tiếp.

		ngữ.	
Chương 4. Rèn luyện về chính tả	IV.A.1. Trình bày được một số khái niệm về chuẩn chính tả, các quy định của chính tả tiếng Việt, IV.A.2. Ghi nhớ được các quy định của chính tả tiếng Việt và các mẹo sửa lỗi chính tả thường gặp. IV.A.3. Nhận diện được các quy định của chính tả tiếng Việt và các mẹo sửa lỗi chính tả thường gặp.	IV.B.1. Hiểu được khái niệm về chuẩn chính tả, các quy định của chính tả tiếng Việt. IV.B.2. Phân tích được khái niệm về chuẩn chính tả, các quy định của chính tả tiếng Việt, IV.B.3. Lí giải khái niệm về chuẩn chính tả, các quy định của chính tả tiếng Việt,	IV.C.1. So sánh được sự giống và khác nhau về lỗi chính tả giữa các vùng phương ngữ IV.C.2. Đánh giá được khái niệm về chuẩn chính tả, các quy định của chính tả tiếng Việt. IV.C.3. Vận dụng được tri thức đã học vào hoạt động giao tiếp.

4. Tài liệu học tập:

[1]. Đoàn Thị Tâm (2013). *Giáo trình Tiếng Việt thực hành,* Thư viện Đại học Tây Nguyên.

[2]. Vương Thị Kim Thanh (2005). *Kỹ thuật soạn thảo và trình bày văn bản,* NXB Thống kê.

5. Tài liệu tham khảo:

[3]. Trần Trí Dõi (1997). *Bài tập Tiếng Việt thực hành*, NXB GD, Hà Nội.

[4]. Hữu Đạt (1995). *Tiếng Việt thực hành*, NXB GD, Hà Nội.

[5]. Nguyễn Công Đức (2007). *Tiếng Việt thực hành và soạn thảo văn bản*, NXB GD, Hà Nội.

[6]. Hà Thúc Hoan (2007). *Tiếng Việt thực hành*, NXB Tổng hợp TP, Hồ Chí Minh.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có): Không

6.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có): Không.

6.4. Phần khác (nếu có): Không.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1. Rèn luyện về văn bản **Nội dung:** 1.1. Khái quát về văn bản 1.2. Các phong cách chức năng Câu hỏi ôn tập và bài tập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học.	LT: 10 tiết	[1], [2], [3], [4], [5], [6].

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu. - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.		
	Chương 2. Rèn luyện về câu 2.1. Câu trong hoạt động giao tiếp 2.2. Dấu câu 2.3. Một số thao tác rèn luyện về câu 2.4. Câu sai Câu hỏi ôn tập và bài tập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.	LT: 10 tiết	[1], [2], [3], [4], [5], [6].
	Chương 3. Rèn luyện về từ 3.1. Các lớp từ tiếng Việt 3.2. Nghĩa của từ 3.3. Khắc phục một số lỗi dùng từ thường gặp Câu hỏi ôn tập và bài tập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.	LT: 5 tiết	[1], [2], [3], [4], [5], [6].
	Chương 4. Rèn luyện về chính tả 4.1. Quy tắc viết hoa 4.2. Quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài. 4.3. Khắc phục một số lỗi chính tả Câu hỏi ôn tập và bài tập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trao đổi xoay quanh nội dung bài học. **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 5 tiết	[1], [2], [3], [4], [5], [6].

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép. **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** Giảng đường.		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

(Trọng số điểm bộ phận <=40%; Hiện nay từ 10-15%; Còn lại là trọng số thi=100-Trọng số bộ phận)

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	7%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá:

(Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên, nên đảm bảo mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)

- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

TS. Đoàn Thị Tâm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG

Mã học phần: SP211006

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc/Tự chọn

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trương Thị Hiền; Số điện thoại: 0905091558;

Email: truongthihien.xhh@gmail.com.

Giảng viên 2: Họ và tên: Phạm Trọng Lượng; Số điện thoại: 0915855887;

Email: luonganthro@gmail.com.

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: khái quát về khoa học xã hội học; phương pháp nghiên cứu xã hội học; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tướng tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

– Nhận thức được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học, đặc trưng trong tiếp cận xã hội học và lịch sử hình thành phát triển của xã hội học.

– Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình điều tra xã hội học thực nghiệm.

– Có hiểu biết về các chủ đề chính trong nghiên cứu xã hội học: cơ cấu xã hội; cá nhân và xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội; sự điều tiết của xã hội; chuyển biến xã hội.

3.1.2 Kỹ năng:

- Có thói quen chú ý, quan sát, ghi nhận các sự kiện, hiện tượng diễn ra trong cuộc sống.

- Có khả năng vận dụng tri thức xã hội học để giải thích một số sự kiện, hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội.

- Bước đầu có khả năng sử dụng, phối hợp các phương pháp thu thập thông tin trong điều tra xã hội học.

3.1.3 Thái độ:

- Biểu hiện sự ham thích trong lý giải các hiện tượng xã hội.

- Tích cực hưởng ứng, sẵn sàng tham gia các cuộc điều tra xã hội học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1	I.A.1. Trình bày được khái niệm xã hội học I.A.2. Ghi nhớ các nội dung chính của chương 1	I.B.1. Hiểu được khái niệm xã hội học I.B.2. Phân tích được đặc trưng tiếp cận xã hội học	I.C.1. So sánh được tiếp cận xã hội học với các tiếp cận của tâm lý học, luật học, kinh tế học, giáo dục học… I.C.2. Đánh giá được ý nghĩa của việc tiếp nhận tri thức xã hội học
Chương 2	I.A.1. Trình bày được các điều kiện cho sự ra đời của xã hội học I.A.2. Ghi nhớ các nhà sáng lập ra xã hội học	I.B.1. Hiểu được vì sao xã hội học ra đời ở châu Âu vào đầu thế kỷ 19 I.B.2. Phân tích được một số quan điểm của các nhà sáng lập xã hội học	I.C.1. Chứng minh được xã hội học ra đời ở châu Âu vào đầu thế kỷ 19 là một tất yếu lịch sử xã hội I.C.2. Vận dụng được một số quan điểm của các nhà xã hội học trong việc phân tích một số hiện tượng xã hội
Chương 3	I.A.1. Trình bày được các khái niệm cơ bản trong xã hội học I.A.2. Ghi nhớ các chủ đề cơ bản trong xã hội học	I.B.1. Hiểu được các khái niệm: vị thế xã hội, vai trò xã hội, hành động xã hội, tương tác xã hội, xã hội hóa cá nhân, lệch lạc xã hội, phân tầng xã hội, di động xã hội. I.B.2. Lý giải được một số hiện tượng có liên quan tới các khái niệm trên	I.C.1. Vận dụng các khái niệm trong việc phân tích một số hiện tượng xã hội. I.C.2. Vận dụng các khái niệm trong việc nâng cao kỹ năng sống
Chương 4	I.A.1. Trình bày được các bước trong nghiên cứu xã hội học I.A.2. Ghi nhớ các phương pháp thu thập thông tin trong điều tra xã hội học	I.B.1. Hiểu được ưu, nhược điểm của các phương pháp thu thập thông tin	I.C.1. Vận dụng phương pháp điều tra xã hội học trong nghiên cứu một số chủ đề

4. Tài liệu học tập:

[1]. Lê Ngọc Hùng (2001). *Xã hội học*. Nhà xuất bản Giáo dục. Hà Nội

[2]. Trần Hữu Quang (1993). *Xã hội học nhập môn*. Trường ĐHTH TP. Hồ Chí Minh.

[3]. Nguyễn Xuân Nghĩa (2010). *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*. Nxb Phương Đông

[4]. Trương Thị Hiền (2011). *Bài giảng Xã hội học đại cương*. Trường Đại học Tây Nguyên.

[5]. Tài liệu phát tay. *Các bài viết đăng báo và tạp chí có liên quan*.

5. Tài liệu tham khảo:

[6]. Trần Thị Kim Xuyến (2005). *Nhập môn xã hội học*. Nxb ĐHQGTP.Hồ Chí Minh

[7]. Phạm Văn Quyết (2005). *Phương pháp nghiên cứu xã hội học*. Nxb ĐHQG HN

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1. Đối tương, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu của xã hội học **Nội dung** 1.1. Khái niệm xã hội học 1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.3. Cơ cấu của xã hội học 1.4. Chức năng nghiên cứu của xã hội học 1.5. Nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học 1.6. Đặc trưng trong tiếp cận xã hội học **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đặc trưng trong tiếp cận xã hội học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 4 tiết	[1], [2], [4]: chương 1
	Chương 2. Lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học **Nội dung:** 2.1. Điều kiện cho sự ra đời của môn xã hội học 2.1.1. Điều kiện kinh tế - xã hội	LT: 4 tiết	[1], [2], [4]: chương 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1.2. Điều kiện chính trị - tư tưởng 2.1.3. Tiền đề lý luận, phương pháp luận khoa học 2.2. Một số nhà xã hội học sáng lập **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Các điều kiện cho sự ra đời của xã hội học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 3. Một số chủ đề cơ bản trong nghiên cứu xã hội học 3.1. Cơ cấu xã hội *3.1.1. Vị thế xã hội* *3.1.2. Vai trò xã hội* *3.1.3. Nhóm xã hội* *3.1.4. Tổ chức xã hội* *3.1.5. Thiết chế xã hội* 3.2. Hành động xã hội và tương tác xã hội *3.2.1. Hành động xã hội* *3.2.2. Tương tác xã hội* 3.3. Cá nhân và xã hội *3.3.1. Con người xã hội* *3.3.2. Xã hội hóa cá nhân* 3.4. Sự điều tiết của xã hội *3.4.1. Chuẩn mực xã hội* *3.4.2. Giá trị xã hội* *3.4.3. Nghi lễ và biểu tượng* 3.5. Bình đẳng, bất bình đẳng và phân tầng xã hội *3.5.1. Bình đẳng, bất bình đẳng xã hội*	LT: 18 tiết	[1], [2], [4]: chương 3,4 [5]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.5.2 Phân tầng xã hội 3.6. Chuyển biến xã hội *3.6.1. Xung đột* *3.6.2 Canh tân* *3.6.3 Quảng bá* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Các đường hướng xác lập vị thế xã hội; các hiện tượng xảy ra khi thực hiện vai trò xã hội; tương tác xã hội; hành động xã hội; phân tầng xã hội; lệch lạc xã hội. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 4. Phương pháp nghiên cứu xã hội học 4.1. Lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu 4.2. Các phương pháp thu thập thông tin *4.2.1. Phân tích tài liệu* *4.2.2. Quan sát* *4.2.3. Phỏng vấn* *4.2.4. Bảng hỏi* 4.3. Xử lý thông tin trong điều tra xã hội học **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Ưu, nhược điểm của các phương pháp thu thập thông tin trong điều tra xã hội học. - Bài tập: Soạn thảo các công cụ thu thập thông tin. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi …	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[3] [4]: chương 3 [5]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	1%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Đảm bảo mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG

Mã học phần: SP211007

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc/Tự chọn

Giảng viên giảng dạy học phần:

**** Họ và tên: Lê Thị Thúy An***

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ Lịch sử
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm – Trường Đại học Tây Nguyên
- Điện thoại: 0978.069.599
- Email: thuyandhtn@gmail.com.

**** Họ và tên: Trần Tấn Hải***

- Chức danh: Giảng viên, Thạc sĩ Lịch sử
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Sư phạm – Trường Đại học Tây Nguyên
- Điện thoại: 0914.142.045
- Email: tanhai.dhtn@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Lịch sử Việt Nam đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống các giai đoạn phát triển trong tiến trình vận động của Lịch sử Việt Nam từ thời nguyên thủy, cổ - trung đại, cận – hiện đại. Toàn bộ học phần trình bày đầy đủ, hệ thống tiến trình lịch sử dân tộc từ nguồn gốc cho đến hiện nay.

3. Mục tiêu của học phần: Sau khi học xong học phần này, sinh viên đạt được:

3.1. Mục tiêu chung

- ***Kiến thức:***

Sinh viên mô tả được tiến trình lịch sử dân tộc qua các thời kì lịch sử (Việt Nam thời nguyên thủy, cổ - trung đại, cận – hiện đại) và các nội dung chủ yếu của từng thời kì lịch sử.

Hiểu được các quy luật lịch sử và biết vận dụng các quy luật đó trong nhận thức, học tập, giảng dạy và nghiên cứu lịch sử.

- ***Kỹ năng:***

Sinh viên có kĩ năng tư duy lý luận, so sánh, đối chiếu, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

Hình thành được kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức lịch sử cho học các môn học khác, cũng như trong nhìn nhận, đánh giá, giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội hiện nay.

Có kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan và sử dụng tài liệu, tư liệu lịch sử.

Bước đầu hình thành một số kỹ năng cơ bản: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tóm tắt tài liệu học tập, kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm, kĩ năng trình bày, thuyết trình một vấn đề...

- ***Thái độ***

Có lòng yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về những truyền thống tốt đẹp trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta.

Có thái độ trân trọng, có ý thức bảo tồn, giữ gìn đối với những di tích lịch sử - văn hóa của dân tộc, củng cố thêm niềm tin vào tiền đồ rạng rỡ của đất nước.

Hình thành thái độ đúng đắn, có sự yêu thích đối với việc học tập môn Lịch sử, cũng như niềm đam mê tìm hiểu lịch sử.

Giới thiệu được Lịch sử Việt Nam với thế giới.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1. VIỆT NAM TỪ THỜI TIỀN SỬ ĐẾN THỜI DỰNG NƯỚC	I.A.1. Trình bày được khái niệm Công xã thị tộc, Nhà nước, Văn hóa, Văn minh. I.A.2. Ghi nhớ được các nội dung chính của chương 1	I.B.1. Hiểu được nguồn gốc ra đời Nhà nước, điều kiện hình thành nền văn minh Sông Hồng. I.B.2. Phân tích được đặc trưng của nền Văn minh Sông Hồng.	I.C.1. So sánh được công xã thị tộc – công xã nông thôn; văn hóa – văn minh; sự khác nhau về kinh tế, chính trị, xã hội của ba nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; Chăm-pa và Phù Nam. I.C.2. Đánh giá được ý nghĩa của cách mạng đá mới, sự ra đời Nhà nước, nền Văn minh Sông Hồng…

Chương 2. **VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ BẮC THUỘC (179 TCN-938)**	I.A.1. Trình bày được chính sách cai trị của các Triều đại phong kiến phương Bắc và những chuyển biến về kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta thời Bắc thuộc. - Mô tả được những nét khái quát về phong trào đấu tranh của nhân dân ta thời Bắc thuộc và những cuộc đấu tranh tiêu biểu. I.A.2. Ghi nhớ được các nội dung chính của chương 2.	I.B.1. Hiểu được âm mưu và thủ đoạn cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc. I.B.2. Phân tích được sự phát triển của ý thức dân tộc trong hơn 1000 năm Bắc thuộc.	I.C.1. Lý giải được nguyên nhân thất bại của phương Bắc. I.C.2. Vận dụng được kiến thức đã học để bảo tồn giá trị văn hóa, nền độc lập dân tộc trong bối cảnh hiện nay.
Chương 3. **VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ X ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIV**	I.A.1. Trình bày được các khái niệm phong kiến, các quan điểm phân kì lịch sử Việt Nam thời phong kiến. I.A.2. Ghi nhớ được tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giai đoạn X - XIV	I.B.1. Hiểu được bản chất của chế độ phong kiến. I.B.2. Phân tích được nguyên nhân thất bại, thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm…	I.C.2. Đánh giá được đóng góp, hạn chế của một số triều đại: Nhà Hồ, Nhà Mạc, Nhà Nguyễn… I.C.3. Vận dụng được kiến thức lịch sử thời kì này để tìm hiểu các vấn đề hiện nay: Mối quan hệ Việt Nam – Trung Quốc; di tích lịch sử - văn hóa…

Chương 4. **VIỆT NAM THẾ KỶ XV**	I.A.1. Trình bày tình hình Đại Việt thời Lê sơ. I.A.2. Ghi nhớ những nội dung về chính trị, kinh tế, văn hóa, kháng chiến chống ngoại xâm thời kì này.	I.B.1. Hiểu được sự xác lập chế độ phong kiến thời Lê sơ. I.B.2. Phân tích được nguyên nhân thất bại của cuộc các cuộc kháng chiến chống Minh thời nhà Hồ.	I.C.1. Đánh giá triều Hồ và Hồ Quý Ly.
Chương 5. **VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XVIII**	I.A.1. Trình bày tình hình Đại Việt từ thế kỉ XVI – XVIII: Nội chiến, sự chia cắt đất nước thành 2 Đàng và những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa ở Đàng Trong, Đàng Ngoài. I.A.2. Ghi nhớ những nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.1. Hiểu được sự phát triển của chế độ phong kiến trong bối cảnh đất nước chia cắt.	I.C.1. Đánh giá triều Mạc và Mạc Đăng Dung.
Chương 6. **VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ XVIII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX**	I.A.1. Trình bày tình hình Đại Việt từ thế kỉ XVIII đến giữa XIX: Sự khủng hoảng của chế độ phong kiến, phong trào đấu tranh của nông dân… I.A.2. Ghi nhớ những nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.1. Hiểu được sự khủng hoảng của chế độ phong kiến ở Việt Nam, nguyên nhân của khởi nghĩa nông dân… I.B.2. Phân tích được những đóng góp của phong trào Tây Sơn với lịch sử dân tộc.	

Chương 7. **VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX (1858- 1896)**	I.A.1. Trình bày được tình hình Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX; âm mưu và quá trình trính xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và phong trào yêu nước chống pháp của nhân dân ta. I.A.2. Ghi nhớ các nội dung chính của lịch sử Việt Nam giai đoạn này.	I.B.2. Phân tích được nguyên nhân thất bại của các cuộc kháng chiến chống Pháp của nhà Nguyễn và các cuộc đấu tranh trong thời kì này.	I.C.1. Vận dụng được kiến thức đã học với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo hiện nay. I.C.2. Đánh giá được công và tội của nhà Nguyễn trong việc để mất nước ta vào tay thực dân Pháp.
Chương 8. **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CUỐI CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT**	I.A.1. Trình bày được chương trình và tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Phong trào yêu nước và cách mạng ở nước ta đầu thế kỉ XX. I.A.2. Ghi nhớ được các nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.2. Phân tích được nguyên nhân thất bại của các cuộc đấu tranh trong thời kì này.	
Chương 9. **VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 1930**	I.A.1. Trình bày được chương trình và tác động của khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp. Và phong trào cách mạng theo hai khuynh hướng: tư sản và vô sản giai đoạn này. I.A.2. I.A.2. Ghi nhớ được các nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.1. Hiểu được quá trình chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam. I.B.2. Phân tích được khả năng cách mạng của các giai cấp.	I.C.1. Lý giải được sự ra đời của Đảng là sự sàng lọc, lựa chọn nghiêm khắc của lịch sử dân tộc. I.C.2. Đánh giá được công lao của Nguyễn Ái Quốc với cách mạng Việt Nam từ 1911 – 1930.

Chương 10. **VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1945**	I.A.1. Trình bày được quá trình chuẩn bị mọi mặt của Đảng ta cho cách mạng tháng tám – 1945. I.A.2. Ghi nhớ được các nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.1. Hiểu được khái niệm thời cơ, khởi nghĩa từng phần, tổng khởi nghĩa… I.B.2. Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám – 1945.	I.C.1. So sánh được điểm giống và khác nhau giữa Cương lĩnh chính trị và Luận cương chính trị. I.C.2. Đánh giá được vai trò của Đảng với thắng lợi của cách mạng tháng Tám – 1945.
Chương 11. **VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MỚI (1945- 1954)**	I.A.1. Trình bày được đường lối kháng chiến và những thắng lợi của nhân dân ta trong kháng chiến chống Pháp. I.A.2. Ghi nhớ được các nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.1. Hiểu được đường lối kháng chiến của Đảng. I.B.2. Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.	I.C.2. Đánh giá được vai trò lãnh đạo của Đảng với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.
Chương 12. **VIỆT NAM TỪ NĂM 1954- 1975**	I.A.1. Trình bày được đường lối kháng chiến và những thắng lợi của nhân dân ta trong kháng chiến chống Mĩ. I.A.2. Ghi nhớ được các nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.1. Hiểu được đường lối kháng chiến của Đảng; âm mưu và thủ đoạn các chiến lược chiến tranh của Mĩ. I.B.2. Phân tích được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ.	I.C.1. So sánh được sự khác nhau giữa các chiến lược chiến tranh của Mĩ. I.C.2. Đánh giá được vai trò lãnh đạo của Đảng với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mĩ.
Chương 13. **VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY**	I.A.1. Trình bày được đường lối và thành tựu đổi mới của Đảng. I.A.2. Ghi nhớ được những nội dung chính của giai đoạn lịch sử này.	I.B.1. Hiểu được nguyên nhân đưa ra đường lối Đổi mới của Đảng.	I.C.2. Đánh giá được thành tựu, hạn chế của công cuộc Đổi mới của Đảng ta từ năm 1986.

4. Tài liệu học tập:

[1]. Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên) (2009), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo Dục.

[2]. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (2002), *Đại cương lịch sử Việt Nam* (Tập 1,2,3), NXB GD.

[3]. Trần Tấn Hải, *Bài giảng Lịch sử Việt Nam đại cương*, Thư viện Trường ĐH Tây Nguyên.

5. Tài liệu tham khảo:

[4]. Hội khoa học Lịch Sử Việt Nam (2000), *Mạc Đăng Dung và vương triều Mạc*, NXB Hải Phòng.

[5]. Trung tâm KHXH – Viện Sử học (1996), *Vương triều Mạc (1527 – 1592*), NXB KHXH

[6]. Nguyễn Danh Phiệt (1997), *Hồ Quý Ly*, Viện sử học và NXB Văn hóa thông tin, HN.

[7]. Phan Huy Lê, Bùi Đăng Dũng, Phan Đại Doãn, Phạm Thị Tâm, Trần Bá Chí (1998), *Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc,* NXB Quân đội nhân dân, HN.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1. **VIỆT NAM TỪ THỜI TIỀN SỬ ĐẾN THỜI DỰNG NƯỚC** 1.1. Việt Nam thời tiền Sử 1.2. Việt Nam thời dựng nước **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đặc trưng của nền văn minh sông Hồng. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	02	[1,2,3] Chương 1; tập 1.
	Chương 2. VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ BẮC THUỘC (179 TCN-938) 2.1. Từ sau thất bại của nước Âu Lạc đến sự thành lập nhà nước	02	[1, 2, 3] Chương 2; tập 1.

	Vạn Xuân. 2.2. Mấy nét về sự hình thành và phát triển của các vương quốc cổ Chăm Pa, Phù Nam. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau về chính trị, kinh tế, xã hội của Văn Lang – Âu Lạc; Chăm-pa; Phù Nam. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 3. VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ X ĐẾN CUỐI THẾ KỶ XIV 3.1. Việt Nam ở nửa cuối thế Kỷ thứ X. 3.2. Các vương triều Lý- Trần - Hồ. 3.3. Văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần - Hồ. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đánh giá nhà Hồ và Hồ Quý Ly **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	03	[1, 2, 3, 4, 5,6,7] Chương 3; tập 1.
	Chương 4. VIỆT NAM THẾ KỶ XV 4.1. Chính sách đô hộ của nhà Minh 4.2. Đại việt thời Lê Sơ **Hình thức tổ chức dạy học:**	02	[1,2,3] Chương 4; tập 1.

	- Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 5. VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XVIII 5.1. Tình hình chính trị. 5.2. Sự phát triển của kinh tế hàng hóa. 5.3. Tình hình văn hóa. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	02	[1,2,3] Chương 5; tập 1.
	Chương 6. VIỆT NAM TỪ GIỮA THẾ KỶ XVIII ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX 6.1. Khủng hoảng ở Đàng ngoài. 6.2. Khủng hoảng ở Đàng trong. 6.3. Phong trào Tây Sơn. 6.4. Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đánh giá công lao của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi …	03	[1,2,3] Chương 6; tập 1.

	Hình thức đánh giá: - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 7. VIỆT NAM NỬA CUỐI THẾ KỈ XIX (1858-1896) 7.1. Việt Nam trước âm mưu xâm lược của thực dân Pháp 7.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân pháp(1858- 1896) 7.3. Phong trào cần vương(1885 - 1896) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Công và tội của nhà Nguyễn trong việc để mất nước ta vào tay thực dân Pháp. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	03	[1,2,3] Chương 7; tập 2.
	Chương 8. VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN CUỐI CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT 8.1. Xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. 8.2. Những điều kiện mới của phong trào dân tộc. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:**	02	[1,2,3] Chương 8; tập 2.

	- Giảng đường		
	Chương 9. VIỆT NAM TỪ SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI LẦN THỨ NHẤT ĐẾN NĂM 1930 9.1. Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp 9.2. Phong trào cách mạng Việt Nam trong những năm 1919-1925. 9.3. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Vì sao nói sự ra đời của Đảng đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam? **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	02	[1,2,3] Chương 9; tập 2.
	Chương 10. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1930 – 1945 10.1. Tình hình Việt Nam trong những năm 1930-1931; 1936-1939. 10.2. Tình hình cách mạng Việt Nam trong những năm 1939-1945. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	03	[1,2,3] Chương 10; tập 3.

	Chương 11. **VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ XÂY DỰNG CHẾ DỘ DÂN CHỦ MỚI (1945- 1954)** 11.1. Xây dựng và bảo vệ nhà nước dân chủ nhân dân trong giai đoạn đầu (1945- 1946). 11.2. Sự bùng nổ và tiến trình của cuộc kháng chiến toàn quốc . **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	02	[1,2,3] Chương 11; tập 3.
	Chương 12. VIỆT NAM TỪ NĂM 1954- 1975 12.1. Miền Bắc xây dựng CNXH và tích cực chi viện cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân miền nam. 12.2. Miền Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước, tiến tới thống nhất nước nhà (1954-1975). **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: So sánh sự khác nhau giữa các chiến lược chiến tranh của Mĩ. - Bài tập: Soạn thảo các công cụ thu thập thông tin. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	02	[1,2,3] Chương 12; tập 3.
	Chương 13. VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY	02	[1,2,3]

	13.1. Thời kỳ cả nước tiến lên xây dựng CNXH (1976-1986). 13.2. Thời kỳ đổi mới (1986 đến nay). **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		Chương 13; tập 3.

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	1%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Đảm bảo mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày 02 tháng 12 năm 2016

TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

LÊ THỊ THÚY AN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI
Mã học phần: SP211008

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Tấn Hải; Số điện thoại: 0914142045;
Email: tanhai.dhtn@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nền văn hoá, văn minh của nhân loại qua các thời đại vô cùng phong phú và độc đáo, là kho tàng tri thức vô tận đối với con người. Sinh viên cần trang bị những kiến thức về Lịch sử văn minh nhân loại vừa giúp cho người học làm giàu vốn kiến thức, vừa rèn luyện phương pháp tư duy lịch sử, qua đó giúp người học có thể luận giải những vấn đề thuộc về văn hoá, văn minh, điều mà hầu hết người học còn mơ hồ. Đồng thời, qua học phần này, người học sẽ nhận thấy sự sáng tạo liên tục và kì diệu của nhân loại, đời sống của nhân không ngừng được tiến bộ nhờ vai trò của văn hoá, văn minh, và đấy cũng là tư tưởng nhân văn sâu sắc qua việc học tập và nghiên cứu học phần này. Cuối cùng, điều tất yếu phải được thừa nhận rằng, những kiến thức của học phần lịch sử văn minh thế giới sẽ giúp cho người học tiếp thu tốt kiến thức của tất cả các học phần khoa học xã hội và nhân văn khác.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản sau: Các khái niệm *văn hoá, văn minh*, nguồn gốc văn minh; các nền văn minh lớn trong lịch sử; sự giao thoa giữa các nền văn minh; cơ sở hình thành, đặc trưng và những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh phương Đông và nền văn minh phương Tây qua các thời đại.

3.1.2 Kỹ năng:

Học phần Lịch sử văn minh thế giới giúp sinh viên trang bị những kĩ năng cần thết cho người học như kĩ năng phân tích, kĩ năng so sánh đối chiếu, kĩ năng vận dụng.

3.1.2 Thái độ:

Học phần giúp sinh viên có thái độ yêu thích môn học, ham học, tự học; có thái độ trân trọng những thành tựu văn hoá, văn minh của các dân tộc trên thế giới.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I	I.A.1. Trình bày tổng quan về Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại, A rập trung đại; những thành tựu chủ yếu của văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, A rập . I.A.2. Ghi nhớ những thành tựu của văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại, A rập. I.A.3. Nhận diện những thành tựu của văn minh Ai Cập, Lưỡng	I.B.1. Hiểu bản chất của sự hình thành nhà nước cổ đại. I.B.2. Phân tích bản chất nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà, A rập. I.B.2. Lý giải các vấn đề liên quan đến nguồn gốc của nhà nước, bản chất của nhà nước.	I.C.1. So sánh nhà nước cổ đại Ai Cập với nhà nước cổ đại khác ở phương đông I.C.2. Đánh giá ưu điểm, hạn chế của nhà nước Ai Cập cổ đại; thành tựu và hạn chế của văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà và A rập; chỉ ra nét riêng của việc

	Hà, A rập.		hình thành nhà nước A rập. I.C.3. Vận dụng kiến thức về nhà nước Ai Cập, Lưỡng Hà để học tập về nguồn gốc và lịch sử của nhà nước; vận dụng thành tựu văn học, khoa học tự nhiên, tôn giáo vào trong việc học tập, nghiên cứu và trong cuộc sống.
Chương II	II.A.1. Trình bày được những vấn đề về địa lí, dân cư và sơ lược về lịch sử Trung Quốc. II.A.2. Ghi nhớ những mốc quan trong trong lịch sử Trung Quốc II.A.3. Nhận diện được những thành tựu văn minh Trung Quốc	II.B.1. Phân tích, làm rõ vai trò, ý nghĩa, tác dụng của những thành tựu văn minhTrung Quốc đối với sự phát triển của Trung Quốc và các quốc gia phương Đông	II.C.Xác định chính xác các mốc quan trọng trong lịch sử Trung Quốc thông qua phương pháp trình bày, giảng giải. II.C. Phân tích, đánh giá những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Trung Quốc;vận dụng, liên hệ những thành tựu văn minh Trung Quốc để làm sáng tỏ đặc trưng văn hoá, văn minh Phương đông.
Chương III	III.A.1Trình bày được các thời kì, các mốc quan trọng của lịch sử Ấn Độ; trình bày được các thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Ấn Độ cổ trung đại.	III.B.1.Phân tích, làm rõ những nét riêng của lịch sử Ấn Độ cổ trung đại; phân tích, làm rõ những đặc trưng của nền văn minh Ấn Độ.	III.C.1.Trình bày, phân tích, làm nổi bậc những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Ấn Độ như văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng tôn giáo. III.C.2.Thông qua kiến thức về tư tưởng tôn giáo Ấn Độ, đặc biệt là Phật giáo, hình thành tư tưởng nhân văn cho người học.
Chương IV	IV.A.1.Trình bày tổng quan về lịch sử Hi Lạp và La Mã cổ đại; trình bày cơ sở hình thành và đặc trưng của văn minh Hi-La; trình bày những thành tựu tiêu biêu của nền văn minh Hi-La	IV.B.1.Phân tích, luận giải các vấn đề về chế độ chiếm nô Hi-La; về thể chế dân chủ chủ nô và cộng hoà chủ nô, về sự sụp đổ của chế độ chiếm hữu nô lệ La Mã.	IV.C.1.Cung cấp cho người học những tri thức chính xác về lịch sử Hi-La; các điều kiện về tự nhiên, kinh tế và xã hội của sự hình thành văn minh Hi-La; về đặc trưng văn minh Hi-La; về những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Hi-La như văn học, nghệ thuật,

			khoa học tự nhiên, triết học, tôn giáo. IV.C.2. Vận dụng những tri thức thuộc nền văn minh Hi-La để giải quyết những vấn đề về giá trị truyền thống văn minh phương tây và con người phương tây; luận giải về nguyên nhân phát triển của nền văn minh phương Tây qua mọi thời đại, nững đóng góp của nền văn minh phương tây cho sự phát triển của nhân loại.
ChươngV	V.A.1.Trình bày hoàn cảnh lịch sử; những thành tựu văn hoá Tây âu từ thế kỉ V đến thế kỉ X; thành tựu văn hoá Tây âu từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV; văn hoá Tây âu thời Phục hưng; sự tiến bộ về kĩ thuật; sự ra đời của đạo Tin lành; sự tiếp xúc giữa các nền văn minh.	V.B.1.Phân tích, làm rõ sự hình thành chế độ phong kiến Tây âu; về liên minh giữa chính quyền phong kiến và Giáo hội Thiên Chúa giáo; về sự khủng hoảng của nền văn minh Tây âu từ thế kỉ V đến thế kỉ X; về nguyên nhân nền văn minh Tây âu phát triển trong giai đoạn từ thế kỉ thứ XI đến thế kỉ XIV; những điều kiện mới về kinh tế và xã hội của thời kì văn hoá phục hưng; về nội dung, thành tựu và ý nghĩa của phong trào văn hoá phục hưng.	V.C.1.Tập trung làm nổi bậc những kiến thức cơ bản như sự hình thành chế độ phong kiến Tây âu; về hoàn cảnh lịch sử; về tình hình văn hoá từ thế kỉ V đến thế kỉ X; về nguyên nhân của sự phát triển văn hoá trong từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIV; về điều kiện lịch sử của thời kì văn hoá phục hưng; về nội dung tư tưởng, thành tựu và ý nghĩa của văn hoá phục hưng. V.C.2. Làm sáng tỏ sự chuyên chế của chính quyền phong kiến và giáo hội Ki-tô giá đã kìm hãm sự phát triển của nền văn hoá Tây âu; về những biến đổi kinh tế-xã hội dẫn đến những biến đổi về văn hoá; về vai trò của nền văn hoá phục hưng đối với sự phát triển của văn hoá phương tây. V.C.2. Hình thành cho người học phương pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến lịch sử, văn hoá một cách biện chứng, khoa học.

4. Tài liệu học tập:

[1] Vũ Dương Ninh (1998). *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục
2] Lê Phụng Hoàng (2000). *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Lương Ninh, Nguyễn Gia Phu (1998*). Đại cương lịch sử thế giới* (tập 1, tập 2), Nxb Giáo dục.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Văn minh Bắc Phi và Tây Á** 1.1. Văn minh Ai Cập cổ đại 1.1.1.Tổng quan về Ai Cập cổ đại 1.2.1. Những thành tựu chủ yếu của Văn minh Ai Cập cổ đại 1.2.1.1. Chữ viết 1.1.1.2. Văn học 1.1.1.3.Kiến trúc và điêu khắc 1.1.1.4. Khoa học tự nhiên 1.2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại 1.2.1. Tổng quan về Lưỡng Hà cổ đại 1.2.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Lưỡng Hà cổ đại 1.2.2.1. Chữ viết 1.2.2.2. Văn học 1.2.2.3. Luật pháp 1.2.2.3. Kiến trúc và điêu khắc 1.2.2.4. Toán học, thiên văn, y học 1.3. Văn minh A rập 1.3.1. Sơ lược về lịch sử A Rập 1.3.1. Đạo Hồi 1.3.4. Văn học nghệ thuật, khoa học – giáo dục 1.3.4.1. Văn học 1.3.4.2. Nghệ thuật 1.3.4.3. Khoa học tự nhiên 1.3.4.4. Giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu -Ghi chép **Hình thức đánh giá:** **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 6 tiết BT: 0 tiết	[1] Sinh viên đọc chương 1, các mục A, B, C.
2	**Chương 2. Văn minh Ấn Độ** 2.1. Tổng quan về Ấn Độ cổ trung đại 2.1.1. Địa lí và dân cư 2.2.2. Sơ lược lịch sử cổ trung đại Ấn Độ	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1] Sinh viên đọc chương 2, mục I, II,

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.2. Những thành tựu chính của văn minh Ấn Độ 2.2.1. Chữ viết 2.2.2. Văn học 2.2.3. Nghệ thuật 2.2.4. Khoa học tự nhiên 2.2.5. Tôn giáo 2.2.5.1. Đạo Bàlamôn – Đạo Hinđu 2.2.5.2. Đạo Phật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Chủ đề Phật giáo, nội dung về *minh triết Phật giáo* **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị nội dung thảo luận **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) (bản cứng, file, …) - Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) **Địa điểm học:** Giảng đường		III, IV, V
3	**Chương 3. Văn minh Trung Quốc** **3**.1 Tổng quan về Trung Quốc cổ trung đại 3.1.1. Địa lí và dân cư 3.1.2. Sơ lược lịch sử cổ trung đại Trung Quốc 3.2. Những thành tựu chính của văn minh Tung Quốc 3.2.1. Chữ viết 3.2.2. Văn học 3.2.3. Sử học 3.2.4. Khoa học tự nhiên 3.2.4.1. Toán học 3.2.4.2. Thiên văn và lịch pháp 3.2.4.3. Y dược học 3.2.5. Bốn phát minh lớn về kĩ thuật 3.2.6. Tư tưởng và tôn giáo **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nội dung về Nho giáo, chủ *đề minh triết Nho giáo* **Yêu cầu sinh viên**: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị nội dung thảo luận **Hình thức đánh giá** Báo cáo của nhóm trước lớp	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	1 Sinh viên đọc chương 3, mục I, II
4	**Chương 4. Văn minh Hi Lạp và La Mã cổ đại** 4.1. Tổng quan về Hi Lạp và La Mã cổ đại 4.1.1. Địa lí cư dân và sơ lược lịch sử Hi Hạp cổ đại 4.1.2. Địa lí cư dân và sơ lược lịch sử La Mã cổ đại 4.2. Những thành tựu chủ yếu của nền văn minh Hi-La cổ đại	LT: 6 tiết BT: 0 tiết	1Sinh viên đọc chương V, các mục I, II.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.2.1. Văn học 4.2.2. Sử học 4.2.3. Nghệ thuật 4.2.4. Khoa học tự nhiên 4.2.5. Triết học 4.2.5.1. Triết học duy vật 4.2.5.2. Triết học duy tâm 4.2.6. Sự ra đời và phát triển của đạo Kitô ở La Mã thời cổ đại **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nội dung về chính tri, chủ đề về *vai trò của nền dân chủ chủ nô đối với sự phát triển của nền văn minh Hi-La* **Yêu cầu sinh viên**: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị nội dung thảo luận **Hình thức đánh giá** Báo cáo của nhóm trước lớp		
5	**Chương 5. Văn minh Tây Âu thời trung đại** 5.1. Hoàn cảnh lịch sử 5.1.1. Sự thành lập các quốc gia mới ở Tây Âu 5.1.2. sự hình thành và phát triển của chế độ phong kiến 5.1.3. Vai trò và thế lực của giáo hội La Mã 5.2. Văn hoá Tây Âu từ thế kỉ V đến thế kỉ X 5.2.1. Tình hình chung về văn hoá, giáo dục và tư tưởng 5.2.2. Văn hoá phục hưng thời Carôlanhgiêng 5.3. Văn hoá Tây Âu từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIV 5.3.1. Sự thành lập các trường đại học 5.3.2. Triết học kinh viện 5.3.3. Văn học 5.3.4. Nghệ thuật kiến trúc 5.4. Văn hoá Tây Âu thời phục hưng 5.4.1. Điều kiện lịch sử 5.4.2. Những thành tựu chính 5.4.2.1. Văn học 5.4.2.2. Nghệ thuật 5.4.2.3. Khoa học tự nhiên và triết học 5.4.3.Nội dung tư tưởng và ý nghĩa 5.5. Sự tiến bộ về kĩ thuật 5.6. Sự ra đời của đạo Tin Lành 5.6.1. Vài nét về giáo hội Thiên chúa trước cuộc cải cách tôn giáo 5.6.2. Các phong trào cải cách tôn giáo và sự ra đời của đại Tin Lành 5.7. Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Nội dung về giáo dục, chủ đề về *những ưu việt của đại học Tây Âu thời trung đại* **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 10 BT: 0	1 Sinh viên đọc toàn bộ chương VI

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị nội dung thảo luận **Hình thức đánh giá** Báo cáo của nhóm trước lớp		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 80%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	4%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: - Trình bày: 30% tổng điểm
  - Phân tích, làm rõ bản chất: 40% tổng số điểm
  - Vận dụng, giải quyết vấn đề, liên hệ thực tiễn: 30% tổng số điểm
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày … tháng … năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Pháp 1
Mã học phần: FL211001

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 4 ; Số tín chỉ lý thuyết: 4
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: **Hoàng Minh Thu Hương**; Số điện thoại: 0935040108;
Email: hnghoang@yahoo.com
Giảng viên 2: Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ Liên**; Số điện thoại: 0914111080;
Email: mylien_dhtn@yahoo.com.vn
Giảng viên 3: Họ và tên: **Trần Quang Nhật**; Số điện thoại: 0972122019;
Email: nhatnga7485@gmail.com
Giảng viên 4: Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh Vân**; Số điện thoại: 0905338384;
Email: vantnuni@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Học phần Tiếng Pháp 1 gồm 21 bài của giáo trình Le Nouveau Taxi 1, từ bài 0 đến bài 20.

Học phần Tiếng Pháp 1 bao gồm các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày: gặp gỡ, chân dung, chỗ ở, phương tiện giao thông, thể thao, sinh hoạt hàng ngày, thực phẩm, trang phục, lễ hội. Các chủ đề này được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (verbe, temps présent, temps passé composé, forme affirmative, négative, mode impératif, nom (genre et nombre), adjectif qualificatif (genre et nombre), adjectif possessif (genre et nombre), adjectif interrogatif (genre et nombre), adjectif démonstratif (genre et nombre), pronoms sujets, pronoms toniques, pronoms COI (après l'impératif affirmatif), pronoms interrogatifs, adverbes interrogatifs, adverbe Y, article (indéfinis, définis, partitifs), interrogation, préposition (+ lieu/temps), parce que, …); thông qua từ vựng (nghề nghiệp, quốc tịch, sinh hoạt hàng ngày, màu sắc, đồ vật, trang phục, phương tiện giao thông, công việc, thức ăn, lễ hội, kỳ nghỉ, giải trí,….); thông qua các bài hội thoại thông thường.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày;
- Cung cấp cho người học một số kiến thức về đất nước, con người, xã hội và văn hóa, văn minh của nước Pháp và một số quốc gia nói tiếng Pháp.

3.1.2. Kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ: nghe hiểu, nói, đọc hiểu, viết

3.1.3. Thái độ:

- Tạo cho sinh viên có thái độ học tập tích cực: có ý thức trong việc tự nghiên cứu kiến thức để hoàn thành tốt môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1 OBJECTIFS LINGUISTIQUES	Bậc 2 OBJECTIFS COMMUNICATIFS	Bậc 3 SAVOIR-FAIRE
Chương 1: Rencontres	I.A.1. Hiểu được từ vựng về quốc tịch, số đếm. I.A.2. Chia ở số ít các động từ dùng trong câu giới thiệu tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ, quốc tịch, điểm đến. I.A.3. Phân biệt các từ loại và giống (đực/ cái) của một số từ	I.B.1. Trình bày được các mẫu câu chào hỏi, nhận diên người và giới thiệu. I.B.2. Trình bày được các mẫu câu hỏi tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ, quốc	I.C.1. Có thể tự giới thiệu về bản thân và giới thiệu người khác. I.C.2. Có thể làm quen hoặc hỏi thăm người khác. I.C.3. Có thể liên lạc với người khác qua thư

	loại (danh từ, tính từ sở hữu, tính từ nghi vấn, mạo từ, đại từ chủ ngữ, đại từ nghi vấn, giới từ).	tịch, điểm đến. I.B.3. Trình bày các mẫu câu nói về sở thích.	điện tử.
Chương 2: Portraits	II.A.1. Hiểu được từ vựng về màu sắc, đồ vật, đồ gỗ và trang phục I.A.2. Chia ở số nhiều các động từ dùng trong câu giới thiệu tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ, quốc tịch, điểm đến và chia động từ ở thể phủ định. I.A.3. Nhận biết các từ loại ở số nhiều và sự tương hợp giữa các từ loại (danh từ, tính từ tính chất, tính từ sở hữu, tính từ nghi vấn, tính từ chỉ định, mạo từ). I.A.4. Hiểu các đại từ trọng âm, đại từ và trạng từ nghi vấn, giới từ đi với bổ ngữ chỉ nơi chốn).	II.B.1. Gọi tên, chỉ định, nêu đặc tính và xác định vị trí người hoặc đồ vật. II.B.2. Diễn đạt sở hữu, sở thích. II.B.3. Nói về màu sắc và giá cả.	II.C.1. Có thể miêu tả và xác định vị trí đồ vật. IIC.2. Có thể nhận diện người. II.C.3. Có thể tham gia mua sắm.
Chương 3: Ça se trouve où ?	III.A.1. Hiểu được từ vựng về thành phố, định vị không gian, phương tiện giao thông. III.A.2. Chia động từ ở hiện tại và mệnh lệnh cách. III.A.3. Hiểu các đại từ trọng âm ở số nhiều, và trạng từ nghi vấn, giới từ đi với bổ ngữ chỉ nơi chốn). III.A.4. Hiểu các mạo từ tĩnh lược, trạng từ nơi chốn Y, đại từ bất định On, cấu trúc dùng để giới thiệu C'est.	III.B.1. Trình bày được mẫu câu xác định địa điểm trên bản đồ, cung cấp thông tin về vị trí và miêu tả chỗ ở. III.B.2. Trình bày được mẫu câu hỏi và chỉ đường. III.B.3. Trình bày được mẫu câu nói về phương tiện giao thông.	III.C.1. Có thể hiểu thông tin về quảng cáo mua bán bất động sản III.C.2. Có thể hỏi và chỉ đường. III.C.3. Có thể giới thiệu các thông tin liên quan đến du lịch.
Chương 4: Au rythme dy temps	IV.A.1. Hiểu được từ vựng về các nghề nghiệp và sinh hoạt hàng ngày. IV.A.2. Chia động từ thường và động từ phản thân ở thì hiện tại. IV.A.3. Hiểu và dùng được các tính từ, đại từ và trạng từ nghi vấn.	IV.B.1. Trình bày được mẫu câu hỏi đáp về ngày, giờ, nghề nghiệp. IV.B.2. Trình bày được mẫu câu hỏi đáp về sinh hoạt hàng ngày, thói quen, môn thể thao.	IV.C.1. Có thể đặt vé tàu lửa. IV.C.2. Có thể hỏi thăm người khác hoặc nói về thói quen của mình. IV.C.3. Có thể hiểu một bài báo đơn giản.
Chương 5: La vie de tous les jours	V.A.1. Hiểu được từ vựng về thực phẩm và lễ hội. V.A.2. Chia động từ ở hiện tại và quá khứ kép. V.A.3. Hiểu và dùng được mạo từ bộ phận, giới từ đi với bổ ngữ thời gian.	V.B.1. Trình bày được mẫu câu hỏi đáp về nhu cầu, thói quen, số lượng, ý kiến. V.B.2. Nói về kỷ niệm, sự kiện đã xảy ra. V.B.3. Hỏi đáp về thời điểm và thời gian kéo dài.	V.C.1. Có thể nói về thói quen ăn uống và mua sắm. V.C.2. Có thể nói về ngày làm việc. V.C.3. Có thể viết bưu thiếp, nói về ngày lễ truyền thống.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Guy Capelle, (2008), *Le Nouveau Taxi 1*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2* (méthode), Clé International.

[2] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2 (* cahier d'exercices), Clé International.

[3] Maia Grégoire (1999), *Grammaire progressive du français avec 500 exercices*, NXB Trẻ.

[4] J.Bady, (1993), G*rammaire - 350 exercices Niveau débutant, Hachette.*

[5] Y. Delatour, (1994), G*rammaire - 350 exercices Niveau moyen, Hachette.*

[6] Nelly Mous, (2010), *Réussir le DELF A1*, Didier

[7] Marjolaine Dupuy, (2010), *Réussir le DELF A2*, Didier

[8] Gilles Breton, (2010), *Réussir le DELF B1*, Didier

[9] Stanley Hilton, (2006), *Préparation à l'examen du DELF A1*, Hachette

[10] Nathalie Hirschprung, (2007), *Préparation à l'examen du DELF A2*, Hachette

[11] Caroline Veltcheff, (2008), *Préparation à l'examen du DELF B1*, Hachette

[12] Michèle Barféty, (2004), *Compréhension orale niveau 1*, CLE International

[13] Michèle Barféty, (2005), *Compréhension orale niveau 2*, CLE International

[14] Michèle Barféty, (2007), *Compréhension orale niveau 3*, CLE International

[15] Auteur: Collectif, (2012), *Bescherelle La conjugaison pour tous,* Hatier

[16] Y. Delatour, (2004), *Nouvelle* G*rammaire du Français,* Hachette

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Đọc tài liệu, nghe giảng, ghi chép
- Chuẩn bị thảo luận
- Học bài và hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phầ4n và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	LEÇON 0: **Nội dung:** - Le français, la France - L' alphabet - La phonétique - Les nombres - Les consignes utilisées en classe **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: sinh viên đóng vai giảng viên, đưa ra các yêu cầu (consignes utilisées en classe) cả lớp thực hiện yêu cầu đó **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:**	4	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français

	- Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 1: Bienvenue! **Nội dung:** - 10 nationalités (des 5 continents) - Être, s'appeler au singulier du présent - Masculin, féminin (pronom sujet, adjectif de nationalité) - L'interrogation avec qui - Se présenter et présenter quelqu'un **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: tự giới thiệu về bản thân **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 2: Qui est-ce? **Nội dung:** - 10 nationalités (des 5 continents) - L'article défini au singulier - Le genre des noms et des adjectifs - Prépositions + noms de pays/ville - Faire connaissance avec qqn **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: làm quen **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp.	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français

	- Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 3: Ça va bien ? **Nội dung:** - La santé, l'adresse, l'âge, le téléphone -Aller, avoir au singulier du présent -L'adjectif possessif au singulier -L'article indéfini au singulier -L'adjectif interrogatif quel - Demander des nouvelles d'une personne **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: hỏi thăm người khác **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 4: <u>Correspond@nce.com</u> **Nội dung:** -L'internet et la lettre électronique -Chercher un(e) correspondant(e) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về sở thích **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 5: Trouvez l'objet **Nội dung:** -Les objets et les meubles, les lieux	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau

	-Le pluriel des articles et des noms -Il y a -Être au pluriel du présent -Les prépositions de lieu -L'interrogation avec qu'est-ce que -Décrire et localiser des objets **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: xác định vị trí và số lượng của nhân vật **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 6: Portrait-robot **Nội dung:** -Décrire et localiser des objets -Les pronoms toniques -Avoir au pluriel du présent -La négation ne ... pas -L'accord des adjectifs avec le nom -Les adjectifs possessifs au pluriel -Identifier qqen **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: miêu tả người **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 7: Shopping	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices

	Nội dung: -Les objets, les vêtements, les couleurs, le prix -L'adjectif interrogatif quel -L'interrogation avec comment, combien -Les adjectifs démonstratifs -Faire des achats **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về việc mua sắm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 8: Le coin des artistes **Nội dung:** -Comprendre un texte court **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về giới nghệ sĩ pháp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 9: Appartement à louer **Nội dung:** -La localisation -Les pronoms toniques au pluriel -Les prépositions + nom -L'interrogation avec où -Comprendre une annonce immobilière **Hình thức tổ chức dạy học:**	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français

	- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về chỗ ở (miêu tả, vị trí ....) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 10 : C'est par où ? **Nội dung:** -Les moyens de transport -L'impératif -Prendre au présent -Les prépositions et articles contractés -L'adverbe Y -Demander et indiquer un chemin **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về phương tiện giao thông, hỏi và chỉ đường **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 11 : Bon voyage ! **Nội dung:** -La ville -C'est+ lieu /+ article + nom/+ adjectif -Les prépositions de lieu -Pronom On -Présenter des informations touristiques **Hình thức tổ chức dạy học:**	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français

	- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: xác định vị trí của một nơi trên bản đồ, đưa ra chỉ dẫn **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 12 : Marseille **Nội dung:** -Comprendre des informations touristiques **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về du lịch, miêu tả điểm du lịch **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 13 : Un aller simple **Nội dung:** -La date et l'heure -L'interrogation avec quand, quel -Partir au présent -Réserver un billet de train **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi việc đặt vé tàu **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français

	- Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 14 : À Londres **Nội dung:** -La profession -Les activités quotidiennes -Faire au présent -L'interrogation avec est-ce que, qu'est-ce que, quand est-ce que, où est-ce que -Le genre des noms -S'informer sur les activités des autres **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về hoạt động nghề nghiệp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 15 : Le dimanche matin **Nội dung:** -La profession, les activités quotidiennes -Lire et écrire au présent -Les verbes pronominaux -Faire de/ jouer à + sport -Parler de ses habitudes **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về thói quen, sinh hoạt hàng ngày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français

	- Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 16 : Une journée avec Laure Manaudou **Nội dung: Nội dung:** -Comprendre un article de journal simple **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về sinh hoạt hằng ngày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 17 : On fait des crêpes ? **Nội dung:** -La nourriture -L'article partitif -Boire, acheter, manger au présent -Parler de ses habitudes alimentaires -Faire une liste de courses **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về thói quen ăn uống **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français

	LEÇON 18 : Il est comment ? **Nội dung:** -La nourriture -Le passé composé avec avoir -La formation du participe passé -L'accord de l'adjectif beau -Parler de sa journée **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về những sự việc đã diễn ra và nêu ý kiến **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 19 : Chère Léa ... **Nội dung:** -Les fêtes -Le passé composé avec être -Pour et dans + durée future -Écrire une carte postale **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về những sự việc đã diễn ra, chỉ rõ thời điểm và thời gian kéo dài **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 20 : Les fêtes **Nội dung:**	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices

	-Évoquer des fêtes traditionnelles **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về các lễ hội **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà		2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	TEST	1	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận (10%)

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
	Tổng điểm		10%

8.3. Thi kết thúc học phần (90%)

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm trên máy (70%) và thi vấn đáp (30%).
- Thời gian: Thi trắc nghiệm trên máy 40 phút; Thi vấn đáp 5 phút

Ngày 12 tháng 12 năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Pháp 2
Mã học phần: FL211002

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3 ; Số tín chỉ lý thuyết: 3
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: **FL211001**
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: **Hoàng Minh Thu Hương**; Số điện thoại: 0935040108;
Email: hoangminhthuhuong@gmail.com
Giảng viên 2: Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ Liên**; Số điện thoại: 0914111080;
Email: myliendhtn@yahoo.com
Giảng viên 3: Họ và tên: **Trần Quang Nhật**; Số điện thoại: 0972122019;
Email: nhatnga7485@gmail.com
Giảng viên 4: Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh Vân**; Số điện thoại: 0905338384;
Email: vantnuni@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tiếng Pháp 2 gồm 16 bài của giáo trình Le Nouveau Taxi 1, từ bài 21 đến bài 36.

Học phần Tiếng Pháp 2 bao gồm các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày: thú tiêu khiển, kỳ nghỉ, công việc, nhà ở, môi trường sống, thực phẩm, quan hệ văn hóa xã hội, nghi thức lễ hội, biểu tượng của nước Pháp, hoạch định cho tương lai …. Các chủ đề này được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (négation de l'impératif, pronoms COD et COI, En, Ça, pronoms COI après l'impératif affirmatif, fréquence et intensité, négation Ne... plus, cause, adverbe + adjectif/ nom, adjectifs et pronoms indéfinis, verbes pronominaux au présent, au passé composé et à l'impératif, temps passé récent, passé composé, imparfait, futur proche, futur simple, condition et hypothèse, expression du temps); từ vựng (liên quan đến các chủ đề nêu trên); các bài đối thoại thông thường.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày;
- Cung cấp cho người học một số kiến thức về đất nước, con người, xã hội và văn hóa, văn minh của nước Pháp và một số quốc gia nói tiếng Pháp.

3.1.2. Kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ: nghe hiểu, nói, đọc hiểu, viết

3.1.3. Thái độ:

- Tạo cho sinh viên có thái độ học tập tích cực: có ý thức trong việc tự nghiên cứu kiến thức để hoàn thành tốt môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1 OBJECTIFS LINGUISTIQUES	Bậc 2 OBJECTIFS COMMUNICATIFS	Bậc 3 SAVOIR-FAIRE
Chương 6: Vivre avec les autres	VI.A.1. Hiểu được từ vựng về các kỹ năng và trao đổi nghề nghiệp. VI.A.2. Chia động từ dùng trong câu nói về sự cho phép, cấm đoán, khả năng có thể xảy ra, ý muốn, sự bắt buộc, đề nghị, lời khuyên, kỹ năng nghề nghiệp; chia động từ ở	VI.B.1. Trình bày được các mẫu câu hỏi đáp về sự cho phép, cấm đoán, khả năng có thể xảy ra. VI.B.2. Trình bày được các mẫu câu về ý muốn, sự bắt buộc, đề nghị, lời khuyên, kỹ năng nghề nghiệp.	VI.C.1. Có thể hỏi xin phép và đáp lại lời xin phép. VI.C.2. Có thể đưa ra lời khuyên. VI.C.3. Có thể tổ chức 1 buổi dạ hội hoặc buổi họp và tự giới thiệu trong môi trường nghề nghiệp.

	mệnh lệnh cách phủ định, tương lai gần. VI.A.3. Phân biệt đại từ bổ ngữ trực tiếp, gián tiếp .		
Chương 7: Un peu, beaucoup, passionnément ...	VII.A.1. Hiểu được từ vựng về thú tiêu khiển và kỳ nghỉ. VII.A.2. Chia động từ phản thân ở hiện tại, quá khứ kép và mệnh lệnh cách. VII.A.3. Nhận biết các trạng từ chỉ tần suất, mức độ, các đại từ nhân xưng, chỉ định hoặc tính từ và đại từ bất định. VII.A.4. Hiểu trạng từ phủ định và cách diễn đạt nguyên nhân.	VII.B.1. Trình bày được các mẫu câu về diễn đạt sở thích, tần suất, mức độ, sự phản đối. VII.B.2. Diễn đạt ý kiến và lời khuyên.	VII.C.1. Có thể nói về thú tiêu khiển và kỳ nghỉ của mình. VII.C.2. Có thể nói về thuận lợi hoặc bất lợi của các môi trường sống. VII.C.3. Có thể so sánh các sở thích và thói quen.
Chương 8: Tout le monde en parle.	VIII.A.1. Hiểu được từ vựng về các phương tiện thông tin và cách diễn đạt thời gian. VIII.A.2. Chia động từ ở quá khứ tiếp diễn, quá khứ kép, quá khứ gần. VIII.A.3. Diễn đạt thời gian, mục đích.	VIII.B.1. Trình bày được các mẫu câu về tường thuật sự việc và hoàn cảnh của sự việc. VIII.B.2. Trình bày được mẫu câu xác định thời gian và diễn đạt mục đích.	VIII.C.1. Có thể kể về kỷ niệm hoặc các sự việc đã diễn ra. VIII.C.2. Có thể nói về trải nghiệm đầu tiên. VIII.C.3. Có thể viết một tiểu sử ngắn.
Chương 9: On verra bien.	IX.A.1. Hiểu được từ vựng về thời tiết và chỗ ở. IX.A.2. Diễn đạt tương lai bằng hiện tại, tương lai gần và tương lai đơn. IX.A.3. Hiểu và dùng được câu điều kiện loại 1.	IX.B.1. Trình bày được mẫu câu nói về ý định và dự báo sự việc, . IX.B.2. Diễn đạt sự chắc chắn và khả năng có thể xảy ra. IX.B.3. Diễn đạt câu điều kiện.	IX.C.1. Có thể nói về thời tiết. IX.C.2. Có thể đặt lịch hẹn. IX.C.3. Có thể lên kế hoạch và nói về tương lai.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Guy Capelle, (2008), *Le Nouveau Taxi 1*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2* (méthode), Clé International.

[2] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2 (* cahier d'exercices), Clé International.

[3] Maia Grégoire (1999), *Grammaire progressive du français avec 500 exercices*, NXB Trẻ.

[4] J.Bady, (1993), G*rammaire - 350 exercices Niveau débutant, Hachette.*

[5] Y. Delatour, (1994), G*rammaire - 350 exercices Niveau moyen, Hachette.*

[6] Nelly Mous, (2010), *Réussir le DELF A1*, Didier

[7] Marjolaine Dupuy, (2010), *Réussir le DELF A2*, Didier

[8] Gilles Breton, (2010), *Réussir le DELF B1*, Didier

[9] Stanley Hilton, (2006), *Préparation à l'examen du DELF A1*, Hachette

[10] Nathalie Hirschprung, (2007), *Préparation à l'examen du DELF A2*, Hachette

[11] Caroline Veltcheff, (2008), *Préparation à l'examen du DELF B1*, Hachette

[12] Michèle Barféty, (2004), *Compréhension orale niveau 1*, CLE International

[13] Michèle Barféty, (2005), *Compréhension orale niveau 2*, CLE International

[14] Michèle Barféty, (2007), *Compréhension orale niveau 3*, CLE International
[15] Auteur: Collectif, (2012), *Bescherelle La conjugaison pour tous,* Hatier
[16] Y. Delatour, (2004), *Nouvelle Grammaire du Français,* Hachette

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Đọc tài liệu, nghe giảng, ghi chép
- Chuẩn bị thảo luận
- Học bài và hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	LEÇON 21: C'est interdit ! **Nội dung:** -La communication professionnelle -Les compétences -Pouvoir au présent -La négation de l'impératif -Les pronoms COI après l'impératif affirmatif -Demander et donner une permission **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi giữa bác sĩ và bệnh nhân **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 22: Petites annonces **Nội dung:** -La communication professionnelle -Les com -Vouloir et savoir au présent -Il faut + inf -Le futur proche -Conseiller qqn **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi giữa người tuyển dụng và ứng viên dự tuyển	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 23: Qu'est-ce qu'on lui offre ? **Nội dung:** communication professionnelle -Les compétences -Connaître au présent -Les pronoms COD le, la, l', les -Les pronoms COI lui, leur -Organiser une réunion ou une soirée **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi giữa những người bạn về việc tổ chức tiệc sinh nhật gây bất ngờ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 24: Le candidat idéal ... **Nội dung:** -Se présenter dans un cadre professionnel **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về công việc **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

	- Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà		
	LEÇON 25: Enquête **Nội dung:** -Les loisirs -Les vacances -La fréquence et l'intensité avec beaucoup (de), un peu (de) -Les pronons en et ça -La négation ne ... plus -Parler de ses loisirs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về sở thích và sự lựa chọn **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 26: Quitter Paris **Nội dung:** -Les loisirs -Les vacances -La cause avec pourquoi, parce que -Trop/Assez + adjectif, trop de/ assez de + nom -Tout(e), tous, toutes -Parler des avantages et des inconvénients de différents styles de vie **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về công việc, du lịch và nơi sinh sống **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày.	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

	Hình thức đánh giá: - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 27: Vivement les vacances! **Nội dung:** Les loisirs -Les vacances -Les verbes pronominaux au présent et au passé composé -La place du pronom à l'impératif avec un verbe pronominal -Comparer des goûts et des habitudes **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về kỷ niệm của kỳ nghỉ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 28: Les Français en vacances **Nội dung:** -Parler des vacances **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về kỳ nghỉ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 29: Enfant de la ville	3	1. Le Nouveau Taxi 1 +

	Nội dung: -Les médias -L'expression du temps -La formation de l'imparfait -Le passé récent -Raconter des souvenirs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về ước mơ và nơi sinh sống thời thơ ấu **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 30 : Fait divers **Nội dung:** -Les médias -L'expression du temps -Les emplois du passé composé et de l'imparfait -Raconter un fait divers **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về vụ trộm mà mình là nạn nhân **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 31 : Ma première histoire d'amour **Nội dung:** -Les médias -L'expression du temps	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La

	-Le moment -Le but -Les participes passés -Raconter une première expérience **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về những sự việc xảy ra lần đầu trong đời **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 32 : La 2CV ... et autres symboles ! **Nội dung:** -Écrire une courte biographie **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về các biểu trưng của nước Pháp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 33 : Beau fixe **Nội dung:** -La météo -Le logement -Le futur simple -Parler de temps qu'il fera **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về dự báo thời tiết	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 34 : Projets d'avenir **Nội dung:** -La météo -Le logement -L'expression du futur : présent, futur proche, futur simple -Prendre un rendez-vous **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về kế hoạch (cho ngày mai, kỳ nghỉ, năm tới, ...) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 35 : Envie de changement **Nội dung:** -La météo -Le logement -La condition et l'hypothèse : Si + présent, futur -Le moment : quand + futur -Verbes irréguliers au futur -Évoquer des projets **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về căn nhà mơ ước **Yêu cầu sinh viên:**	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 36 : Le pain, mangez-en ! **Nội dung:** -Parler de l'avenir **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về các khả năng xảy ra của tình huống **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	TEST	1	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận (10%)

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua	2%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
	Tổng điểm		10%

8.3. Thi kết thúc học phần(90%)

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm trên máy (70%) và thi vấn đáp (30%).
- Thời gian: Thi trắc nghiệm trên máy 40 phút; Thi vấn đáp 5 phút

Ngày 13 tháng 10 năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Pháp 3
Mã học phần: FL211003

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3 ; Số tín chỉ lý thuyết: 3
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: **FL211002**
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: **Hoàng Minh Thu Hương**; Số điện thoại: 0935040108;
Email: hnghoang@yahoo.com
Giảng viên 2: Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ Liên**; Số điện thoại: 0914111080;
Email: mylien_dhtn@yahoo.com.vn
Giảng viên 3: Họ và tên: **Trần Quang Nhật**; Số điện thoại: 0972122019;
Email: nhatnga7485@gmail.com
Giảng viên 4: Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh Vân**; Số điện thoại: 0905338384;
Email: vantnuni@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Học phần Tiếng Pháp 3 gồm 22 bài của giáo trình Le Nouveau Taxi 2, từ bài 1 đến bài 22.

Học phần Tiếng Pháp 3 bao gồm các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày: gia đình, sinh hoạt hàng ngày, nhà ở, thực phẩm, thể thao, sức khỏe, phương tiện giao thông, việc làm, giáo dục …. Các chủ đề này được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (temps passé récent, passé composé, imparfait, mode conditionnel, subjonctif, pronoms relatifs, pronoms démonstratifs, pronoms interrogatifs, pronoms en, y, pronoms possessifs, pronoms indéfinis, adjectifs interrogatifs, adjectifs qualificatifs, adjectifs indéfinis, adverbes, interrogation, négation, condition, hypothèse, cause, comparatif, superlatif, subjonctif …); từ vựng (liên quan đến các chủ đề nêu trên); các bài đối thoại thông thường.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày;
- Cung cấp cho người học một số kiến thức về đất nước, con người, xã hội và văn hóa, văn minh của nước Pháp và một số quốc gia nói tiếng Pháp.

3.1.2. Kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ: nghe hiểu, nói, đọc hiểu, viết

3.1.3. Thái độ:

- Tạo cho sinh viên có thái độ học tập tích cực: có ý thức trong việc tự nghiên cứu kiến thức để hoàn thành tốt môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1 OBJECTIFS LINGUISTIQUES	Bậc 2 OBJECTIFS COMMUNICATIFS	Bậc 3 SAVOIR-FAIRE
Chương 1: Un air de famille	I.A.1. Hiểu được từ vựng về hoàn cảnh gia đình, quan hệ gia đình và sinh hoạt hàng ngày. I.A.2. Ôn luyện kiến thức ngữ pháp của học phần Tiếng Pháp 1 và 2.	I.B.1. Ôn luyện các mẫu câu dùng trong giao tiếp đã học ở học phần Tiếng Pháp 1 và 2. I.B.2. Trình bày các mẫu câu nêu trên với sự tự tin và phát triển ý.	I.C.1. Có thể làm quen hoặc nói về mối quan tâm của mình. I.C.2. Có thể nói về thói quen. I.C.3. Có thể hỏi thông tin.
Chương 2:	II.A.1. Hiểu được từ vựng	II.B.1. Trình bày các mẫu	II.C.1. Có thể phác họa

La vie des autres	về đặc trưng vùng miền, miêu tả hình dạng, phong cách thời trang. II.A.2. Chia động từ ở điều kiện cách hiện tại. II.A.3. Nhận biết và sử dụng được các đại từ quan hệ, chỉ định, nghi vấn. II.A.4. Hiểu được vị trí và sự tương hợp của tính từ.	câu về miêu tả người. II.B.2. Cung cấp thông tin (nguồn gốc xã hội, văn hóa, địa lý) II.B.3. Thể hiện mong ước hoặc yêu cầu.	chân dung xã hội, văn hóa của một nhân vật. II.C.2. Có thể nói về trang phục, ước mơ hoặc sự bận tâm. II.C.3. Có thể trình bày một dự án.
Chương 3: C'est bien, chez vous !	III.A.1. Hiểu được từ vựng về chỗ ở, phương tiện giao thông, thành phố. III.A.2. Hiểu và sử dụng được đại từ quan hệ, sở hữu. III.A.3. Hiểu các mẫu câu so sánh.	III.B.1. Phân biệt các loại nhà ở. III.B.2. Đưa ra nhận xét về giá trị, diễn đạt nhu cầu, mong ước. III.B. So sánh các số lượng và chất lượng.	III.C.1. Có thể miêu tả nơi sinh sống. 2. Có thể nói về các phương tiện giao thông. III.C.3. Có thể so sánh các môi trường sống.
Chương 4: Parcours santé	IV.A.1. Hiểu được từ vựng về thực phẩm, bữa ăn, thể thao. IV.A.2. Diễn đạt câu điều kiện loại 2. IV.A.3. Hiểu và dùng được tính từ và đại từ bất định, đại từ nhân xưng, bàng thái cách.	IV.B.1. Trình bày được mẫu câu nói về điều kiện . IV.B.2. Nói về cách sống (thói quen ăn uống, hoạt động thể chất). IV.B.3. Diễn đạt lời khuyên hoặc sự bắt buộc.	IV.C.1. Có thể phát triển giả thuyết. IV.C.2. Có thể nêu vấn đề. IV.C.3. Có thể đưa ra giải pháp.
Chương 5: Allez ! Au travail !	V.A.1. Hiểu được từ vựng về công việc, trường học, giáo dục. V.A.2. Hiểu các thì của động từ dùng trong kể chuyện. V.A.3. Hiểu cách hình thành trạng từ cách thức.	V.B.1. Miêu tả tình huống của sự kiện. V.B.2. Gợi lại kỷ niệm, xác định thời gian. V.B.3. Diễn đạt sự hạn chế.	V.C.1. Có thể nói về quá trình đào tạo và kinh nghiệm nghề nghiệp. V.C.2. Có thể nói về thời thơ ấu. V.C.3. Có thể so sánh các hệ thống giáo dục.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Guy Capelle, (2008), *Le Nouveau Taxi 1*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2* (méthode), Clé International.

[2] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2 (* cahier d'exercices), Clé International.

[3] Maia Grégoire (1999), *Grammaire progressive du français avec 500 exercices*, NXB Trẻ.

[4] J.Bady, (1993), G*rammaire - 350 exercices Niveau débutant, Hachette.*

[5] Y. Delatour, (1994), G*rammaire - 350 exercices Niveau moyen, Hachette.*

[6] Nelly Mous, (2010), *Réussir le DELF A1*, Didier

[7] Marjolaine Dupuy, (2010), *Réussir le DELF A2*, Didier

[8] Gilles Breton, (2010), *Réussir le DELF B1*, Didier

[9] Stanley Hilton, (2006), *Préparation à l'examen du DELF A1*, Hachette

[10] Nathalie Hirschprung, (2007), *Préparation à l'examen du DELF A2*, Hachette

[11] Caroline Veltcheff, (2008), *Préparation à l'examen du DELF B1*, Hachette

[12] Michèle Barféty, (2004), *Compréhension orale niveau 1*, CLE International

[13] Michèle Barféty, (2005), *Compréhension orale niveau 2*, CLE International

[14] Michèle Barféty, (2007), *Compréhension orale niveau 3*, CLE International
[15] Auteur: Collectif, (2012), *Bescherelle La conjugaison pour tous,* Hatier
[16] Y. Delatour, (2004), *Nouvelle Grammaire du Français,* Hachette

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Đọc tài liệu, nghe giảng, ghi chép
- Chuẩn bị thảo luận
- Học bài và hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	LEÇON 1: Je me présente **Nội dung:** -État civil -Liens de famille -Activités quotidiennes -Adjectif quel -Questions -Faire connaissance avec qqn **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi giữa 2 sinh viên mới quen tại câu lạc bộ thể thao của trường đại học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 2: De mère en fille **Nội dung:** -État civil -Liens de famille -Activités quotidiennes -Passé récent, futur proche -Adjectif tout -Parler de vos centres d'intérêt **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về sở thích và giới thiệu về gia đình	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 3: Blog **Nội dung:** -État civil -Liens de famille -Activités quotidiennes -Pronoms toniques -Préposition + pays/ville -Adverbes de fréquence et d'intensité -Parler de vos activités habituelles **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trình bày chân dung của mỗi cá nhân trước nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 4: Une famille en or **Nội dung:** -Demander des informations **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi ban đầu giữa người dẫn chương trình và người tham gia cuộc thi **Yêu cầu sinh viên:**	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà		
	LEÇON 5: Parisiens, qui êtes-vous ? **Nội dung:** -Portrait social -Description physique -Styles vestimentaires -Pronoms relatifs qui, que -Prnoms démonstratifs (1) -Faire le protrait social et culturel d'une personne **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về thông tin của các cá nhân (nguồn gốc xã hội, văn hóa, địa lí) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 6: Question de mode **Nội dung:** -Portrait social -Description physique -Styles vestimentaires -Adjectifs : place, accord -Prnoms -Décrire vos habitudes vestimentaires démonstratifs (2) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về thói quen trang phục	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 7: Une minute pour un projet **Nội dung:** -Portrait social -Description physique -Styles vestimentaires -Conditionnel présent -Pronom interrogatif lequel -Parler de vos rêves et vos préoccupations **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về việc xin tài trợ cho dự án (tổ chức cuộc đua xe đạp, thành lập hội từ thiện, ...) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 8: Les ados **Nội dung:** -Présenter un projet **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về sở thích, hoạt động **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà		
	LEÇON 9: Le logement idéal **Nội dung:** -Logment -Moyens de transport -Ville Pronoms relatifs où, dont -Décrire votre environnement habituel **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về căn nhà mơ ước **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 10: À bicyclette **Nội dung:** -Logment -Moyens de transport -Ville -Comparatif -Pronoms possessifs -Parler de différents modes de transport **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về việc thuê nhà **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:**	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	- Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 11: Destination soleil **Nội dung:** -Logment -Moyens de transport -Ville -Superlatif -Comparer des cadre de vie **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về nơi sống lý tưởng **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 12: Choix de vie **Nội dung:** -Comparer des cadre de vie **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về nhu cầu của nơi ở (người thuê nhà – người phụ trách công ty bất động sản) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 13: De bonnes résolutions	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	Nội dung: -Produits alimentaires -Repas Sport -Hypothèse -Adjectifs indéfinis -Développer des hypothèses **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về các kế hoạch cho tương lai **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 14: Manger mieux, bouger plus **Nội dung:** -Produits alimentaires -Repas Sport -Pronoms en, y -Pronoms indéfinis -Exposer un problème **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về thói quen ăn uống, hoạt động thể chất **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	LEÇON 15: Demain, j'arrête **Nội dung:** -Produits alimentaires -Repas Sport -Devoir + inf -Subjonctif présent **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về những vấn đề trong cuộc sống và đưa ra lời khuyên để giải quyết **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 16: La journée du sport **Nội dung:** -Proposer des solutions **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về các chính sách đầu tư cho hoạt động thể chất **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 17: Au chômage **Nội dung:** -Travail -École -Enseignement	2	

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	-Présent, passé composé, imparfait -Décrire votre formation et vos expériences professionnelles **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi giữa người tuyển dụng và ứng viên dự tuyển **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 18: À mi-temps **Nội dung:** -Travail -École -Enseignement -Adverbe en –ment -Ne … que -Décrire votre formation et vos expériences professionnelles **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về quyết định thay đổi trong công việc của nhân viên và cách thuyết phục của người sử dụng lao động **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	2	
	LEÇON 19: Souvenirs d'école **Nội dung:**	2	

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	-Travail -École -Enseignement -Depuis, il y a -Parler de votre enfance **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trao đổi về những kỷ niệm ở trường thời thơ ấu **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 20: Les études à l'étranger **Nội dung:** -Comparer des systèsmes éducatifs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về việc học tập **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	
	TEST	1	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận (10%)

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	2%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
	Tổng điểm		10%

8.3. Thi kết thúc học phần(90%)

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm trên máy (70%) và thi vấn đáp (30%).
- Thời gian: Thi trắc nghiệm trên máy 40 phút; Thi vấn đáp 5 phút

Ngày 12 tháng 12 năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th. S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Tiếng Pháp 4
Mã học phần: FL211004

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 3 ; Số tín chỉ lý thuyết: 3
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: **FL211003**
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: **Hoàng Minh Thu Hương**; Số điện thoại: 0935040108;
Email: hnghoang@yahoo.com
Giảng viên 2: Họ và tên: **Nguyễn Thị Mỹ Liên**; Số điện thoại: 0914111080;
Email: mylien_dhtn@yahoo.com.vn
Giảng viên 3: Họ và tên: **Trần Quang Nhật**; Số điện thoại: 0972122019;
Email: nhatnga7485@gmail.com
Giảng viên 4: Họ và tên: **Nguyễn Thị Thanh Vân**; Số điện thoại: 0905338384;
Email: vantnuni@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần **Tiếng Pháp 4** gồm 16 bài của giáo trình Le Nouveau Taxi 2, từ bài 21 đến bài 36.

Học phần **Tiếng Pháp 4** bao gồm các chủ đề : giải trí, tình cảm, tiền bạc, du lịch, thơ ca, thông tin, công nghệ, chính trị …. Các chủ đề này được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (expression du futur, gérondif, expression de la cause, de la conséquence, de l'opposition, de la concession, de la durée, pronoms compléments directs, indirects, discours rapporté, subjonctif, marqueurs chronologiques, accord du participe passé, négation…); từ vựng (liên quan đến các chủ đề nêu trên); các bài đối thoại thông thường.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ: ngữ pháp, từ vựng và các mẫu câu dùng trong giao tiếp về các chủ đề hàng ngày;
- Cung cấp cho người học một số kiến thức về đất nước, con người, xã hội và văn hóa, văn minh của nước Pháp và một số quốc gia nói tiếng Pháp.

3.1.2. Kỹ năng:

- Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ: nghe hiểu, nói, đọc hiểu, viết

3.1.3. Thái độ:

- Tạo cho sinh viên có thái độ học tập tích cực: có ý thức trong việc tự nghiên cứu kiến thức để hoàn thành tốt môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1 OBJECTIFS LINGUISTIQUES	Bậc 2 OBJECTIFS COMMUNICATIFS	Bậc 3 SAVOIR-FAIRE
Chương 6: Temps libre	VI.A.1. Hiểu được từ vựng về truyền thông và thú tiêu khiển. VI.A.2. Hiểu sâu hơn mẫu câu ở thể phủ định. VI.A.3. Hiểu và dùng được danh động từ	VI.B.1. Nói về hoạt động, sự lựa chọn. VI.B.2. Trình bày kế hoạch. VI.B.3. Diễn đạt nguyên nhân của sự việc.	VI.C.1. Có thể nói về thú tiêu khiển hoặc hoạt động của mình. VI.C.2. Có thể miêu tả một lễ hội văn hóa. VI.C.3. Có thể nêu lý do của một sự việc.
Chương 7: L'air du temps	VII.A.1. Hiểu được từ vựng về công nghệ và phương tiện thông tin. VII.A.2. Hiểu cách diễn đạt	VII.B.1. Trình bày các mẫu câu về dự báo. VII.B.2. Diễn đạt khả năng có thể xảy ra và sự	VII.C.1. Có thể nói về các phương tiện thông tin. VII.C.2. Có thể đưa ra ý

	thì tương lai, diễn đạt hậu quả. VII.A.3. Nhận biết và sử dụng các từ chỉ thời gian.	chắc chắn. VII.B.3. Xác định thời gian và hậu quả của sự việc..	kiến về các cách ứng xử. VII.C.3. Có thể đưa ra nhận xét và kết luận cho một sự việc.
Chương 8: Bon voyage !	VIII.A.1. Hiểu được từ vựng về du lịch và tình cảm. VIII.A.2. Biết cách biến đổi phân từ quá khứ. VIII.A.3. Diễn đạt trình tự thời gian và khoảng thời gian. VIII.A.4. Hiểu sâu hơn các đại từ nhân xưng làm bổ ngữ.	VIII.B.1. Nói về động lực và thói quen. IVII.B.2. Làm báo cáo. VIII.B.3. Gợi lại kỷ niệm, diễn đạt quan điểm.	VIII.C.1. Có thể miêu tả hành vi của du khách VIII.C.2. Có thể kể về kỷ niệm của chuyến đi. VIII.C.3. Có thể đưa ra nhận xét về các ứng xử khác nhau.
Chương 9: Vous voulez mon avis ?	IX.A.1. Hiểu được từ vựng về chính trị, tiền bạc và ý kiến. IX.A.2. Diễn đạt câu gián tiếp ở hiện tại. IX.A.3. Hiểu và dùng được mẫu câu chỉ đối lập và nhượng bộ. IX.A.4. Hiểu cách dùng bàng thái cách.	IX.B.1. Trình bày được mẫu câu nói về điều kiện . IX.B.2. Nói về cách sống (thói quen ăn uống, hoạt động thể chất). IX.B.3. Diễn đạt lời khuyên hoặc sự bắt buộc.	IX.C.1. Có thể phát triển giả thuyết. IX.C.2. Có thể nêu vấn đề. IX.C.3. Có thể đưa ra giải pháp.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Guy Capelle, (2008), *Le Nouveau Taxi 1*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2*, Hachette (kèm CD audio và DVD)

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2* (méthode), Clé International.

[2] Sylvie Poisson Quinton (2005), *Festival 1, 2 (* cahier d'exercices), Clé International.

[3] Maia Grégoire (1999), *Grammaire progressive du français avec 500 exercices*, NXB Trẻ.

[4] J.Bady, (1993), G*rammaire - 350 exercices Niveau débutant, Hachette.*

[5] Y. Delatour, (1994), G*rammaire - 350 exercices Niveau moyen, Hachette.*

[6] Nelly Mous, (2010), *Réussir le DELF A1*, Didier

[7] Marjolaine Dupuy, (2010), *Réussir le DELF A2*, Didier

[8] Gilles Breton, (2010), *Réussir le DELF B1*, Didier

[9] Stanley Hilton, (2006), *Préparation à l'examen du DELF A1*, Hachette

[10] Nathalie Hirschprung, (2007), *Préparation à l'examen du DELF A2*, Hachette

[11] Caroline Veltcheff, (2008), *Préparation à l'examen du DELF B1*, Hachette

[12] Michèle Barféty, (2004), *Compréhension orale niveau 1*, CLE International

[13] Michèle Barféty, (2005), *Compréhension orale niveau 2*, CLE International

[14] Michèle Barféty, (2007), *Compréhension orale niveau 3*, CLE International

[15] Auteur: Collectif, (2012), *Bescherelle La conjugaison pour tous,* Hatier

[16] Y. Delatour, (2004), *Nouvelle* G*rammaire du Français,* Hachette

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Đọc tài liệu, nghe giảng, ghi chép
- Chuẩn bị thảo luận
- Học bài và hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	LEÇON 21: Internet et vous **Nội dung:** -Communication -Cafés -Loisirs -Négation -Parler de vos activités de loisirs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về hoạt động giải trí thông qua internet **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français
	LEÇON 22: À chacun son café **Nội dung:** -Communication -Cafés -Loisirs -Expression de la cause -Parler de vos activités de loisirs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về các quán cà phê và việc giao lưu với bạn bè **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	LEÇON 23: Week-end **Nội dung:** -Loisirs -Gérondif -Décrire une manifestation culturelle **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về việc tổ chức buổi dã ngoại cuối tuần (khách hàng – nhân viên công ty du lịch) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 24: La fête des voisins **Nội dung:** -Présenter les raisons d'un phénomène **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về kế hoạch tổ chức một sự kiện đặc biệt **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 25: La télé de demain **Nội dung:** -Technologie -Médias -Expression du futur : présent, futur proche, futur simple	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	-Indicateurs de temps -Parler des médias **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về thói quen tìm hiểu thông tin thông qua vô tuyến **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 26: Allô ! Tu es où ? **Nội dung:** -Technologie -Médias -Avant de + inf. présent -Après + inf. Passé -Donner votre avis sur des comportements **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về các chuẩn mực trong ứng xử **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 27: Situation de crise **Nội dung:** -Technologie	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	-Médias -Expression de la conséquence -Faire un constat et décrire les conséquences **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về sự cạnh tranh của các phương tiện thông tin đại chúng **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 28: Presse magazine **Nội dung:** Comprendre la presse magazine française. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về việc đặt mua báo **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 29: Ailleurs **Nội dung:** -Tourisme -Voyage -Sentiments -Accord du participe passé -Décrire votre comportement de voyageur **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	- Thực hành: trao đổi về sở thích của du khách **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 30: Souvenir de voyage **Nội dung:** -Tourisme -Voyage -Sentiments -Évoquer des souvenirs -Marqueurs chronologiques -Expression de la durée -Raconter des souvenirs de voyage **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trò chuyện giữa 2 người mới quen trên tàu/ xe **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 31: Album photos **Nội dung:** -Tourisme -Voyage -Sentiments -Pronoms compléments directs, indirects -Donner votre avis sur des comportements	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về cách ứng xử của du khách **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		du français avec 500 exercices
	LEÇON 32: La poésie des villes **Nội dung:** Comprendre la poésie des villes **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về địa điểm du lịch yêu thích **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 33: C'est quoi le bonheur ? **Nội dung:** -Argent -Discours rapporté au présent -Transmettre un message **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về các yếu tố quan trọng để thành công trong cuộc sống	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 34: À voté **Nội dung:** -Politique -Opposition, concession -Ce qui, ce que -Exprimer votre avis sur un sujet **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về chính kiến của mình **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	LEÇON 35: Votre avis nous intéresse. **Nội dung:** **-Opinion** -Indicatif ou subjonctif -Nuancer une opinion **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: trao đổi về giá trị của hạnh phúc và tiền bạc **Yêu cầu sinh viên:**	3	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices

Tuần	Nội dung	Số tiết (Lý thuyết)	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp: tập hát các bài về alphabet và nombre - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	LEÇON 36: Questions de valeur **Nội dung:** Comprendre les opinions **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên tự ôn tập - Thảo luận nhóm: trao đổi về việc làm thêm giờ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, học nhóm - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Tại nhà	2	1. Le Nouveau Taxi 1 + CD + cahier d'exercices 2. Grammaire - 350 exercices Niveau débutant 3. Bescherelle La conjugaison pour tous 4. Nouvelle Grammaire du Français 5. Grammaire progressive du français avec 500 exercices
	TEST	1	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
	Tổng điểm		10%

8.3. Thi kết thúc học phần (90%)

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm trên máy (70%) và thi vấn đáp (30%).
- Thời gian: Thi trắc nghiệm trên máy 40 phút; Thi vấn đáp 5 phút

Ngày 12 tháng 12 năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**	**Th.S Hoàng Minh Thu Hương**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG
Mã học phần: KC211027

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại học phần: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Projector, máy tính

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

1. Giảng viên 1: Nguyễn Văn Sĩ; Điện thoại: 0947697569 ; Email: nhansy@yahoo.com
2. Giảng viên 2: Nguyễn Thị Như; Điện thoại: 0906200625; Email: nhudoan2002@gmail.com
3. Giảng viên 3: Nguyễn Đức Thắng; Điện thoại: 0983507907; Email: tnd.bmt@gmail.com
4. Giảng viên 4: Nguyễn Quốc Cường; Điện thoại: 0973303109; Email: quoccuong.dhtn@gmail.com
5. Giảng viên 5: Trần Quốc Hưng; Điện thoại: 0914003331; Email: hungtq2006@yahoo.com
6. Giảng viên 6: Trần Thành Thắng; Điện thoại: 0913400678; Email: thanhthangbmt151@gmail.com
7. Giảng viên 7: Trần Xuân Thắng; Điện thoại: 01694031657; Email: xuanthang.forever@gmail.com
8. Giảng viên 8: Trương Thị Hương Giang; Điện thoại: 0942509609; Email:tthuonggiang@gmail.com
9. Giảng viên 9: Phan Thị Đài Trang; Điện thoại: 0943087474; Email: daitrang171@gmail.com
10. Giảng viên 10: Trương Hải; Điện thoại: 01696257040; Email: truonghai.dhtn@gmail.com
11. Giảng viên 11: Phạm Văn Thuận; Điện thoại: 0985214421; Email: thuandhtn@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Tin học Đại cương là học phần độc lập không nhất thiết phải có các học phần song hành hay tiên quyết

Học phần Tin học Đại cương thường được giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, lý thuyết thông tin, hệ điều hành, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

- Kiến thức:

Sau khi học xong, sinh viên phải:

  - Hiểu được một số khái niệm về thông tin, phần cứng, phần mềm và hệ điều hành.
  - Thao tác và thực hiện tốt việc soạn thảo văn bản trên phần mềm Microsoft Word
  - Thực hiện được các tính toán cơ bản trên bảng tính điện tử Microsoft Excel.
- Kỹ năng:
  - Vận dụng được các kiến thức về thông tin và hệ điều hành vào việc quản lý thông tin (thư mục, tập tin, các đối tượng) trên hệ thống máy tính.
  - Thành thạo kỹ năng soạn thảo một văn bản trên hệ thống máy tính, cụ thể: chọn bảng mã, font, nhập văn bản thô, định dạng văn bản, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản.
  - Vận dụng được các hàm cơ bản trong bảng tính điện tử để giải quyết các bài toán yêu cầu tính toán cơ bản thường gặp.
- Thái độ: Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các giờ lên lớp cả lý thuyết và thực hành tại phòng máy theo sự hướng dẫn của giảng viên và quy định tại phòng máy tính.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I. ĐẠI CƯƠNG VỀ TIN HỌC	I.A.1. Trình bày được khái niệm về thông tin, dữ liệu, các thành phần của máy tính, khái niệm về hệ điều hành I.A.2. Ghi nhớ các khái niệm về thông tin, dữ liệu, hệ điều hành, quy tắc chuyển đổi giữa các hệ đếm. I.A.3. Nhận diện và phân biệt được thông tin và dữ liệu, các thành phần của máy tính: màn hình, phím, chuột, …	I.B.1. Hiểu được nguyên lý vận hành của máy tính và xử lý thông tin trên máy tính gồm các bước cơ bản từ dữ liệu đầu vào, xử lý và cho dữ liệu đầu ra (kết quả) I.B.2. Phân tích và nhận diện được các loại dữ liệu, cách lưu trữ và xử lý dữ liệu trên máy tính I.B.3. Lý giải được cách lưu trữ kí tự thông qua các hệ đếm	I.C.1. So sánh các hệ đếm, cách lưu trữ các loại thông tin trên hệ điều hành Windows I.C.2. Đánh giá vai trò của cây thư mục trong quản lý và tìm kiếm thông tin I.C.3. Vận dụng hệ đếm vào việc lưu trữ các kí tự của văn bản. Thao tác tạo và lưu trữ, quản lý thông tin thông qua thư mục, tập tin trên hệ điều hành. Tạo các đường dẫn lối tắt cho chương trình ứng dụng. Tùy biến được màn hình giao diện của hệ điều hành Windows
Chương II. SOẠN THẢO VĂN BẢN – WORD 2010	II.A.1. Trình bày được khái niệm soạn thảo văn bản thô, văn bản bằng tiếng Việt, định dạng văn bản II.A.2. Ghi nhớ các khái niệm trên và các thao tác thực hiện tương ứng II.A.3. Nhận diện được các bước soạn thảo một văn bản, các thành phần trong cửa sổ giao diện Microsoft Word 2010	II.B.1. Hiểu được các thành phần của một văn bản, cách thực hiện từng thành phần của văn bản II.B.2. Phân tích được các thành phần của từng loại văn bản II.B.3. Lý giải được vị trí của từng thành phần của văn bản theo từng thể loại văn bản	II.C.1. So sánh và nhận biết các thành phần của một văn bản, loại văn bản (hành chính, tự do) II.C.2. Đánh giá được mức độ phức tạp của mỗi văn bản và từng kỹ năng yêu cầu trong từng thành phần văn bản II.C.2. Vận dụng kiến thức và kỹ năng thành phần để hoàn thiện một văn bản theo mẫu yêu cầu
Chương III. BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ EXCEL 2010	III.A.1. Trình bày được khái niệm bảng tính điện tử, khái niệm và cú pháp chung của hàm trong excel III.A.2. Ghi nhớ cú pháp các hàm đã học III.A.3. Nhận diện được hàm thuộc các nhóm hàm, cú pháp, các đối số của hàm	III.B.1. Hiểu được bảng tính điện tử có hỗ trợ theo tác Auto Fill, các kiểu dữ liệu III.B.2. Phân tích được các đối số của hàm, các thành phần của một biểu thức III.B.3. Lý giải được kiểu dữ liệu có thể tính toán và không tính toán được, thống kê và phương thức thống kê	III.C.1. So sánh và nhận biết được các kiểu dữ liệu, đặc biệt kiểu thời gian ngày tháng năm III.C.2. Đánh giá và phân biệt kiểu dữ liệu của từng đối số trong mỗi hàm tính toán III.C.2. Vận dụng các hàm có sẵn để giải quyết các yêu cầu tính toán cơ bản, thống kê cơ bản và thống kê có điều kiện như yêu cầu của bài tập

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Bộ môn Tin học (2015). *Bài giảng Tin học đại cương*. ĐHTN

[2] Bộ môn Tin học (2015). *Bài tập tin học đại cương.* ĐHTN

5. Tài liệu tham khảo:

[3] Các Giáo trình về tin học A

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 3/4 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Đi thực hành đầy đủ (8 buổi)
- Thực hành đầy đủ các bài tập được giao ở mỗi buổi.
- Tham gia làm bài kiểm tra trên phòng máy thực hành.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. (**Đại cương về tin học**)** **Nội dung:** 1.1 Biểu diễn số trong các hệ đếm 1.2 Một số hệ đếm thường dùng 1.3 Quy tắc chuyển đổi số giữa các hệ đếm 1.4 Khái niệm thông tin 1.5 Xử lý thông tin bằng máy tính điện tử 1.6 Khái niệm hệ điều hành máy tính 1.7 Các đối tượng do hệ điều hành quản lý 1.8 Các đặc trưng của hệ điều hành Windows 1.9 Quản lý thư mục và tập tin bằng dịch vụ Windows Explorer 1.10 Xác lập một số cấu hình hệ thống trong Windows 1.11 Sử dụng Tiếng Việt trong Windows **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: Tạo thư mục, sao chép, di chuyển file vào thư mục, tạo biểu tượng lối tắt cho Word, Excel **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị bài tập và thực hành tại phòng máy tính **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (gửi file lên hệ thống máy chủ) **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng máy tính (cho các giờ thực hành)	LT: 2 tiết TH: 4 tiết	[1] Chương 1
2-3	**Chương 2. (Soạn thảo văn bản – Microsoft Word 2010)** **Nội dung:** 2.1 Giao diện Word 2010. 2.2 Tạo mới, lưu, mở văn bản. 2.3 Các nguyên tắc sọan thảo văn bản. 2.4 Định dạng trang in	LT: 6 tiết TH: 12 tiết	[1] Chương 2 [2] Chương 1

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.5 Định dạng ký tự 2.6 Định dạng đoạn. 2.5.1. Căn lề bằng thước, công cụ Left, Right, Center, khoảng cách giữa các đoạn, thụt lề. 2.5.2 Tab (khoảng cách giữa các khối văn bản). 2.5.3 Bullets and Numbering (Đánh kí hiệu hoặc số thứ tự đầu đoạn) 2.5.4 Column (Chia cột) 2.5.5 Border and Shading (Đường viền và nền) 2.5.6 Drop Cap (Kí tự thụt cấp) 2.5.7 Change Case (Chuyển đổi kí tự hoa-thường) 2.7 Bảng biểu. 2.8 Một số xác lập cho giao diện và tùy chọn của Word. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: Tạo, định dạng, hiệu chỉnh và xuất bản văn bản theo mẫu đã cho trong bài tập **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị bài tập và thực hành tại phòng máy tính **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (gửi file lên hệ thống máy chủ) **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng máy tính (cho các giờ thực hành)		
3-4	**Chương 2. (Bảng tính điện tử Microsoft Excel)** **Nội dung:** 3.1 Tổng quan 3.1.1 Các khái niệm cơ bản. 3.1.2 Cấu trúc của WorkBook, WorkSheet 3.1.3 Các loại địa chỉ và các thông báo lỗi thường gặp 3.2 Nhập dữ liệu cho bảng tính 3.2.1 Thao tác nhập dữ liệu 3.2.2 Lập công thức tính toán 3.2.3 Tham chiếu địa chỉ ô 3.2.4 Các kiểu dữ liệu 3.3 Sử dụng hàm trong excel 3.3.1 Cú pháp tổng quát của hàm 3.3.2 Một số hàm cơ bản trong Excel 3.3.3 Các hàm kiểu Số 3.3.4 Các hàm kiểu Chuỗi	LT: 7 tiết TH: 14 tiết	[1] Chương 3 [2] Chương 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.3.5 Các hàm kiểu Ngày/Tháng 3.3.6 Các hàm Lý Luận - IF- AND-OR 3.3.7 Các hàm tìm kiếm - Vlookup, Hlookup. 3.3.8 Một số lỗi và cách khắc phục thường dùng. 3.4 Thống kê 3.4.1 Các hàm thống kê cơ bản 3.4.2 Sử dụng hàm thống kê một điều kiện (SumIf, CountIf) 3.4.3 Sử dụng chức năng Pivottable **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: Tạo bảng tính, nhập dữ liệu theo mẫu, vận dụng các công thức đã học để xây dựng biểu thức tính toán, giải quyết yêu cầu đặt ra của bài toán **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị bài tập và thực hành tại phòng máy tính **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (gửi file lên hệ thống máy chủ) **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng máy tính (cho các giờ thực hành)		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	0.5%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	0.5%
3	Thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng cách vận dụng các kĩ năng để trình bày văn bản và cách xây dựng công thức tính toán của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	4%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do	

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		sinh viên tạo ra.	
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, thực hành.	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá:
  - Đánh giá mực độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên
  - Phương pháp đánh giá: Thi thực hành tạo văn bản theo mẫu trên phần mềm Microsoft Word và giải quyết bài toán theo yêu cầu trên phần mềm Microsoft Excel.
  - Mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thực hành
- Thời gian: 60 phút.

Ngày 2 tháng 6 năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC GIÁO DỤC

Mã học phần: SP212507

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 1; Số tín chỉ lý thuyết: 1; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trương Thị Hiền; Số điện thoại: 0905091558;

Email: truongthihien.xhh@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo giáo viên có trình độ đại học. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về: Nghiên cứu khoa học giáo dục; Logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; Các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học giáo dục; Kỹ năng viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung

Người học có hiểu biết cơ bản về các khái niệm, các quan điểm trong nghiên cứu khoa học; nhận thức rõ được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục; vận dụng được một số phương pháp và kỹ thuật thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục; biết các quy định về viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học giáo dục.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

- Nhận thức được các khái niệm cơ bản: nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, các quan điểm tiếp cận duy vật biện chứng lịch sử trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Biết một số phương pháp nghiên cứu thông dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Trình bày rõ ràng các bước trong logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Có hiểu biết về cách đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục.

Kỹ năng

- Xây dựng được đề cương cho một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học giáo dục.

- Có khả năng phối hợp các phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học giáo dục.

Thái độ

- Biểu lộ hứng thú, sẵn sàng tham gia thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục.

- Tin tưởng sẽ độc lập thực hiện được các nghiên cứu thuộc lĩnh vực giáo dục.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu Chương	**Bậc 1**	**Bậc 2**	**Bậc 3**
Chương 1	I.A.1. Trình bày được khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học I.A.2. Ghi nhớ các chủ đề cơ bản trong chương 1	I.B.1. Hiểu được các đặc trưng của hoạt động nghiên cứu khoa học I.B.2. Phân tích được đặc trưng nghiên cứu khoa học giáo dục	I.C.1. Đánh giá được ý nghĩa của việc tiếp nhận tri thức phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục
Chương 2	I.A.1. Trình bày được logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục I.A.2. Ghi nhớ các nội dung chính của chương 1	I.B.1. Hiểu được vì sao việc đặt câu hỏi nghiên cứu là quan trọng trong hình thành logic tiến hành nghiên cứu I.B.2. Phân tích được logic trong tiến hành nghiên cứu đối với một chủ đề nghiên cứu cụ thể	I.C.2. Vận dụng được lý thuyết trong việc xác định logic trong tiến hành nghiên cứu đối với một chủ đề nghiên cứu cụ thể
Chương 3	I.A.1. Trình bày được các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục I.A.2. Ghi nhớ nội dung cơ bản trong các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục	I.B.1. Hiểu về việc: lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu; thu thập thông tin; xử lý thông tin và viết báo cáo khoa học I.B.1. Hiểu được ưu, nhược điểm của các phương pháp thu thập thông tin	I.C.1. Vận dụng lý thuyết để có thể thuyết minh một bản đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục
Chương 4	I.A.1. Trình bày được tiêu chí đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục I.A.2. Ghi nhớ phương pháp đánh giá công trình khoa học	I.B.1. Hiểu được ưu, nhược điểm của các phương pháp đánh giá	I.C.1. Đưa ra được nhận xét về một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục

4. Tài liệu học tập:

[1]. Vũ Cao Đàm (2003), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và Kĩ thuật, Hà Nội.

[2]. Phạm Viết Vượng, Nguyễn Xuân Thức (2004), *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

[3]. Dương Thiệu Tống (2002), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lí*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh , TP. Hồ Chí Minh.

[4]. Các tài liệu phát tay do giảng viên đảm nhiệm học phần cung cấp.

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. Nguyễn Ánh Tuyết (2013, chủ biên), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non,* Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Đặng Vũ Hoạt (1989), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

[3]. Các tài liệu phát tay do giảng viên đảm nhiệm học phần cung cấp.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1. Khái niệm khoa học và nghiên cứu khoa học **Nội dung** 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Nghiên cứu khoa học giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết	[1]: chương 1 [4]
	Chương 2. Logic tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục **Nội dung:** 2.1. Lựa chọn chủ đề và đặt tên đề tài 2.2. Xác định mục tiêu nghiên cứu 2.3. Đặt câu hỏi nghiên cứu	LT: 2 tiết	[1]: chương 1, chương 2 [2]: chương 2,3 [3]: chương 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.4. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu 2.5. Nêu các luận cứ để chứng minh giả thuyết 2.6. Lựa chọn các phương pháp chứng minh giả thuyết **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Hình thành logic cho việc nghiên cứu một chủ đề thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 3. Các bước tiến hành một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục **Nội dung** 3.1. Lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu *3.1.1. Xác định đề tài* *3.1.2. Viết đề cương nghiên cứu* 3.2. Thu thập thông tin *3.2.1. Các bước tiến hành thu thập thông tin* *3.2.2. Các phương pháp và kỹ thuật thu thập thông tin* 3.3. Xử lý thông tin và viết báo cáo khoa học *3.3.1. Xử lý thông tin* *3.3.2. Viết báo cáo khoa học* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đề cương nghiên cứu; lựa chọn phương pháp thu thập thông tin phù hợp với chủ đề nghiên cứu **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 7 tiết BT: 2 tiết	[1] [2] [3] [4]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	Chương 4. Đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục **Nội dung** 4.1. Tiêu chí để đánh giá công trình nghiên cứu khoa học giáo dục 4.2. Phương pháp đánh giá công trình khoa học giáo dục **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết	[1] [2] [3] [4]

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm	2%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	1%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên. Đảm bảo mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 60 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa **Trưởng Bộ môn** **Người biên soạn**

(biên soạn)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 1
Mã học phần: SP211001

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 30

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Có

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên : Toàn thể giảng viên bộ môn Giáo dục Thể chất

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn chạy (GDTC 1) là môn học bắt buộc trong các môn chuyên ngành giáo dục thể chất không chuyên của chương trình đào tạo hệ đại học, cao đẳng, trung cấp của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về lý luận, phương pháp, khả năng phối hợp vận động, tính kiên trì. Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong … Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

- Nắm vững phương pháp giảng dạy kỹ thuật động tác trong môn chạy.
- Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn chạy.

3.1.2 Kỹ năng:

- Vận dụng các phương pháp giảng dạy động tác trong môn chạy vào tập luyện.
- Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật môn chạy.
- Vận dụng và sáng tạo kiến thức đã học vào thực tiễn phù hợp với cuộc sống.

3.1.3 Thái độ:

- Hình thành ở người học tác phong, thái độ cho người học.
- Tác phong làm việc theo kế hoạch, kế hoạch hóa công việc.
- Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động.
- Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I	I.A.1. Trình bày được cách xây dựng khái niệm kỹ thuật môn chạy.	I.B.1. Hiểu được cách xây dựng khái niệm kỹ thuật môn chạy.	I.C.1. So sánh được được cách xây dựng khái niệm kỹ thuật môn chạy.

Chương II	II.A.1. Trình bày được kỹ thuật chạy trên đường thẳng.	II.B.1. Hiểu được kỹ thuật chạy trên đường thẳng.	II.C.1. So sánh được kỹ thuật chạy trên đường thẳng.
Chương III	III.A.1. Trình bày được kỹ thuật chạy trên đường vòng.	III.B.1. Hiểu được kỹ thuật chạy trên đường vòng.	III.C.1. So sánh được kỹ thuật chạy trên đường vòng.
Chương IV	IV.A.1. Trình bày được kỹ thuật chạy xuất phát thấp và chạy lao.	IV.B.1. Hiểu được kỹ thuật chạy xuất phát thấp và chạy lao.	IV.C.1. So sánh được kỹ thuật chạy xuất phát thấp và chạy lao.
Chương V	V.A.1. Trình bày được kỹ thuật chạy xuất phát cao và tăng tốc sau xuất phát.	V.B.1. Hiểu được kỹ thuật chạy xuất phát cao và tăng tốc sau xuất phát.	V.C.1. So sánh được kỹ thuật chạy xuất phát cao và tăng tốc sau xuất phát.
Chương VI	VI.A.1. Trình bày được kỹ thuật chạy chuyển tiếp từ chạy lao sang chạy giữa quảng.	VI.B.1. Hiểu được kỹ thuật chạy chuyển tiếp từ chạy lao sang chạy giữa quảng.	VI.C.1. So sánh được kỹ thuật chạy chuyển tiếp từ chạy lao sang chạy giữa quảng.
Chương VII	VII.A.1. Trình bày được kỹ thuật về đích.	VII.B.1. Hiểu được kỹ thuật về đích.	VII.C.1. So sánh được kỹ thuật về đích.
Chương VIII	VII.A.1. Trình bày được toàn bộ kỹ thuật động tác môn chạy.	VII.B.1. Hiểu được toàn bộ kỹ thuật động tác môn chạy.	VII.C.1. So sánh được toàn bộ kỹ thuật động tác môn chạy.

4. Tài liệu học tập:

[1] ThS. Chu Vương Thìn – Giáo trình giảng dạy môn chạy – Lưu hành nội bộ

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. Dương Nghiệp Chí, Võ Chí Phùng, Phạm Văn Thụ(1975), *Sách điền kinh danh cho học sinh trung học TDTT*, Nhà xuất bản TDTT - Hà Nội.

[2]. Dương Nghiệp chí, Nghuễn Kim Minh, Phạm Khắc Học, Võ Đức Phùng, Nghuyễn Đại Dương, Nguyễn Văn Quảng, Nguyễn Quang Hưng(2000), *Sách điền kinh dành cho sinh viên học TDTT*, Nhà xuất bản TDTT - Hà Nội.

[3]. 1997, *Luật điền kinh*, Nhà xuất bản TDTT - Hà Nội.

[4]. Võ Đức Phùng(1992), *Chương trình môn học điền kinh*

6. Yêu cầu đối với sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1-2	**Chương 1. Xây dựng khái niệm kỹ thuật môn chạy** *1.1. Phân tích, thị phạm, xem tranh ảnh kỹ thuật các môn chạy* 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *1.2. Chạy lặp lại 30 - 50m* 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 2 tiết	[1] Đọc tài liệu
3-4	**Chương 2. Dạy kỹ thuật chạy trên đường thẳng** *2.1. Chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, đạp sau và tăng tốc* 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *2.2. Chạy tăng tốc độ sau đó chạy theo quán tính từ 60 - 70m* 2.2.1. Mô tả chung 2.2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *2.3. Tập động tác đánh tay tại chỗ* 2.3.1. Mô tả chung 2.3.2. Yêu cầu tối thiểu 2.3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *2.4. Chạy tốc độ cao các giai đoạn* 2.4.1. Mô tả chung 2.4.2. Yêu cầu tối thiểu 2.4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 4 tiết	[1] Đọc tài liệu

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức tổ chức dạy học - Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên		
5-6	**Chương 3. Dạy kỹ thuật trên đường vòng** *3.1. Phân tích, thị phạm kỹ thuât chạy trên đường vòng* 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *3.2. Chạy trên đường vòng có bán kính khác nhau với tốc độ khác nhau* 3.2.1. Mô tả chung 3.2.2. Yêu cầu tối thiểu 3.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *3.3. Chạy tăng tốc trên đường vòng cự ly 50 - 80m với cường độ 3/4 tốc độ tối đa* 3.3.1. Mô tả chung 3.3.2. Yêu cầu tối thiểu 3.3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *3.4. Chạy trên đường thẳng vào đường vòng* 3.4.1. Mô tả chung 3.4.2. Yêu cầu tối thiểu 3.4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *3.5. Chạy trên đường vòng ra đường thẳng* 3.5.1. Mô tả chung 3.5.2. Yêu cầu tối thiểu 3.5.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *3.6. Chạy với tốc độ khác nhau trên cự ly 200 - 400m* 3.6.1. Mô tả chung 3.6.2. Yêu cầu tối thiểu 3.6.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học**	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 2 tiết	[1] Đọc tài liệu

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên		
7-8	**Chương 4. Dạy kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao** *4.1. Phân tích, thị phạm kỹ thuật xuất phát thấp và dạy cách đóng bàn đạp* 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *4.2. Tập động tác theo khẩu lệnh "vào chỗ" và "sẵn sàng"* 4.2.1. Mô tả chung 4.2.2. Yêu cầu tối thiểu 4.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *4.3. Tập xuất phát có người giúp đỡ* 4.3.1. Mô tả chung 4.3.2. Yêu cầu tối thiểu 4.3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *4.4. Thực hiện xuất phát không có khẩu lệnh* 4.4.1. Mô tả chung 4.4.2. Yêu cầu tối thiểu 4.4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *4.5. Xuất phát tấp với tín hiệu khác nhau* 4.5.1. Mô tả chung 4.5.2. Yêu cầu tối thiểu 4.5.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *4.6. Xuất phát thấp và chạy lao 30 - 40m* 4.6.1. Mô tả chung 4.6.2. Yêu cầu tối thiểu 4.6.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 4 tiết	[1] Đọc tài liệu

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên		
9-10	**Chương 5. Dạy kỹ thuật xuất phát cao và tăng tốc sau xuất phát** *5.1. Phân tích, thị phạm kỹ thuật xuất phát cao* 5.1.1. Mô tả chung 5.1.2. Yêu cầu tối thiểu 5.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *5.2. Tập vào chỗ theo khẩu lệnh* 5.2.1. Mô tả chung 5.2.2. Yêu cầu tối thiểu 5.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *5.3. Xuất phát cao có và không cáo khẩu lệnh, chạy tăng tốc 30 - 40m* 5.3.1. Mô tả chung 5.3.2. Yêu cầu tối thiểu 5.3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *5.4. Xuất phát cao ở đầu đường vòng và chạy tăng tốc 30 - 40m chuyển sang chạy thoải mái trong chạy giữa quảng* 5.4.1. Mô tả chung 5.4.2. Yêu cầu tối thiểu 5.4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 4 tiết	[1] Đọc tài liệu

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
11-12	**Chương 6. Dạy kỹ thuật chuyển từ chạy lao sang chạy giữa quảng** *6.1. Chạy tốc độ sau đó chạy theo quán tính* 6.1.1. Mô tả chung 6.1.2. Yêu cầu tối thiểu 6.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *6.2. Xuất phát thấp chạy lao rồi chạy theo quán tính* 6.2.1. Mô tả chung 6.2.2. Yêu cầu tối thiểu 6.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *6.3. Chạy biến tốc các đoạn ngắn* 6.3.1. Mô tả chung 6.3.2. Yêu cầu tối thiểu 6.3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *6.4. Chạy 60m xuất phát thấp* 6.4.1. Mô tả chung 6.4.2. Yêu cầu tối thiểu 6.4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 4 tiết	[1] Đọc tài liệu
13-14	**Chương 7. Dạy kỹ thuật về đích** *7.1. Phân tích, thị phạm kỹ thuật về đích* 7.1.1. Mô tả chung 7.1.2. Yêu cầu tối thiểu 7.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *7.2. Đi chậm 6 - 10m làm động tác đánh đích* 7.2.1. Mô tả chung 7.2.2. Yêu cầu tối thiểu 7.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *7.3. Chạy tốc độ khác nhau 5 - 20m đánh đích*	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 2 tiết	[1] Đọc tài liệu

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	7.3.1. Mô tả chung 7.3.2. Yêu cầu tối thiểu 7.3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *7.4. Chạy 50m đánh đích* 7.4.1. Mô tả chung 7.4.2. Yêu cầu tối thiểu 7.4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên		
15-16	**Chương 8. Phối hợp toàn bộ kỹ thuật động tác** *8.1. Chạy xuất phát lặp lại 30m* 8.1.1. Mô tả chung 8.1.2. Yêu cầu tối thiểu 8.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *8.2. Chạy xuất phát cao với cự ly 40 - 80m* 8.2.1. Mô tả chung 8.2.2. Yêu cầu tối thiểu 8.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *8.3. Chạy lặp lại cự ly 200 - 600* 8.3.1. Mô tả chung 8.3.2. Yêu cầu tối thiểu 8.3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *8.4. Chạy biến tốc với cự ly từ 400m trở xuống* 8.4.1. Mô tả chung 8.4.2. Yêu cầu tối thiểu 8.4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *8.5. Tập chạy với cự ly dài hơn cự ly kiểm tra* 8.5.1. Mô tả chung 8.5.2. Yêu cầu tối thiểu 8.5.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 0 tiết TH: 8 tiết	[1] Đọc tài liệu

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	8.6. Chạy hoàn thiện kỹ thuật 50 - 100m 8.6.1. Mô tả chung 8.6.2. Yêu cầu tối thiểu 8.6.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật *8.7. Kiểm tra đánh giá kết quả* 8.7.1. Mô tả chung 8.7.2. Yêu cầu tối thiểu 8.7.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học** - Nghe và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Chuẩn bị dụng cụ, tập các bài tập bổ trợ kỹ thuật động tác. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm học:** Sân vận động Trường Đại học Tây Nguyên		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: **85%**

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	1%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản	3%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		phẩm của nhóm.	
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	4%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm. Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.	
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	**15%**

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% ; Bậc 3(C) 30%
- Phương pháp đánh giá: Thi thực hành
- Thời gian:

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 2
Mã học phần: SP211012

1. Thông tin về môn học và giảng viên

Số tín chỉ: 01 TC; Tổng số tiết quy chuẩn 30 (LT/1 TH)

Loại môn học: Bắt buộc

Các học phần tiên quyết: Không

Môn học trước: Không

Môn học song song: Không

Các yêu cầu đối với môn học: Projector, máy tính, sân bãi, cột lưới, bóng

Họ và tên giảng viên: Nguyễn Thiện Tín

Số điện thoại: 0985859510

Email: Nguyenthientin@yahoo.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học

Bóng chuyền là môn học bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên.

Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về môn bóng chuyền.

Tập luyện Bóng chuyền giúp cho cơ thể người tập có một sứu khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn.

3. Mục tiêu môn học

3.1. Mục tiêu chung

*** Kiến thức**

- Trang bị cho sinh viên toàn trường kiến thức và thực hành môn bóng chuyền (kỹ thuật đệm bóng, chuyền bóng) môn bóng chuyền.
- Tổ chức được các hoạt động thi đấu môn bóng chuyền trong trường học, cơ sơ làm việc và nơi cộng đồng sinh sống.

*** Kỹ năng**

- Thực hiện được những kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền, kiến thức cơ bản về kỹ - chiến thuận bóng chuyền

*** Thái độ:**

- Yêu cầu sinh viên tham gia học tập nghiêm túc, tham gia đầy đủ tất cả các chương trình ngoại khóa do lớp tổ chức.

3.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Bài 1	1A1. Tư thế chuẩn bị và di	1.B1. Hiểu và phân tích được	1.C.1. Vận dụng và sáng

	chuyển	kỹ thuật tư thế chuẩn bị và di chuyển	tạo kỹ thuật tư thế chuẩn bị và di chuyển
Bài 2	2.A.1.Biết đệm bóng bằng hai tay trước mặt	2.B.1. Hiểu và phân tích được kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt	2.C.1. Vận dụng và sáng tạo kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt
Bài 3	3.A.1. Biết chuyền bóng bằng hai tay trước mặt	3.B.1. Hiểu và phân tích được kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt	3.C.1. Vận dụng và sáng tạo kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt
Bài 4	4.A.1. Biết phát bóng cao tay chính diện	4.B.1. Hiểu và phân tích kỹ thuật phát bóng cao tay chính diện	4.C.1. Vận dụng và sáng tạo kỹ thuật phát bóng cao tay chính diện

4. Tài liệu học tập

[1] ThS. Nguyễn Thiện Tín – Giáo trình môn học Bóng chuyền – Lưu hành nội bộ

5. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Hồng Minh, (2005), *Giáo trình bóng chuyền*, Hà Nội.

[2]. Nhà xuất bản thể dục thể thao (2013), *Luật bóng chuyền*, Hà Nội.

[3]. Bùi Huy Châm, (2005), *Huấn Luyện bóng chuyền,* Hà Nội.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành bài tập được giao.

6.2. Phần thực hành

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kỹ thuật cơ bản Bóng chuyền.
- Lập được kế hoạch tập luyện môn Bóng chuyền.

6.3. Bài tập lớn, tiểu luận

- Biên soạn giáo án giảng dạy môn Bóng chuyền.

6.4. Tham quan thực tế

Tham quan công tác tổ chức và thi đấu môn Bóng chuyền của học sinh, sinh viên trường Đại học Tây Nguyên.

7. Nội dung chi tiết môn học

Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
Bài 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị	3 tiết	[1] Đọc tài

1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập bổ trợ, bài tập được học **Địa điểm:** - Sân vận động		liệu
Bài 2: Kỹ thuật đệm, chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 2.1. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 2.2. Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 2.2.1. Mô tả chung 2.2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập bổ trợ, bài tập được học **Địa điểm:** - Sân vận động	24 tiết	[1] Đọc tài liệu
Bài 3: Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 3.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu	3 tiết	[1] Đọc tài liệu

3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Nhà thi đấu đa năng		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học

8.1. Mục đích và trọng số kiểm tra

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số
1	**Đánh giá chuyên cần**	- Đánh giá mức độ tích cự học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	5%
2	**Bài tập cá nhân**	- Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cưu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc thực hiện bài tập trên lớp của sinh viên.	5%
3	**Bài tập nhóm**	- Đánh giá mức mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhó, kĩ năng làm việc nhó, kĩ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	5%
4	**Bài thực hành**	- Đánh giá kĩ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kĩ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên - Phương pháp .đánh giá thông qua bài viết từ 3-5 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. - Đánh giá mức độ thành thạo của các kĩ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành. - Phương pháp đánh giá qua quan sát nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	5%
5	**Bài kiểm tra định kì**	- Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ	20%

		năng tái hiện kiến thức, kĩ năng vận dụng tri thức, kĩ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua quá trình học tập. - Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	
6.	**Bài thi kết thúc học phần**	- Đánh giá mực độ đạt được về tri thức, kĩ năng, thái độ sau khi nghiên cứu môn học của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên - Phương pháp đánh giá: Thi thực hành tang cầu và phát cầu.	50%

8.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập, kiểm tra, đánh giá (theo thang điểm 10)

8.2.1. Đánh giá chuyên cần:

- Tham gia đầy đủ và tích cực các hoạt động chuyên đề của khóa học
- Dự lớp ≥ 80% tổng số thời lượng của học phần.

8.2.2. Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, tiểu luận:

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, đúng hạn 1đ
- Có tham gia phản hồi, chia sẻ sản phẩm, ý kiến 2đ
- Nội dung sản phẩm đáp ứng yêu cầu 5đ
- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu 1đ
- Có ý tưởng sáng tạo (nhạc, trang phục, động tác, đội hình …) 1đ

8.2.3. Thực hành

- Có ý thức tổ chức kỷ luật trong giờ thực hành 1đ
- Kỹ năng tiến hành và tổ chức hướng dẫn tập luyện 3đ
- Kết quả bài tập đáp ứng yêu cầu 3đ
- Tích cực thảo luận nhóm 1đ
- Hoàn thành báo cáo kết quả của cá nhân và của nhóm 2đ

8.2.4. Bài kiểm tra định kỳ (đánh giá theo các mức độ)

- Bậc 1 (A) 3đ
- Bậc 2 (B) 4đ
- Bậc 3 (C) 3đ

8.2.5. Thi kết thúc học phần (có tiêu chí đánh giá riêng)

Ngày … tháng … năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**
		ThS. Nguyễn Thiện Tín

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3
Mã học phần: SP211013

1. Thông tin chung về môn học và giảng viên

Tổng số tín chỉ: 01; Tổng số tiết quy chuẩn: 30 (Lý thuyết: 0; Thực hành: 30)

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần song hành: Không

Học phần trước: GDTC 1, GDTC 2

Học phần tiên quyết: Có

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: ThS. Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979; Email: hungtvh0979@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Bóng đá là môn học bắt buộc của ngành giáo Tiểu học trong chương trình đào tạo hệ đại học của trường Đại học Tây Nguyên. Môn học trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản một số kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên.

Ngoài ra môn học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong … tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các môn thể thao khác.

3. Mục tiêu của môn học

3.1. Mục tiêu chung

3.1.1 Kiến thức:

- Nắm vững kỹ thuật đá bóng má trong, kỹ thuật dẫn bóng, kỹ thuật sút bóng cầu môn và kỹ thuật ném biên.
- Hiểu ý nghĩa, tác dụng trong tập luyện môn bóng đá.
- Hiểu các điều luật thi đấu, phương pháp huấn luyện.

3.1.2 Kỹ năng:

- Thực hiện được những kỹ năng cơ bản về môn bóng đá: Kỹ thuật đá bóng má trong; kỹ thuật sút bóng cầu môn; kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật ném biên; bài tập phối hợp cơ bản.
- Vận dụng các kiến thức về môn bóng đá để rèn luyện và thi đấu bóng đá nâng cao sức khỏe cho bản thân
- Thực hiện đúng động tác cơ bản một số kỹ thuật bóng đá.

3.1.3 Thái độ:

- Hình thành ở người học tác phong, thái độ của nhà sư phạm.
- Tác phong sâu sát trong các công việc, thường xuyên kiểm tra, đánh giá sinh viên trong các hoạt động.
- Thái độ bình tĩnh, tự tin khi tiếp xúc với các đối tượng sinh viên và khi triển khai các kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy học.

3.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3

Bài 1	1.A.1. Biết được một số bài tập bổ trợ cơ bản trong bóng đá.	1.B.1. Hiểu được một số bài tập bổ trợ cơ bản trong bóng đá.	1.C.1. Phân tích được một số bài tập bổ trợ cơ bản trong bóng đá.
Bài 2	2.A.1. Biết được kỹ thuật dẫn bóng cơ bản bằng má ngoài.	2.B.1. Hiểu được kỹ thuật kỹ thuật dẫn bóng cơ bản bằng má ngoài.	2.C.1. Biết vận dụng kỹ thuật kỹ thuật dẫn bóng cơ bản bằng má ngoài.
Bài 3	3.A.1. Biết được kỹ thuật ném biên.	3.B.1. Hiểu được kỹ thuật ném biên.	3.C.1 Vận dụng kỹ thuật ném biên vào tập luyện và thi đấu.
Bài 4	4.A.1. Biết được kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân.	4.B.1. Hiểu và phân tích được kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân.	4.C.1. Vận dụng và sáng tạo kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân.
Bài 5	5.A.1. Biết được kỹ thuật sút bóng vào cầu môn.	5.B.1. Hiểu và phân tích được kỹ thuật sút bóng vào cầu môn.	5.C.1. Vận dụng và sáng tạo kỹ thuật sút bóng vào cầu môn.
Bài 6	6.A.1. Biết được kỹ thuật dẫn bóng sút bóng vào cầu môn.	6.B.1. Hiểu và phân tích kỹ thuật dẫn bóng sút bóng vào cầu môn.	6.C.1. Vận dụng và sáng tạo kỹ thuật dẫn bóng sút bóng vào cầu môn trong tập luyện và thi đấu.
Bài 7	7.A.1. Hoàn thiện kỹ thuật. Kiểm tra thường xuyên.	7.B.1. Hoàn thiện kỹ thuật. Kiểm tra thường xuyên	7.C.1. Hoàn thiện kỹ thuật. Kiểm tra thường xuyên

4. Tài liệu học tập

[1] ThS. Trần Văn Hưng – Giáo trình môn học bóng đá – Lưu hành nội bộ

5. Tài liệu tham khảo

[2]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (1998), *Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất*, NXB TDTT Hà Nội.

[3]. Nguyễn Thiệt Tình (1977), *Huấn luyện và phương pháp giảng dạy bóng đá*, NXB TDTT Hà Nội.

[4]. Luật bóng đá (2007), Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

6. Nhiệm vụ của sinh viên

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Thực hiện được buổi lên lớp giờ học thực hành môn bóng đá.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Bài 1: Một số bài tập bổ trợ cơ bản trong bóng đá** 1.1. Mô tả chung 1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:**	4 tiết	Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]

	- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thực hành theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Sân bóng đá		
2	**Bài 2: Kỹ thuật dẫn bóng bằng má ngoài** 2.1. Mô tả chung 2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thực hành theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Sân bóng đá	4 tiết	Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]
3	**Bài 3: Kỹ thuật ném biên** 3.1. Mô tả chung 3.2. Yêu cầu tối thiểu 3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thực hành theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Sân bóng đá	4 tiết	Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]
4	**Bài 4: Kỹ thuật đá bóng bằng má trong** 4.1. Mô tả chung 4.2. Yêu cầu tối thiểu	4 tiết	Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]

	4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Sân bóng đá		
5	**Bài 5: Kỹ thuật sút bóng vào cầu môn** 5.1. Mô tả chung 5.2. Yêu cầu tối thiểu 5.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thực hành theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Sân bóng đá	4 tiết	Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]
6	**Bài 6: Kỹ thuật dẫn bóng sút cầu môn** 6.1. Mô tả chung 6.2. Yêu cầu tối thiểu 6.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thực hành theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Sân bóng đá	4 tiết	Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]; [4]
7	**Bài 7: Ôn tập và kiểm tra** 7.1. Mô tả chung	6 tiết	Đọc tài liệu [1]; [2]; [3]

	7.2. Yêu cầu tối thiểu 7.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tích cực tham gia xây dựng bài trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập được học **Địa điểm:** - Sân bóng đá		[4]; [5]; [6]

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số
1	**Đánh giá chuyên cần**	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	5%
2	**Bài tập cá nhân**	- Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. - Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc thực hiện bài tập trên lớp của sinh viên.	
3	**Bài tập nhóm**	- Đánh giá mức mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kĩ năng làm việc nhóm, kĩ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên. - Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	
4	**Bài kiểm tra định kì**	- Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức, kĩ năng vận dụng tri thức, kĩ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua quá trình học tập. - Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	5%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận			**15%**

8.3. Thi kết thúc học phần:

8.3. Thi kết thúc học phần:

Tiêu chí đánh giá:

Bậc 1(A)	30%
Bậc 2 (B)	40%
Bậc 3(C)	30%

Phương pháp đánh giá: Thi thực hành

Ngày 15 tháng 10 năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
		ThS. Trần Văn Hưng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG – AN NINH CỦA ĐCS VIỆT NAM
Mã học phần: QP211008

1. Thông tin về học phần:

- Tổng số tiết: 30 tiết, tương đương 02 tín chỉ; Số tiết lý thuyết: 30; Số tiết thực hành: 0
- Loại môn học: là môn học điều kiện cho tất cả các khối ngành đào tạo.
- Các yêu cầu đối với học phần : Không có
- Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Thanh Bút; Số điện thoại: 0983098404;
Email: ybukybuk@gmail.com
Giảng viên 2: Đậu Đình Tác; Số điện thoại: 0982238589;
Email: dinhtacqp@gmail.com
Giảng viên 3: Nguyễn Tiến Chương; Số điện thoại: 0986700088;
Email: tienchuongtn@gmail.com
Giảng viên 4: Lê Văn Đoài; Số điện thoại: 0949200642;
Email: doaihistory@gmail.com
Giảng viên 5: Lê Viết Quỳnh; Số điện thoại: 0982472358;
Email: levietquynh90@gmail.com
Giảng viên 6: Trần Quốc Yên; Số điện thoại: 01663664977;
Email: quocyen78@gmail.com
Giảng viên 7: Bùi Lê Anh; Số điện thoại: 0988345558;
Email: buileanh2003@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp cơ sở lí luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

- *Kiến thức:* Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- *Kỹ năng:* Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh.

- *Thái độ:* Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với Tổ quốc.

3.2. Mục tiêu chi tiết

Mục tiêu Chương *(Bài)*	**Bậc 1** *(nhận biết)*	**Bậc 2** *(thông hiểu)*	**Bậc 3** *(vận dụng)*
Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học	- Xác định được đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu, đặc điểm của môn học.	- Vai trò, tầm quan trọng của học phần này đối với toàn bộ chương trình môn học.	- Xây dựng phương pháp học tập phù hợp; tự giác chấp hành nghiêm các nội qui, qui định đạt thành tích cao trong học tập
Bài 2: Quan điểm cơ bản của Chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc	- Trình bày được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN	- Giải thích, chứng minh đúng đắn nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, quân đội; tính tất yếu khách quan phải bảo vệ tổ quốc XHCN; khẳng định tính khoa học, cách mạng của học thuyết Mác- lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh khi luận giải các vấn đề trên.	- Phản bác những quan điểm không đúng đắn, khoa học về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN. - Nghiên cứu, đánh giá đúng đắn các vấn đề liên quan đến chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc XHCN trong thời đại hiện nay.
Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	- Ghi nhớ tính chất, đặc điểm, quan điểm và nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân của nước ta hiện nay.	- Phân tích tầm quan trọng của việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	- Xác định ý thức trách nhiệm của bản thân, tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN
Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	- Trình bày được những vấn đề cơ bản của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc: mục đích, đối tượng tác chiến, tính chất, đặc điểm.	- Phân tích tính đúng đắn, khoa học trong các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc XHCN. - Chứng minh rằng chỉ với chiến tranh nhân dân đất nước ta mới có thể giành thắng lợi nếu chiến tranh xảy ra	- Nâng cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, ra sức học tập, rèn luyện trong môn học GDQPAN, sẵn sàng tham gia bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	- Trình bày được đặc điểm, vai trò, thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.	- Phân tích được những quan điểm nguyên tắc và phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang của Đảng ta hiện nay.	- Phản bác các quan điểm sai trái về sự lãnh đạo của Đảng đối với lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. - Sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang khi có yêu cầu.
Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại	- Xác định tính tất yếu khách quan, nêu những nội dung chính của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở nước	- Phân tích, lý giải, chứng minh các chính sách, chủ trương, những hoạt động thực tiễn ở nước ta trên các lĩnh vực thể hiện rõ sự kết hợp phát triển kinh	- Ra sức học tập tốt môn chuyên ngành và các kiến thức, kỹ năng quân sự. - Tìm hiểu sự kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường cũng cố quốc phòng - an ninh

	ta hiện nay	tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh	trong lĩnh vực mà mình đang theo học để có hình thức vận dụng phù hợp trong thực tiễn.
Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam	- Ghi nhớ những nội dung nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta, nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo	- Phân tích làm rõ được nghệ thuật đánh giặc giữ nước tài hoa, sáng tạo của ông cha ta; nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo	- Nghiên cứu, tìm hiểu về lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc; xây dựng tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc. - Vận dụng những tinh hoa nghệ thuật đánh giặc của cha ông vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN hiện nay.

4. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:

Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dung cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.

5. Tài liệu tham khảo:

- Mai Văn Bộ (2007), *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ
- Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.
- Bộ Quốc phòng – Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1995), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954,* NXB Quân đội nhân dân.
- Bộ Quốc phòng – Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2001), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 – 1975,* NXB Quân đội nhân dân.
- Chủ nghĩa Mác – Lênin bàn về Chiến tranh và Quân đội (1976), NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* NXB Chính trị quốc gia.
- Đồng tác giả (2002), *20 trận đánh trong lịch sử dân tộc*, Nxb QĐND
- Giáo trình triết học Mác – Lênin (2007), NXB Chính trị quốc gia.
- Nguyễn Mạnh Hưởng (2010), *Hỏi đáp về quốc phòng- an ninh*, Nxb Chính trị- Hành chính.
- Nhật Nam (2014), *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước*, NXB Khoa học xã hội
- Hồ Chí Minh, Toàn tập
- Hồ Chí Minh về nghệ thuật quân sự (2007), NXB Thanh Niên.
- V.L Lênin, Toàn tập

Ngoài ra còn có các văn bản của Đảng, Nhà nước có liên quan đến môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% tiết học lý thiết
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần
- Tham quan truyền thống và tham gia các hoạt động do Trung tâm tổ chức
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của Trung tâm

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu
I	**Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học** **- Nội dung:** 1.1 Đối tượng nghiên cứu 1.2 Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3 Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**2**	Giáo trình
I	**Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc** **- Nội dung:** 2.1 Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 2.2 Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 2.3 Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. đầy đủ, soạn đề cương ôn tập theo yêu cầu của giảng viên - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
I	**Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa** **- Nội dung:** 3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng	**4**	Giáo trình

	cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường		
I, II	**Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa** **- Nội dung:** 4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 4.3. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
II	**Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam** **- Nội dung:** 5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân 5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới 5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**4**	Giáo trình
II	**Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại** **- Nội dung:** 6.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam 6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay 6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt nam hiện nay **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
II	**Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam**		Giáo trình

	- Nội dung: 7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta 7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo 7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần:

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; Trọng số thi kết thúc học phần: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
2	Bài kiểm tra học phần	- Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên trong thời gian học tập. - Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận	15%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong học phần của sinh viên; tập trung chủ yếu vào cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề, sự vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận, trắc nghiệm hoặc vấn đáp

- Thời gian: Tự luận 70 phút; Trắc nghiệm 50 phút

* **Thang điểm:** Thực hiện theo thang điểm 10

Ghi chú: Chương trình thực hiện theo Thông tư số: 03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

KT/GIÁM ĐỐC **PHÓ GIÁM ĐỐC** (Đã ký)	*Ngày 17 tháng 7 năm 2017* **TRƯỞNG BỘ MÔN** (Đã ký)
Nguyễn Thanh Bút	**Đậu Đình Tác**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
Mã học phần: QP211006

1. Thông tin về học phần:

- Tổng số tiết: 30 tiết, tương đương 02 tín chỉ; Số tiết lý thuyết: 30; Số tiết thực hành: 0
- Loại môn học: là môn học điều kiện cho tất cả các khối ngành đào tạo.
- Các yêu cầu đối với học phần : Không có
- Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Thanh Bút; Số ĐT: 0983098404;
Email: ybukybuk@gmail.com
Giảng viên 2: Đậu Đình Tác; Số ĐT: 0982238589;
Email: dinhtacqp@gmail.com
Giảng viên 3: Nguyễn Tiến Chương: Số ĐT: 0986700088;
Email: tienchuongtn@gmail.com
Giảng viên 4: Lê Văn Đoài; Số ĐT: 0949200642;
Email: doaihistory@gmail.com
Giảng viên 5: Lê Viết Quỳnh; Số ĐT: 0982472358;
Email: levietquynh90@gmail.com
Giảng viên 6: Trần Quốc Yên; Số ĐT: 01663664977;
Email: quocyen78@gmail.com
Giảng viên 7: Bùi Lê Anh; Số ĐT: 0988345558; Email: buileanh2003@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

3. Mục tiêu học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

- *Kiến thức:* Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia; Vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo...
- *Kĩ năng:* Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống.

- *Thái độ:*

+ Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

+ Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học.

+ Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

+ Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / **Chương** *(Bài)*	**Bậc 1** *(nhận biết)*	**Bậc 2** *(thông hiểu)*	**Bậc 3** *(vận dụng)*
Bài 1: Phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam	Ghi nhớ khái niệm, nêu được các thủ đoạn của chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.	- Phân tích, đánh giá mục tiêu và âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch; mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm, phương châm và các giải pháp phòng chống của Đảng, Nhà nước ta.	- Nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, tích cực tham gia đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN
Bài 2: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	Trình bày được khái niệm, thành phần của lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	- Chứng minh, phân tích được tầm quan trọng của việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	- Nâng cao ý thức trách nhiệm, tích cực tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên vững mạnh
Bài 3: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới	- Trình bày được những nét cơ bản của biển đảo, biên giới quốc gia Việt Nam; tầm quan trọng của các vấn đề trên đối với sự ổn định, phát triển của đất nước.	- Chứng minh được chủ quyền của Việt Nam đối với lãnh thổ và biên giới quốc gia, đặc biệt là chủ quyền trên 2 quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Phân tích quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia.	- Nâng cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc và ý thức trách nhiệm công dân, tích cực tham gia góp phần xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới của Tổ quốc.
Bài 4: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam	- Trình bày được một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo ở nước ta - Xác định đúng tầm quan trọng, tính nhạy cảm của vấn đề dân tộc, tôn giáo đối với sự ổn định của thế giới nói chung, đất nước ta nói	- Hiểu rõ quan điểm,chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng - Phân tích, vạch trần âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng nước ta của các thế lực thù địch, đặc biệt là trên địa bàn Tây Nguyên.	- Nâng cao tinh thần cảnh giác, vận dụng cụ thể các giải pháp phòng chống vào thực tiễn cuộc sống, tích cực góp phần đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch.

	riêng.		
Bài 5: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	Trình bày được các nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;	- Phân tích, chứng minh được tầm quan trọng của an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội đối với nước ta; tình hình an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; đối tác, đối tượng của an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội ở Việt Nam hiện nay.	Vận dụng vào thực tiễn học tập, công tác, bằng những việc làm phù hợp, cụ thể để góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội của nước ta.
Bài 6: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	Trình bày được một số vấn đề cơ bản về tội phạm và tệ nạn xã hội ở nước ta	- Giải thích được nguồn gốc của tội phạm và tệ nạn xã hội ở nước ta; các biện pháp phòng chống	- Không làm những điều pháp luật cấm và không tham gia vào bất kỳ tệ nạn xã hội nào. - Tích cực tố giác, đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội
Bài 7: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	Trình bày được vai trò to lớn của quần chúng nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc.	- Phân tích những nội dung và các biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	- Thiết thực tham gia chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; xây dựng nhà trường, khu dân cư văn minh, trong sạch, vững mạnh - Động viên nhân dân nơi cư trú tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc
Bài 8: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	- Ghi nhớ được thế nào là an ninh phi truyền thống; Nêu ra những mối đe dọa phi truyền thống đối với Việt Nam	Phân tích, lý giải được sự nguy hiểm của các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam	- Đứng vững trên quan điểm của Đảng, Nhà nước để giải quyết các vấn đề về an ninh phi truyền thống ở Việt Nam - Tuyên truyền cho mọi người hiểu biết về vấn đề này.

4. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:

[1]. Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.

5. Tài liệu tham khảo:

- Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* NXB Chính trị quốc gia.

- Ban Tôn giáo chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam",* NXB Chính trị Quốc gia.

- Đặng Nghiêm Vạn (2007), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam,* NXB Chính trị Quốc gia.

- Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.

- Phạm Quang Định (2005), *"Diễn biến hòa bình" và cuộc đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" ở Việt Nam*, Nxb QĐND.

- Nguyễn Mạnh Hường (2011), *Hỏi đáp về quốc phòng- an ninh*, Nxb Chính trị - Hành chính.

- Quốc hội (2010), *Luật dân quân tự vệ, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật*

- Quốc hội (2005), *Luật biên giới quốc gia Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật*

- Quốc hội (2015), *Luật biển Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật*

- Dương Tuyết Miên (2010), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

- Vụ Giáo dục quốc phòng (2012), *Biển, đại dương và chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Xí nghiệp in Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

- Ngoài ra còn có các văn bản của Đảng, nhà nước có liên quan đến Giáo dục QP-AN.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% tiết học lý thiết
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần
- Tham quan truyền thống và tham gia các hoạt động do Trung tâm tổ chức
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của Trung tâm

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu
II	**Bài 1: Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình" bạo loạn lất đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam** **- Nội dung:** 1.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội 1.2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam 1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta 1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
II, III	**Bài 2: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng** **- Nội dung:** 2.1. Xây dựng lực lượng DQTV 2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 2.3. Động viên công nghiệp quốc phòng **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. đầy đủ, soạn đề cương ôn tập theo yêu cầu của giảng viên - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
II, III	**Bài 3: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới**		Giáo trình

	quốc gia trong tình hình mới **- Nội dung:** 3.1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia 3.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia 3.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biển, đảo, biên giới quốc gia **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	
II, III	**Bài 4: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam** **- Nội dung:** 4.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc 4.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo 4.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
II, III	**Bài 5: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội** **- Nội dung:** 5.1. Những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia 5.2. Những nội dung cơ bản về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. 5.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**3**	Giáo trình
III, IV	**Bài 6**: **Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội** **- Nội dung:** 6.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 6.2. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tệ nạn xã hội 6.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường.	**2**	Giáo trình
IV	**Bài 7: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc** **- Nội dung:** 7.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 7.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an		Giáo trình

	ninh Tổ quốc 7.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc . **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**2**	
IV	**Bài 8: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam** **- Nội dung:** 8.1. Khái quát chung về an ninh phi truyền thống 8.2. Quan điểm và các giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**3**	Giáo trình

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần:

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Bài kiểm tra học phần	- Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng của sinh viên trong thời gian học tập. - Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm	15%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng sau khi học xong học phần của sinh viên; tập trung chủ yếu vào cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề, sự vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

- Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm, tự luận hoặc vấn đáp.

- Thời gian: Trắc nghiệm: 50 phút; tự luận 70 phút.

*** Thang điểm:** Thực hiện theo thang điểm 10

Ghi chú: Chương trình thực hiện theo Thông tư số: 03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

KT/GIÁM ĐỐC **PHÓ GIÁM ĐỐC** (Đã ký)	*Ngày 17 tháng 7 năm 2017* **TRƯỞNG BỘ MÔN** (Đã ký)
Nguyễn Thanh Bút	**Đậu Đình Tác**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: QUÂN SỰ CHUNG, CHIẾN THUẬT, KỸ THUẬT BẮN SÚNG NGẮN (HOẶC TIỂU LIÊN AK) VÀ SƯ DỤNG LỰU ĐẠN

Mã học phần: QP211007

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tiết: 85; Số tiết lý thuyết: 20; Số tiết thực hành: 65
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Doãn Anh Tuấn; Số điện thoại: 01234609785;
Email: anhtuanqp609785@gmail.com
Giảng viên 2: Họ và tên: Phan Văn Phúc; số điện thoại: 0905482884;
Email: phanphucqs@gmail.com
Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Trọng Hằng; số điện thoại: 0982243993;
Email: hangthuttqptn@gmail.com
Giảng viên 4: Họ và tên: Nguyễn Việt Hồng; Số điện thoại: 0912129514;
Email: hongnguyenquansu@gmail.com
Giảng viên 5: Họ và tên: Phạm Huy Tựa; Số điện thoại: 0905211278;
Email: tuadhtn@gmail.com
Giảng viên 6: Họ và tên: Khúc Đình Tân; Số điện thoại: 0983337637;
Email: khuctan.qs@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Đội ngũ đơn vị và ba môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK); thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam; tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh tiến công, phòng ngự;

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa, thứ tự các bước chỉ huy đội hình trung đội, quy tắc thi đấu 3 môn quân sự phối hợp, vận dụng trong học tập, sinh hoạt và hội thao quốc phòng.

- Hiểu biết cơ bản về bản đồ địa hình quân sự làm cơ sở sử dụng, bảo quản.

- Hiểu biết chung về vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả.

- Biết cách ngắm bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK) và sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam; vận dụng các nội dung đã học vào học tập nội dung mới.

- Nắm được yêu cầu chiến thuật, cách đánh, hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự.

3.1.2. Kỹ năng

- Biết chỉ huy đội hình trung đội, thực hành tập luyện 3 môn quân sự phối hợp.

- Biết thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa

- Thành thạo tư thế, động tác bắn vào mục tiêu cố định ban ngày bằng súng ngắn (hoặc súng tiểu liên AK); sử dụng thành thạo một số loại lựu đạn Việt Nam.

- Nắm được hành động chỉ huy của tiểu đội (trung đội) trưởng và hành động của tiểu đội (trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công, phòng ngự.

3.1.3. Thái độ

Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Bài	**Bậc 1** *(nhận biết)*	**Bậc 2** *(thông hiểu)*	**Bậc 3** *(vận dụng)*
Bài 1: Đội ngũ đơn vị	Biết được đội hình trung đội hàng ngang, hàng dọc.	Hiểu được ý nghĩa, nắm chắc thứ tự các bước chỉ huy đội hình cơ bản của trung đội.	Biết chỉ huy đội hình trung đội trong học tập, sinh hoạt.
Bài 2: Bản đồ địa hình quân sự	Phân biệt được các loại bản đồ địa hình ở các tỷ lệ khác nhau Nắm được ý nghĩa, phân loại, đặc điểm công dụng của bản đồ địa hình;	Hiểu được cơ sở toán học, cấu tạo, biết cách chắp ghép, dán gấp, bảo quản và thực hành một số nội dung cơ bản về bản đồ ngoài thực địa.	Thực hành được các nội dung cơ bản: Đo cự ly, diện tích; định hướng bản đồ; xác định tọa độ điểm đứng trên bản đồ.
Bài 3: Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao	Biết được một số loại vũ khí công nghệ cao, khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.	Hiểu được các biện pháp phòng tránh đánh trả khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao tiến công xâm lược nước ta.	Tích cực tham gia xây dựng thế trận phòng không nhân dân vững mạnh, góp phần phòng tránh đánh trả có hiệu quả khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao tiến công xâm lược nước ta.
Bài 4: Ba môn quân sự phối hợp	Biết được các môn thể thao quốc phòng, phân biệt được sự giống và khác nhau giữa thể thao và thể thao quốc phòng	Hiểu được những nội dung cơ bản về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp	Nắm chắc kỹ thuật, phương pháp tập luyện, từng bước nâng cao thành tích của cá nhân, tập thể.
Bài 5: Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam	Hiểu được tính năng chiến đấu, cấu tạo, tác dụng các bộ phận chính của lựu đạn Φ1 và lựu đạn cần 97.	Biết cách bảo quản và sử dụng lựu đạn.	Thành thạo động tác ném lựu đạn; vận dụng linh hoạt vào thực tế học tập chiến thuật cũng như trong chiến đấu sau này.
Bài 6: Kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc	Biết được tính năng, cấu tạo, tác dụng các bộ phận chính của súng ngắn (hoặc tiểu	Nắm chắc khái niệm về ngắm bắn; ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu khi thực hành bắn mục tiêu.	Thành thạo động tác bắn vào mục tiêu cố định, đạt kết quả cao trong kiểm tra. Vận dụng vào học các bài bắn tiếp theo trong quá trình huấn luyện và

tiểu liên AK)	liên AK).	Thành thạo động tác chuẩn bị bắn, bắn, thôi bắn của súng ngắn (hoặc tiểu liên AK).	chiến đấu ở cơ quan, đơn vị sau này.
Bài 7: **Tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh tiến công**	Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu của tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh trong chiến đấu tiến công.	Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh. Biết được vị trí, động tác chỉ huy của tiểu đội (hoặc trung đội) trưởng, đội hình chiến đấu của tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh.	Thực hành chỉ huy tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh tiến công. Vận dụng vào học tập các nội dung tiếp theo.
Bài 8: **Tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh phòng ngự**	Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu của tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh trong chiến đấu phòng ngự	Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh. Biết được vị trí, động tác chỉ huy của tiểu đội (hoặc trung đội) trưởng, đội hình chiến đấu của tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh.	Thực hành chỉ huy tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh phòng ngự. Vận dụng vào học tập các nội dung tiếp theo.

4. Tài liệu học tập:

[1]. Tập thể tác giả, 2017, *"Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh tập 2"* dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam

5. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Tổng Tham Mưu (2010), *"Điều lệnh đội ngũ QĐND Việt Nam"*, Nxb QĐND.

[3]. Cục Quân huấn (2000), *Tổ chức và phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh,* Nxb QĐND.

[4]. Bộ Tổng Tham Mưu (1998), *"Sách dạy sử dụng lựu đạn"*, Nxb QĐND.

[5]. Cục Quân huấn (2009), "*Giáo trình Địa hình Quân sự*", Nxb QĐND

[6]. Cục Quân huấn (1999), "*Sách dạy bắn súng bộ binh*", Nxb QĐND

[7]. Cục Quân huấn (1999), "*Giáo trình huấn luyện Kỹ thuật chiến đấu Bộ binh*", Nxb QĐND

[8]. Binh chủng hóa học (2000), Vũ khí hạt nhân và cách phòng chống, Nxb QĐND.

[9]. Bộ Tổng Tham Mưu (2005), "Tổ chức phương pháp huấn luyện chiến thuật", Nxb QĐND.

[10]. Bộ Tổng Tham Mưu (1999), *"Tiểu đội, trung đội bộ binh trong chiến đấu"*, Nxb QĐND.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 80% tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

6.2. Phần thực hành

- Các bài thực hành của học phần: Tất cả các nội dung của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành;

+ Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các vật chất theo từng bài học;
+ Kết hợp nghe, nhìn và ghi chép nội dung;
+ Học mới ôn cũ; kết hợp lý thuyết với thực hành;
+ Tích cực, chủ động trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1-3	**Bài 1: Đội ngũ đơn vị (trung đội)** **- VĐHL1: Đội hình trung đội hàng ngang.** + Đội hình trung đội một hàng ngang. + Đội hình trung đội hai hàng ngang. + Đội hình trung đội ba hàng ngang. **- VĐHL 2: Đội hình trung đội hàng dọc.** + Đội hình trung đội một hàng dọc. + Đội hình trung đội hai hàng dọc. + Đội hình trung đội ba hàng dọc. **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Học tập trung tại sân Trung tâm. + Thực hành luyện tập theo dội hình tiểu đội. **- Yêu cầu sinh viên:** + Đọc tài liệu trước khi lên lớp; + Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; Trên cương vị trung đội trưởng thực hành tập hợp đội hình trung đội theo thứ tự các bước. **- Hình thức đánh giá**: Sinh viên trên cương vị trung đội trưởng thực hành tập hợp đội hình trung đội theo thứ tự các bước. **- Địa điểm học:** Sân trung tâm	04 tiết TH: 02 tiết TH: 02 tiết TH: 01 tiết	Giáo trình
1-3	**Bài 2: Sử dụng bản đồ địa hình quân sự** **- Nội dung:** **I. Bản đồ:** 1. Khái niệm, ý nghĩa, cơ sở toán học 2. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình 3. Nội dung bản đồ 4. Chắp ghép, dán gấp bảo quản bản đồ **II. Sử dụng bản đồ** 1. Đo cự ly, đo diện tích trên bản đồ 2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu 3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Lý thuyết: Học tập trung tại giảng đường. + Thực hành: Học tập trung, luyện tập theo đội hình tiểu đội tại Thao trường 491 hoặc tại sân trường. **- Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị tốt các vật chất theo yêu cầu của giảng viên; thực hành theo nội dung giảng viên giao. **- Hình thức đánh giá:** Đánh giá khả năng chuẩn bị và thực hành sử dụng bản đồ ngoài thực địa. **- Địa điểm học tập:** + Lý thuyết: Tại giảng đường; + Thực hành: Thao trường 491.	10 tiết LT: 05 tiết TH: 05 tiết	Giáo trình
1-3	**Bài 3: Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao** **- Nội dung:** 1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh	10 tiết LT: 05 tiết	Giáo trình

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2. Một số loại VKCNC của địch 3. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao 4. Thực hành sơ tán phòng tránh **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Lý thuyết: Học tập trung tại giảng đường. + Thực hành: Tổ chức đội hình thực hành hành quân sơ tán phòng tránh kết hợp rèn luyện thể lực. **- Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị tốt về tâm lý, sức khỏe, các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. **- Hình thức đánh giá:** Đánh giá khả năng chuẩn bị và thực hành rời khỏi vị trí trú quân ra vị trí sơ tán. **- Địa điểm học tập:** + Lý thuyết tại giảng đường; + Thực hành cơ động ra vị trí sơ tán tại thực địa.	TH: 05 tiết	
1-3	**Bài 4: Ba môn quân sự phối hợp** **- Nội dung:** **I. Điều lệ** 1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu. 2. Trách nhiệm và quyền hạn của người thi đấu, đoàn trưởng (đội trưởng) 3. Thủ tục khiếu nại, xác định thành tích xếp hạng. **II. Quy tắc thi đấu** 1. Quy tắc chung 2. Quy tắc thi đấu các môn 3. Thực hành luyện tập các nội dung **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Lý thuyết: Học tập trung tại sân Trung tâm. + Thực hành: Luyện tập các nội dung theo đội hình tiểu đội. **- Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị tốt về tâm lý, sức khỏe, các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. **- Hình thức đánh giá:** Đánh giá khả năng thực hành luyện tập các nội dung theo điều lệ. **- Địa điểm học tập:** Bãi ném lựu đạn phía sau khu vực cantin nhà trường sát khu vực bắn súng hoặc sân bóng Nhà trường.	05 tiết LT: 02 tiết TH: 03 tiết	Giáo trình
1-3	**Bài 5: Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn VN** **- Nội dung:** 1. Giới thiệu một số loại lựu đạn Việt Nam 2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn 3. Tư thế, động tác đứng ném lựu đạn 4. Ném lựu đạn xa trúng đích. **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Lý thuyết: Học tập trung tại bãi ném lựu đạn của Trung tâm. + Thực hành: Luyện tập theo đội hình tiểu đội. **- Yêu cầu sinh viên:** + Đọc tài liệu trước khi lên lớp; + Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; Nghe giảng, quan sát kết hợp ghi chép để nắm nội dung lý thuyết và động tác mẫu của	10 tiết LT: 02 tiết TH: 06 tiết	Giáo trình

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	giảng viên; tích cực luyện tập và nghiên cứu tài liệu để nắm chắc nội dung của bài. **- Hình thức đánh giá**: Sinh viên thực hành ném lựu đạn xa trúng đích. **- Địa điểm học:** Bãi ném lựu đạn phía sau khu vực cantin nhà trường sát khu vực bắn súng hoặc sân bóng Nhà trường.	TH: 02 tiết	
1-3	**Bài 6: Kỹ thuật bắn súng ngắn (hoặc tiểu liên AK)** **- Nội dung:** **I. Giới thiệu chung về súng ngắn** **II. Động tác bắn súng ngắn (hoặc AK bài 1)** 1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu (lý thuyết bắn, ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu) 2. Động tác tập bắn (Động tác chuẩn bị bắn, bắn) 3. Thôi bắn **III. Tập bắn súng ngắn bài 1 (hoặc AK bài 1)** **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Lý thuyết: Học tập trung tại giảng đường. + Thực hành: Học tập trung tại nhà tập bắn. **- Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị tốt các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; tập theo nội dung thống nhất, tập theo khẩu lệnh, thực hành sai đâu sửa đấy, rèn động tác bóp cò; kết hợp rèn luyện thể lực ngoài giờ. **- Hình thức đánh giá:** Đánh giá khả năng chuẩn bị và thực hành bắn đạn thật **- Địa điểm học tập:** Nhà tập của Trung tâm	20 tiết LT: 02 tiết TH: 13 tiết TH: 05 tiết	Giáo trình
1-3	**Bài 7: Tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh tiến công** **- Nội dung:** **Phần 1: Những vấn đề chung** 1. Đặc điểm địch 2. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu 3. Yêu cầu chiến thuật 4. Cách đánh **Phần 2: Thực hành chiến đấu** **VĐHL 1:** Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) sau khi nhận nhiệm vụ. **VĐHL 2:** Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) xung phong đánh chiếm mục tiêu. **VĐHL 3:** Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) sau khi hoàn thành nhiệm vụ. **Phần 3: Tập tổng hợp từ VĐHL 1 đến VĐHL 3** **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Lý thuyết: Học tập trung tại thao trường 491. + Thực hành: Học tập trung tại thao trường 491 theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật.	15 tiết LT: 02 tiết TH: 10 tiết TH: 03 tiết	Giáo trình

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Yêu cầu sinh viên: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị tốt về tâm lý, sức khỏe, các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Tích cực trong xử trí tình huống và tập luyện **- Hình thức đánh giá:** Đánh giá khả năng chỉ huy tiểu đội (hoặc trung đội) thực hành chiến đấu. **- Địa điểm học tập:** Thao trường 491		
1-3	**Bài 8: Tiểu đội (hoặc trung đội) bộ binh phòng ngự** **- Nội dung:** **Phần 1: Những vấn đề chung** I. Tư tưởng chỉ đạo, yêu cầu chiến thuật. II. Cách đánh: III. Bố trí lực lượng, tổ chức trận địa phòng ngự. **Phần 2. Thực hành chiến đấu** VĐHL 1: Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) sau khi nhận nhiệm vụ: VĐHL 2: Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) trước khi địch tiến công. VĐHL 3: Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) đánh địch xung phong vào trận địa. VĐHL 4: Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) đánh địch đột nhập trận địa. VĐHL 5: Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) sau mỗi đợt chiến đấu. VĐHL 6: Hành động của tiểu đội (hoặc trung đội) chuyển vào phòng ngự ban đêm. **Phần 3. Tập tổng hợp từ VĐHL 1 đến VĐHL 6** **- Hình thức tổ chức dạy học:** + Lý thuyết: Học tập trung tại thao trường 491. + Thực hành: Học tập trung tại thao trường 491 theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật. **- Yêu cầu sinh viên**: Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị tốt về tâm lý, sức khỏe, các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Tích cực trong xử trí tình huống và tập luyện - Hình thức đánh giá: Đánh giá khả năng chỉ huy tiểu đội (hoặc trung đội) thực hành chiến đấu. **- Địa điểm học tập:** Thao trường 491	10 tiết LT: 02 tiết TH: 06 tiết TH: 02 tiết	Giáo trình

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số: Điểm bộ phận: **15%**; Thi kết thúc học phần: **85%**

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	- Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học, chuẩn bị bài học trước khi lên lớp; tham gia các hoạt động phong trào; chấp hành nội qui, qui định của sinh viên trong môi trường quân sự. - Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện tại Trung tâm.	50%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
2	Bài kiểm tra học phần	- Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên trong thời gian học tập. - Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm thực hành.	50%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong học phần của sinh viên; tập trung chủ yếu vào cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề, sự vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận, trắc nghiệm hoặc thực hành
- Thời gian: Tự luận 70 - 90 phút; trắc nghiệm 50 - 60 phút.

* **Thang điểm:** Thực hiện theo thang điểm 10.

KT/GIÁM ĐỐC **PHÓ GIÁM ĐỐC** (Đã ký)	*Ngày 30 tháng 7 năm 2017* **TRƯỞNG BỘ MÔN** (Đã ký)
Nguyễn Thanh Bút	**Doãn Anh Tuấn**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: Hiểu biết chung về quân, binh chủng
Mã học phần: QP211009

1. Thông tin về học phần:

- Tổng số tiết: 20 tương đương 01 tín chỉ; Số tiết lý thuyết: 10; Số tiết thực hành: 10
- Loại môn học: là môn học điều kiện cho tất cả các khối ngành đào tạo.
- Các yêu cầu đối với học phần : Không có
- Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Thanh Bút; Số ĐT: 0983098404;
Email: ybukybuk@gmail.com
Giảng viên 2: Đậu Đình Tác; Số ĐT: 0982238589; Email: dinhtacqp@gmail.com
Giảng viên 3: Nguyễn Tiến Chương; Số ĐT: 0986700088;
Email: tienchuongtn@gmail.com
Giảng viên 4: Lê Văn Đoài; Số ĐT: 0949200642; Email: doaihistory@gmail.com
Giảng viên 5: Lê Viết Quỳnh; Số ĐT: 0982472358; Email: levietquynh90@gmail.com
Giảng viên 6: Trần Quốc Yên; Số ĐT: 01663664977;
Email: quocyen78@gmail.com
Giảng viên 7: Bùi Lê Anh; Số ĐT: 0988345558; Email: buileanh2003@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về lịch sử hình thành, phát triển của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, bao gồm: Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân; Các binh chủng: Binh chủng Pháo binh, Tăng thiết giáp, Đặc công, Hóa học, Công binh, Thông tin.

3. Mục tiêu học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

- *Kiến thức:* Trình bày một cách hệ thống sự ra đời, phát triển, tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Khái quát được đặc điểm, vai trò và những thành tích vẻ vang của từng quân, binh chủng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

- *Kĩ năng:* Xác định được dấu hiệu nhận biết, vị trí đóng quân, các hoạt động trong thực tiễn của các quân, binh chủng.

- *Thái độ:*

+ Trân trọng, tự hào về sự phấn đấu nỗ lực xây dựng các quân, binh chủng; khắc ghi công ơn của những chiến sỹ các quân, binh chủng đã tham gia phục vụ, bị thương, hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

+ Tin tưởng, ủng hộ việc xây dựng các quân, binh chủng theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại để tăng khả năng bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương (Bài)	Bậc 1 (nhận biết)	Bậc 2 (thông hiểu)	Bậc 3 (vận dụng)
Bài 1: Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng (theo 4 nhóm ngành)	Xác định được vị trí, tổ chức biên chế, nhiệm vụ của các quân, binh chủng (theo từng nhóm ngành)	So sánh, đánh giá về chức năng, nhiệm vụ của các quân, binh chủng	Tìm hiểu những quân, binh chủng đứng chân trên địa phương nơi mình đang cư trú
Bài 2: Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng (theo 4 nhóm ngành)	Ghi nhớ những nét chính về sự ra đời, thành phần, truyền thống vẻ vang của các quân, binh chủng.	- Diễn giải những thắng lợi then chốt, tinh thần vượt khó đi lên của các quân, binh chủng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	- Đánh giá đúng đắn vai trò của từng quân, binh chủng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.
Bài 3: Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng...	Biết vị trí, mô tả được các nơi đã tham quan	Giải thích được các vấn đề trong thực tế tham quan	- So sánh, đối chiếu giữa thực tiễn tham quan với các kiến thức được tiếp thu từ lí luận. - Nâng cao lòng tự hào về truyền thống của địa phương mình trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc
Bài 4: Thu hoạch	Xác định đúng mục tiêu, yêu cầu, bố cục của bài thu hoạch	- Phân tích, thống kê, so sánh, đánh giá những kết quả thu được từ thực tiễn.	- Dùng để viết thành bài thu hoạch (hoặc tiểu luận) về các quân, binh chủng.

4. Tài liệu học tập:

[1]. Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng

5. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB QĐND.

[3]. Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần (1995), *Lịch sử hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB QĐND.

[4]. Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Buôn Ma Thuột (2014), *Lịch sử đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột 1930 - 1975*, In tại Công ty TNHH Trùng Dương.

[5]. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (2010), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk 1975-2005*, NXB Chính trị quốc gia.

[6]. Ban chỉ huy quân sự thành phố Buôn Ma Thuột (2004), *Lịch sử lực lượng vũ trang thành phố Buôn Ma Thuột 1961-2004*.

[7]. Quân đoàn 4 (1980), *Lực lượng vũ trang nhân dân Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước,* NXB QĐND.

[8]. Tỉnh ủy Đắk Lắk (2010), *Lịch sử nhà đày Buôn Ma Thuột*.

[9]. Ủy ban Nhân dân tỉnh DăkLăk, Viện Sử học Việt Nam (2005), *Kỷ yếu Hội thảo khoa học chiến thắng Buôn Ma Thuột (10-3-1975 - 10-3-2005)*.

[10]. Các văn bản của Đảng, nhà nước có liên quan đến Giáo dục QP-AN.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% tiết học lý thuyết
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo qui định
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần
- Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng...
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu
III	**Bài 1: Giới thiệu chung về tổ chức lực lượng các quân, binh chủng** **- Nội dung:** 1.1. Các quân chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam 1.2. Các binh chủng của Quân đội nhân dân Việt Nam **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
III	**Bài 2: Lịch sử, truyền thống quân, binh chủng** **- Nội dung:** 2.1 Lịch sử, truyền thống quân chủng Hải quân 2.2 Lịch sử, truyền thống quân chủng Phòng không – Không quân 2.3 Lịch sử, truyền thống các binh chủng của quân chủng lục quân (Tăng thiết giáp; pháo binh; hóa học; đặc công; công binh; thông tin) 2.4 Lịch sử, truyền thống của ngành hậu cần quân đội (quân y, vận tải) **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. đầy đủ, soạn đề cương ôn tập theo yêu cầu của giảng viên - **Hình thức đánh giá:** Trắc nghiệm, tự luận, tiểu luận, vấn đáp - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**5**	Giáo trình
III, IV	**Bài 3: Tham quan các học viện, nhà trường, đơn vị, bảo tàng...** **- Nội dung:** 3.1. Hệ thống các đơn vị, bảo tàng, di tích lịch sử cách mạng trên địa bàn cơ sở phục vụ cho tham quan thực tế. 3.2. Phương pháp tổ chức tham quan 3.3. Nội dung, yêu cầu trong quá trình tham quan thực tế **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường, nơi tham quan thực tế **- Yêu cầu sinh viên:** Nghiên cứu các địa điểm có liên quan đến môn học tại địa phương, chuẩn bị tốt các yêu cầu của giảng viên; - **Hình thức đánh giá:** Viết bài thu hoạch - **Địa điểm học tập:** Giảng đường, nơi tham quan	**8**	Giáo trình
III, IV	**Bài 4: Thu hoạch** **- Nội dung:** 4.1. Mục đích, yêu cầu của bài thu hoạch		Giáo trình

	4.2. Nội dung cơ bản của bài thu hoạch 4.3. Phương pháp khai thác tài liệu; cách thức trình bày bài thu hoạch **- Hình thức tổ chức dạy học:** Tập trung tại giảng đường **- Yêu cầu sinh viên:** Đọc trước bài học, chuẩn bị tốt các vấn đề theo yêu cầu của giảng viên; có đầy đủ tài liệu, dụng cụ học tập. - **Hình thức đánh giá:** Viết bài thu hoạch - **Địa điểm học tập:** Giảng đường	**2**	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần:

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Bài kiểm tra học phần	- Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng của sinh viên trong thời gian học tập. - Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra trắc nghiệm hoặc tự luận	15%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng sau khi học xong học phần của sinh viên; tập trung chủ yếu vào cách nhìn nhận và giải quyết vấn đề, sự vận dụng vào thực tiễn của sinh viên.

- Phương pháp đánh giá: viết tiểu luận, tự luận; trắc nghiệm hoặc vấn đáp

- Thời gian: Viết tiểu luận, tự luận: 45 phút; trắc nghiệm: 30 phút

* **Thang điểm:** Thực hiện theo thang điểm 10

Ghi chú: Chương trình thực hiện theo Thông tư số: 03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

KT/GIÁM ĐỐC **PHÓ GIÁM ĐỐC** (Đã ký)	*Ngày 17 tháng 7 năm 2017* **TRƯỞNG BỘ MÔN** (Đã ký)
Nguyễn Thanh Bút	**Đậu Đình Tác**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: NGHE 1

Mã học phần:FL212101

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 Số tín chỉ lý thuyết: 02

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh

Số điện thoại: 0983146976 Email:v07tinbt@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Trần Ngọc Anh

Số điện thoại: 0984998485 Email: ngocanh.nvna@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nghe 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần để phát triển kỹ năng nghe hiểu cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần nghe 1 giúp sinh viên làm quen với nhiều loại bài nghe khác nhau mô phỏng các tình huống đa dạng của cuộc sống như đàm thoại, tin nhắn, bản tin radio, thông báo, vv...và phát triển kỹ năng nghe cơ bản như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin chính.

Học phần nghe 1 giúp sinh viên nhận biết vai trò quan trọng của các chức năng ngôn ngữ trong việc nắm bắt thông tin từ người nói hoặc bài nghe, và qua đó giúp họ hình thành nhận thức rằng để nghe hiểu văn phong đàm thoại, họ cần phải phát triển các kỹ năng nghe ở cấp cao hơn như nhận biết thái độ của người nói và suy đoán từ ngữ cảnh.

Học phần nghe 1 giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ và cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

+Sinh viên được hướng đến việc nhận biết và thực hành các giao thức khác nhau trong hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.

+Sinh viên được trang bị thêm kiến thức về mặt ngôn ngữ ở trình độ từ A^2 đến B^1.

+Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hoàn thành các bài nghe ở trình độ B^1.

3.1.2. Kỹ năng:

Sinh viên được trang bị các kỹ năng nghe cơ bản như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát

3.1.3. Thái độ:

Sinh viên có nhận thức đúng về kỹ năng nghe.Có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghe hiểu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3

Chương I: First Day	I.A.1. Trình bày được đối thoại ngắn bằng tiếng Anh về họ và tên, tên riêng, danh hiệu, đăng ký các khóa học. I.A.2. Ghi nhớ được họ và tên, tên riêng, danh hiệu, cách đăng ký các khóa học bằng tiếng Anh. I.A.3. Nhận diện được các đoạn hội thoại trang trọng và thân mật bằng tiếng Anh.	I.B.1. Hiểu được khi nào sử dụng họ, khi nào sử dụng tên, khi nào sử dụng danh hiệu. I.B.2. Phân tích được các danh hiệu và cách sử dụng chúng cho đúng. I.B.3. Lý giải được cách sử các tên thân mật.	I.C.1. So sánh được các đoạn hội thoại trang trọng và thân mật, họ và tên, danh hiệu. I.C.2. Đánh giá được ngữ cảnh của các đoạn hội thoại trang trọng và thân mật. I.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong các đoạn hội thoại ngắn.
Chương II: All About You	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về nghề nghiệp, địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, mã vùng, quê quán, tên lót. II.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về nghề nghiệp, địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, mã vùng, quê quán, tên lót. II.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về nghề nghiệp, địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, mã vùng, quê quán, tên lót.	II.B.1. Hiểu được cách trình bày thông tin cá nhân. II.B.2. Phân tích được cách đọc địa chỉ thư điện tử, số điện thoại, mã vùng bằng tiếng Anh. II.B.3. Lý giải được các vấn đề về thông tin cá nhân.	II.C.1. So sánh được cách trình bày thông tin cá nhân với cách đăng ký khóa học. II.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày thông tin cá nhân. II.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày thông tin cá nhân.
Chương III: At The Internet Café	III.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về cách hỏi và trả lời về giá cả, về số đếm, về cách sử dụng thư điện tử. III.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về cách hỏi và trả lời về giá cả, về số đếm, về cách sử dụng thư điện tử. III.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về cách hỏi và trả lời về giá cả, về số đếm, về cách sử dụng thư điện tử.	III.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về giá cả của các mặt hàng. III.B.2. Phân tích được dấu nhấn trong cách đọc số đếm. III.B.3. Lý giải được các vấn đề về giá cả, dấu nhấn trong cách đọc số đếm.	III.C.1. So sánh được cách nói về giá cả, cách đọc số đếm của người Anh và người Mỹ. III.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày giá cả, số đếm. III.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày giá

			cả và số đếm.
Chương IV: Let's Go	IV.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các phương tiện giao thông, việc di chuyển, các nơi đi và đến. IV.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các phương tiện giao thông, việc di chuyển, các nơi đi và đến. IV.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các phương tiện giao thông, việc di chuyển, các nơi đi và đến.	IV.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về phương tiện giao thông, các nơi đi và đến. IV.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa "get on" và "get in", "get off" và "get out of" IV.B.3. Lý giải được các vấn đề về phương tiện giao thông, các nơi đi và đến.	IV.C.1. So sánh được "get on" và "get in", "get off" và "get out of" IV.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về phương tiện giao thông, các nơi đi và đến. IV.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về phương tiện giao thông, các nơi đi và đến.
Chương V: What Time Is It?	V.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về cách hỏi và trả lời về giờ, thứ, ngày, tháng, năm. V.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về cách hỏi và trả lời về giờ, thứ, ngày, tháng, năm. V.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về cách hỏi và trả lời về giờ, thứ, ngày, tháng, năm.	V.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về giờ, thứ, ngày, tháng, năm. V.B.2. Phân tích được các âm khó trong việc hỏi và trả lời về giờ, thứ, ngày, tháng, năm. V.B.3. Lý giải được các vấn đề về giờ, thứ, ngày, tháng, năm.	V.C.1. So sánh được cách sử dụng số đếm và số thứ tự trong cách trình bày về ngày tháng. V.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về giờ, thứ, ngày, tháng, năm. V.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về giờ, thứ, ngày, tháng, năm.
Chương VI: Describing Yourself	VI.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về ngoại hình và tính cách của mình và người khác. VI.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về ngoại hình và tính cách của mình và người khác.	VI.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về ngoại hình và tính cách của mình và người khác. VI.B.2. Phân tích được các âm khó trong việc mô tả ngoại hình và tính cách.	VI.C.1. So sánh được cách mô tả ngoại hình và tính cách. VI.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về ngoại hình và tính cách. VI.C.3. Vận dụng: nâng

	VI.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về ngoại hình và tính cách của mình và người khác.	VI.B.3. Lý giải được các vấn đề về ngoại hình và tính cách.	cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về ngoại hình và tính cách.
Chương VII: How Will I Recognize You?	VII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về màu sắc, âu phục và nơi chốn. VII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về màu sắc, âu phục và nơi chốn. VII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về màu sắc, âu phục và nơi chốn.	VII.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về màu sắc, âu phục và nơi chốn. VII.B.2. Phân tích âm /l/ và /r/ trong việc hỏi và trả lời về màu sắc, âu phục và nơi chốn. VII.B.3. Lý giải được các vấn đề về màu sắc, âu phục và nơi chốn.	VII.C.1. So sánh được cách hỏi và trả lời về màu sắc và âu phục. VII.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về màu sắc, âu phục và nơi chốn. VII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về màu sắc, âu phục và nơi chốn.
Chương VIII: What's On TV?	VIII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các chương trình trên truyền hình, các quảng cáo trên truyền hình. VIII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các chương trình trên truyền hình, các quảng cáo trên truyền hình. VIII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các chương trình trên truyền hình, các quảng cáo trên truyền hình.	VIII.B.1. Hiểu được nội dung cơ bản của các chương trình trên truyền hình và các quảng cáo trên truyền hình. VIII.B.2. Phân tích được cách chuyển câu khẳng định thành câu hỏi bằng cách sử dụng ngữ điệu. VIII.B.3. Lý giải được các vấn đề về các chương trình, quảng cáo trên truyền hình.	VIII.C.1. So sánh được cách hỏi và trả lời về các chương trình trên truyền hình và ngày giờ phát sóng. VIII.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các chương trình, quảng cáo trên truyền hình. VIII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về các chương trình, quảng cáo trên truyền hình.
Chương IX: Planning Your Day	IX.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các hoạt động hằng ngày. IX.A.2. Ghi nhớ được bằng	IX.B.1. Hiểu được cách thể hiện các hoạt động hằng ngày. IX.B.2. Phân tích được	IX.C.1. So sánh được kế hoạch của mình và người khác thông qua các hoạt động hằng

	tiếng Anh về các hoạt động hằng ngày. IX.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các hoạt động hằng ngày.	các từ quan trọng trong câu thông qua dấu nhấn IX.B.3. Lý giải được các vấn đề về các hoạt động hằng ngày.	ngày. IX.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hoạt động hằng ngày. IX.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hoạt động hằng ngày.
Chương X: Free Time	X.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các sở thích cá nhân. X.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các sở thích cá nhân. X.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các sở thích cá nhân.	X.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về sở thích cá nhân. X.B.2. Phân tích được các âm tiết trong mỗi từ X.B.3. Lý giải được các vấn đề về sở thích cá nhân.	X.C.1. So sánh được sở thích của người này với người khác. X.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các sở thích cá nhân. X.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về các sở thích cá nhân.
Chương XI: Let's Eat	XI.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các loại thực phẩm, các món ăn và chế độ ăn uống. XI.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các loại thực phẩm, các món ăn và chế độ ăn uống. XI.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các loại thực phẩm, các món ăn và chế độ ăn uống.	XI.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về các loại thực phẩm, các món ăn và chế độ ăn uống. XI.B.2. Phân tích được câu khẳng định và câu phủ định khi nghe các đoạn hội thoại. XI.B.3. Lý giải được các vấn đề về các loại thực phẩm, các món ăn và chế độ ăn uống.	XI.C.1. So sánh được các loại thực phẩm, các món ăn và chế độ ăn uống của người Việt và người Mỹ. XI.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các loại thực phẩm, các món ăn và chế độ ăn uống. XI.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về các loại thực phẩm, các

			món ăn và chế độ ăn uống
Chương XII: At Home	XII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các đồ vật, các phòng trong nhà. XII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các đồ vật, các phòng trong nhà. XII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các đồ vật, các phòng trong nhà.	XII.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về các đồ vật, các phòng trong nhà. XII.B.2. Phân tích được hai từ "in" và "on" khi nghe các đoạn hội thoại. XII.B.3. Lý giải được các vấn đề về các đồ vật, các phòng trong nhà.	XII.C.1. So sánh được cách sắp xếp các đồ vật trong nhà giữa người Việt và người Mỹ. XII.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các đồ vật, các phòng trong nhà. XII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về các đồ vật, các phòng trong nhà.
Chương XIII: Sunny Or Cloudy?	XIII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm. XIII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm. XIII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm.	XIII.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm. XIII.B.2. Phân tích được cách đọc các danh từ số nhiều trong tiếng Anh. XIII.B.3. Lý giải được các vấn đề về các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm.	XIII.C.1. So sánh được các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm giữa người Việt và người Mỹ. XIII.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm. XIII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày các hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm.
Chương XIV: On The Block	XIV.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong khu dân cư và các vùng lân cận. XIV.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong khu dân cư và các vùng	XIV.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về các hoạt động trong khu dân cư và các vùng lân cận. XIV.B.2. Phân tích được các âm không nhấn khi nghe các đoạn hội thoại.	XIV.C.1. So sánh được các hoạt động trong khu dân cư và các vùng lân cận. giữa người Việt và người Mỹ. XIV.C.2. Đánh giá

	lân cận. XIV.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong khu dân cư và các vùng lân cận.	XIV.B.3. Lý giải được các vấn đề về các hoạt động trong khu dân cư và các vùng lân cận.	được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hoạt động trong khu dân cư và các vùng lân cận. XIV.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày các hoạt động trong khu dân cư và các vùng lân cận.
Chương XV: Downtown	XV.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh. XV.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh. XV.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh.	XV.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh. XV.B.2. Phân tích được dạng rút gọn của từ khi nghe các đoạn hội thoại. XV.B.3. Lý giải được các vấn đề về các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh.	XV.C.1. So sánh được các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh giữa người Việt và người Mỹ. XV.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh. XV.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày các hoạt động trong khu buôn bán, kinh doanh và địa điểm kinh doanh
Chương XVI: Let’s Celebrate	XVI.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong các lễ hội trong năm. XVI.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các hoạt động trong các lễ hội trong năm. XVI.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các hoạt	XVI.B.1. Hiểu được cách hỏi và trả lời về các hoạt động trong các lễ hội trong năm. XVI.B.2. Phân tích được cảm giác của người nói thong qua ngữ điệu khi nghe các đoạn hội thoại. XVI.B.3. Lý giải được	XVI.C.1. So sánh được các hoạt động trong các lễ hội trong năm giữa người Việt và người Mỹ. XVI.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hoạt động trong

	động trong các lễ hội trong năm.	các vấn đề về các hoạt động trong các lễ hội trong năm.	các lễ hội trong năm. XVI.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày các hoạt động trong các lễ hội trong năm.

4. Tài liệu học tập:

[1] Bài giảng Nghe 1 (2010). Do giảng viên biên soạn. Lưu hành nội bộ.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Lin Lougheed (2011). *Longman Preparation Series for the TOEIC Test*. Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

[3] Nhiều tác giả (2014). *Preliminary English Test 2, 3,4, 5*. Cambridge University Press.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. First Day** **Nội dung:** - Registering by last names - Distinguishing last names and first names - Comparing formal and informal conversation - Identifying photos of people and things in picture. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 1 – 7. - Thảo luận nhóm: trình bày thông tin cá nhân **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1tiết	[1] chương 1 [2] chương 1 [3] bài 1 test 2
2	**Chương 2. All About You** **Nội dung:** - Listening to personal information - Correcting written information	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 2 [2] chương 2 [3] bài 2 test 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Common symbols found in e-mail and on the Internet. - Identifying time in question - response **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 8 – 13. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, làm bài tập. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
3	**Chương 3. At The Internet Café** **Nội dung:** - Saying prices - Cardinal number and ordinal number - Paying up the receipts - Identifying an opinion in question response. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 14 – 19. - Thảo luận nhóm: trình bày về cách sử dụng thư điện tử. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 3 [2] chương 3 [3] bài 3 test 2
4	**Chương 4. Let's go** **Nội dung:** - Means of transportation - Distinguishing 'getting on – getting off and getting in – getting out' - Listening to announcements in public places - Identifying a suggestion in question response. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 20 – 25. - Thảo luận nhóm: trình bày về cách sử dụng phương tiện	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 4 [2] chương 4 [3] bài 4 test 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	giao thông **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
5	**Chương 5. What time is it?** **Nội dung:** - Asking and answering the time - Saying the dates - Completing the diary - Identifying a choice in question response. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 28 – 33. - Thảo luận nhóm: trình bày về cách sắp xếp các cuộc hẹn với người khác. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 5 [2] chương 5 [3] bài 1 test 3
6	**Chương 6. Describing Yourself** **Nội dung:** - Saying the height - Identifying colors - Identifying people in question response. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 34– 39. - Thảo luận nhóm: Hoàn thành đơn xin cấp bằng lái xe máy. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày.	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 6 [2] chương 6 [3] bài 2 test 3

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
7	**Chương 7. How Will I Know You?** **Nội dung:** - Clothes - Describing people - Identifying a reason in question response. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 2– 7. - Thảo luận nhóm: Mô tả người bạn thân của mình. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 7 [2] chương 7 [3] bài 3 test 3
8	**Chương 8. What's on TV?** **Nội dung:** - TV programs - TV announcements - Identifying a location in question response. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 8– 13. - Thảo luận nhóm: Trình bày về chương trình truyền hình mà bạn yêu thích. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 8 [2] chương 8 [3] bài 4 test 3
9	**Chương 9. Planning Your Day** **Nội dung:**	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương9 [2] chương 9

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Routine - Stress – free - Identifying time and people in short conversation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 17 - 22 - Thảo luận nhóm: Trình bày về kế hoạch làm việc trong ngày của bản thân. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		[3] bài 1 test 4
10	**Chương 10. Free Time** **Nội dung:** - Hobbies - Identifying syllables in words - Identifying intent and topic in short conversation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 23 - 28 - Thảo luận nhóm: Trình bày về sở thích của bản thân. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 10 [2] chương 10 [3] bài 2 test 4
11	**Chương 11. Let's Eat** **Nội dung:** - Food - Diet - Recipe - Identifying reason and location in short conversation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 11 [2] chương 11 [3] bài 3 test 4

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	trong CD 2 track 29 - 34 - Thảo luận nhóm: Trình bày về thói quen ăn uống của bản thân. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
12	**Chương 12. At Home** **Nội dung:** - Furniture - Decorating the house - Identifying stress and tone in short conversation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 3 track 2 - 7 - Thảo luận nhóm: Mô tả căn phòng mà bản thân yêu thích. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 12 [2] chương 12 [3] bài 4 test 4
13	**Chương 13. Sunny Or Cloudy** **Nội dung:** - Kinds of weather - Saying temperature - Identifying the sequence and audience in short talks **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 3 track 10 - 15 - Thảo luận nhóm: Trình bày về thời tiết ở khu vực mà bạn đang sống. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày.	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 13 [2] chương 13 [3] bài 1 test 5

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
14	**Chương 14. On The Block** **Nội dung:** - Kinds of houses - Different activities on the block - Identifying the situation and topic in short talks **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 3 track 16 – 21. - Thảo luận nhóm: Trình bày về các hoạt động ở khu vực mà bạn đang sống. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết	[1] chương 14 [2] chương 14
15	**Chương 15. Downtown** **Nội dung:** - Activities in downtown - Advertisments - Identifying a request in short talks **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 3 track 22– 27. - Thảo luận nhóm: Trình bày về thói quen mua sắm của bản thân. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 tiết	[1] chương 15 [2] chương 15
16	**Chương 16. Let's Celebrate**	LT: 1 tiết	[1] chương 16

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Nội dung: - Holidays - Celebrating holidays **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 3 track 28 – 34. - Thảo luận nhóm: Trình bày về một lễ hội mà bạn yêu thích. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		[2] chương 16
	TEST	1 tiết	[3]

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%. **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 30 phút.

Ngày 20 tháng 10 năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Bùi Thị Tịnh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NÓI 1
Mã học phần: FL212201

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ:02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02 ; Số tín chỉ thực hành:0
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Nguyễn Thị Tường Như
Số điện thoại: 0914479789; Email: tuongnhudhtn @gmail.com
Giảng viên 2: Hoàng Thị Hồng Nhung;
Số điện thoại: 0914540808; Email: nhunghoang2710@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Nói 1 tập trung vào việc trang bị cho người học:

- nhóm từ vựng cơ bản về các chủ đề nói chuyện hàng ngày như thông tin cá nhân, sở thích, du lịch, gia đình, bạn bè, mua sắm.
- kiến thức ngữ pháp cơ bản (các thì đơn trong tiếng Anh)
- các chiến thuật học và phát triển kỹ năng nói một cách hiệu quả nhất.
- kỹ thuật để cải thiện phát âm tiếng Anh như shadowing.
- các kỹ năng mềm trong giao tiếp như mở đầu bài nói (introduction), cách đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, lấy lượt (turn taking), đưa lượt nói (turn giving), kết thúc bài nói (conclusion).
- cách sử dụng các thành ngữ (idioms), lối diễn đạt của người bản ngữ, hay từ vựng khó để nâng độ khó của bài nói.
- Kỹ năng liên kết các ý chính trong bài nói cũng như mở bài và kết thúc bài nói.
- Kết thúc học phần Nói 1 sinh viên có thể đạt được trình độ nói pre-intermediate.

3. Mục tiêu của học phần:

Học phần Nói 1 được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói theo dạng hội thoại. Người học có thể sử dụng được những chiến thuật nói khác nhau như bắt đầu cuộc nói chuyện (ice-breaking), đặt câu hỏi (questioning), trả lời câu hỏi (answering), chuyển lượt (giving turn), lấy lượt nói (turn-taking) với các chủ đề cơ bản hàng ngày như gia đình, bạn bè, sở thích, du lịch, mua sắm.

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

Người học được trang bị từ vựng về các chủ đề nói cơ bản hàng ngày và cấu trúc ngữ pháp cơ bản (các thì đơn như quá khứ đơn, tương lai đơn, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn). Thêm vào đó, người học được trang bị một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng khoá (key language and structures) cho từng chủ đề cụ thể.

3.1.2. Kỹ năng:

Người học được trang bị kỹ năng nói cơ bản theo dạng hội thoại giữa 2 người với các kỹ năng hỏi, trả lời câu hỏi, v.v.

3.1.3. Thái độ:

Học phần nhằm tạo cho sinh viên yêu thích môn nói, từ đó tích cực tham gia xây dựng bài, phát huy tính tự học cao. Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động nói theo cặp cũng như các hoạt động nói theo nhóm.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Bài	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Bài 1 –	***I.A.1.*** Trình bày được một số từ vựng cơ bản	***I.B.1.*** Hiểu được cách sử dụng từ vựng và cấu trúc	***I.C.1.*** Sinh viên có khả năng so sánh được cách

Personal information	liên quan đến thông tin cá nhân như tên, tuổi, địa chỉ, quê quán. ***I.A.2.*** Ghi nhớ được ít nhất 50 % từ vựng khoá (key word) về chủ đề thông tin cá nhân. ***I.A.3.*** Nhận diện được những điểm sai về cách phát âm, cách đặt câu hỏi và trả lời về thông tin cá nhân.	ngữ pháp cơ bản quan trọng của chủ đề về thông tin cá nhân một cách hiệu quả. ***I.B.2.*** Phân tích được cách sử dụng những câu hỏi và sử dụng cấu trúc cơ bản để hỏi và trả lời về thông tin cá nhân. ***I.B.2.*** Lý giải được cách dùng hợp lý nhất những từ vựng và cấu trúc cơ bản của chủ đề này.	sử dụng từ vựng, cấu trúc ở những cấp độ khác nhau. ***I.C.2.*** Đánh giá được nhóm từ vựng và cấu trúc về thông tin cá nhân mà bản thân sinh viên có thể sử dụng hiệu quả nhất thực hành bài hội thoại với người khác. ***I.C.3.*** Vận dụng được những kiến thức tích hợp cả về mặt từ vựng và cấu trúc để đạt hiệu quả cao nhất khi nói về thông tin cá nhân.
Bài 2 - appearance and personality (Mô tả vẻ bề ngoài và tính cách)	***II.A.1.*** Có khả năng trình bày được những từ vựng cơ bản dùng để mô tả về ngoại hình như dáng người, khuôn mặt, tóc, v.v. cũng như những từ vựng cơ bản phổ biến để mô tả về tính cách. ***II.A.2.*** Có khả năng nhớ được ít nhất 50% lương từ vựng được hướng dẫn về chủ đề này. ***III.A. 2.*** Có khả năng nhận diện được những mức yêu cầu khác nhau về độ khó về mặt ngôn ngữ của câu trả lời với cách dùng từ và cấu trúc ngữ pháp khác nhau.	***II.B.1.*** Hiểu được cách sử dụng đúng hầu hết những từ vựng khoá thuộc chủ đề nêu trên. ***II.B.2.*** Phân tích được những cách trả lời khác nhau với những câu hỏi trong chủ đề này. ***III. B.3.*** Có khả năng giải thích được những điểm mạnh và yếu trong cách trả lời của bản thân.	***II.C.1.*** So sánh được những cách khác nhau được dùng để mở đầu bài hội thoại (ice-breaking) ***II.C.2.*** Đánh giá được tính hiệu quả của việc sử dụng những từ vựng và ngữ pháp khác nhau để hoàn thành bài hội thoại về chủ đề này. ***III. C.3.*** Vận dụng phù hợp các chiến thuật khác nhau được dùng để mở đầu bài hội thoại, trả lời câu hỏi và kết thúc bài hội thoại hiệu quả.
Bài 3 – families and friends (gia đình và bạn bè)	***I.A.1.*** Trình bày được một số từ vựng cơ bản liên quan đến 2 chủ đề - gia đình và bạn bè như từ mô tả các thành viên trong gia đình, mô tả mối quan hệ trong gia đình, thuận lợi và khó khăn của việc sinh	***I.B.1.*** Hiểu được cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản quan trọng của 2 chủ đề nêu trên một cách hiệu quả. ***I.B.2.*** Phân tích được cách chuyển ý bằng cách chuyển câu hỏi một cách phù hợp và logic trong bài	***I.C.1.*** Sinh viên có khả năng so sánh được những điểm tốt và chưa tốt của bản thân về mặt phát âm một số từ khó thuộc 2 chủ đề nêu trên từ đó sử dụng kỹ thuật shadowing để hạn chế những lỗi sai đó.

	viên sống ở nhà hay ở phòng trọ, vai trò của ban bè, v.v. ***I.A.2.*** Ghi nhớ được ít nhất 60 % từ vựng khoá (key word) về 2 chủ đề nêu trên. ***I.A.3.*** Nhận diện được những điểm sai về cách phát âm, cách đặt câu hỏi và trả lời 2 chủ đề nêu trên.	hội thoại về gia đình và bạn bè với người khác. ***I.B.2.*** Lý giải được cách triển khai bài hội thoại một cách phù hợp nhất với 2 nội dung nêu trên.	***I.C.2.*** Đánh giá được tính hiệu quả của kỹ thuật sahdowing trong việc cải thiện phát âm. Từ đó rút ra được tần suất và cách thức shadowing hiệu quả nhất. ***I.C.3.*** Vận dụng được những kiến thức tích hợp cả về mặt từ vựng, cấu trúc và phát âm để đạt hiệu quả cao nhất khi nói về 2 chủ đề gia đình và bạn bè.
Bài 4 – Saving and spending (tiết kiệm tiền và tiêu tiền)	***I.A.1.*** Trình bày được một số từ vựng cơ bản liên quan đến 2 chủ đề tiết kiệm và tiêu tiền như: các cách chủ yếu mà sinh viên hay dùng để tiết kiệm tiền, mua sắm, quần áo, thức ăn, đồ dùng học tập, v.v. ***I.A.2.*** Ghi nhớ được ít nhất 70 % từ vựng khoá (key word) về 2 chủ đề nêu trên. ***I.A.3.*** Nhận diện được những cách diễn đạt ý và triển khai ý hiệu quả hơn đối với 2 chủ đề nêu trên.	***I.B.1.*** Hiểu được cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản quan trọng liên quan trực tiếp tới 2 chủ đề trọng tâm. ***I.B.2.*** Phân tích được cách sử dụng những câu hỏi và sử dụng cấu trúc cơ bản để hỏi và trả lời về tiêu tiền và tiết kiệm tiền. ***I.B.2.*** Lý giải được cách dùng hợp lý nhất những từ vựng và cấu trúc cơ bản của chủ đề này.	***I.C.1.*** Sinh viên có khả năng so sánh được cách sử dụng từ vựng, cấu trúc ở những cấp độ khác nhau và đánh giá cách phù hợp nhất đối với bản thân để có thể tăng độ khó của bài nói liên quan tới 2 chủ đề này ***I.C.2.*** Đánh giá được nhóm từ vựng và cấu trúc về tiêu tiền và tiết kiệm tiền mà bản thân sinh viên có thể sử dụng hiệu quả nhất thực hành bài hội thoại với người khác. ***I.C.3.*** Vận dụng được những kiến thức tích hợp cả về mặt từ vựng và cấu trúc để đạt hiệu quả cao nhất khi nói về 2 chủ đề nêu trên.
Bài 5 - Travelling (du lịch)	***I.A.1.*** Trình bày được một số từ vựng cơ bản liên quan đến du lịch như: các phương tiện đi du lịch, các vật dụng hay mang theo, những điểm tốt và chưa tốt về một chuyến đi, v.v. ***I.A.2.*** Ghi nhớ được ít	***I.B.1.*** Hiểu được cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp cơ bản quan trọng của chủ đề về du lịch và kỳ nghỉ. ***I.B.2.*** Phân tích được cách sử dụng những câu hỏi và sử dụng cấu trúc cơ bản để hỏi và trả lời về thông	***I.C.1.*** Sinh viên có khả năng so sánh được cách sử dụng từ vựng, cấu trúc ở những cấp độ khác nhau. ***I.C.2.*** Đánh giá được nhóm từ vựng và cấu trúc về dùng để nói về chủ đề du lịch mà bản

	nhất 80 % từ vựng khoá (key word) về chủ đề du lịch. ***I.A.3.*** Nhận diện được những điểm sai về cách phát âm, cách đặt câu hỏi và trả lời về 1 chuyến đi trong quá khứ, 1 kỳ nghỉ hoặc những đồ vật mà sinh viên hay mang theo khi đi du lịch.	tin cá nhân. Thêm vào đó, cần phân tích được các để triển khai một bài hội thoại hiệu quả về những ***I.B.2.*** Lý giải được cách dùng hợp lý nhất những từ vựng và cấu trúc cơ bản của chủ đề này.	thân sinh viên có thể sử dụng hiệu quả nhất thực hành bài hội thoại với người khác. ***I.C.3.*** Vận dụng được những kiến thức tích hợp cả về mặt từ vựng và cấu trúc để đạt hiệu quả cao nhất khi nói về chủ đề này.

4. Tài liệu học tập:

[1] Let's talk 1 – 2nd edition – Leo John - Cambridge – 2005.

[2] Learning to listen 1 – Lin Lougheed – Macmillan- 2010.

[3] Bài giảng môn "**Nói 1**" do ThS. Hoàng Thị Hồng Nhung tổng hợp và biên soạn.

5. Tài liệu tham khảo:

[4] Luyện nghe và nói trên các website: www.330 grammar exercises; www.speaking24; www.ieltsliz.com/vocabulary;www.interpreting.info/questions/1471/shadowing-for-fluency; www.deepenglish.com/2011/10/shadowing/; www.esl-lab.com;

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận: lớp sẽ được chia thành nhiều nhóm khác nhau và mỗi nhóm sẽ phụ trách trình bày các điểm từ vựng theo các chủ đề, cũng như giải quyết các bài tập được đề ra theo chủ đề đó.
- Hoàn thành các bài tập được giao: Sinh viên bắt buộc phải có nộp ít nhất 2 bài ghi âm phần bài nói theo các bài tập được đề ra bởi giáo viên trong thời hạn cho phép.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Tổng quan về môn Nói 1, các yêu cầu chính và những hướng dẫn chi tiết.** **Nội dung:** 1.1. Tổng quan môn Nói 1 1.1.1 Các yêu cầu chính 1.1.2. Giáo trình và tài liệu tham khảo 1.2. Các chiến thuật học kỹ năng nói và nghe dành cho sinh viên năm nhất 1.2.1 Chiến thuật phát triển từ vựng, ngữ pháp 1.2.2 Chiến thuật phát triển phát âm tiếng Anh và kỹ năng nghe **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày mục tiêu chung của môn học, quy chế lớp học, định dạng thi hết môn cùng với tiêu chí đánh giá và mục tiêu của bài học (tuần 1) - Thảo luận nhóm: thảo luận những chiến thuật phát triển kỹ năng nói mà sinh viên biết (theo tài liệu được phát) - Thực hành: các nhóm lên trình bày rõ ràng những chiến	4	[4]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	thuật phát triển kỹ năng nói cũng như làm mẫu một số chiến thuật. - đặt câu hỏi và trả lời: sinh viên đặt câu hỏi và giáo viên sẽ trả lời cụ thể những điểm lưu ý của từng chiến thuật khác nhau nhằm giúp sinh viên có thể tìm ra được chiến thuật phù hợp nhất với bản thân mình. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - ghi chép đầy đủ và trình bày theo nhóm. - chuẩn bị câu hỏi và câu trả lời với nhiệm vụ được giao. **Hình thức đánh giá:** - Bằng cách trình bày tại lớp cũng như quá trình làm việc theo nhóm. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
2-7	**Chương 2. Các chủ đề chính:** *Chủ đề 1: Thông tin cá nhân và bản thân (personal information, appearance and personalities)* 2.1. Những điểm thông tin cá nhân thông dụng nhất. 2.2. Cách đặt và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân. *Chủ đề 2: Bạn bè và gia đình (family and friends)* 2.3. Từ vựng và cấu trúc ngữ pháp căn bản để mô tả ngoại hình và tính cách của 1 người. 2.4. Cách đặt câu hỏi và nói chuyện dạng hội thoại với người khác về chủ đề này. *Chủ đề 3: Chi tiêu và tiết kiệm tiền (saving and spending money)* 2.5. Từ vựng và cấu trúc ngữ pháp căn bản thuộc chủ đề này. 2.6. Cách đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi và phát triển bài hội thoại về chủ đề này. *Chủ đề 4: Du lịch (travelling)* 2.7. Từ vựng và ngữ pháp căn bản liên quan tới chủ đề về du lịch. 2.8. Cách đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi cũng như phát triển bài hội thoại về chủ đề du lịch. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày những nội dung chính của từng chủ đề (bao gồm kỹ năng phát triển bài hội thoại, từ vựng liên quan tới chủ đề cũng như điểm ngữ pháp trọng tâm). - Thực hành theo cặp. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu và chuẩn bị từ vựng về 4 chủ đề nêu trên. - Hoạt động theo cặp thực hành theo từng chủ đề với yêu cầu cụ thể từ giáo viên. - Thực hành các bài tập theo cặp và biết nhận xét cụ thể những mặt đạt và chưa đạt theo yêu cầu của môn nói 1.	22 tiết	[1] Chủ đề 1: (CĐ) – trang 6-12 và trang 13-19 Chủ đề 2: trang 20-26 Chủ đề 3: trang 27-33 Chủ đề 4: 34- 39 [4]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Mức độ tham gia của cá nhân sinh viên trong các hoạt động cặp. - khả năng nắm bắt được những điểm chính phải có trong bài học. - kiểm tra ít nhất 3 sinh viên với các bài tập và nhận xét công khai trước lớp chi tiết về những mặt được và chưa được của sinh viên. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
8	**Ôn tập và kiểm tra** - Những điểm từ vựng và ngữ pháp chính. - Những chiến thuật phát triển kỹ năng nói, phát âm cũng như kỹ năng nghe (kỹ năng phụ). - Những chiến thuật phát triển bài hội thoại (conversation) theo 4 chủ đề trong giao tiếp hàng ngày. - Những điểm chính học viên cần lưu ý khi thi bài thi hết môn.	4	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	1%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng hoàn thành bài tập nói trên lớp và nghi âm ở nhà cũng như việc vận dụng các chiến thuật phát triển bài hội thoại như đã được hướng dẫn trên lớp. Đánh giá mức độ sử dụng ngôn ngữ của sinh viên cho từng chủ đề nêu trên.	3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành bài trình bày của nhóm cũng như những hoạt động của cá nhân vào bài trình bày của nhóm. Khả năng hoạt động theo nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá sinh viên qua việc hoàn thành bài thi hết môn (theo định dạng cặp và bài hội thoại)	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu trí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.

- Phương pháp đánh giá: vấn đáp theo cặp.
- Thời gian: 10 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn)	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Thị Hồng Nhung**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC 1
Mã học phần: FL212301

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Thân Thị Hiền giang;
Số điện thoại: 0917297676; Email: thanthihiengiang@ymail.com
Giảng viên 2: Họ và tên: Cù Thị Ngọc Hoa;
Số điện thoại: 0905.421.084; Email: ctnhoa@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh năm thứ nhất, học kỳ1 theo tiến trình học bình thường. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ tiền trung cấp. Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài đọc về các chủ đề: Sinh viên và học đường (Acadamic Life Around The World), Điều kiện tự nhiên (Experiencing the Nature), Thức ăn và chế độ ăn uống (Living to Eat or Eating to Live), Đời sống cộng đồng (In the Community), Gia đình (Home).

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở trình độ tiền trung cấp. sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ của tác giả, có khả năng trao đổi thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp.

3.1.2. Kỹ năng:

Phát triển các kỹ năng chiến lược đọc lướt (skimming, scanning), đoán từ theo ngữ cảnh, tóm tắt nội dung đoạn văn.

3.1.3. Thái độ:

Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, tích cực, chủ động chuẩn bị bài, nắm vững các thông tin đọc hiểu, tham gia trao đổi, thảo luận với giảng viên và sinh viên.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I Acadamic Life Around The World	I.A.1. Trình bày được ý chính của bài đọc về lĩnh vực đời sống sinh viên trên toàn thế giới bằng Tiếng Anh I.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề đời sồg sinh viên I.A.3. Nhận diện được cấu trúc của	I.B.1. Hiểu được chủ đề, ý chính, ý phụ của từng đoạn văn về đời sống sinh viên trong bài đọc I.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về đời sống sinh viên trong bài đọc. I.B.3. Lý giải được những khác biệt trongviệc dạy và học ở những nền văn hoá	I.C.1. So sánh được những điểm giống nhau và khác nhau giữa giáo dục đại học ở Mỹ và các nước Châu Á hay Trung Đông. I.C.2. Đánh giá và nêu được lí do vì sao bản thân thích hệ thống giáo dục này hơn hệ thống giáo dục kia. I.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng,

	bài đọc; ý chính và ý phụ quan trong của từng đoạn trong các bài đọc về chủ đề được nêu.	khác nhau.	cấu trúc câu để tự viết bài phân tích các thông tin trên Internet về chủ đề cuộc sống của du học sinh.
Chương II Experiencing the Nature	II.A.1. Trình bày được ý chính của bài đọc về chủ đề thời tiết và biến đổi khí hậu. II.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề thời tiết. II.A.3. Nhận diện được nguyên nhân, kết quả, chủ đề, ý chính, ý phụ, các từ có nghĩa giống nhau trong các bài đọc về chủ đề thời tiết.	II.B.1. Hiểu được chủ đề, ý chính của từng đoạn văn về biến đổi khí hậu trong bài đọc, hiểu được các thông báo về thời tiết. II.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về chủ đề thời tiết trong bài đọc II.B.3. Lý giải được những khái niệm về thời tiết và khí hậu, sự khác nhau giữa ý kiến (beliefs) và thực tiễn (scientific facts)	II.C.1. So sánh được các loại hình thời tiết được nêu trong bài đọc II.C.2. Đánh giá được những thách thức, ảnh hưởng của thời tiết đối với con người và ngược lại II.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để thuyết trình theo nhóm và viết bài tóm tắt về đề tài thời tiết
Chương III Living to Eat or Eating to Live	III.A.1. Trình bày được ý chính của bài đọc về chủ đề thực phẩm III.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, khái niệm, các từ vựng cần thiết về chủ đề thực phẩm III.A.3. Nhận diện được cấu trúc bài đọc, ý chính, ý phụ của từng đoạn trong bài đọc	III.B.1. Hiểu được chủ đề, ý chính, ý phụ của từng đoạn văn về đề tài thức ăn và chế độ ăn uống được viết trong các bài đọc III.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về thực phẩm và chế độ ăn uống trong bài đọc III.B.3. Lý giải được những khác biệt về chế độ ăn uống dựa trên sở thích, văn hoá, lịch sử, địa lí của các vùng miền.	III.C.1. So sánh được những điểm khác biệt về chế độ ăn uống của các nền văn hoá. So sánh được sự khác nhau giữa việc đưa ra lời khuyên và quan điểm cá nhân về chế độ ăn uống III.C.2. Đánh giá được chế độ dinh dưỡng nào là tốt nhất cho sức khoẻ của con người III.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để tự viết bài và trình bày về chủ đề thực phẩm.
Chương IV In the Community	IV.A.1. Trình bày được ý chính của bài đọc về chủ đề cuộc sống trong cộng đồng. IV.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ	IV.B.1. Hiểu được chủ đề, ý chính của từng đoạn văn viết về cuộc sống trong cộng đồng. IV.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về chủ đề cuộc sống trong cộng đồng	IV.C.1. So sánh được những điểm giống nhau và khác nhau trong việc thực hiện và đưa ra những quy định về pháp luật của các nền văn hoá khác nhau. IV.C.2. Đánh giá được

	vựng cần thiết về chủ đề cuộc sống trong cộng đồng IV.A.3. Nhận diện được chủ đề của từng đoạn văn và của cả bài. Xác định được ý chính của từng đoạn bằng cách đặt câu hỏi. Nhận diện được các ý phụ dựa vào dấu câu.	IV.B.3. Lý giải được những cách thức chỉ đường khác nhau của các vùng, các nước khác nhau trên thế giới.	những quy định về pháp luật áp dụng trong cộng đồng. IV.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để tự viết và trình bày về chủ đề cuộc sống trong cộng đồng.
Chương V Home	V.A.1. Trình bày được chủ đề, ý chính của bài đọc về chủ đề gia đình. V.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề gia đình. V.A.3. Nhận diện được chủ đề, ý chính và các thông tin về thời gian và địa điểm trong lịch sử về chủ đề gia đình.	V.B.1. Hiểu được chủ đề, ý chính của từng đoạn văn viết về đề tài gia đình trong các bài đọc. V.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về đề tài gia đình trong các bài đọc. V.B.3. Lý giải được những thay đổi về cấu trúc gia đình qua các thời kì khác nhau.	V.C.1. So sánh được các cấu trúc gia đình ở những nền văn hoá khác nhau, ở những thời điểm lịch sử khác nhau. V.C.2. Đánh giá được những thay đổi về cấu trúc gia đình và các xu hướng trong xã hội. V.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu, sơ đồ về thời gian để viết và trình bày về chủ đề gia đình.

4. Tài liệu học tập:

[1] Elaine Kirn (2007), *Interactions 1 – Reading*, The McGraw-Hill Companies – Singapore.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Preliminary English Test (1997), Cambridge

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1. Academic Life Around The World **Nội dung:** 1.1. Part 1: International Students 1.2. Part 2: University Life Around The World **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những lợi ích của việc học ở nước ngoài; những điểm giống nhau và khác nhau giữa hệ thống	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 1

	giáo dục của Mỹ và các nước Châu Á. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 2. Experiencing The Nature **Nội dung:** 2.1. Part 1: The Powerful Influence of Weather 2.2. Part 2: *Global Climate Change* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Tác động của môi trường đối với con người và ngược lại. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 2.
	Chương 3. Living To Eat Or Eating To Live **Nội dung:** 3.1. Part 1: Global Diet Choices 3.2. Part 2: Facts About Food **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Chế độ dinh dưỡng tốt nhất cho sức khoẻ con người **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 3.
	Chương 4. In The Community **Nội dung:** 4.1. Part 1: How Can I Get To The Post Office? 4.2. Part 2: The Laws of Community **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Các qui định, điều luật trong xã hội hiện đại **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 4.

	Địa điểm học: Giảng đường		
	Chương 5. Home **Nội dung:** 5.1. Part 1: A Short History of the Changing Family 5.2. Part 2: Time with the Family – Past and Present **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Các cấu trúc gia đình trên thế giới. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 BT: 2	[1] Chương 5.
	Kiểm tra (Test)	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Thân Thị Hiền Giang**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT 1
Mã học phần: FL212401

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Hồ Ngọc Đoan Thư;
Số điện thoại: 0914248778; Email: hongocdoanthu@gmail.com
Giảng viên giảng dạy 2: Trần Lê Thanh Tú;
Số điện thoại: 0905721183 ; Email: thanhtufl@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm hai phần chính, lý thuyết kết hợp với bài tập về biến đổi câu và viết câu, câu chuyện, thư (informal). (Xem phần 12. Nội dung chi tiết học phần)

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.2.1. Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cấu trúc câu trong tiếng Anh, cách viết các loại câu khác nhau, cách nhận biết và tránh phạm một số lỗi thường gặp khi viết câu, viết được những loại câu khác nhau về những chủ đề khá phức tạp, viết đoạn văn có độ dài khoảng 100 từ.

3.2.2. Kỹ năng:

Phát triển kỹ năng viết câu, viết đoạn văn có độ dài khoảng 100 từ.

3.2.3. Thái độ:

Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, tạo cho sinh viên thói quen viết bằng tiếng Anh.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: Clauses	I.A.1. Trình bày được định nghĩa các loại mệnh đề trong tiếng Anh I.A.2. Ghi nhớ được các định nghĩa các loại mệnh đề trong tiếng Anh I.A.3. Nhận diện được các định nghĩa các loại mệnh đề trong tiếng Anh	I.B.1. Hiểu được các định nghĩa các loại mệnh đề trong tiếng Anh I.B.2. Phân tích được các định nghĩa các loại mệnh đề trong tiếng Anh I.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa các định nghĩa các loại mệnh đề trong tiếng Anh	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các loại mệnh đề trong tiếng Anh I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các loại mệnh đề trong tiếng Anh I.C.3. Vận dụng được các loại mệnh đề trong tiếng Anh trong giao tiếp và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương 2: Simple Sentences	II.A.1. Trình bày được khái niệm về các kiểu câu đơn II.A.2. Ghi nhớ được khái niệm về các kiểu câu đơn	II.B.1. Hiểu được khái niệm về các kiểu câu đơn II.B.2. Phân tích được khái niệm về các kiểu câu đơn II.B.2. Lý giải được khái niệm về các kiểu câu đơn	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các kiểu câu đơn IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các kiểu câu đơn

	II.A.3. Nhận diện được khái niệm về các kiểu câu đơn		II.C.3. Vận dụng được các kiểu câu đơn trong giao tiếp và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương 3: Compound Sentences định nghĩa về các kiểu câu ghép	III.A.1. Trình bày được các định nghĩa về các kiểu câu ghép III.A.2. Ghi nhớ được định nghĩa về các kiểu câu ghép III.A.3. Nhận diện được định nghĩa về các kiểu câu ghép	III.B.1. Hiểu được các kiểu câu ghép III.B.2. Phân tích được các kiểu câu ghép III.B.2. Lý giải được các kiểu câu ghép	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các kiểu câu ghép III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các kiểu câu ghép III.C.3. Vận dụng được các kiểu câu ghép trong giao tiếp bằng tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 4: Complex Sentences and Compound-Complex Sentences	IV.A.1. Trình bày được các kiểu câu phức và câu phức tạp IV.A.2. Ghi nhớ được các kiểu câu phức và câu phức tạp IV.A.3. Nhận diện được các kiểu câu phức và câu phức tạp	IV.B.1. Hiểu được các kiểu câu phức và câu phức tạp IV.B.2. Phân tích được các kiểu câu phức và câu phức tạp IV.B.2. Lý giải được các kiểu câu phức và câu phức tạp	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác được các kiểu câu phức và câu phức tạp IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các kiểu câu phức và câu phức tạp IV.C.3. Vận dụng được các kiểu câu phức và câu phức tạp trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 5: Parallelism and Sentence Problems	IV.A.1. Trình bày được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp IV.A.2. Ghi nhớ được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp IV.A.3. Nhận diện được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp	IV.B.1. Hiểu được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp IV.B.2. Phân tích được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp IV.B.2. Lý giải được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp IV.C.3. Vận dụng các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp được trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

4. Tài liệu học tập:

[1] Alice Oshima & Ann Hogue., (2002) *Writing Academic English.* Longman

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Betty Schrampfer Azar., (2000) *Understanding and Using English Grammar.* Longman

[3] Cheryl Pavlik & Margaret Keenan Segal., (2007) *Interactions 1- Writing.* McGraw-Hill

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1: Clauses** **Nội dung:** - Nêu định nghĩa các loại mệnh đề trong tiếng Anh - Phân biệt các loại câu trong tiếng Anh **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận về các loại mệnh đề trong tiếng Anh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, viết theo chủ đề: What do you enjoy about shopping? What don't you enjoy? **Hình thức đánh giá:** - Bài viết của cá nhân **Địa điểm học:** Giảng đường	6	[1] Chapter 3: Sentence structure - Independent Clauses - Dependent Clauses - Clauses Connectors
2	**Chương 2: Simple Sentences** **Nội dung:** - Nêu khái niệm về các kiểu câu đơn **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các kiểu câu đơn và làm các bài tập về câu đơn **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, viết theo chủ đề: How can you make your life healthier? **Hình thức đánh giá:** - Bài viết của cá nhân **Địa điểm học:** Giảng đường	6	[1] Chapter 3: Sentence structure -Simple sentences with one subject and one verb. -Simple sentences with one subject and two verbs -Simple sentences with two subjects and one verb -Simple sentences with two subjects and two verbs.
3	**Chương 3: Compound Sentences** **Nội dung:** - Nêu định nghĩa về các kiểu câu ghép - Biết cách viết các kiểu câu ghép **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các kiểu câu ghép và làm bài tập theo yêu cầu	6	[1] Chapter 3: Sentence structure -Compound Sentences with Coordinators -Compound Sentences with Conjunctive

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, viết theo chủ đề: What is your favorite national holiday? **Hình thức đánh giá:** - Bài viết của cá nhân **Địa điểm học:** Giảng đường		Adverbs -Compound Sentences with Semicolons
	Chương 4: Complex Sentences and Compound-Complex Sentences **Nội dung:** - Nêu các kiểu câu phức và câu phức tạp - Luyện tập cách viết các kiểu câu phức và câu phức tạp **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các kiểu câu phức và câu phức tạp -Làm bài tập theo yêu cầu **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, viết theo chủ đề: What famous person do you admire? **Hình thức đánh giá:** - Bài viết của cá nhân **Địa điểm học:** Giảng đường	6	[1] Chapter 3: Sentence structure -Complex sentences -Dependent clauses + Adverb Clauses + Adjective Clauses + Noun Clauses - Compound-Complex Sentences
	Chương 5: Parallelism and Sentence Problems Nội dung: - Nêu các cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp - Luyện tập cách nhận biết cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp và cách sửa lỗi **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về cấu trúc câu song song và các lỗi cấu trúc câu thường gặp -Làm bài tập theo yêu cầu **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, viết theo chủ đề: What do you think is the most important invention in history? **Hình thức đánh giá:** - Bài viết của cá nhân **Địa điểm học:** Giảng đường	6	[1] Chapter 3: Sentence structure -Parallelism -Sentence Fragments +Choppy Sentences +Run-on Sentences and Comma Splices +Stringy Sentences

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu trí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 60 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hồ Ngọc Đoan Thư**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN NGHE 2
Mã học phần: FL212102

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Nghe 1
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Hoàng Khánh Bảo;
Số điện thoại:0903 519 558; Email: khanhbaohoang@gmail.com
Giảng viên 2: Nguyễn Thiện Khoa;
Số điện thoại:0946 926 879; Email: vampirek91@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này bao gồm các bài luyện nghe hiểu ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày thuộc các chủ điểm như mô tả tính cách con người, quốc tịch, sức khoẻ, giao thông, thời trang, phim ảnh... Thông qua các chủ điểm nghe, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng năng phụ (identifying key words, guessing, rephrasing, taking notes…) Sinh viên được luyện nghe bổ trợ phần nghe nhận biết tình huống thông qua hình ảnh theo chương trình Preliminary English Test. Thông qua học phần, sinh viên được thực hành thêm các kỹ năng khác như nói, viết và thuyết trình bằng tiếng Anh, có sử dụng ngữ liệu đã học được từ quá trình học kỹ năng nghe hiểu.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh cấp độ tiền trung cấp (pre-intermediate), phát âm đảm bảo năng lực giao tiếp hằng ngày tương ứng với các chủ điểm như đã nêu ở nội dung học phần.

3.1.2. Kỹ năng:

Phát triển kỹ năng nghe hiểu, nắm bắt thông tin và các kỹ năng phụ (Sub-skills) như identifying key words, guessing, rephrasing, taking notes… giúp đảm bảo hoàn thành tốt các bài thi nghe hiểu và đáp ứng năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ tiền trung cấp.

3.1.3. Thái độ:

Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
UNIT 1: BORN LUCKY	I.A.1. Trình bày được đặc điểm tính cách con người. I.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong mô tả tính cách con người. I.A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng mô tả tính cách con người,	I.B.1. Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong mô tả tính cách con người. I.B.2. Phân tích ngữ điệu trong phát ngôn thể hiện quan điểm, thái độ, tình cảm. I.B.2. Lý giải những đặc điểm văn hóa giao tiếp của người bản ngữ.	I.C.1. So sánh các điểm tương đồng và dị biệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa người bản ngữ khi nói về chủ điểm tính cách con người. I.C.2. Đánh giá những khác biệt trong văn hóa giao tiếp giữa người Việt Nam và người bản ngữ trong giao

	cấu trúc câu trình bày quan điểm, và ngữ điệu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm của bài học.		tiếp liên quan đến chủ điểm tính cách con người I.C.3. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm tính cách con người. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 2: AROUND THE WORLD	II.A.1. Trình bày được các vấn đề liên quan đến quốc gia, quốc tịch, ngôn ngữ bằng tiếng Anh. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh về quốc gia, quốc tịch và ngôn ngữ, các cụm từ chỉ hướng (Đông, Tây, Nam, Bắc) khi nhìn bản đồ. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm quốc gia, quốc tịch, và ngôn ngữ.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm quốc gia, quốc tịch, và ngôn ngữ. II.B.2. Phân tích sự khác biệt trong nhấn trọng âm đối với các từ chỉ quốc gia, quốc tịch và ngôn ngữ. II.B.2. Lý giải được sự khác biệt trong nhấn trọng âm đối với các từ chỉ quốc gia, quốc tịch và ngôn ngữ.	II.C.1. So sánh các điểm khác biệt về trọng âm và khi sử dụng từ ngữ mô tả quốc gia, quốc tịch và ngôn ngữ. II.C.2. Đánh giá và làm rõ quy tắc biến đổi từ chỉ quốc gia sang từ chỉ quốc tịch và ngôn ngữ. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm quốc gia, quốc tịch và ngôn ngữ. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 3: HAPPY BIRTHDAY	II.A.1. Trình bày được các vấn đề liên quan đến hoạt động tổ chức sinh nhật bằng tiếng Anh. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh về số thứ tự, số đếm, tháng dùng trong diễn đạt ngày tháng, từ vựng và các cụm từ chỉ các hoạt động liên quan đến tổ chức tiệc sinh nhật như câu trình bày quan điểm và lời mời. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm tổ chức	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm tổ chức sinh nhật. II.B.2. Phân tích sự khác biệt giữa số đếm và số thứ tự, câu trình bày quan điểm và lời mời. II.B.2. Lý giải sự khác biệt về mặt văn hóa trong giao tiếp giữa người bản ngữ và Việt Nam trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm sinh nhật.	II.C.1. So sánh văn hóa trong giao tiếp giữa người bản ngữ và Việt Nam trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm sinh nhật. II.C.2. Đánh giá và làm rõ cách diễn đạt lời mời bằng tiếng Anh, ngôn ngữ thể hiện sự biết ơn, rình bày ý kiến. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm sinh nhật. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.

	sinh nhật.		
UNIT 4: HOW ARE YOU FEELING	II.A.1. Trình bày được các vấn đề sức khỏe và phương pháp chữa trị bằng tiếng Anh ở cấp độ cơ bản. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng tiếng Anh về các vấn đề sức khỏe và phương pháp chữa trị. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm sức khỏe.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm sức khỏe. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt vấn đề về sức khỏe và cách chữa trị. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt vấn đề về sức khỏe và cách chữa trị.	II.C.1. So sánh các cách diễn đạt khác nhau khi nói về chủ điểm sức khỏe. II.C.2. Đánh giá và làm rõ cách diễn đạt vấn đề về sức khỏe bằng tiếng Anh. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm sức khỏe. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 5: AT THE MALL	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm mua sắm. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc tiếng Anh về xác định vị trí, chỉ đường và diễn đạt các hoạt động mua sắm. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm mua sắm.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm mua sắm. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh giúp xác định vị trí, chỉ đường và diễn đạt các hoạt động mua sắm. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt xác định vị trí, chỉ đường và diễn đạt các hoạt động mua sắm.	II.C.1. So sánh cách phát âm của các động từ có uy tắc khi chia ở hình thức quá khứ đơn (ed-ending sounds). II.C.2. Đánh giá và làm rõ cách phát âm của các động từ có uy tắc khi chia ở hình thức quá khứ đơn (ed-ending sounds). II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm hoạt động mua sắm. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 6: AT THE MOVIES	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm phim ảnh. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc tiếng Anh về phim ảnh và các yếu tố liên quan đến chủ điểm phim ảnh. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm phim	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm phim ảnh. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt sở thích và các vấn đề liên quan đến phim ảnh. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt sở thích và các vấn đề liên quan đến phim ảnh.	II.C.1. So sánh cách nhấn trọng âm trong câu. II.C.2. Đánh giá và làm rõ cách nhấn trọng âm trong câu. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm phim ảnh. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.

	ảnh.		
UNIT 7: DINING OUT	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm nhà hàng, ăn uống, chế biến món ăn. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh sử dụng trong nhà hàng, gọi món ăn. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm ăn uống, nấu nướng và nhà hàng.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm nhà hàng, ăn uống, nấu nướng. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt sở thích và các vấn đề liên quan đến ăn uống, nhà hàng, và nấu nướng. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt sở thích và các vấn đề liên quan đến nhà hàng, nấu nướng và ăn uống.	II.C.1. So sánh và xác định được ngôn ngữ sử dụng trong nhà hàng, các hình thức chế biến món ăn. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm ăn uống, nhà hàng và chế biến món ăn. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm nhà hàng, ăn uống và chế biến món ăn. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 8: WHAT ARE YOU WEARING ?	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm trang phục và thời trang. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến chủ điểm trang phục và thời trang. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm trang phục và thời trang.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm trang phục và thời trang. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt quan điểm, lời khuyên và các vấn đề liên quan đến trang phục và thời trang. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt quan điểm, lời khuyên và các vấn đề liên quan đến trang phục và thời trang.	II.C.1. So sánh và xác định được ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp về chủ điểm trang phục và thời trang. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm giao tiếp trang phục và thời trang. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm trang phục và thời trang.. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 9: TRAFFIC JAM	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm giao thông vận tải. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến chủ điểm giao thông và phương tiện đi lại.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm giao thông và phương tiện đi lại. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt các vấn đề liên quan đến giao thông và phương tiện đi lại.	II.C.1. So sánh và phân biệt được âm ngắn/dài trong phát âm và ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp về giao thông và phương tiện đi lại. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm giao thông và phương tiện đi lại.

	II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm giao thông và phương tiện đi lại.	II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt các vấn đề liên quan đến giao thông và phương tiện đi lại.	II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm giao thông và phương tiện đi lại. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 10: ON THE WEEKEND	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm hoạt động cuối tuần. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến chủ điểm hoạt động cuối tuần. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm hoạt động cuối tuần.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp về chủ điểm hoạt động cuối tuần. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt chuỗi các hoạt động theo chủ điểm hoạt động cuối tuần. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt các vấn đề liên quan đến hoạt động cuối tuần.	II.C.1. So sánh cách phát âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh sử dụng trong giao tiếp theo chủ điểm hoạt động cuối tuần. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm giao thông và phương tiện đi lại. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm hoạt động cuối tuần. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 11: ROOM SERVICE	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm dịch vụ khách sạn. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến chủ điểm dịch vụ khách sạn. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm dịch vụ khách sạn.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp trong khách sạn. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh trong hoạt động dịch vụ khách sạn. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt các vấn đề liên quan đến dịch vụ khách sạn.	II.C.1. So sánh cách phát âm các danh từ số nhiều tận cùng bằng s và es, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh sử dụng trong giao tiếp theo chủ điểm khách sạn và dịch vụ. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm dịch vụ khách sạn. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm dịch vụ khách sạn. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.

UNIT 12: GETTING AWAY	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các hoạt động về chủ điểm hoạt động du lịch và kỳ nghỉ. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến chủ điểm hoạt động du lịch và kỳ nghỉ. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến chủ điểm hoạt động du lịch và kỳ nghỉ.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng chủ điểm hoạt động giải trí, du lịch. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh trong hoạt động giải trí, du lịch. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt các vấn đề liên quan đến giải trí, du lịch.	II.C.1. So sánh cách phát âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh sử dụng trong giao tiếp theo chủ điểm giải trí, du lịch. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp liên quan đến chủ điểm giải trí, du lịch. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến chủ điểm giải trí, du lịch. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 13: THE CEILING IS LEAKING	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ), mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ), mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ).	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng để diễn đạt sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ), mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ), mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh diễn đạt sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ), mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê.	II.C.1. So sánh cách phát âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh sử dụng trong giao tiếp diễn đạt sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ). II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp liên quan đến sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ). II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh liên quan đến diễn đạt sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ) và mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 14: STAY IN TOUCH	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh các phương tiện/thiết bị và phương thức liên lạc. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng để diễn đạt phương thức giữ liên lạc và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh	II.C.1. So sánh cách phát âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh diễn đạt phương thức giữ liên lạc và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ diễn đạt phương thức giữ liên lạc

	điện tử liên lạc. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong giao tiếp hằng ngày liên quan đến các phương tiện/thiết bị và phương thức liên lạc.	diễn đạt phương thức giữ liên lạc và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng diễn đạt phương thức giữ liên lạc và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc.	và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp bằng tiếng Anh về phương thức giữ liên lạc và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 15: CALL ME ON MY CELL	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh ngôn ngữ giao tiếp và nhắn tin trên điện thoại. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh giao tiếp và nhắn tin trên điện thoại. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu trong tiếp và nhắn tin trên điện thoại.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh dùng trong giao tiếp trên điện thoại. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh giao tiếp trên điện thoại. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng giao tiếp bằng điện thoại.	II.C.1. So sánh cách phát âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh giao tiếp và nhắn tin trên điện thoại. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ giao tiếp và nhắn tin trên điện thoại. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp và nhắn tin trên điện thoại bằng tiếng Anh. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.
UNIT 16: JOB FAIR	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh chủ điểm nghề nghiệp. II.A.2. Ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tiếng Anh chủ điểm nghề nghiệp. II. A.3. Nhận diện cách phát âm từ vựng, cấu trúc câu liên quan đến chủ điểm nghề nghiệp.	II.B.1.Hiểu từ vựng, cấu trúc tiếng Anh liên quan đến chủ điểm nghề nghiệp. II.B.2. Phân tích và làm rõ cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến chủ điểm nghề nghiệp. II.B.2. Lý giải được từ ngữ, cấu trúc câu tiếng Anh liên quan đến chủ điểm nghề nghiệp.	II.C.1. So sánh cách phát âm, từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh theo chủ điểm nghề nghiệp. II.C.2. Đánh giá và làm rõ được biến thể ngôn ngữ liên quan đến chủ điểm nghề nghiệp. II.C.2. Vận dụng vốn kiến thức về mặt ngôn ngữ giúp nghe hiểu và giao tiếp liên quan đến chủ điểm nghề nghiệp bằng tiếng Anh. Có năng lực tự bồi dưỡng nâng cao trình độ giao tiếp liên quan đến chủ điểm của bài học.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Lin Lougheed, 2003. *LEARNING TO LISTEN 2*, MacMillan Publisher

5. Tài liệu tham khảo:

[2] *Preliminary English Test 1, 2* Cambridge University Press 2003

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**UNIT 1: BORN LUCKY** **Nội dung:** - Vocabulary for describing personalities - Describing personalities and personality traits - Talking about your friends - Identifying characteristics and habits - Identifying an opinion - Distinguishing between different sentence intonations **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận về mối quan hệ của năm sinh và tính cách. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về năm sinh và tính cách. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói theo cặp. **Địa điểm học:** - Phòng máy	LT: 1	[1]
	UNIT 2: AROUND THE WORLD **Nội dung:** - Vocabulary on countries, languages and nationalities - Identifying names of countries, languages, and nationalities. - Distinguishing the stressed syllables in a word **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm quốc gia và quốc tịch **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 1	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói theo cặp. **Địa điểm học:** - Phòng máy **UNIT 3: HAPPY BIRTHDAY** **Nội dung:** - Vocabulary on celebrating birthdays - Celebrating birthdays. - Dates, invitations, gifts - Identifying invitations - Identifying a opinion - Distinguishing ordinal and cardinal numbers **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm tổ chức sinh nhật. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp mô tả các hoạt động tổ chức sinh nhật.	LT: 1	[1]
	Địa điểm học: - Phòng máy **UNIT 4: HOW ARE YOU FEELING** **Nội dung:** - Vocabulary on health problems - Identifying health problems - Distinguishing the number of syllables in a word - Talking about health problems and remedies **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm sức khỏe và phương pháp chữa trị. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói	LT: 1	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp mô tả các vấn đề sức khỏe **Địa điểm học:** - Phòng máy		
1	**REVIEW 1: Ôn tập các chủ điểm từ Unit 1 – 4** **BỔ TRỢ: Nghe nhận diện tranh ảnh (Part 1Test 1 PET 2)**	TH: 3	[1] [2]
2	**UNIT 5: AT THE MALL** **Nội dung:** - Vocabulary on types of stores and shopping - Spending time at the mall - Identifying types of stores - Identifying direction and location - Distinguishing pronunciation of regular past tense verbs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm mua sắm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp về chủ điểm mua sắm. **Địa điểm học:** - Phòng máy	LT: 1	[1]
	UNIT 6: AT THE MOVIES **Nội dung:** - Vocabulary on movies features - Talking about movies - Identifying types of movies and their features - Identifying likes and dislikes - Distinguishing stressed words in sentences **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm phim ảnh. **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 1	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp về chủ điểm phim ảnh. **Địa điểm học:** - Phòng máy **UNIT 7: DINING OUT** **Nội dung:** - Vocabulary on ways of cooking and types of food - Eating at restaurants - Describing different food - Identifying preferences - Identifying location - Identifying time - Distinguishing between different ways of expressing amounts of money. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi bối cảnh giao tiếp nhà hàng **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Bài tập nhóm trình bày về chủ điểm ẩm thực **Địa điểm học:** - Phòng máy	LT: 1	[1]
	UNIT 8: WHAT ARE YOU WEARING? - Vocabulary on types of clothes - Describing clothes - Identifying clothes - Identifying opinion and advice - Distinguishing between /s/, /z/, and /iz/ **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm thời trang. **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 1	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp mô tả trang phục **Địa điểm học:** - Phòng máy		
2	REVIEW 2: Ôn tập các chủ điểm từ Unit 5 – 8 BỔ TRỢ: Nghe nhận diện tranh ảnh (Part 1Test 2 PET 2)	TH: 3	[1] [2]
3	**UNIT 9: TRAFFIC JAM** **Nội dung:** - Transportation - Vocabulary on transportation - Identifying comparisons - Identifying cause and effect - Distinguishing between the sounds /i/ and /i:/ **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm giao thông, phương tiện giao thông **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp theo chủ điểm giao thông và phương tiện đi lại. **Địa điểm học:** - Phòng máy	LT: 1	[1]
	UNIT 10: ON THE WEEKEND - Vocabulary for talking about weekend activities - Talking about weekend local activities - Identifying activities around town - Identifying sequence and places - Distinguishing between the sounds of *she's* and *he's* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm hoạt động kỳ nghỉ cuối tuần **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 1	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
3	- Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp theo chủ điểm kỳ nghỉ cuối tuần. **Địa điểm học:** - Phòng máy **UNIT 11: ROOM SERVICE** - Vocabulary for talking about hotels and services - Staying at hotels, checking-in, hotel services - Identifying places and services in a hotel - Distinguishing between singular and plural nouns **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm khách sạn và dịch vụ khách sạn. **Yêu cầu sinh viên:** + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm khách sạn và dịch vụ. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói đóng vai theo cặp theo chủ điểm khách sạn và dịch vụ. **Địa điểm học:** - Phòng máy **UNIT 12: GETTING AWAY** - Vocabulary on holiday activities - Activities that can be done away from home; sightseeing, water sports, group tours - Website address - Identifying holiday activities - Identifying Web address - Distinguishing between contracted *'s* and plural *-s* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi	LT: 1 LT:1	[1] [1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	+ Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm du lịch. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói đóng vai theo cặp theo chủ điểm du lịch - Bài tập nhóm viết Brochure giới thiệu du lịch **Địa điểm học:** - Phòng máy		
3	**REVIEW 3: Ôn tập các chủ điểm từ Unit 9 – 12** **BỔ TRỢ:Nghe nhận diện tranh ảnh (Part 1 Test 3, PET 2)**	TH: 3	[1] [2]
4	**UNIT 13: THE CEILING IS LEAKING** **Nội dung:** - Vocabulary on apartment and apartment problems - Discussing apartment problems, rental costs - Identifying problems - Distinguishing between cardinal and ordinal number **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành mô tả sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ), mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân mô tả sự cố, hỏng hóc tại nơi ở (nhà/căn hộ), mô tả căn hộ và trang thiết bị trong căn hộ cho thuê. **Địa điểm học:** - Phòng máy	LT: 1	[1]
	UNIT 14: STAY IN TOUCH - Vocabulary on ways of communicating and communication equipment - Communication - Electronics: fax, cells, pagers, laptops, email - Identifying ways of communicating - Identifying preferences - Distinguishing between *can* and *can't* **Hình thức tổ chức dạy học:**	LT: 1	[1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm phương thức giữ liên lạc và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói cá nhân/theo cặp theo chủ điểm phương thức giữ liên lạc và mô tả các đặc điểm chi tiết các phương tiện/thiết bị điện tử liên lạc. **Địa điểm học:** - Phòng máy **UNIT 15: CALL ME ON MY CELL** - Cell phone technology, text messaging - SMS language - Identifying numbers and messages - Identifying location - Distinguishing between sounds for affirming and negating **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm ngôn ngữ giao tiếp và nhắn tin trên điện thoại. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói chủ điểm ngôn ngữ giao tiếp và nhắn tin trên điện thoại. **Địa điểm học:** - Phòng máy **UNIT 16: JOB FAIR** - Vocabulary on occupations - Occupations, earnings, length of service - Identifying likes and dislikes	LT: 1 LT: 1	[1] [1]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Identifying periods of time - Distinguishing confirmation and uncertainty through invitation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Sinh viên làm việc theo cặp thảo luận mô tả tranh ảnh liên quan đến chủ điểm. - Thực hành: + Sinh viên nghe các đoạn ghi âm và trả lời câu hỏi + Sinh viên thực hành nói theo cặp hỏi và trả lời câu hỏi về chủ điểm chủ điểm nghề nghiệp. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành nghe/nói **Hình thức đánh giá:** - Nghe hiểu và trả lời câu hỏi - Thực hành nói mô tả các hoạt động nghề nghiệp. **Địa điểm học:** - Phòng máy		
4	**REVIEW 4: Ôn tập các chủ điểm từ Unit 13-16** **BỔ TRỢ: Nghe nhận diện tranh ảnh (Part 1Test 4 PET 2)**	TH: 3	[1] [2]

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Trắc nghiệm
- Thời gian: 30 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Khánh Bảo**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NÓI 2
Mã học phần: FL212202

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ:02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02 ; Số tín chỉ thực hành:0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Nói 1
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tường Như
Số điện thoại: 0914479789 ; Email:tuongnhudhtn @gmail.com
Giảng viên 2: Hoàng Thị Hồng Nhung;
Số điện thoại: 0914 54 08 08; Email: nhunghoang2710@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Nói 2 tập trung vào việc trang bị cho người học:

- nhóm từ vựng cơ bản về các chủ đề hàng ngày như ấn tượng đầu tiên, thời tiết, công việc, sở thích, kỳ nghỉ.
- kiến thức ngữ pháp cơ bản (các thì phức tạp trong tiếng Anh như hiện tại hoàn thành, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành)
- các chiến thuật học và phát triển kỹ năng nói một cách hiệu quả nhất đối với nói 2 bao gồm: phát triển ý phụ từ ý chính (diễn dịch), cách đặt câu hỏi phụ, cách bổ trợ lẫn nhau khi nói.
- kỹ thuật để cải thiện phát âm tiếng anh như shadowing, dictation.
- các kỹ năng mềm trong khi trả lời câu hỏi phỏng vấn một mình như: cách giữ thời gian suy nghĩ, cách phát triển ý cơ bản (diễn dịch hay quy nạp), cách diễn đạt những từ không biết bằng cách mô tả từ đó.
- cách sử dụng các thành ngữ (idioms), lối diễn đạt của người bản ngữ, hay từ vựng khó để nâng độ khó của bài nói.
- Kỹ năng liên kết các ý chính trong bài nói cũng như mở bài và kết thúc bài nói.
- Kết thúc học phần Nói 2 sinh viên có thể đạt được trình độ nói trung cấp (intermediate) cũng như phần thi Nói 1 trong bài thi IELTS hoặc VSTEP.

3. Mục tiêu của học phần:

Học phần Nói 2 được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kỹ năng nói theo dạng trả lời các câu hỏi một cách độc lập trong vòng 30 giây đến 1 phút. Người học có thể sử dụng được những chiến thuật nói khác nhau như mở bài, thân bài, kết luận, cách phát triển ý phụ, cách giữ thời gian để suy nghĩ với những chủ đề như ấn tượng đầu tiên, thời tiết, công việc, sở thích, kỳ nghỉ.

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

Người học được trang bị từ vựng về các chủ đề khá phổ biến như như ấn tượng đầu tiên, thời tiết, công việc, sở thích, kỳ nghỉ. Thêm vào đó, người học cũng được hướng dẫn một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng khoá (key language and structures) cho từng chủ đề cụ thể.

3.1.2. Kỹ năng:

Người học được trang bị kỹ năng nói cơ bản theo dạng trả lời nhanh, gọn, và chuẩn xác những câu hỏi theo từng chủ đề chính với khả năng sử dụng ngôn ngữu ở cấp bậc trung cấp.

3.1.3. Thái độ:

Tích cực tham gia xây dựng bài, phát huy tính tự học cao. Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động nói theo cặp cũng như các hoạt động nói theo nhóm.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Unit 1- First impression (ấn tượng đầu tiên)	***I.A.1.*** Trình bày được một những từ vựng cơ bản của chủ đề trong bài – first impression. ***I.A.2.*** Ghi nhớ được ít nhất 50 % từ vựng khoá (key word) cho chủ đề. ***I.A.3.*** Nhận diện được một số từ vựng ở mức độ cao hơn nhằm nâng mức độ khó của bài nói.	***I.B.1.*** Hiểu được cách sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp khoá của chủ đề một cách hiệu quả. ***I.B.2.*** Phân tích được những dạng câu hỏi và câu trả lời phù hợp cho từng chủ đề nói đơn giản. ***I.B.2.*** Lý giải được cách phát triển câu trả lời một cách hiệu quả.	***I.C.1.*** Được các mức độ sử dụng ngôn ngữ khác nhau ở các cấp độ nói khác nhau. ***I.C.2.*** Đánh giá được chính xác những cách phát triển bài nói hiệu quả và chưa hiệu quả từ đó rút ra được những chiến thuật phù hợp nhất để phát triển kỹ năng nói của bản thân về chủ đề nêu trên. ***I.C.3.*** Vận dụng được những kiến thức tích hợp cả về kỹ năng làm bài nói và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề được nêu trên.
Unit 2 – The weather (thời tiết)	***II.A.1.*** Trình bày được những từ vựng cơ bản được dùng để nói về chủ đề thời tiết như: các loại thời tiết, những hoạt động tương ứng với những kiểu thời thiết khác nhau, v.v. ***II.A.2.*** Có khả năng nhớ được ít nhất 60% lương từ vựng được hướng dẫn cho chủ đề này. ***III.A. 2.*** Có khả năng nhận diện được dạng câu hỏi và cách trả lời hiệu quả ứng với những câu hỏi đó.	***II.B.1.*** Hiểu được cách triển khai một bài nói theo ba phần: mở bài, thân bài và kết luận. ***II.B.2.*** Phân tích được những dạng câu hỏi khác nhau và cách trả lời hiệu quả với những dạng câu hỏi dành cho chủ đề được nêu. ***III. B.3.*** Lý giải được những cấu trúc ngữ pháp khác nhau (thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, và tương lai đơn) được dùng cho những câu trả lời khác nhau một cách chính xác nhất.	***II.C.1.*** So sánh được bài thi nói của mình và bài nói mẫu từ đó có thể có ngữ liệu giúp nâng điểm bài thi nói của mình. ***II.C.2.*** Đánh giá được bài nói của các sinh viên khác cũng như của mình một cách phù hợp tương đối. Chỉ ra được điểm mạnh và điểm yếu bài thi nói của chính mình và người khác. ***III. C.3.*** Vận dụng phù hợp các chiến thuật phát triển kỹ năng nói độc thoại trong vòng 30s đến 1 phút.
Unit 3 – Jobs (nghề nghiệp)	***II.A.1.*** Trình bày được những từ vựng cơ bản	***II.B.1.*** Hiểu được cách triển khai một bài nói	***II.C.1.*** So sánh được bài thi nói của mình và bài

	được dùng để nói về chủ đề về công việc như: các loại nghề nghiệp khác nhau, các nhiệm vụ tương ứng của mỗi nghề nghiệp, nghề nghiệp mơ ước với những điểm mạnh và điểm yếu cụ thể, v.v. ***II.A.2.*** Có khả năng nhớ được ít nhất 70% lượng từ vựng được hướng dẫn cho chủ đề này. ***III.A. 2.*** Có khả năng nhận diện được dạng câu hỏi và cách trả lời hiệu quả ứng với những câu hỏi đó về chủ đề được nêu.	theo ba phần: mở bài, thân bài và kết luận. ***II.B.2.*** Phân tích được những dạng câu hỏi khác nhau và cách trả lời hiệu quả với những dạng câu hỏi dành cho chủ đề được nêu. ***III. B.3.*** Lý giải được những cấu trúc ngữ pháp khác nhau (thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai giả định) được dùng cho những câu hỏi cho chủ đề nêu trên.	nói mẫu từ đó có thể hạn chế những điểm yếu về bài nói của bản thân. ***II.C.2.*** Đánh giá được bài nói của các sinh viên khác cũng như của mình một cách phù hợp tương đối. Chỉ ra được điểm mạnh và điểm yếu bài thi nói của chính mình và người khác. ***III. C.3.*** Vận dụng phù hợp các chiến thuật phát triển kỹ năng nói độc thoại trong vòng 30s đến 1 phút.
Unit 4 – hobbies (sở thích)	***II.A.1.*** Trình bày được những từ vựng cơ bản được dùng để nói về chủ đề về sở thích như: những sở thích phổ biến, lý giải tại sao lại có những sở thích như vậy, v.v. ***II.A.2.*** Có khả năng nhớ được ít nhất 70% lương từ vựng được hướng dẫn cho chủ đề này. ***III.A. 2.*** Có khả năng nhận diện được dạng câu hỏi và cách trả lời hiệu quả ứng với những câu hỏi đó về chủ đề được nêu.	***II.B.1.*** Hiểu được cách triển khai một bài nói theo ba phần: mở bài, thân bài và kết luận. ***II.B.2.*** Phân tích được những dạng câu hỏi khác nhau và cách trả lời hiệu quả phù hợp với bản thân chonhững dạng câu hỏi thuộc chủ đề được nêu. ***III. B.3.*** Lý giải được cấu trúc ngữ pháp nâng cao (câu bị động) được dùng cho những câu hỏi thuộc chủ đề nêu trên.	***II.C.1.*** So sánh được bài thi nói của mình và bài nói mẫu từ đó có thể phát triển những điểm mạnh trong bài nói của bản thân. ***II.C.2.*** Đánh giá được ưu điểm của các chiến thuật phát triển bài nói khác nhau. ***III. C.3.*** Vận dụng phù hợp các chiến thuật phát triển kỹ năng nói độc thoại trong vòng 30s đến 1 phút.
Unit 5 – Sports (thể thao)	***II.A.1.*** Trình bày được những từ vựng cơ bản được dùng để nói về chủ đề về thể thao như: các môn thể thao khác nhau, cách chơi một số môn thể thao phổ biến tại Việt Nam, những lợi ích của chơi thể thao, v.v. ***II.A.2.*** Có khả năng nhớ được ít nhất 70% lương	***II.B.1.*** Hiểu được bản chất của câu hỏi và cách phát triển ý để nói phù hợp với các loại câu hỏi thuộc chủ đề đã nêu. ***II.B.2.*** Phân tích được những loại từ vựng khác nhau, cấu trúc khác nhau được dùng ở những cấp độ bài nói	***II.C.1.*** So sánh được bài thi nói của mình và bài nói mẫu từ đó có thể phát triển những điểm mạnh trong bài nói của bản thân. ***II.C.2.*** Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của việc sử dụng từ vựng và ngữ pháp dạng nâng cao vào bài nói.

	từ vựng được hướng dẫn cho chủ đề này. ***III.A. 2.*** Có khả năng nhận diện được những loại từ vựng ở các cấp độ khác nhau.	khác nhau. ***III. B.3.*** Lý giải được cấu trúc ngữ pháp nâng cao (câu điều kiện) được dùng như thế nào cho hiệu quả đối với bài nói thuộc chủ đề này.	***III. C.3.*** Vận dụng phù hợp các chiến thuật phát triển kỹ năng nói độc thoại trong vòng 30s đến 1 phút.
Unit 6 – Vacations (kỳ nghỉ)	***II.A.1.*** Trình bày được những từ vựng cơ bản được dùng để nói về chủ đề về kỳ nghỉ như: những chuyến đi nghỉ trong quá khứ, đi đâu, làm gì, ăn gì, v.v. ***II.A.2.*** Có khả năng nhớ được ít nhất 80% lương từ vựng được hướng dẫn cho chủ đề này. ***III.A. 2.*** Có khả năng nhận diện được những loại từ vựng ở các cấp độ khác nhau tương ứng với những câu hỏi khác nhau.	***II.B.1.*** Hiểu được bản chất của câu hỏi và cách phát triển ý để nói phù hợp với các loại câu hỏi thuộc chủ đề đã nêu. ***II.B.2.*** Phân tích được những câu hỏi khác nhau ứng với những cách trả lời khác nhau. ***III. B.3.*** Lý giải được cấu trúc ngữ pháp nâng cao (mệnh đề liên hệ) được dùng như thế nào cho hiệu quả đối với bài nói thuộc chủ đề này.	***II.C.1.*** So sánh được bài thi nói của mình và bài nói mẫu từ đó có thể phát triển những điểm mạnh trong bài nói của bản thân. ***II.C.2.*** Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của việc sử dụng từ vựng và ngữ pháp dạng nâng cao vào bài nói. ***III. C.3.*** Vận dụng phù hợp các chiến thuật phát triển kỹ năng nói độc thoại trong vòng 30s đến 1 phút.

4. Tài liệu học tập:

[1] Let's talk 2 – 2nd edition – Leo John – Cambridge -2005

[2] Learning to listen 2 - Lin Lougheed – Macmillan- 2010.

5. Tài liệu tham khảo:

[3] Vocabulary for IELTS – Pauline Cullen – Cambridge University Press – 2008

[4] Grammar for IELTS – Dianna Hopkins & Paulline Cullen – Cambridge University Press – 2008.

[5] Luyện nghe và nói trên các website: www.330 grammar exercises; www.speaking24; www.ieltsliz.com/vocabulary;www.interpreting.info/questions/1471/shadowing-for-fluency; www.deepenglish.com/2011/10/shadowing/; www.esl-lab.com;

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận: lớp sẽ được chia thành nhiều nhóm khác nhau và mỗi nhóm sẽ phụ trách trình bày các điểm từ vựng theo các chủ đề, cũng như giải quyết các bài tập được đề ra theo chủ đề đó.
- Hoàn thành các bài tập được giao: Sinh viên bắt buộc phải có nộp ít nhất 2 bài ghi âm phần bài nói theo các bài tập được đề ra bởi giáo viên trong thời hạn cho phép.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Tổng quan về môn Nói 2, các yêu cầu chính và những hướng dẫn chi tiết.** **Nội dung:** .	4	[5]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	1.1. Tổng quan môn Nói 2 1.1.1. Các yêu cầu chính 1.1.2. Giáo trình và tài liệu tham khảo 1.2. Các chiến thuật học kỹ năng nói và nghe dành cho sinh viên năm nhất – bậc 2 1.2.1. Chiến thuật phát triển từ vựng, ngữ pháp 1.2.2. Chiến thuật phát triển phát âm tiếng Anh và kỹ năng nghe **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày mục tiêu chung của môn học, quy chế lớp học, định dạng thi hết môn cùng với tiêu chí đánh giá và mục tiêu của bài học (tuần 1) - Thảo luận nhóm: thảo luận những chiến thuật phát triển kỹ năng nói mà sinh viên biết (theo tài liệu được phát) - Thực hành: các nhóm lên trình bày rõ ràng những chiến thuật phát triển kỹ năng nói cũng như làm mẫu một số chiến thuật. - đặt câu hỏi và trả lời: sinh viên đặt câu hỏi và giáo viên sẽ trả lời cụ thể những điểm lưu ý của từng chiến thuật khác nhau nhằm giúp sinh viên có thể tìm ra được chiến thuật phù hợp nhất với bản thân mình. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - ghi chép đầy đủ và trình bày theo nhóm. - chuẩn bị câu hỏi và câu trả lời với nhiệm vụ được giao. **Hình thức đánh giá:** - Bằng cách trình bày tại lớp cũng như quá trình làm việc theo nhóm. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
2-7	**<u>Chương 2. Các chủ đề chính:</u>** ***Chủ đề 1: First impression (ấn tượng đầu tiên)*** 2.1. Những đặc điểm người khác hay chú ý khi gặp ai đó lần đầu tiên. 2.2. Cách đặt và trả lời câu hỏi về ấn tượng đầu tiên của sinh viên khi gặp: bạn thân nhất của họ, người yêu (nếu có) hiện tại hay quá khứ, cô giáo yêu thích nhất, v.v. ***Chủ đề 2: Weather (thời tiết)*** 2.3. Từ vựng và cấu trúc ngữ pháp căn bản để mô tả về thời tiết ở nhiều khu vực địa lý khác nhau trên thế giới. 2.4. Cách phát triển bài nói: mở bài, thân bài, kết luận theo dạng bài nói từ 30s đến 1 phút. ***Chủ đề 3: Jobs (công việc)*** 2.5. Từ vựng và cấu trúc ngữ pháp căn bản thuộc chủ đề này. 2.6. Cách phát triển bài nói: thân bài với 2-3 câu chủ đề. Phân tích những câu hỏi khác nhau trong chủ đề này. ***Chủ đề 4: Hobbies (Sở thích)***	22 tiết	[1]Chủ đề 1: (CĐ) – trang 8-1 Chủ đề 2: trang 16-19 Chủ đề 3: trang 22-25 Chủ đề 4: trang 26-29 Chủ đề 5: Trang: 30-33 Chủ đề 6: Trang 34-37 [5]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.7. Từ vựng và ngữ pháp căn bản liên quan tới chủ đề sở thích. Một số từ vựng và ngữ pháp nâng cao. 2.8. Cách phát triển ý theo phương pháp diễn dịch với các câu hỏi thuộc chủ đề này. ***Chủ đề 5: Sports (thể thao)*** 2.9. Từ vựng và ngữ pháp căn bản liên quan tới chủ đề này. Một số từ vựng nâng cao. 2.10. Cách phát triển các ý chính ở thân bài sử dụng phương pháp quy nạp. ***Chủ đề 6: Vacations (kỳ nghỉ)*** 2.11. Từ vựng và ngữ pháp cơ bản thuộc chủ đề này. 2.12. Một số từ vựng và cấu trúc nâng cao. Cách phát triển ý có chèn thêm các câu trúc và từ vựng nâng cao đề cập ở phần trước vào bài nói thuộc chủ đề này. **<u>Hình thức tổ chức dạy học:</u>** - Nghe giảng do giảng viên trình bày những nội dung chính của từng chủ đề (bao gồm kỹ năng phát triển bài hội thoại, từ vựng liên quan tới chủ đề cũng như điểm ngữ pháp trọng tâm). - Thực hành theo nhóm/cặp. **<u>Yêu cầu sinh viên:</u>** - Đọc tài liệu và chuẩn bị từ vựng về 6 chủ đề nêu trên trước khi đến lớp. - Hoạt động theo cặp thực hành theo từng chủ đề với yêu cầu cụ thể từ giáo viên. - Thực hành các bài tập theo cặp và biết nhận xét cụ thể những mặt đạt và chưa đạt theo yêu cầu của môn Nói 2. **<u>Hình thức đánh giá:</u>** - Mức độ tham gia của cá nhân sinh viên trong các hoạt động cặp. - khả năng nắm bắt được những điểm chính phải có trong bài học. - kiểm tra ít nhất 3 sinh viên với các bài tập và nhận xét công khai trước lớp chi tiết về những mặt được và chưa được của sinh viên. Địa điểm học: - Giảng đường		
8	**Ôn tập và kiểm tra** - Những điểm từ vựng và ngữ pháp chính. - Những chiến thuật phát triển kỹ năng nói, phát âm cũng như kỹ năng nghe (kỹ năng phụ). - Những chiến thuật phát triển bài nói trong thời gian yêu cầu (30s-1 phút) theo 6 chủ đề trong giao tiếp hàng ngày. - Những điểm chính học viên cần lưu ý khi thi bài thi hết môn.	4	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%;Trọng số thi kết thúc học phần: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	1%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng hoàn thành bài tập nói trên lớp và nghi âm ở nhà cũng như việc vận dụng các chiến thuật phát triển bài hội thoại như đã được hướng dẫn trên lớp. Đánh giá mức độ sử dụng ngôn ngữ của sinh viên cho từng chủ đề nêu trên.	3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành bài trình bày của nhóm cũng như những hoạt động của cá nhân vào bài trình bày của nhóm. Khả năng hoạt động theo nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá sinh viên qua việc hoàn thành bài thi hết môn (theo định dạng bài nói độc thoại từ 30s đến 1 phút)	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu trí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: vấn đáp cá nhân.
- Thời gian: 10 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Thị Hồng Nhung**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC 2
Mã học phần: FL212302

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Đọc 1
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Cù Thị Ngọc Hoa;
Số điện thoại: 0905.421.084; Email: ctnhoa@ttn.edu.vn
Giảng viên 2: Họ và tên: Ngô Văn Thông;
Số điện thoại: 01643065978; Email: ngo_van_thong@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những bài đọc hiểu liên quan đến Văn hóa và Giao văn hóa, Sức khỏe, Giải trí và các phương tiện truyền thông, Đời sống xã hội, Thể thao. Trong quá trình học, sinh viên cần vận dụng các kĩ năng đọc và chiến lược đọc hiểu(skimmimg, scanning, guessing meaning from contexts,...), kỹ năng đánh giá và phê phán, kỹ năng tìm hiểu từ vựng và phát triển ngôn ngữ. Bên cạnh đó, sinh viên cần phải hoàn thành các dạng bài tập liên quan đến việc xác định câu chủ đề (identifying topic sentence), xác định ý chính của đoạn văn bản (identifying main idea), xác định ý phụ (identifying supporting details), sử dụng sơ đồ Venn (using a Venn diagram to organize supporting details), sử dụng sơ đồ tư duy (using a mind map), tóm tắt đoạn văn bản (summarizing a paragraph), tóm tắt bài văn (summarizing the whole reading), tóm tắt câu chuyện (summarizing a story).

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.2.1. Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ năng, chiến lược đọc hiểu Tiếng Anh hiệu quả.

3.2.2. Kỹ năng:

Phát triển kỹ năng nhận biết và sử dụng thành thạo các kỹ năng, chiến lược đọc hiểu Tiếng Anh.

3.2.3. Thái độ:

Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 6: Cultures of the world	I.A.1. Trình bày được khái niệm liên quan đến văn hóa và giao văn hóa I.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm liên quan đến văn hóa và giao văn hóa I.A.3. Nhận diện được các kỹ năng và chiến lược đọc hiểu được sử dụng trong quá trình đọc	I.B.1. Hiểu và sử dụng được các từ vựng liên quan đến văn hóa và giao văn hóa I.B.2. Hoàn thành các bài tập liên quan như tìm ý chính (main ideas), ý phụ (supporting details), tóm tắt đoạn văn	I.C.1. So sánh được sự giống nhau và khác nhau về văn hóa giữa các quốc gia trên thế giới I.C.2. Đánh giá được các đặc điểm văn hóa và nguồn gốc của các đặc điểm văn hóa và giao văn hóa đó.

	hiểu Tiếng Anh.	(summarizing), etc. I.B.3. Lý giải được các từ vựng liên quan đến văn hóa và giao văn hóa.	I.C.3. Vận dụng được các từ vựng và kiến thức về văn hóa và giao văn hóa đã học trong bài đọc hiểu để nói về các chủ đề liên quan.
Chương 7: Health	II.A.1. Trình bày được khái niệm liên quan đến sức khỏe, các kiến thức để có một sức khỏe tốt. II.A.2. Ghi nhớ được các từ vựng liên quan đến sức khỏe. II.A.3. Nhận diện được các kỹ năng và chiến lược đọc hiểu được sử dụng trong quá trình đọc hiểu Tiếng Anh.	II.B.1. Hiểu và sử dụng được các từ vựng liên quan đến sức khỏe. II.B.2. Phân tích được nguyên nhân để có một sức khỏe tốt. II.B.3. Lý giải được nguyên nhân của việc sống lâu, sống khỏe cũng như hiệu quả của việc áp dụng các chế độ ăn uống hợp lí.	II.C.1. So sánh được sự giống nhau và khác nhau về chế độ ăn uống của các quốc gia được đề cập trong bài đọc hiểu IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được nguyên nhân của việc sống lâu, sống khỏe. II.C.3. Vận dụng các kiến thức đã học về sử dụng sơ đồ tư duy để tóm tắt đoạn văn.
Chương 8: Entertainment and the Media	III.A.1. Trình bày được khái niệm liên quan đến giải trí và phương tiện truyền thông. III.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm liên quan đến giải trí, truyền thông III.A.3. Nhận diện các chiến lược nhằm hoàn thành các nhiệm vụ liên quan đến tìm ý chính, ý phụ, ...	III.B.1. Hiểu và sử dụng các khái niệm, từ vựng liên quan đến giải trí, truyền thông III.B.2. Phân tích cấu trúc của đoạn văn nhằm tìm ra được câu chủ đề (topic sentenc), ý chính (main idea), ý phụ supporting details) trong đoạn văn, bài đọc hiểu. III.B.3. Giải thích được các khái niệm liên quan đến giải trí, truyền thông bằng Tiếng Anh	III.C.1. So sánh được các ảnh hưởng, tác động của truyền thông đối với đời sống. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được thuận lợi (advantages) và khó khăn (disadvantages) của truyền thông đối với đời sống con người III.C.3. Vận dụng được các kiến thức của bài học để cung cấp ngữ liệu cho kĩ năng nói Tiếng Anh.
Chương 9: Social Life	IV.A.1. Trình bày được khái niệm liên quan đến đời sống xã hội, các kiến thức về kĩ năng giao tiếp xã hội. IV.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm xuất hiện trong bài đọc hiểu liên quan đến đời sống xã hội (social life) IV.A.3. Nhận diện được các chiến lược và kĩ	IV.B.1. Hiểu và sử dụng được khái niệm liên quan đến đời sống xã hội (social life) IV.B.2. Phân tích được các cấu trúc đoạn văn để tìm ra được câu chủ đề (topic sentenc), ý chính (main idea), ý phụ supporting details) trong đoạn văn, bài đọc hiểu.	IV.C.1. So sánh sự giống nhau, khác nhau về quan điểm tìm bạn đời (perfect mate) của các nền văn hóa trên thế giới IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được nghĩa đen (literal meaning), nghĩa bóng (inferences) của từ IV.C.3. Vận dụng được các kiến thức của bài

	năng đọc hiểu Tiếng Anh.	IV.B.3. Giải thích các khái niệm liên quan bằng Tiếng Anh.	học để cung cấp ngữ liệu cho kĩ năng nói Tiếng Anh.
Chương 10 Sports	V.A.1. Trình bày được khái niệm liên quan thể thao (sports). V.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm xuất hiện trong bài đọc hiểu liên quan đến thể thao (sports) V.A.3. Nhận diện được các chiến lược và kĩ năng đọc hiểu Tiếng Anh.	V.B.1. Hiểu và sử dụng được khái niệm liên quan đến thể thao (sports) V.B.2. Phân tích được các cấu trúc đoạn văn để tìm ra được câu chủ đề (topic sentenc), ý chính (main idea), ý phụ supporting details) trong đoạn văn, bài đọc hiểu. V.B.3. Giải thích các khái niệm liên quan bằng Tiếng Anh.	V.C.1. So sánh sự giống nhau, khác nhau về các kì thế vận hội trước đây và hiện tại (Ancient Olympic Games and Modern Olympic Games) V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được quy tắc, luật lệ trong thi đấu thể thao (issues in competitive sports) V.C.3. Vận dụng được các kiến thức của bài học để cung cấp ngữ liệu cho kĩ năng nói Tiếng Anh.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Elaine Kirn (20077), *Interactions 1- Reading*, The Mc Graw – Hill Companies - Singapore

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Patricia Ackert (1994), *Cause and Effect:* Heinle &Heinle Publishers và các tài liệu liên quan đến đọc hiểu

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 6: Cultures of the world** **Nội dung:** *Part 1: Cross-cultural Conversation* - Understanding reading structure -Understanding the point - Recognizing supporting details *Part 2: Clues to World Cutures* - Summarizing an Anecdote - Discussing the reading - Talking it over **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm, thảo luận theo cặp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 3 BT: 3	[1] Part 3: *Vocabulary and language-learning skills* - Understanding new vocabulary in context - Recognizing nouns, verbs and adjectives - Using adverbs and adjectives of manner - Focusing on high-frequency words Part 4: Focus on testing - Practicing vocabulary questions - Practicing vocabulary

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chia sẻ quan điểm, ý kiến **Hình thức đánh giá:** Cá nhân chia sẻ quan điểm, ý kiến, thuyết trình theo nhóm **Địa điểm học:** Giảng đường		questions
2	**Chương 7: Health** **Nội dung:** *Part 1. The secret of a very long life* - recognizing reading structure using a mind map - completing a mind map - Understanding the main idea -Recognizing supporting details after punctuation, numbers, and connecting words *Part 2: Claims to Amazing health* - Summarizing using a mind map - Discussing the reading - Talking it over **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận theo cặp, nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thuyết trình **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 2	[1] Part 3: *Vocabulary and language-learning skills* - Figuring out new and difficult vocabulary - Identifying synonyms - Identifying parts of speech from Suffixes - Choosing word forms with Suffixes - Focusing on high-frequency words - Making connections Part 4: Focus on testing - Focusing on timed reading and note-taking
3	**Chương 8: Entertainment And The Media** **Nội dung:** *Part 1: How the visual media affect people* - Recognizing reading structure: Using an outline - Understanding the point and recognizing supporting details - Discussing the reading *Part 2: Media stories* - Summarizing a story - Discussing the reading - Talking it over **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm , cặp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 3	[1] Part 3: *Vocabulary and language-learning skills* - Understanding new vocabulary from context - Practicing more word endings - Understanding word families - Focus on high-frequency words - Making connections *Part4: Focus on testing* - Focusing on comparison and contrast in readings
4	**Chương 9: Social life**	LT: 3	[1] Part 3: *Vocabulary*

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Nội dung: *Part 1: Meeting a perfect mate* - Recognizing the structure of written conversations - Understanding the main idea - Providing Left-out words - Identifying references - Discussing the reading *Part 2: Meeting the perfect mate (continued)* - Identifying literal meaning and inferences - Summarizing stories by identifying Pros and Cons - Discussing the reading - Talking it over **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	BT: 2	*and language-learning skills* - Identifying negative prefixes - Filling in the negative prefix - Writing opposites - Figuring out vocabulary from prefixes and suffixes - Recognizing words with similar meanings - Focusing on high-frequency words - Making connnections Part4: Focus on testing - Understanding inferences and points of view in readings
5	**Chương 10: sports** **Nội dung:** *Part 1: The ancient vs. The modern olympics* - Understanding the main idea - Using a vern diagram to organize supporting details - Discussing the reading *Part 2: Issues in compatitive sports* - Identifying opinions and facts - Summarizing opinions - Discussing the reading - Talking it over **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị thuyết trình **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 3	[1] Part 3: *Vocabulary and language-learning skills* - Understanding prefixes: Matching - Understanding prefixes: Fill in the blank - Practicing prefixes, stems, and suffixes - Identifying antonyms - Focusing on high-frequency words - Making connnections Part4: Focus on testing - Taking notes and recognizing contrasts in reading pasages
	TEST	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 75- 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Cù Thị Ngọc Hoa**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT 2
Mã học phần: FL212402

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước:
Giảng viên giảng dạy 1: **Trần Lê Thanh Tú**;
Số điện thoại: 0905721183 ; Email: thanhtufl@gmail.com
Giảng viên giảng dạy 2: **Hồ Ngọc Đoan Thư**
Số điện thoại: 0914248778

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần nhằm trang bị cho người học kỹ năng Viết bài luận tiếng Anh tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về mẫu câu, loại từ, viết các đoạn văn theo những chủ đề khác nhau như miêu tả, thư, câu chuyện, giới thiệu phím nhằm đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc trong diễn đạt các ý của một đoạn văn.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cấu trúc câu và các thành phần cơ bản trong tiếng Anh, sử dụng đúng các loại từ trong tiếng Anh, viết các đoạn văn (miêu tả, bưu thiếp, thư cho bạn bè, mô tả bản thân, viết chuyện theo tranh, giới thiệu phim)

3.1.2. Kỹ năng:

Sinh viên có kỹ năng:

- Nắm được các mẫu câu cơ bản và các loại từ trong tiếng Anh
- Viết đoạn văn theo yêu cầu với những chủ điểm khác nhau một các rõ ràng, chi tiết, phát triển ý một các hệ thông, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp.

3.1.3. Thái độ:

Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, chủ động và sáng tạo trong diễn đạt quan điểm một cách hiệu quả dưới hình thức viết và liên kết tin tức, quan điểm của người khác

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I: Sentence Patterns & Parts of Speech	I.A.1.Nắm vững và trình bày được các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản I.A.2. Ghi nhớ được các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản I.A.3. Nhận diện được các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản	I.B.1.Phân tích được các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản I.B.2. Phân biệt được các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản I.B.2. Lý giải đươc các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản	I.C.1. Xác định chính xác các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các loại từ cơ bản I.C.3. Vận dụng được các thành phần chính của câu, các cấu trúc câu và các

			loại từ cơ bản
Chương II: A personal profile	III.A.1.Hiểu và trình bày được đoạn văn viết về bản thân III.A.2. Ghi nhớ được đoạn văn viết về bản thân III.A.3. Nhận diện được đoạn văn viết về bản thân	III.B.1.Phân tích được đoạn văn viết về bản thân III.B.2. Phân biệt được đoạn văn viết về bản thân III.B.2. Lý giải được đoạn văn viết về bản thân	III.C.1. Xác định chính xác đoạn văn viết về bản thân III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đoạn văn viết về bản thân III.C.3. Vận dụng được đoạn văn viết về bản thân
Chương III: A postcard/ An informal letter	IV.A.1.Nắm vững và trình bày được cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân IV.A.2. Ghi nhớ được cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân IV.A.3. Nhận diện được cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân	IV.B.1.Phân tích được cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân IV.B.2. Phân biệt được cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân IV.B.2. Lý giải được cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân	IV.C.1. Xác định chính xác cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân IV.C.3. Vận dụng được cách viết bưu thiếp khi đi du lịch và thư cảm ơn bạn bè/ người thân
Chương IV: stotytelling based on the prompts	IV.A.1.Nắm vững và trình bày được cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi ý IV.A.2. Ghi nhớ được cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi ý IV.A.3. Nhận diện được cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi ý	IV.B.1.Phân tích được cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi ý IV.B.2. Phân biệt được cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi ý IV.B.2. Lý giải được cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi ý	IV.C.1. Xác định chính xác cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi IV.C.3. Vận dụng được cách viết câu chuyện dựa trên những bức trang gợi ý
Chương V: Film Review	IV.A.1.Nắm vững và trình bày được cách viết giới thiệu một bộ phim IV.A.2. Ghi nhớ được cách viết giới thiệu một bộ phim IV.A.3. Nhận diện được cách viết giới thiệu một bộ phim.	IV.B.1.Phân tích được cách viết giới thiệu một bộ phim IV.B.2. Phân biệt được cách viết giới thiệu một bộ phim IV.B.2. Lý giải được cách viết giới thiệu một bộ phim.	IV.C.1. Xác định chính xác cách cách viết giới thiệu một bộ phim IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ cách viết giới thiệu một bộ phim IV.C.3. Vận dụng được cách viết giới thiệu một bộ phim.

4. Tài liệu học tập:

[1] Haven, K. F. (1999). *Write Right!: Creative Writing Using Storytelling Techniques.* Libraries Unlimited.

[2] Randolph Quirk, Sidney Greenbaum. (1973). *A university grammar of English* . Longman.

[3] Tim Falla, P. D., falla, t., & davies, p. (2012). *Solutions Pre- Intermediate.* Oxford University Press.

[4] Tim Falla, Paul Davies. (2012). *Solutions Pre- Intermediate* . Oxford University Press.

[5] Falla,T; Davies, P. (2012). *Solutions Pre – Intermediate 2nd*. Oxford University Press

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Haven, K. F. (1999). *Write Right!: Creative Writing Using Storytelling Techniques.* Libraries Unlimited.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Cấu trúc câu và loại từ (Sentence Patterns & Parts of Speech** **Nội dung:** 1.1. The sentence patterns 1.2. Parts of Speech **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: + Xác định các thành phần chính của câu và các cấu trúc câu + Xác định các loại từ cơ bản **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài thực hành, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Làm các dạng bài tập liên quan đến cấu trúc câu,loại từ tại lớp - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 7 tiết TH: 10 tiết	[1] A University Grammar of English
2	**Chương 2. Giới thiệu về bản thân (A personal profile)** 2.1. Viết về bản thân: + Tên, tuổi, quê quán + Trường, gia đình + Tính cách, sở thích **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Sắp xếp các ý cho sẵn tạo thành dàn ý, dàn bài thích hợp + Viết theo nội dung yêu cầu của đề bài + Viết theo cấu trúc của đoạn văn miêu tả bản thân **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học: -** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 4 tiết	[1] Solutions Pre – intermediate
3	**Chương 3. Bưu thiếp và thư cho gia đình, bạn bè (A postcard/ An informal letter)** **Nội dung:** 3.1. Viết bưu thiếp khi đi du lịch cho gia đình, bạn bè 3.2. Viết thư cảm ơn cho gia đình, bạn bè **Hình thức tổ chức dạy học:**	LT: 1 tiết BT: 4 tiết	[2]Solutions Pre – intermediate

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Sắp xếp các ý cho sẵn tạo thành dàn ý, dàn bài thích hợp + Viết theo nội dung yêu cầu của đề bài + Viết theo cấu trúc của đoạn văn về bưu thiếp, thư cho gia đình bạn bè **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học: -** Giảng đường		
4	**Chương 4. Viết câu chuyện theo tranh gợi ý (Storytelling using the prompts)** **Nội dung:** 4.1. Viết chuyện dựa vào những gợi ý cho sẵn + Nhân vật + Bối cảnh và sự kiện + Mở đầu và kết thúc câu chuyện **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Sắp xếp các ý cho sẵn tạo thành dàn ý, dàn bài thích hợp + Viết theo nội dung yêu cầu của đề bài + Viết theo cấu trúc của đoạn văn miêu tả tranh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học: -** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 4 tiết	[3]
5	**Chương 5. Giới thiệu một bộ phim (Film review)** **Nội dung:** 5.1. Giới thiệu về một bộ phim + Tên phim, đạo diễn và diễn viên chính + Thể loại phim + Tóm tắt nội dung + Cảm nghĩ về bộ phim **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Sắp xếp các ý cho sẵn tạo thành dàn ý, dàn bài thích hợp + Viết theo nội dung yêu cầu của đề bài + Viết theo cấu trúc của đoạn văn giới thiệu phim **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:**	LT: 1 tiết BT: 4 tiết	[2] Solutions Pre – intermediate

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học: -** Giảng đường		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	3%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu trí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Trần Lê Thanh Tú**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGHE 3
Mã học phần: FL212103

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: Nghe 2
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Văn Thịnh;
Số điện thoại: 0914041022; Email: nvthinhttn@edu.vn
Giảng viên 1: Hoàng Khánh Bảo;
Số điện thoại:0903 519 558; Email: khanhbaohoang@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Nghe 3 bao gồm các chủ đề: Âm nhạc, ẩm thực, thể thao, phương tiện truyền thông, hỏi và chỉ dẫn phương hướng, quảng cáo, giáo dục, tái chế vật dụng, thực phẩm, công nghệ, hoạt động nghỉ ngơi, vấn đề xã hội, trộm cắp….., Cấu trúc của mỗi bài đều có 3 phần: (1) bài tập từ vựng (vocabulary) liên quan đến chủ đề, (2) các bài tập nghe rèn luyện liên quan đến từng dạng câu hỏi và (3) thực hành các Phần của một bài thi thực thụ. Đây là học phần học trước cho học phần Nghe 4.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng có liên quan đến các chủ điểm về âm nhạc, sức khỏe, thể thao, quảng cáo, công nghệ, giải trí, môi trường v.v… và có được những kiến thức về cách sử dụng những mẫu câu hay cấu trúc câu tiếng Anh dùng trong những dạng ngôn bản khác nhau.

3.1.2. Kỹ năng:

Phát triển kỹ năng nghe hiểu nhằm giúp sinh viên làm quen với nhiều kiểu bài nghe khác nhau mô phỏng các tình huống đa dạng của cuộc sống như đàm thoại, tin nhắn, bản tin radio, thông báo, v.v….và phát triển các kỹ năng nghe lấy chi tiết và nghe lấy ý chính.

3.1.3. Thái độ:

Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, tự thực hành và rèn luyện kỹ năng của nghe hiểu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Bài	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Unit 1: Music	1. Trình bày được cách làm bài thi nghe dạng điền từ vào mẫu cho sẵn (form completion) có liên quan đến con số, tên riêng, giờ, ngày, tháng, năm trong. 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề âm nhạc	1. Hiểu được nội dung của bài học: nghe được các con số, tên riêng, giờ, ngày, tháng, năm. 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài học. 3. Lý giải được việc chọn câu trả lời đúng trong bài học.	1. So sánh được cách làm bài tập Nghe dạng điền từ vào mẫu có sẵn với các dạng Nghe điền từ khác như: bảng ghi chú (note), bảng (table), biểu đồ phát triển (flow chart), bản tóm tắt (summary). 2. Đánh giá và xác định

	3. Nhận diện được các từ đồng âm khác nghĩa		được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài hoc khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 2: Eating healthily	1. Trình bày được cách làm một bài thi nghe dạng trắc nghiệm . 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề chế độ ăn uống. 3. Nhận diện được các từ đồng nghĩa.	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các từ khóa trong các câu hỏi của nội dung bài nghe. 3. Lý giải được yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời trắc nghiệm đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá, và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 3: Sport	1. Trình bày được nội dung yêu cầu của bài học và cách làm bài thi dạng kết nối câu/cụm từ (Matching). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề thể thao. 3. Nhận diện được các từ chỉ tên, địa điểm và thời gian.	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các từ khóa trong các câu hỏi của nội dung bài nghe. 3. Lý giải được yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng kết nối câu/ cụm từ đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 4: Media	1. Trình bày được cấu trúc của dạng bị động, vị trí của trạng từ chỉ thể cách và cách dùng giới từ. 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề về phương tiện truyền thông. 3. Nhận diện được cấu trúc bị động trong khi nghe.	1. Hiểu được các yêu cầu của nội dung bài học. 2. Phân tích được các câu hỏi có liên quan đến cấu trúc bị động, vị trí của trạng từ chỉ thể cách và giới từ. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi có liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng gắn tên trên sơ đồ (label diagrams) đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 5: Giving direction	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng gắn tên trên bản đồ (label maps) 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các câu hỏi liên quan đến vị trí trạng từ chỉ sự chuyển động và giới từ	1. So sánh được các phương án trả lời dạng gắn tên trên bản đồ (label maps) đồng thời xác định được phương án phù hợp.

	về hỏi và chỉ phương hướng. 3. Nhận diện được các giới từ và vị trí trạng từ chỉ sự chuyển động.	chỉ phương hướng. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi có liên quan đến yêu cầu của bài học.	2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 6: Advertising	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng ghi chú (note taking) liên quan đến con số (numbers) và từ (words). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề quảng cáo và nhà hàng. 3. Nhận diện được các cụm từ thường đi với nhau (collocations) một số từ đồng nghĩa và các reference words: this, that và it.	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các câu hỏi liên quan đến các reference words, collocations và các từ đồng nghĩa. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng ghi chú (note-taking) đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 7: Education	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng kết nối các tên gọi với các mô tả của chúng (matching labels to descriptions). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề giáo dục, tên các môn học, các họ phổ biến (common surnames) ở nước Anh 3. Nhận diện được các từ chỉ danh xưng (titles) và tên, họ phổ biến trong tiếng Anh.	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các câu hỏi liên quan đến các dạng nghe kết nối các tên gọi với các mô tả của chúng (matching labels to descriptions). . 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng kết nối các tên gọi với các mô tả của chúng (matching labels to descriptions), đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 8: Recycling	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng điền từ Flow- chart. 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề tái chế nguyên vật liệu thải. 3. Nhận diện được các từ đồng nghĩa, các từ chỉ thứ tự các sự kiện. (sequencing words)	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các câu hỏi liên quan đến cách điền từ Flow-chart. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng Flow-chart đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao

			tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 9: Food	1. Ôn lại và trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng trắc nghiệm và dạng điền từ. 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề nhà hàng. 3. Ôn lại và nhận diện được các từ đồng âm khác nghĩa, từ đồng nghĩa …	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các phương án trả lời dạng trắc nghiệm và dạng điền từ. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng trắc nghiệm và dạng điền từ đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 10: Technology	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng điền từ vào bảng ghi chú (Note completion). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề công nghệ 3. Nhận diện được các tĩnh từ dạng so sánh.	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các phương án trả lời dạng Note completion. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng Note completion đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 11: Censorship	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng điền từ vào câu (sentence completion). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề kiểm duyệt (censorship) 3. Nhận diện được các từ đồng nghĩa, các cách trình bày ý kiến.	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các phương án trả lời dạng sentence completion. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng sentence completion đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 11: Leisure activities	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng điền từ vào bản tóm tắt (summary completion). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề về các hoạt động lúc nhàn rỗi. 3. Nhận diện được các từ/cụm từ khi đưa ra lời	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các phương án trả lời dạng summary completion. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng summary completion đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong

	khuyên và cách paraphrasing.		bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 12: Social Issues	1. Trình bày được cách làm bài Nghe dạng gắn tên trên sơ đồ (labelling a plan). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề về các vấn đề xã hội và ôn lại các giới từ chỉ nơi chốn. 3. Nhận diện được các từ chỉ đường (signpost words)	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các phương án trả lời dạng gắn tên trên sơ đồ. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng gắn tên trên sơ đồ đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 14: Money	1. Trình bày được cách làm bài thi Nghe dạng điền từ cho câu hỏi trả lời ngắn (short answer questions). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề về tệ nạn xã hội (trộm cắp) 3. Nhận diện được các trọng âm của từ, câu hỏi ngắn, câu mệnh lệnh và câu đề nghị.	1. Hiểu được nội dung của bài học. 2. Phân tích được các phương án trả lời điền từ cho câu hỏi trả lời ngắn. 3. Lý giải được cách trả lời các câu hỏi liên quan đến yêu cầu của bài học.	1. So sánh được các phương án trả lời dạng điền từ cho câu hỏi trả lời ngắn đồng thời xác định được phương án phù hợp. 2. Đánh giá và xác định được phương án trả lời đúng nhất. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Test			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Rod Ellis (2013), *Lessons for IELTS Listening*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Brook-Hart, G. & Jakeman, V. (2012) *Complete IELTS*, Cambridge University Press.

[3] Fiona Aish Et & Jo Tomlinson (2011), *Listening for IELTS*, HarperCollins Publisher.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp = 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Bài 1.** Music **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề âm nhạc và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề và đồng âm khác nghĩa- homonyms)	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: music-related vocabulary. - Task types: Form completion

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thực hành nghe dạng điền từ vào mẫu (Form completion) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề âm nhạc - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe		- Language focus: Homonyms - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
	Bài 2. Eating healthily **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về ăn uống lành mạnh và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề và từ đồng nghĩa) - Thực hành nghe dạng câu hỏi trắc nghiệm (multiple - choice questions) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề ăn uống lành mạnh cho sức khỏe - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: food-related vocabulary. - Task type: Multple-choice questions - Language focus: Synonyms - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
2	**Bài 3**: Sport **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề thể thao và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề, nghe tên người, nơi chốn và thời gian) - Thực hành nghe dạng bài tập kết nối (matching) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề thể thao - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: sport-related vocabulary. - Task type: Matching - Language focus: Listening to names, places, and time - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe		- Listening 2
	Bài 4: Media **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề phương tiện truyền thông và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề, về vị trí của trạng từ chỉ thể cách, giới từ và câu bị động, nghe gắn tên vào sơ đồ - Labeling a diagram) - Thực hành nghe dạng bài tập nghe gắn tên vào sơ đồ - Labeling a diagram) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề phương tiện truyền thông - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1]- Introducing the topic - Vocabulary: camera-related vocabulary. - Task type: Labeling a diagram, plan, or map. - Language focus: The position of adverbs of manner, prepositions, and the passive. - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
3	**Bài 5**: Giving direction **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về chỉ phương hướng và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề, về trạng từ chuyển động, cụm giới từ, nghe gắn tên vào bản đồ - Labeling a map) - Thực hành nghe dạng bài tập nghe gắn tên vào bản đồ - Labeling a map) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề về cách chỉ dẫn phương hướng hoặc chỉ đường. - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary - Task type: Labeling a map. - Language focus: Prepositional phrases, Adverbs of movement. - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe		
	Bài 6: Advertising **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về quảng cáo và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề, âm tiết của từ, các từ thường đi với nhau – collocations, từ đồng nghĩa, cách sử dụng các từ this, that, it, nghe dạng điền từ vào bảng - Table completion) - Thực hành nghe dạng bài tập nghe dạng điền từ vào bảng - Table completion) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề quảng cáo - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: Syllables, Collocations, Synonyms - Task types: Table completion - Language focus: Reference words – “this, that, and it”. - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
4	**Bài 7**: Education **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề giáo dục và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng miêu tả tích cực và tiêu cực, từ trái nghĩa, các từ chỉ môn học, nghe dạng bài tập kết nối- matching) - Thực hành nghe dạng bài tập nghe dạng matching. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề giáo dục - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1]- Introducing the topic - Vocabulary: positive and negative descriptions, antonyms, school subjects - Task types: Matching - Language focus: Common surnames - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Bài 8: Recycling **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về tái chế và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ đồng nghĩa, các từ chỉ thứ tự lần lượt, ôn lại câu bị động, bài tập nghe dạng bài tập điền từ vào biểu đồ phát triển -flow-chart) - Thực hành nghe dạng bài tập nghe điền từ vào biểu đồ phát triển . **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề về tái chế vật liệu - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: Synonyms - Task types: Flow-chart completion - Language focus: Sequencing words and phrases, The passive (revision) - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
5	**Bài 9**: Food **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về thức ăn và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (ôn tập nghe dạng bài tập điền từ vào biểu mẫu và câu hỏi trắc nghiệm) - Thực hành nghe dạng bài tập câu hỏi trắc nghiệm. . **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề về thực phẩm - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: Restaurant-related vocabulary - Task types: Revision – Multiple choice and form completion - Language focus: Restaurant-related vocabulary - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
	Bài 10: Technology **Nội dung:** **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về công nghệ và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (dạng bài tập từ vựng về tính từ so sánh hơn và so sánh nhất, nghe điền từ ghi chú	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: Adjectives - Task types: Note completion - Language focus:

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	– Note completion) - Thực hành nghe dạng bài tập điền từ ghi chú. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề về công nghệ - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe		Comparative and superlative adjectives - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
6	**Bài 11**: Sensorship **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về kiểm duyệt và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (dạng bài tập từ vựng liên quan đến chủ đề, nghe điền từ vào câu – sentence completion) - Thực hành nghe dạng bài tập điền từ vào câu. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề về kiểm duyệt các ấn phẩm, phim ảnh, … - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: Sensorship-related sensorship vocabulary - Task types: Sentence completion - Language focus: Dictation - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
	Bài 12: Leisure activities **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về các hoạt động lúc nhàn rỗi và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (dạng bài tập từ vựng liên quan đến quần áo và trang thiết bị, nghe điền từ vào bài tóm tắt – summary completion) - Thực hành nghe dạng bài tập điền từ vào bài tóm tắt – summary completion. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng.	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary- Clothing and equipment - Task types: Summary completion - Language focus: Giving advice - Getting ready to listen - Prediction

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thảo luận nhóm: chủ đề về các hoạt động lúc nhàn rỗi - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe		- Listening 1 - Listening 2
7	**Bài 13**: Social Issues **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về các vấn đề xã hội và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (dạng bài tập từ vựng liên quan đến các vấn đề xã hội, giới từ chỉ nơi chốn, bài tập nghe các từ chỉ đường –signpost words). - Thực hành nghe dạng bài tập gắn tên vào sơ đồ - Labelling a plan. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề về các vấn đề xã hội - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: Shopping mall-related vocabulary, prepositions of place - Task types: Labelling a plan - Language focus: Listening for signpost words - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2
	Bài 14: Money **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về vấn đề trộm cắp và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (dạng bài tập từ vựng liên quan đến chủ đề, bài tập về trọng âm từ, phân biệt câu mệnh lệnh với câu đề nghị, sử dụng động từ khiếm khuyết –modals- cho câu đề nghị, bài tập nghe về câu hỏi trả lời ngắn). - Thực hành nghe dạng bài tập gắn tên vào sơ đồ - Labelling a plan. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề về các vấn đề tuổi trẻ - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe	LT: 1 BT: 1	[1] - Introducing the topic - Vocabulary: Stress patterns of words - Task types: Short-answer questions - Language focus: Distinguishing imperatives from suggestions/Use of modals for suggestions - Getting ready to listen - Prediction - Listening 1 - Listening 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Phòng nghe		
8	**Test**	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	30%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	40%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 40% và Bậc 3: 30%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 60 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Văn Thịnh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NÓI 3
Mã học phần: FL212203

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Nói 2
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Thị Hồng Vân ;
Số điện thoại: 0935356067; Email: rose_hongvan@yahoo.com
Giảng viên 2: Họ và tên: Tống Thị Lan Chi ;
Số điện thoại: 0985404444; Email: ttlchi@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những kiến thức từ vựng Tiếng Anh về các chủ đề như Giao tiếp, công nghệ, giáo dục, pháp luật, sự nổi tiếng, ngôn ngữ, du lịch, những điều kỳ diệu…; kiến thức ngữ pháp tiếng Anh (như hiện tại hoàn thành, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành); kỹ năng thuật lại ý kiến của người khác về các chủ đề nói trên, thuật lại một câu chuyện dựa vào một / một số tranh cho sẵn, chia sẻ thông tin và thuật lại thông tin mà người khác chia sẻ

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nói Tiếng Anh cần thiết để có thể trình bày về các chủ đề giao tiếp, công nghệ, giáo dục, pháp luật, sự nổi tiếng, ngôn ngữ, du lịch, những điều kỳ diệu…ở dạng bài nói hoàn chỉnh trong vòng 3-5 phút.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng nói tiếng Anh lưu loát, có bố cục về các chủ đề nêu trên

3.1.3. Thái độ: Giúp sinh viên có thái độ học tập phù hợp, tích cực và chủ động tham gia các hoạt động nói theo cặp, theo nhóm. Có ý thức tự rèn luyện ngoài giờ lên lớp để phát triển kỹ năng Nói tiếng Anh.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Unit 1: Getting Acquainted: First Impression	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề bài học. I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề bài học. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề bài học. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.3. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề

			bài học.
Unit 2 – Communication: Announcements and Signs	II.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề bài học. II.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề bài học. II.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	II.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề bài học. II.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. II.B.3. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	III.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. III.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. III.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề bài học.
Unit 3 – Breaking the law: Crime and Punishment	III.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề bài học. III.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề bài học. III.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	III.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề bài học. III.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. III.B.3. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	III.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. III.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. III.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề bài học.
Unit 4 – Mysteries and Surprises: That's strange	IV.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề bài học. IV.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề bài học. IV.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	IV.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. IV.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. IV.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	IV.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. IV.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. IV.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề bài học.

Unit 5– Education: Happy Days	V.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề bài học. V.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề bài học. V.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	V.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề bài học. V.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. V.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	V.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. V.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. V.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề bài học.
Unit 6– Fame and Fortune: Famous people	VI.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề bài học. VI.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề bài học. VI.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	VI.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề bài học. VI.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. VI.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	VI.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. VI.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. VI.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề bài học.
Unit 7- Around the World: People and Languages	VII.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề bài học. VII.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề bài học. VII.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	VII.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề bài học. VII.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. VII.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	VII.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. VII.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. VII.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề bài học.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition).* Cambridge University Press.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Susan Boyer (2002). *Understanding English pronunciation- An integrated practice course*. Boyer Educational Resources

[3] A.J. Hoge (2014). *Effortless English: Learn to Speak English like a native*. Effortless English LLC.

[4] tài liệu phát tay, sách báo, tạp chí, các bản tin trên đài BBC, VOA, VTV, các trang web trên Internet,… theo gợi ý của giáo viên

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Thực hành, luyện tập nói trên lớp

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Unit 1:** Getting Acquainted: First Impression **Nội dung:** - Từ vựng liên quan đến chủ đề làm quen, bắt chuyện và gây ấn tượng ban đầu - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 BT: 3	[1] **Unit 1:** Getting Acquainted: First Impression
2	**Unit 2:** Communication: Announcements and Signs **Nội dung:** - Từ vựng liên quan đến giao tiếp thông qua các hình thức quảng cáo - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 BT: 3	[1] **Unit 2:** Communication: Announcements and Signs
3	**Unit 3:** Breaking the law: Crime and Punishment **Nội dung:**	LT: 1 BT: 3	[1] **Unit 3:** Breaking the law:

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Từ vựngliên quan đến chủ đề Phạm pháp, các loại tội phạm và các hình thức xử phạt. - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường		Crime and Punishment
4	**Unit 4:** Mysteries and Surprises: That's strange **Nội dung:** - Từ vựng liên quan đến các chủ đề về những câu chuyện thần kỳ, bí ẩn, đáng kinh ngạc - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 BT: 3	[1] **Unit 4:** Mysteries and Surprises: That's strange
5	**Unit 5:** **Nội dung:** Education: Happy Days - Từ vựng liên quan đến chủ đề giáo dục và những kỷ niệm vui vẻ thời học sinh. - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 BT: 3	[1] **Unit 5:** Education: Happy Days
6	**Unit 6: Fame and Fortune: Famous People** **Nội dung:**	LT: 1 BT: 3	[1] **Unit 6: Fame and Fortune:**

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Từ vựng liên quan đến sự nổi tiếng và người nổi tiếng - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường		**Famous People**
7	**Unit 7:** Around the World: People and Languages **Nội dung:** - Từ vựng liên quan đến chủ đề Ngôn ngữ và con người trên toàn thế giới. - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 BT: 3	[1] **Unit 7:** Around the World: People and Languages
	Bài kiểm tra	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập thực hành theo cặp, nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ tham gia hoàn thành các hoạt động nói của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua việc trình bày, nhận xét bài nói trên lớp của sinh viên.	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra khả năng nói tiếng	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		Anh của sinh viên.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp (bài nói).
- Thời gian: 4-5 phút/ sinh viên.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Lê Thị Hồng Vân**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC 3
Mã học phần: FL212303

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Đọc 2
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Ngô Văn Thông;
Số điện thoại: 01643065978; Email: ngo_van_thong@yahoo.com.vn
Giảng viên 2: Y Cuôr Bkrông
Số điện thoại: 0914407690 Email: ychuorbkrong@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trung cấp. Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài viết về đời sống học đường, cuộc sống thành thị, về văn hoá tiêu dùng, nghề nghiệp, phong cách sống, nghệ thuật thời trang.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Sinh viên có khả năng đọc hiểu thông tin qua các bài đọc về các chủ đề: đời sống học đường, thành thị, về văn hoá tiêu dùng, nghề nghiệp, phong cách sống, nghệ thuật thời trang.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển các kỹ năng và chiến lược đọc hiểu, kỹ năng đánh giá và phê phán, kỹ năng tìm hiểu từ vựng và phát triển ngôn ngữ.

3.1.3. Thái độ: Sinh viên tích cực, chủ động chuẩn bị bài, nắm vững các thông tin đọc hiểu, tham gia trao đổi, thảo luận với giảng viên và sinh viên.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I Education and Student Life	I.A.1. Trình bày được đại ý (main idea) của bài đọc về lĩnh vực giáo dục bằng Tiếng Anh I.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề giáo dục trong bài đọc I.A.3. Nhận diện được các khái niệm về chủ đề giáo dục viết bằng Tiếng Anh	I.B.1. Hiểu được chủ đề (topic), ý chính (main idea) của từng đoạn văn về giáo dục trong bài đọc I.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về giáo dục trong bài đọc I.B.3. Lý giải được những khác biệt trong hệ thống giáo dục của Mehico, Nhật bản, Anh, Mỹ được trình bày trong bài đọc	I.C.1. So sánh được những điểm giống nhau và khác nhau giữa các nền giáo dục được viết trong bài đọc I.C.2. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trong hệ thống giáo dục của các nước Mehico, Nhật bản, Anh, Mỹ I.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để tự viết và trình bày về chủ đề giáo dục
Chương II City Life	II.A.1. Trình bày được đại ý (main	II.B.1. Hiểu được chủ đề (topic), ý chính (main	II.C.1. So sánh được những điểm tốt (good

	idea) của bài đọc về cuộc sống thành thị bằng Tiếng Anh II.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề thành thị trong bài đọc II.A.3. Nhận diện được các khái niệm về chủ đề thành thị viết bằng Tiếng Anh	idea) của từng đoạn văn viết về thành thị trong bài đọc II.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về thành thị trong bài đọc II.B.3. Lý giải được những thách thức (challenge) về môi trường sống của thành thị được trình bày trong bài đọc	news) và điểm chưa tốt (bad news) về cuộc sống thành thị được viết trong bài đọc II.C.2. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn của cuộc sống thành thị được đề cập trong bài đọc II.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu, sơ đồ để tự viết và trình bày về chủ đề thành thị
Chương III Business and Money	III.A.1. Trình bày được đại ý (main idea) của bài đọc về tiêu dùng và vay vốn ngân hàng bằng Tiếng Anh III.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, khái niệm, các từ vựng cần thiết về chủ đề tiêu dùng, ngân hàng trong bài đọc III.A.3. Nhận diện được các khái niệm về chủ đề tiêu dùng, ngân hàng viết bằng Tiếng Anh	III.B.1. Hiểu được chủ đề (topic), ý chính (main idea) của từng đoạn văn về tâm lý tiêu dùng của con người được viết trong bài đọc III.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về tiêu dùng, ngân hàng trong bài đọc III.B.3. Lý giải những hình thức cho vay (loans/grants) đối với phụ nữ nghèo; hay tâm lý tiêu dùng được trình bày trong bài đọc	III.C.1. So sánh được những điểm khác biệt giữa quảng cáo bán hàng (advertising) và tâm lý tiêu dùng (consumerism) được viết trong bài đọc III.C.2. Đánh giá được mối ràng buộc (relationship) giữa quảng cáo bán hàng và tâm lý mua hàng được viết trong bài đọc III.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu, sơ đồ để tự viết và trình bày về chủ đề tiêu dùng, ngân hàng
Chương IV Jobs and Professions	IV.A.1. Trình bày được đại ý (main idea) của bài đọc về chủ đề việc làm bằng Tiếng Anh IV.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề việc làm trong bài đọc IV.A.3. Nhận diện được các khái niệm về chủ đề việc làm viết bằng Tiếng Anh	IV.B.1. Hiểu được chủ đề (topic), ý chính (main idea) của từng đoạn văn viết về việc làm trong bài đọc IV.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về chủ đề việc làm trong bài đọc IV.B.3. Lý giải những cách thức thay đổi nghề nghiệp (work changes) được trình bày trong bài đọc	IV.C.1. So sánh được những điểm khác biệt về vấn đề tìm việc làm (looking for work) trước đây và bây giờ IV.C.2. Đánh giá được những thay đổi về nghề nghiệp, hình thức tìm việc làm được đề cập IV.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu, sơ đồ để tự viết và trình bày về chủ đề việc làm
Chương V	V.A.1. Trình bày	V.B.1. Hiểu được chủ đề	V.C.1. So sánh được

Lifestyles Around the World	được đại ý (main idea) của bài đọc về thời trang, phong cách sống bằng Tiếng Anh V.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề thời trang, phong cách sống trong bài đọc V.A.3. Nhận diện được các khái niệm về chủ đề thời trang, phong cách sống viết bằng Tiếng Anh	(topic), ý chính (main idea) của từng đoạn văn viết về thời trang trong bài đọc V.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về thời trang trong bài đọc V.B.3. Lý giải được những khuynh hướng thay đổi về thời trang, phong cách sống được trình bày trong bài đọc	những điểm khác biệt về phong cách sống (fads/trends) được viết trong bài đọc V.C.2. Đánh giá được những thay đổi về thời trang, phong cách sống được đề cập trong bài đọc V.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu, sơ đồ để tự viết và trình bày về chủ đề thời trang, phong cách sống

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Elaine Kirn (2007), *Interactions 2 – Reading*, The McGraw-Hill Companies – Singapore.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Patricia Ackert (1994), *Cause & Effect*, Intermediate reading practice, Heinle & Heinle Publishers

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Education and Student Life** **Nội dung:** 1.1. Part 1: *Education – A reflection of society* 1.2. Part 2: *Campus life is changing* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thuận lợi (positive aspects) và khó khăn (negative aspects) trong hệ thống giáo dục của Mehico, Nhật Bản, Anh, Mỹ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 1
2	**Chương 2. City Life** **Nội dung:** 2.1. Part 1: *A city that's doing something right* 2.2. Part 2: *Sick-building syndrome* **Hình thức tổ chức dạy học:**	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 2. [2] Unit 2 (phần 5)

	- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những thách thức (challenges) về môi trường sống của thành thị **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Chương 3. Business and Money** **Nội dung:** 3.1. Part 1: *Banking on poor women* 3.2. Part 2: *Consumerism and the human brain* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những hình thức cho vay vốn (loans/grants) đối với phụ nữ nghèo; ảnh hưởng của quảng cáo bán hàng đối với tâm lý tiêu dùng **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 3. [2] Unit 2 (phần 3)
4	**Chương 4. Jobs and Professions** **Nội dung:** 4.1. Part 1: *Changing career trends* 4.2. Part 2: *Looking for work in the 21st century* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những thay đổi về nghề nghiệp; hình thức tìm việc làm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 BT: 3	[1] Chương 4. [2] Unit 2 (phần 2)
5	**Chương 5. Lifestyles Around the World** **Nội dung:** 5.1. Part 1: *Trendspotting* 5.2. Part 2: *Fads and trends in the 21st century* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những khuynh hướng thay đổi về thời trang, phong cách sống **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi	LT: 2 BT: 2	[1] Chương 5.

	Hình thức đánh giá: - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
6	**Kiểm tra (Test)**	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Ngô Văn Thông**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT 3
Mã học phần: FL212403

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Viết 2
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên giảng dạy 1: Nguyễn Lệ Hằng;
Số điện thoại: 0946878282; Email: hangnguyenle72@gmail.com
Giảng viên giảng dạy 2: Nguyễn Thị Kim Phượng;
Số điện thoại: 0914.072.766; Email: kimphuongtnu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành tiếng Anh. Sinh viên đã học 2 học phần Viết 1 và Viết 2 và đã có năng lực ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. Sinh viên có thể viết được các loại câu từ câu đơn đến câu phức.

Học phần này gồm 4 chương. Chương 1 khái quát về đoạn trong tiếng Anh với trình bày định nghĩa về đoạn và cấu trúc của đoạn: câu chủ đề, những câu phát triển đoạn và câu kết luận. Chương 2 đề cập đến các hoạt động trước khi viết gồm chọn và giới hạn chủ đề viết, tập hợp ý, chỉnh sửa ý và viết dàn bài cho đoạn. Chương 3 - Tính thống nhất và Tính liên kết của văn bản cung cấp cho người học kiến thức về 1 văn bản như thế nào là có tính thống nhất và các cách để làm cho văn bản có tính liên kết. Chương 4 Phương pháp phát triển đoạn xoay quanh các phương pháp khác nhau như phương pháp miêu tả người, sự vật và tiến trình, phương pháp phát triển đoạn bằng cách đưa ra ý kiến, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng viết đoạn trong tiếng Anh có nội dung liên quan đến cuộc sống hàng ngày.

3.1.1. Kiến thức: Sinh viên được cung cấp kiến thức về đoạn. Cụ thể là:

- Khái niệm về đoạn và cấu trúc của đoạn
- Cách chọn chủ đề và giới hạn chủ đề
- Cách viết dàn bài
- Cách làm cho văn bản có tính thống nhất và liên kết
- Cách phát triển đoạn bằng các phương pháp khác nhau

3.1.2. Kỹ năng:

Sinh viên có thể viết 1 đoạn hoàn chỉnh đáp ứng các tiêu chí của đoạn trong tiếng Anh về các chủ đề thông thường trong cuộc sống.

3.1.3. Thái độ:

Sinh viên có khả năng kiểm soát tương đối tốt đối với việc viết đoạn, biết tuân thủ các nguyên tắc trong viết đoạn. Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: What is a paragraph? Overview	I.A.1. Trình bày được khái niệm của đoạn văn I.A.2. Ghi nhớ được cấu trúc của đoạn I.A.3. Nhận diện được câu chủ đề trong đoạn	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa câu chủ đề và câu kết luận I.B.2. Phân tích được cấu trúc của đoạn I.B.2. Lý giải đươc sự khác nhau giữa câu chủ đề và câu kết luận	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các phần khác nhau của 1 đoạn I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm của câu chủ đề. I.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của đoạn trong viết và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 2: Pre-writing activities	II.A.1. Trình bày được các hoạt động trước khi viết II.A.2. Ghi nhớ được các hoạt động trước khi viết II.A.3. Nhận diện được các hoạt động trước khi viết	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa *Subject* và *Topic* II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa chọn và thu hẹp chủ đề trước khi viết II.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa *Subject* và *Topic*	II.C.1. So sánh được và xác định các hoạt động trước khi viết. IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được bước khác nhau trước khi viết. II.C.3. Vận dụng được các hoạt động trước khi viết trong quá trinh luyện tập viết và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 3: Unity and coherence	III.A.1. Trình bày được khái niệm của tính thống nhất và tính liên kết của văn bản III.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm của 1 văn bản có tính thống nhất và liên kết III.A.3. Nhận diện được 1 văn bản có tính thống nhất và liên kết	III.B.1. Hiểu được đặc điểm của 1 văn bản có tính thống nhất và liên kết III.B.2. Phân tích được văn bản có tính liên kết và thống nhất hay không III.B.2. Lý giải đươc tính thống nhất và liên kết của văn bản	III.C.1. So sánh và xác định chính xác 1 văn bản có tính thống nhất và liên kết III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được tính thống nhất và liên kết của văn bản III.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của tính thống nhất và liên kết của văn bản trong kỹ năng viết và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 4: Methods of development	IV.A.1. Trình bày được các phương pháp phát triển đoạn IV.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của từng phương pháp IV.A.3. Nhận diện được các phương pháp khác nhau	IV.B.1. Hiểu được đặc điểm của từng phương pháp IV.B.2. Phân tích được sự khác nhau của từng phương pháp IV.B.2. Lý giải đươc cách sử dụng của từng phương pháp	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác được đặc điểm của từng phương pháp IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các phương pháp phát triển đoạn trong viết để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các phương pháp trong viết đoạn

			trong tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
TEST			

4. Tài liệu học tập:

[1] Viết 3 do Bộ Môn biên soạn và lưu hành nội bộ

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek (2005) *Academic Writing from Paragraph to Essay*. MacMillan

[3] Alice Oshima & Ann Hogue (?) *Writing Academic English*. Addison- Wesley Publishing Company

[4] Keith S Folse, April Muchmore Vokoun & Elena Vestri Solomon (2010). *Great Paragraphs*. Heinle Cengage Learning

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1:** What is a paragraph? An overview **Nội dung:** Định nghĩa về đoạn và Cấu trúc của đoạn **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận về vị trí của câu chủ đề trong đoạn và cách viết một câu chủ đề, sự khác nhau giữa câu chủ đề và câu kết luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** Đánh giá khả năng xác định câu chủ đề trong đoạn và khả năng viết câu chủ đề, những câu phát triển đoạn cũng như câu kết luận của cá nhân **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 4 BT: 3 TL:1	[1], [2] 1. The definition of a paragraph 2. The parts of a paragraph 2.1. Topic sentence 2.2. Supporting sentences 2.3. Concluding sentence
2	**Chương 2:** Pre- writing Activities **Nội dung:** Các hoạt động trước khi viết **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về sự khác nhau giữa *subject* và *topic* và xác định các nguyên tắc khi viết dàn bài cho 1 đoạn trong tiếng Anh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, giới hạn được chủ đề viết và nắm vững nguyên tắc viết sườn bài cho đoạn	LT: 2 BT: 1 TL: 1	[1], [2] 1. Choosing and narrowing a topic 2. Gathering ideas 3. Editing ideas 4. Making a simple outline

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Đánh giá khả năng của cá nhân trong việc giới hạn chủ đề viết và khả năng viết sườn bài cho 1 chủ đề **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Chương 3:** Unity and coherence **Nội dung:** Tính thống nhất của văn bản và Tính liên kết của văn bản **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm xác định một văn bản thế nào được gọi là có tính thống nhất và các cách để làm một văn bản có tính liên kết. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, xác định được văn bản nào có tính thống nhất và văn bản nào thiếu tính thống nhất; vận dụng được các kỹ thuật làm cho 1 văn bản có tính liên kết. **Hình thức đánh giá:** - Đánh giá khả năng của cá nhân thông qua việc xác định được văn bản nào có tính thống nhất và văn bản nào thiếu tính thống nhất và làm cho 1 văn bản có tính liên kết. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 BT: 2 TL: 1	[1], [2] 1. Unity 2. Coherence 2.1. Repetition of key nouns 2.2. Use of consistent pronouns 2.3. Use of transition signals 2.4. Logical order of sentences
	Chương 4: Methods of development **Nội dung:** Các phương pháp phát triển đoạn **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về việc phát triển đoạn theo các phương pháp khác nhau gồm cách viết câu chủ đề, cách phát triển ý, các từ nối sử dụng **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Bài viết cá nhân **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 6 BT: 4 TL: 1	[1], [2] 1. Descriptive and Process paragraphs 2. Opinion paragraphs 3. Comparison-contrast paragraphs 4. Problem- Solution paragraphs
	TEST	2	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Lệ Hằng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: NGHE 4

Mã học phần: FL212104

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 Số tín chỉ lý thuyết: 02

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh

Số điện thoại: 0983146976 Email: v07tinbt@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Trần Ngọc Anh

Số điện thoại: 0984998485 Email: ngocanh.nvna@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nghe 4 là học phần cuối cùng trong bốn học phần để phát triển kỹ năng nghe hiểu cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần nghe 4 giúp sinh viên làm quen với nhiều loại bài nghe khác liên quan đến các chủ đề về đời sống, học tập, công việc, lối sống, giao tiếp…vv, và phát triển kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết nghe lấy thông tin chính, và nghe để ghi chép.

Học phần nghe 4 giúp sinh viên nhận biết vai trò quan trọng của các chức năng ngôn ngữ trong việc nắm bắt thông tin từ người nói hoặc bài nghe. Học phần này cũng giúp sinh viên:

- Có thể theo dõi và hiểu được những bài nói dài về những chủ đề phức tạp và trừu tượng ngay cả khi cấu trúc bài nói không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh.
- Có thể theo dõi và hiểu được các cuộc trò chuyện sôi nổi giữa những người bản ngữ.
- Có thể theo dõi và hiểu được những tranh luận hay lập luận mang tính trừu tượng.
- Có thể hiểu được những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Học phần nghe 4 giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ và cung cấp cho sinh viên một số kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

+Sinh viên được hướng đến việc nhận biết và thực hành các giao thức khác nhau trong hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh.

+Sinh viên được trang bị thêm kiến thức về mặt ngôn ngữ ở trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

+Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hoàn thành các bài nghe ở trình độ bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.1.2. Kỹ năng:

Sinh viên được trang bị các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết, nghe lấy thông tin tổng quát và nghe để ghi chép.

3.1.3. Thái độ:

Sinh viên có nhận thức đúng về kỹ năng nghe. Có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghe hiểu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I: Education and Life	I.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về nền giáo dục và cuộc sống của sinh viên Mỹ. I.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về nền giáo dục và cuộc sống của sinh viên Mỹ. I.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về nền giáo dục và cuộc sống của sinh viên Mỹ.	I.B.1. Hiểu được nền giáo dục của Mỹ và phong cách học của sinh viên Mỹ. I.B.2. Phân tích được cách chấp nhận và từ chối lời mời và âm rút gọn. I.B.3. Lý giải được các tình huống có tính giả thuyết.	I.C.1. So sánh được hệ thống giáo dục ở Mỹ và Việt Nam. I.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghe và ghi chép. I.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc nói về chủ đề gian lận trong thi cử và chỉ đường.
Chương II: City Life	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về cuộc sống ở đô thị. II.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về cuộc sống ở đô thị. II.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về cuộc sống ở đô thị.	II.B.1. Hiểu được cách thể hiện sự thất vọng. II.B.2. Phân tích được cách mở đầu và kết thúc các cuộc nói chuyện qua điện thoại. II.B.3. Lý giải được cách ghi chép khi nghe các bài nói chuyện thân mật.	II.C.1. So sánh được các bài nói chuyện trang trọng và thân mật. II.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày các mối quan hệ giữa người và người. II.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày các nghề nghiệp.
Chương III: Bussiness and Money	III.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về cách đầu tư tiền một cách hiệu quả. III.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng	III.B.1. Hiểu được cách sử dụng hai động từ "borrow" và "lend", cách hỏi, trả lời và từ	III.C.1. So sánh được cách đầu tư tiền tệ của người Việt và người Mỹ. III.C.2. Đánh giá được

	Anh về cách đầu tư tiền một cách hiệu quả. III.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về cách đầu tư tiền một cách hiệu quả.	chối lời khuyên. III.B.2. Phân tích được dấu nhấn của từ. III.B.3. Lý giải được các vấn đề về tiền tệ, về các doanh nhân.	chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày khả năng của mỗi con người trong công việc kinh doanh. III.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày các dịch vụ ngân hàng.
Chương IV: Jobs and Professions	IV.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về nghề nghiệp. IV.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về nghề nghiệp. IV.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về nghề nghiệp.	IV.B.1. Hiểu được cách thể hiện lời xin lỗi và hòa giải,cách nhận biết ngữ điệu của câu hỏi đuôi, cách viết tắt khi nghe và ghi chép. IV.B.2. Phân tích được thông tin trong bảng, nghĩa của từ trong từng ngữ cảnh. IV.B.3. Lý giải được cách sử dụng biểu đồ ma trận trong sắp xếp ý.	IV.C.1. So sánh được các công việc dành cho nam và nữ. IV.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về cách diễn thuyết các đề tài liên quan đến nghề nghiệp. IV.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc nghe và đoán về nghề nghiệp.
Chương V: Lifestyle Around The World	V.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các phong cách sống trên thế giới. V.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các phong cách sống trên thế giới. V.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các phong cách sống trên thế giới.	V.B.1. Hiểu được cách hỏi xin giúp đỡ và trợ giúp, cách sử dụng cụm động từ trong các đoạn hội thoại, cách đọc tỉ lệ phần trăm. V.B.2. Phân tích được thông tin trong biểu đồ thẳng. V.B.2. Lý giải được cách không phát âm âm /h/ trong các từ không nhấn trọng âm, cách nối các âm trong câu.	V.C.1. So sánh được phong cách sống của người Việt Nam và người Mỹ. V.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về sự thay đổi trong gia đình ở Mỹ. V.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về những khó khăn trong

			nuôi dạy con cái của các ông bố và bà mẹ đơn thân.
Chương VI: Global Connections	VI.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về cách thức liên lạc toàn cầu. VI.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về cách thức liên lạc toàn cầu. VI.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về cách thức liên lạc toàn cầu.	VI.B.1. Hiểu được các thuật ngữ máy tính, cách ngắt lời một cách lịch sự, các phong tục tập quán của người Mỹ. VI.B.2. Phân tích được ngữ điệu trong câu hỏi. VI.B.2. Lý giải được các vấn đề về phong tục tập quán.	VI.C.1. So sánh được phong tục tập quán của người Mỹ và người Việt Nam. VI.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về phong tục tập quán. VI.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về phong tục tập quán.
Chương VII: Language and Communication	VII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về cách thức giao tiếp trên toàn thế giới. VII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về cách thức giao tiếp trên toàn thế giới. VII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về cách thức giao tiếp trên toàn thế giới.	VII.B.1. Hiểu được Tiếng Anh Anh và Tiếng Anh Mỹ. VII.B.2. Phân tích được ngữ điệu trong câu trần thuật. VII.B.2. Lý giải được các vấn đề về Tiếng Anh Anh và Tiếng Anh Mỹ.	VII.C.1. So sánh được Tiếng Anh Anh và Tiếng Anh Mỹ. VII.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về sự giống nhau và khác nhau của Tiếng Anh Anh và Tiếng Anh Mỹ. VII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về Tiếng Anh Anh và Tiếng Anh Mỹ.
Chương VIII: Taste and Preferences	VIII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về thị hiếu và sở thích. VIII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về thị hiếu và sở thích. VIII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về thị hiếu và sở thích.	VIII.B.1. Hiểu được tích cách của các thế hệ, các mốt nhất thời. VIII.B.2. Phân tích được cách thể hiện sự đồng ý và không đồng ý.	VIII.C.1. So sánh được tích cách của các thế hệ. VIII.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về tích cách của các thế hệ, các mốt nhất thời.

		VIII.B.2. Lý giải được các vấn đề về tích cách của các thế hệ, các mốt nhất thời.	VIII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về tích cách của các thế hệ, các mốt nhất thời.
Chương IX: New Frontiers	IX.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các khám phá mới trên toàn thế giới. IX.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các khám phá mới trên toàn thế giới. IX.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các khám phá mới trên toàn thế giới.	IX.B.1. Hiểu được các khám phá mới nhất về sao Hỏa. IX.B.2. Phân tích được cách thể hiện sự quan tâm và sự ngạc nhiên. IX.B.2. Lý giải được các vấn đề về các hoạt động trên sao Hỏa.	IX.C.1. So sánh được đời sống trên sao Hỏa và đời sống trên trái đất. IX.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hoạt động trên sao Hỏa. IX.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về các hoạt động trên sao Hỏa.
Chương X: Ceremonies	X.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về các lễ hội trên thế giới. X.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về các lễ hội trên thế giới. X.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về các lễ hội trên thế giới.	X.B.1. Hiểu được phong tục té nước ở một số quốc gia trên thế giới. X.B.2. Phân tích được cách hỏi và trả lời các câu hỏi đuôi, cách chúc mừng và cách thể hiện sự thông cảm. X.B.2. Lý giải được các vấn đề về phong tục té nước ở một số quốc gia trên thế giới.	X.C.1. So sánh được phong tục té nước ở Thái Lan và ở Ả Rập. X.C.2. Đánh giá được chức năng ngôn ngữ trong việc trình bày về các phong tục té nước ở một số quốc gia trên thế giới. X.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ trong việc trình bày về các phong tục té nước ở một số quốc gia trên thế giới.

4. Tài liệu học tập:

[1] Bài Giảng Nghe 4. Do giảng viên biên soạn. Lưu hành nội bộ.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Judith Tanka and Linda R. Baker (2011). *Interaction 2 – Listening and Speaking*, nhà xuất bản tổng hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

[3] Sam McCarter and Judith Ash (2010). *IELTS TestBuilder*. Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Education and Student Life** **Nội dung:** - A general introduction to the university system in the United States and Canada. - Plagarisim - Stressed words **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 1 – 5. - Thảo luận nhóm: trình bày về loại hình khóa học trong hệ thống giáo dục Mỹ. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1tiết	[1] chương 1 [2] chương 1 [3] test 1
2	**Chương 2. City Life** **Nội dung:** - Suggestions to make homes and automobiles safe. - Neighborhood Watch - Reduction **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 2 [2] chương 2 [3] test 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	các bài nghe trong CD 1 track 6 – 10. - Thảo luận nhóm: trình bày về cách phòng chống trộm cắp ở khu vực bạn đang sống. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, làm bài tập. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
3	**Chương 3. Business and Money** **Nội dung:** - Famous entrepreneurs and their products - Entrepreneurial process - Distinguishing between 'Can' and 'Can't' **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 11 – 15. - Thảo luận nhóm: trình bày về một doanh nhân nổi tiếng của Việt Nam. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 3 [2] chương 3 [3] test 3
4	**Chương 4. Jobs and Professions** **Nội dung:** - The changes in the U.S. job market - Job categories - Recognizing the intonation of tag questions **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 16 – 20.	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 4 [2] chương 4 [3] test 4

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thảo luận nhóm: trình bày về sự thay đổi trong thị trường việc làm của Mỹ. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
5	**Chương 5. Lifestyles Around the World** **Nội dung:** - The American family in the past and at the present. - New problems for American family - New policies and programs to help working parents. - Using numbers, percentages and graphs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 1 track 21 – 25. - Thảo luận nhóm: trình bày về gia đình Việt Nam hiện nay. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 5 [2] chương 5 [3] test 5
6	**Chương 6. Global Connections** **Nội dung:** - Cultural rules for appropriate behavior - Greeting customs - The use of names	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 6 [2] chương 6 [3] test 6

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Eating customs - Gift- giving customs - Identifying Intonation in patterns **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 1– 5. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về phong tục tập quán của người Việt Nam. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
7	**Chương 7. Language and Communication** **Nội dung:** - Differences between British and American English - Understanding Interjections - Spelling Bee **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 6– 10. - Thảo luận nhóm: Trình bày về sự giống nhau và khác nhau giữa tiếng Anh Anh và Tiếng Anh Mỹ. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 7 [2] chương 7 [3] test 7
8	**Chương 8. Tastes and Prferences** **Nội dung:**	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 8 [2] chương 8

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Generation Y - Identifying reduction - Using Context clues in conversation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 11– 15. - Thảo luận nhóm: Trình bày về thế hệ 9X ở Việt Nam. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		[3] test 8
9	**Chương 9. New Frontiers** **Nội dung:** - Exploring Mars - Conversation: to Clone or not to Clone - Distinguishing –ed endings **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 16 - 20 - Thảo luận nhóm: Trình bày về cuộc sống trên sao Hỏa. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 9 [2] chương 9 [3] test 9
10	**Chương 10. Ceremonies** **Nội dung:** - Water in traditional ceremonies - Making plans - Recognizing the meaning of affirmative tag	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 10 [2] chương 10 [3] test 10

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	questions **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày, nghe các bài nghe trong CD 2 track 21 - 25 - Thảo luận nhóm: Trình bày về lễ hội té nước ở Thái Lan. **Yêu cầu sinh viên:** - Nghe các bài nghe trong tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày. **Hình thức đánh giá:** - Làm bài tập trên lớp. - Trình bày trước lớp. **Địa điểm học:** - Giảng đường		
	TEST	1 tiết	[3] review test

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%. **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 30 phút.

Ngày 8 tháng 12 năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Bùi Thị Tịnh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NÓI 4
Mã học phần: FL212204

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: Nói 3
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Tống Thị Lan Chi ;
Số điện thoại: 0985404444; Email: ttlchi@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những kiến thức từ vựng Tiếng Anh về các chủ đề như sức khỏe, cách quản lý tài chính, các mối quan hệ, du lịch, việc làm; kiến thức ngữ pháp tiếng Anh (như hiện tại hoàn thành, thì hiện tại tiếp diễn, quá khứ tiếp diễn, thì quá khứ hoàn thành); kỹ năng mô tả, thảo luận, kể chuyện, đưa ra lời khuyên bằng tiếng Anh; kỹ năng phát triển chủ đề thành một bài nói hoàn chỉnh.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng nói Tiếng Anh cần thiết để có thể trình bày về các chủ đề sức khỏe, cách quản lý tài chính, các mối quan hệ, du lịch, việc làm… ở dạng bài nói hoàn chỉnh trong vòng 3-5 phút.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng nói tiếng Anh lưu loát, có bố cục về các chủ đề sức khỏe, cách quản lý tài chính, các mối quan hệ, du lịch, việc làm…

3.1.3. Thái độ: Giúp sinh viên có thái độ học tập phù hợp, tích cực và chủ động tham gia các hoạt động nói theo cặp, theo nhóm. Có ý thức tự rèn luyện ngoài giờ lên lớp để phát triển kỹ năng Nói tiếng Anh.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Unit 1: Mind and body	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề "mind and body". I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Mind and body" và các chủ đề liên quan.
Unit 2 – Spending money	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề "Spending money".	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học.

	I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Spending money"và các chủ đề liên quan.
Unit 3 – Relationships	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề "Relationships". I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Relationships" và các chủ đề liên quan.
Unit 4 – Adventure	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề "Adventure". I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Adventure" và các chủ đề liên quan.

Unit 5– Self-improvement	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề "Self-improvement". I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Self-improvement" và các chủ đề liên quan.
Unit 6– Travel and tourism	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề "Travel and tourism". I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Travel and tourism" và các chủ đề liên quan.
Unit 7- Employment	I.A.1. Trình bày được nghĩa của những từ vựng về chủ đề "Employment". I.A.2. Ghi nhớ được từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề, các cấu trúc ngữ pháp cần thiết để trình bày về chủ đề. I.A.3. Nhận diện được một số từ vựng liên quan đến chủ đề, cách sử dụng các từ vựng cho phù hợp ngữ cảnh.	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp)

			để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Employment" và các chủ đề liên quan.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition).* Cambridge University Press.

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Susan Boyer (2002). *Understanding English pronunciation- An integrated practice course*. Boyer Educational Resources

[2] A.J. Hoge (2014). *Effortless English: Learn to Speak English like a native*. Effortless English LLC.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Thực hành, luyện tập nói trên lớp

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Unit 1: Mind and body** **Nội dung:** - Từ vựng mô tả các hoạt động tăng cường sức khỏe, vấn đề sức khỏe, cách giảm stress - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition).* Cambridge University Press. **Unit 1: Mind and body** 1A. Staying heathy 1B. Coping with stress
2	**Unit 2: Spending money** **Nội dung:** - Từ vựng mô tả hoạt động quảng cáo, mua -bán, các loại cửa hàng, cách phân loại người tiêu dùng… - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition).* Cambridge University Press. **Unit 2: Spending money** 2A. Advertising 2B. Buying and selling

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Unit 3: Relationships** **Nội dung:** - Từ vựng mô tả những phẩm chất quan trọng trong tình bạn và các mối quan hệ khác; từ vựng liên quan đến hôn nhân và gia đình. - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition)*. Cambridge University Press. **Unit 3: Relationships** 3A. Friendship 3B. Meeting people
4	**Unit 4: Adventure** **Nội dung:** - Từ vựng mô tả những hoạt động mang tính chất mạo hiểm, từ vựng về cách cư xử mạo hiểm; câu trúc câu để cho và nhận lời khuyên - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition)*. Cambridge University Press. **Unit 4: Adventure** 4A. Please be careful 4B. Taking risks
5	**Unit 5: Self-improvement** **Nội dung:** - Từ vựng mô tả những phẩm chất quan trọng để thành công, nổi tiếng, mối tương quan giữa sự nổi	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition)*. Cambridge University Press.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	tiếng và hạnh phúc. - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường		**Unit 5: Self-improvement** 5A. Popularity 5B. Success and happiness
6	**Unit 6: Travel and tourism** **Nội dung:** - Từ vựng liên quan đến các hoạt động nghỉ dưỡng, lên kế hoạch du lịch, mô tả các chuyến du lịch kỳ thú - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh viên. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition)*. Cambridge University Press. **Unit 6: Travel and tourism** 6A. Traveler or tourist? 6B. Fantastic journeys
7	**Unit 7: Employment** **Nội dung:** - Từ vựng liên quan đến các công việc phổ biến, các kỹ năng cần thiết để phỏng vấn xin việc và làm việc hiệu quả. - Thảo luận các câu hỏi, tình huống liên quan đến chủ đề trên **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng, hướng dẫn của giảng viên - Luyện tập nói về chủ đề theo cặp, nhóm và trình bày trước lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước; tìm nghĩa của các từ vựng liên quan đến chủ đề - Luyện tập nói theo cặp, nhóm. **Hình thức đánh giá:** Bài nói tiếng Anh của sinh	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Leo John (2005). *Let's Talk 3 (Second edition)*. Cambridge University Press. **Unit 7: Employment** 7A. The ideal job 7B. Getting a job

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	viên. **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Bài kiểm tra	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập thực hành theo cặp, nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ tham gia hoàn thành các hoạt động nói của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua việc trình bày, nhận xét bài nói trên lớp của sinh viên.	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra khả năng nói tiếng Anh của sinh viên.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp (bài nói).
- Thời gian: 4-5 phút/ sinh viên.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Tống Thị Lan Chi**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT 4
Mã học phần: FL212404

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần học trước: Viết 3
Giảng viên giảng dạy 1: Nguyễn Thị Kim Phượng;
Số điện thoại: 0914.072.766; Email: kimphuongtnu@gmail.com
Giảng viên giảng dạy 2: Trần Lê Thanh Tú;
Số điện thoại: 0905721183 ; Email: thanhtufl@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Viết 4 nhằm trang bị cho người học kỹ năng Viết bài luận tiếng Anh tương đương bậc 4 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam, có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về cấu trúc một bài luận; các bài mẫu và bài tập thực hành xác định câu luận đề, xây dựng dàn bài khi viết luận, các kiểu viết mở bài và kết luận; các kiểu bài luận khác nhau; tầm quan trọng và các nguyên tắc, các phương tiện để đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc trong diễn đạt các ý của một bài luận; các chiến lược quản lý thời gian trong viết luận dưới áp lực thời gian.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về viết bài luận, xây dựng dàn bài, dàn ý, các kiểu viết mở bài và kết luận, các kiểu bài luận khác nhau, các nguyên tắc trong viết câu luận đề, tính thống nhất và sự liên kết mạch lạc trong viết luận.

3.1.2. Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng:

- viết một bài luận hoặc một báo cáo, phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp.
- đánh giá các ý kiến khác nhau và các giải pháp cho một vấn đề.
- viết một bài luận hoặc một báo cáo phát triển một lập luận nào đó, nêu lý do tán thành hay phản đối một quan điểm nào đó và giải thích những ưu điểm và nhược điểm của các giải pháp khác nhau.
- tổng hợp thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau.

3.1.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, chủ động và sáng tạo trong diễn đạt quan điểm một cách hiệu quả dưới hình thức viết và liên kết tin tức, quan điểm của người khác

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I: **The Structure of an Essay**	I.A.1. Nắm vững và trình bày được định nghĩa của một bài luận, các thành phần cơ bản trong cấu trúc của một bài luận, vị trí của câu luận đề trong 1 bài luận. I.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc chung trong viết câu luận đề	I.B.1. Phân tích được các đặc điểm của từng thành phần khác nhau của 1 bài luận, của 1 câu luận đề I.B.2. Phân biệt được điểm khác nhau giữa cấu trúc bài luận và đoạn văn (đã học ở học phần trước) và câu chủ đề với câu luận đề I.B.2. Lý giải được sự khác	I.C.1. Xác định chính xác các thành phần của 1 câu luận đề. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của một câu luận đề đạt yêu cầu và tính liên kết của câu luận đề với cả bài luận. I.C.3. Vận dụng được kiến

	I.A.3. Nhận diện được các câu luận đề hay, đúng nguyên tắc	biệt giữa cấu trúc đoạn văn và cấu trúc bài luận, giữa câu chủ đề và câu luận đề	thức đã học để viết câu luận đề đạt yêu cầu.
Chương III **Introductions and Conclusions**	III.A.1. Hiểu và trình bày được tầm quan trọng, vai trò của đoạn mở đầu và đoạn kết luận trong một bài luận. III.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc chung trong viết đoạn mở đầu và đoạn kết luận trong một bài luận. III.A.3. Nhận diện được các đoạn mở đầu và đoạn kết luận trong một bài luận.	III.B.1. Phân tích được các đặc điểm của từng thành tố khác nhau trong 1 đoạn mở đầu và đoạn kết luận của một bài luận III.B.2. Phân biệt được điểm khác nhau giữa các thành tố trong đoạn mở đầu và đoạn kết luận của một bài luận III.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các thành tố trong đoạn mở đầu và đoạn kết luận của một bài luận	III.C.1. Xác định chính xác các kiểu viết đoạn mở đầu và đoạn kết luận trong một bài luận. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của một đoạn mở đầu và đoạn kết luận đạt yêu cầu trong một bài luận và tính liên kết giữa đoạn mở đầu và đoạn kết luận với cả bài luận. III.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để viết đoạn mở đầu và đoạn kết luận trong một bài luận đạt yêu cầu.
Chương IV **Unity and Coherence**	IV.A.1. Nắm vững và trình bày được định nghĩa về tính thống nhất và tính liên kết trong một bài luận và giữa các đoạn của 1 bài luận. IV.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc chung về tính thống nhất và tính liên kết trong một bài luận IV.A.3. Nhận diện được các phương tiện, phương thức được sử dụng để tạo sự thống nhất và tính liên kết trong một bài luận	IV.B.1. Phân tích được các đặc điểm thể hiện tính thống nhất và tính liên kết trong một bài luận IV.B.2. Phân biệt được điểm khác nhau giữa các phương tiện, phương thức được sử dụng để tạo sự thống nhất và tính liên kết trong một bài luận IV.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các phương tiện, phương thức được sử dụng để tạo sự thống nhất và tính liên kết trong một bài luận.	IV.C.1. Xác định chính xác các phương tiện, phương thức cần sử dụng để tạo sự thống nhất và tính liên kết trong một bài luận. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ hiệu quả của các phương tiện, phương thức được sử dụng để tạo sự thống nhất và tính liên kết trong một bài luận. IV.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để tạo sự thống nhất và tính liên kết cho một bài luận.
Chương V **Essays for Examinations**	V.A.1. Nắm vững và trình bày được các kiểu câu hỏi, yêu cầu trong 1 bài thi viết luận thường gặp. V.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc chung trong viết bài luận dưới áp lực thời gian. V.A.3. Nhận diện được các kiểu câu hỏi, yêu cầu khác nhau trong các bài thi viết luận thường gặp.	V.B.1. Phân tích được các đặc điểm của các kiểu câu hỏi, yêu cầu khác nhau của bài thi viết luận thường gặp. V.B.2. Phân biệt được điểm khác nhau giữa các kiểu câu hỏi, yêu cầu của bài thi viết luận thường gặp. V.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các kiểu câu hỏi, yêu cầu của bài thi viết luận thường gặp.	V.C.1. Xác định chính xác các yêu cầu của bài thi viết luận thường gặp. V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các kiểu câu hỏi, yêu cầu khác nhau của bài thi viết luận thường gặp, và phân phối thời gian hợp lý cho các bước làm bài viết. V.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để viết bài luận dưới áp lực thời gian.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Zemach, Dorothy E & Rumisek, Lisa A (2005). *Academic Writing – From Paragraph to Essay*, Macmillan Publishers Limited, Oxford.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Alice Oshima & Ann Hogue (?) *Writing Academic English*. Addison- Wesley Publishing Company

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. The Structure of an Essay** **Nội dung:** 1.1. The Structure of an Essay 1.1.1. The three main parts of an essay 1.1.2. How to format an essay 1.2. Thesis statements 1.2.1. What is a thesis statement? 1.2.2. Writing a strong thesis statement 1.3. Writing thesis statements 1.3.1. How to connect the thesis statement and the essay 1.3.2. How to develop a thesis statement 1.4. Review **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: + Xác định các thành phần chính của 1 bài luận + Xác định câu luận đề trong đoạn mở đầu của 1 bài luận và các thành phần của câu luận đề. + Đánh giá các câu luận đề theo các tiêu chí + Viết câu luận đề cho các chủ đề cho sẵn + Đưa ra ý kiến nhận xét cá nhân về cách phát triển ý chính của câu luận đề trong các đoạn thân bài của bài luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài thực hành, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1 BT: 7 TH: 7	[1] The Structure of an Essay
2	**Chương 2. Outlining an Essay** **Nội dung:** 2.1. What is an outline? 2.2. Writing an outline 2.3. Evaluating an outline 2.4. Review **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày	LT: 1 BT: 7	[1] Outlining an Essay

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thảo luận nhóm: + Sắp xếp các ý cho sẵn tạo thành dàn ý, dàn bài thích hợp + Đánh giá, góp ý cấu trúc dàn ý, dàn bài của các nhóm, cá nhân; - Thực hành: + Nhận diện, phân biệt các thành phần của 1 dàn ý cho sẵn + Lập dàn ý, dàn bài dựa trên các chủ đề cho sẵn của chương trước **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học: -** Giảng đường	TL: 3 TH: 4	
3	**Chương 3. Introductions and Conclusions** **Nội dung:** 3.1. The Importance of Introductions and Conclusions 3.2. The Introduction 3.2.1. What is an introduction? 3.2.2. How to write a strong introduction 3.2.3. How to make an introduction interesting 3.3. The conclusion 3.3.1. The importance of a conclusion 3.3.2. Writing a conclusion 3.4. Review **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: + Xác định các thông tin chung và ý chính trong một đoạn mở đầu, kết luận + Đánh giá và luận giải cho các đánh giá về các đoạn mở đầu, kết luận cho sẵn + Tập viết đoạn mở đầu, kết luận từ dàn bài đã xây dựng ở chương trước + Đưa ra ý kiến cá nhân về đoạn mở đầu, kết luận của nhóm, cá nhân khác **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học: -** Giảng đường	LT: 1 BT: 7 TH: 7	[1]Introductions and Conclusions
4	**Chương 4. Unity and Coherence** **Nội dung:** 4.1. Unity in writing 4.1.1. What is unity?	LT: 1 BT: 3	[1] Unity and Coherence

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.1.2. Keeping unity in an essay 4.1.3. Editing an essay for unity 4.2. Coherence in writing 4.2.1. What is coherence? 4.2.2. Cohesive devices 4.2.2.1. Transitions 4.2.2.2. Pronoun references 4.2.2.3. Repitition of key nouns or ideas 4.3. Review **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: + Xác định câu luận đề (của cả bài luận), câu chủ đề, các ý bổ trợ của mỗi đoạn (phần thân bài). + Đánh giá mức độ liên kết giữa các thành phần: câu luận đề và các câu chủ đề; câu chủ đề và các ý bổ trợ + Xác định và loại bỏ những ý, thừa, không phù hợp khiến cho bài viết thiếu tính liên kết + Sử dụng các công cụ liên kết để liên kết các câu, các ý trong mbột đoạn văn, các đoạn thân bài của bài luận. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài thực hành, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	TH: 3 tiết	
5	**Chương 5. Essays for Examinations** **Nội dung:** 5.1. Timed Essays 5.2.Instructions for timed essays 5.2.1. How to write good timed essays 5.1.2. Common instructions in essay tests 5.3. Answering directly 5.4. Managing your time 5.5. Checking your work 5.6. Review **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: + Viết bài luận trong 30 phút gồm: viết dàn ý, dàn bài trong 5 phút, viết bài luận trong 20 phút, kiểm tra, đánh giá bài luận theo các tiêu chí trong 5 phút **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài thực hành, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp	LT: 1 BT: 1 TH: 1	[1] Essays for Examinations

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: - Giảng đường		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	3%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày … tháng … năm 2017

Trưởng khoa (biên soạn)	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn T. Kim Phượng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
Mã học phần: FL213519

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: Nghe 4
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Văn Thịnh; Số điện thoại: 0914041022; Email: nvthinh ttn@edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức liên quan đến các chủ đề: kỳ nghỉ, du lich, tuổi trẻ, thiên nhiên, môi trường, gia đình, giáo dục, văn hóa, xã hội hiện đại, khoa học và công nghệ, v.v… Cấu trúc của mỗi bài đều có 3 phần: (1) cung cấp từ vựng (vocabulary) liên quan đến chủ đề, (2) cung cấp các bài tập rèn luyện liên quan đến từng dạng câu hỏi và (3) thực hành các dạng câu hỏi của một bài thi IELTS` .

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.2.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên vốn từ vựng có liên quan đến các chủ điểm về kỳ nghỉ, du lịch, tuổi trẻ, môi trường, văn hóa và xã hội, khoa học công nghệ, con người v.v… và có được những kiến thức về từ vựng và cách sử dụng các cấu trúc câu tiếng Anh dùng trong những tình huống phức tạp.

3.2.2. Kỹ năng: Giúp sinh viên có được kỹ năng nghe hiểu với nhiều kiểu bài nghe khác nhau mô phỏng các tình huống đa dạng của cuộc sống như đàm thoại, tin nhắn, bản tin radio, thông báo, bài giảng v.v….

3.2.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, tự thực hành và rèn luyện kỹ năng của nghe hiểu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Bài	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Unit 1: On the move	1. Trình bày được cách làm bài tập Nghe dạng điền từ vào mẫu (Form completion), Nghe dạng kết nối (Matching), trả lời câu hỏi trắc nghiệm (Answering multiple choice) và cách diễn giải (paraphrasing) một ý tưởng. 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề kỳ nghỉ và du lịch. 3. Nhận diện được các từ đồng nghĩa.	1. Hiểu và đoán được câu trả lời của các bài tập nghe dạng điền từ vào mẫu (Form completion), Nghe dạng kết nối (Matching), trả lời câu hỏi trắc nghiệm (Answering multiple choice) và cách diễn giải (paraphrasing) một ý tưởng. . 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài . 3. Lý giải được yêu cầu của các câu hỏi trong bài học.	1. So sánh được cách làm bài tập Nghe giữa các dạng điền từ vào mẫu (Form completion), Nghe dạng kết nối (Matching), trả lời câu hỏi trắc nghiệm (Answering multiple choice). 2. Đánh giá và xác định được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 2: Being	1. Trình bày được cách làm	1. Hiểu được nội dung của	1. So sánh được cách làm

young	bài tập Nghe dạng điền từ vào bảng (Table completion), Nghe dạng gắn tên vào bảng đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), hoàn thành biểu đồ phát triển (completing flow-charts), cách sử dụng đúng từ loại. 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề tuổi trẻ. 3. Nhận diện đúng từ loại.	bài học liên quan đến các tập nghe dạng điền từ vào bảng (Table completion), Nghe dạng gắn tên vào bảng đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), hoàn thành biểu đồ phát triển (completing flow-charts), cách sử dụng đúng từ loại. 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài học. 3. Lý giải được yêu cầu của các câu hỏi trong bài học.	bài tập Nghe giữa các dạng điền từ vào bảng (Table completion), Nghe dạng gắn tên vào bảng đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), hoàn thành biểu đồ phát triển (completing flow-charts). 2. Đánh giá và xác định được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 3: Climate	1. Trình bày được cách làm bài tập Nghe dạng gắn tên vào sơ đồ (Labelling diagrams), Nghe dạng hoàn thành vào mẫu ghi chú (completing notes), cách đánh vần đúng một từ (spelling words correctly), cách trình bày thứ tự của chuỗi sự kiện hoặc ý tưởng (sequence of events or ideas). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề thiên nhiên và môi trường. 3. Nhận diện đúng các từ được đánh vần và thứ tự các ý tưởng khi nghe một bài nói chuyện.	1. Hiểu được nội dung của bài học liên quan đến các tập nghe dạng hoàn thành vào mẫu ghi chú (completing notes), cách đánh vần đúng một từ (spelling words correctly), cách trình bày thứ tự của chuỗi sự kiện hoặc ý tưởng (sequence of events or ideas). 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài học. 3. Lý giải được yêu cầu của các câu hỏi trong bài học.	1. So sánh được cách làm bài tập Nghe giữa các dạng điền từ vào mẫu ghi chú với các dạng nghe điền từ khác. 2. Đánh giá và xác định được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 4: Family structures	1. Trình bày được cách làm bài tập Nghe dạng trả lời câu hỏi ngắn (answering short questions), hoàn thành câu hoặc bảng tóm tắt (completing sentences /summaries), cách chọn lựa các ý tưởng từ một bài nghe, cách dùng giới từ. 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề gia đình. 3. Nhận diện được các từ hoặc cụm từ báo hiệu (signposting words or phrases) cho một ý tưởng	1. Hiểu được nội dung của bài học liên quan đến các tập nghe dạng trả lời câu hỏi ngắn (answering short questions), hoàn thành câu hoặc bảng tóm tắt (completing sentences /summaries), cách chọn lựa các ý tưởng từ một bài nghe, cách dùng đúng giới từ. 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài học. 3. Lý giải được yêu cầu của các câu hỏi trong bài học.	1. So sánh được cách làm bài tập Nghe dạng trả lời câu hỏi ngắn với các dạng bài tập khác. 2. Đánh giá và xác định được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.

	khi nghe một bài nói chuyện.		
Unit 5: Starting university	1. Trình bày được cách làm bài tập Nghe dạng gắn tên vào bản đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), điền từ vào các mẫu (completing forms) và bản ghi chú (completing notes). 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề giáo dục. 3. Nhận diện được các thông tin để trống (missing information) là các thông tin chỉ địa chỉ.	1. Hiểu được nội dung của bài học liên quan đến các tập nghe dạng gắn tên vào bản đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), điền từ vào các mẫu (completing forms) và bản ghi chú (completing notes). 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài học. 3. Lý giải được yêu cầu của các câu hỏi trong bài học.	1. So sánh được cách làm bài tập nghe giữa các dạng gắn tên vào bản đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), điền từ vào các mẫu (completing forms) và bản ghi chú (completing notes). 2. Đánh giá và xác định được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 6: Fame	1. Trình bày được cách làm bài tập Nghe dạng kết nối (matching sentence fragments), Nghe trắc nghiệm (multiple choice), Nghe chọn câu trả lời từ danh mục (Choosing answers from the list) 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề giáo dục. 3. Nhận diện được các thông tin đã được diễn giải (paraphrases).	1. Hiểu được nội dung của bài học liên quan đến các tập nghe dạng kết nối (matching sentence fragments), Nghe trắc nghiệm (multiple choice), Nghe chọn câu trả lời từ danh mục (Choosing answers from the list) 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài học. 3. Lý giải được yêu cầu của các câu hỏi trong bài học.	1. So sánh được cách làm bài tập nghe giữa các dạng kết nối (matching sentence fragments), Nghe trắc nghiệm (multiple choice), Nghe chọn câu trả lời từ danh mục (Choosing answers from the list) 2. Đánh giá và xác định được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Unit 7: Alternative energy	1. Trình bày được cách làm bài tập Nghe dạng hoàn thành biểu đồ phát triển (flow chart), trả lời câu hỏi ngắn (answering short questions), hoàn thành câu hoặc bảng tóm tắt (completing sentences/summaries) 2. Ghi nhớ được từ vựng có liên quan đến chủ đề khoa học công nghệ. 3. Nhận diện được các động từ tường thuật (reporting verbs), cách thể hiện ý kiến hoặc thái độ của người nói.	1. Hiểu được nội dung của bài học liên quan đến các tập nghe dạng hoàn thành biểu đồ phát triển (flow chart), trả lời câu hỏi ngắn (answering short questions), hoàn thành câu hoặc bảng tóm tắt (completing sentences/summaries) 2. Phân tích được nội dung và yêu cầu của bài học. 3. Lý giải được yêu cầu của các câu hỏi trong bài học.	1. So sánh được cách làm bài tập nghe giữa các dạng hoàn thành biểu đồ phát triển (flow chart), trả lời câu hỏi ngắn (answering short questions), hoàn thành câu hoặc bảng tóm tắt (completing sentences/summaries) 2. Đánh giá và xác định được câu trả lời. 3. Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong bài học trong khi giao tiếp bằng tiếng Anh.
Test			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

5. Tài liệu tham khảo:

Brook-Hart, G. & Jakeman, V. (2012) *Complete IELTS*, Cambridge University Press.

Fiona Aish Et & Jo Tomlinson (2011), *Listening for IELTS*, HarperCollins Publisher.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp = 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Bài 1.** On the move **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề kỳ nghỉ (holidays) và du lịch (travel) và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề và từ đồng nghĩa- synonyms) - Thực hành nghe dạng điền từ Nghe dạng điền từ vào mẫu (Form completion), Nghe dạng kết nối (Matching), trả lời câu hỏi trắc nghiệm (Answering multiple choice) và cách diễn giải (paraphrasing) một ý tưởng. - Thực hành nghe phần Section 2 của IELTS **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề âm nhạc - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Part 1: Vocabulary Part 2: Practice exercises Part 3: Exam practice – Section 1
2	**Bài 2.** Being young **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về tuổi trẻ và từ vựng có liên quan đến chủ đề. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề và cách cấu tạo từ: động từ, danh từ, tính từ và trạng từ) - Thực hành nghe dạng điền từ vào bảng (Table completion), Nghe dạng gắn tên vào bản đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), hoàn thành biểu đồ phát triển (completing flow-charts), cách sử dụng đúng từ loại. - Thực hành nghe phần Section 2 của IELTS **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề ăn uống lành mạnh cho sức khỏe	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Part 1: Vocabulary Part 2: Practice exercises Part 3: Exam practice – Section 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Bài 3**: Climate **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về thiên nhiên và môi trường. - Làm các bài tập nhỏ (về từ vựng liên quan đến chủ đề và cách nhận diện các từ chỉ chuỗi các ý tưởng/sự kiện, ví dụ: *eventually, finally, former, in the end, initially, next, previously, the next phase/step* v.v…) - Thực hành nghe phần Section 3 của IELTS. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề thể thao - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Part 1: Vocabulary Part 2: Practice exercises Part 3: Exam practice – Section 3
4	**Bài 4**: Family structures **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về cấu trúc gia đình. - Làm các bài tập nhỏ về từ vựng liên quan đến chủ đề và bài tập Nghe dạng trả lời câu hỏi ngắn (answering short questions), hoàn thành câu hoặc bảng tóm tắt (completing sentences /summaries), cách dùng giới từ, cách chọn lựa các ý tưởng từ một bài nghe từ các từ/cụm từ báo hiệu (signposting words or phrases) như: *to give further information, to contrast, to emphasize, to give an example, to indicate order, to give a reason, to repeat or clarify, to indicate a result* v.v… . - Thực hành nghe phần Section 4 của IELTS. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề phương tiện truyền thông - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Part 1: Vocabulary Part 2: Practice exercises Part 3: Exam practice – Section 4

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường		
5	**Bài 5**: Starting university **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về giáo dục. - Làm các bài tập nhỏ về từ vựng liên quan đến chủ đề và bài tập Nghe dạng gắn tên vào bản đồ hay sơ đồ (labelling maps or plans), điền từ vào các mẫu (completing forms) và bản ghi chú (completing notes). - Thực hành nghe phần Section 1 của IELTS **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề phương tiện truyền thông - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Part 1: Vocabulary Part 2: Practice exercises Part 3: Exam practice – Section 1
6	**Bài 6**: Fame **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về văn hóa và xã hội hiện đại. - Làm các bài tập nhỏ về từ vựng liên quan đến chủ đề và bài tập Nghe dạng kết nối (matching sentence fragments), Nghe trắc nghiệm (multiple choice), Nghe chọn câu trả lời từ danh mục (Choosing answers from the list) - Thực hành nghe phần Section 2 của IELTS **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề phương tiện truyền thông - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp.	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Part 1: Vocabulary Part 2: Practice exercises Part 3: Exam practice – Section 2

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: Giảng đường		
7	**Bài 7**: Alternative energy **Nội dung:** - Giới thiệu chủ đề về khoa học và công nghệ. - Làm các bài tập nhỏ về từ vựng liên quan đến chủ đề và bài tập Nghe dạng hoàn thành biểu đồ phát triển (completing flow charts), trả lời câu hỏi ngắn (answering short questions), hoàn thành câu hay bản tóm tắt (completing sentences/summaries) - Thực hành nghe phần Section 3 của IELTS **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày và từ bản thu âm kèm theo tài liệu, bài giảng. - Thảo luận nhóm: chủ đề phương tiện truyền thông - Thực hành: làm các bài tập từ vựng và luyện nghe theo nội dung liên quan. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc, nói, viết và nghe **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp hoặc kiểm tra bằng miệng tại lớp. - Báo cáo của cá nhân hoặc nhóm trước lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2012), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh. Part 1: Vocabulary Part 2: Practice exercises Part 3: Exam practice – Section 3
	Test	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 40% và Bậc 3: 30%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 60 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Văn Thịnh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NÓI TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
Mã học phần: FL213520

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ:01 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01 ; Số tín chỉ thực hành:01

Loại môn học: Tự Chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:……..

Học phần học trước: Nói, 1 2,3 và 4

Học phần tiên quyết: Nói 4

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên:Hoàng Thị Hồng Nhung;

Số điện thoại:0914 54 08 08; Email: nhunghoang2710@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Nói tăng cường là học phần tự chọn được tiến hành song song với các học phần nghe, viết và đọc tăng cường khác. Học phần được thiết kế giảng dạy trong 01 tín chỉ, 15 tiết. Sinh viên đăng ký học phần này phải hoàn thành xong các học phần kỹ năng tiếng khác như: Nói 1, Nói 2 , Nói 3 và Nói 4. Học phần nói tăng cường được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những điểm nội dung kiến thức sau:

- Nắm được các yêu cầu chính về mặt lý thuyết của bài thi nói của 2 kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ IELTS và VSTEP bao gồm:

+ định dạng đề thi nói

+ thời gian và mô tả từng phần thi của 2 kỳ thi nói VSTEP và IELTS.

+ các tiêu chí đánh giá kỹ năng nói cho từng kỳ thi.

+ Sự khác nhau và giống nhau của 2 kỳ thi trên và cách quy đổi điểm.

- Có khả năng hoàn thành phần 2 bài thi nói của 2 kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ nêu trên với các chủ đề chính như: giao thông, giáo dục, môi trường, và du lịch.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

- Kiến thức: Nắm được các yêu cầu chính về mặt lý thuyết của bài thi nói của 2 kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ IELTS và VSTEP.

- Kỹ năng: Có khả năng hoàn thành tốt nhất yêu cầu chung về kỹ năng ngôn ngữ nói trong phần 2 bài thi nói của 2 kỳ thi đánh giá năng lực ngôn ngữ nêu trên.

- Thái độ: tích cực tham gia xây dựng bài, phát huy tính tự học cao. Làm việc theo nhóm tốt, biết cộng tác và phân công công việc rõ ràng, có khả năng thiết kế tốt phần trình bày của nhóm mình.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I	***I.A.1. Trình bày***	***I.B.1. Hiểu***	***I.C.1. So sánh***

	Định dạng chung của bài thi nói của 2 kỳ thi VSTEP và IELTS. ***I.A.2. Ghi nhớ*** Thời gian, số câu hỏi, và yêu cầu chung về mặt ngôn ngữ của 2 bài thi trên. ***I.A.3. Nhận diện*** Những bẫy thường gặp của 2 phần thi (task 2) của cả 2 bài thi nói nêu trên,	Cách trình bày ngôn ngữ trong phần 2 VSTEP và IELTS. ***I.B.2. Phân tích*** Những thang điểm khác nhau đối với cách sử dụng ngôn ngữ khác nhau cho 2 bài thi nói trên. ***I.B.2. Lý giải*** Được những điểm trừ về mặt sử dụng ngôn ngữ	So sánh sự khác biệt về cách sử dụng ngôn ngữ của các bài thi được đánh giá ở các cấp độ khác nhau chủ yếu ở 2 mức B1 và C1. ***I.C.2. Đánh giá*** Đánh giá được năng lực ngôn ngữ của các sinh viên khác trong lớp. ***I.C.3. Vận dụng*** Vận dụng được những kiến thức tích hợp cả về kỹ năng làm bài nói và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để hoàn thành 2 phần thi một cách tốt nhất.
Chương II	***II.A.1. Trình bày*** Trình bày được năng lực ngôn ngữ cơ bản với lượng từ vựng chính được dùng để liên kết ý tương đối hiệu quả đối với phần thảo luận phương án (Solution discussion) – VSTEP và phần phát triển ý (topic development) - IELTS. ***II.A.2. Ghi nhớ*** Có khả năng nhớ được ít nhất 50% lương từ vựng được hướng dẫn cho các chủ đề chính. ***III.A. 2. Nhận diện*** Có khả năng phát hiện được chủ đề chính, chủ đề phụ và từ khoá của mỗi yêu cầu trong phần thi nói (task 2 – VSTEP & IELTS)	***II.B.1. Hiểu*** Nắm bắt được những cách để tăng điểm cho bài thi nói như cách ***II.B.2. Phân tích*** Phân tích được những điểm đạt yêu cầu trong bài thi nói của chính mình. ***III. B.3. Lý giải*** Có khả năng giải thích rõ tại sao bài thi nói của mình được đánh giá ở mức độ này, và từ đó đề xuất cách khắc phục hiệu quả.	***II.C.1. So sánh*** So sánh được bài thi nói của mình và bài nói mẫu từ đó có thể có ngữ liệu giúp nâng điểm bài thi nói của mình. ***II.C.2. Đánh giá*** Đánh giá được bài nói của các sinh viên khác cũng như của mình một cách phù hợp tương đối. Chỉ ra được điểm mạnh và điểm yếu bài thi nói của chính mình và người khác. ***III. C.3. Vận dụng.*** Vận dụng phù hợp các chiến thuật phát triển kỹ năng nói để tăng điểm với cả 2 phần thi nói.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

1. Listening and speaking for IELTS – Joanna Preshous – Macmillan – 2005
2. Hướng dẫn định dạng kỳ thi VSTEP – Bài thi nói: xem link: http://vstep.vnu.edu.vn/

3. Bài giảng môn "Nói tăng cường" do ThS. Hoàng Thị Hồng Nhung soạn thảo.

5. Tài liệu tham khảo:

1. IELTS Advantage –listening and speaking– Jon Marks – Delta Publishing – 2005
2. IELTS Graduation – Mark Allan , Debra Powell & Dickie Dobie - Macmillan – 2002
3. Vocabulary for IELTS – Pauline Cullen – Cambridge University Press – 2008
4. Grammar for IELTS – Dianna Hopkins & Paulline Cullen – Cambridge University Press – 2008.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận: lớp sẽ được chia thành nhiều nhóm khác nhau và mỗi nhóm sẽ phụ trách trình bày các điểm từ vựng theo các chủ đề, cũng như giải quyết các bài tập được đề ra theo chủ đề đó.
- Hoàn thành các bài tập được giao: Sinh viên bắt buộc phải có nộp ít nhất 2 bài ghi âm phần bài nói theo các bài tập được đề ra bởi giáo viên trong thời hạn cho phép.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Tổng quan về bài thi nói của hai kỳ thi VSTEP và IELTS.** **Nội dung:** . 1.1. Tổng quan các phần thi trong bài thi nói của kỳ thi VSTEP 1.1.1 Ba phần thi trong bài thi nói VSTEP. 1.1.2. Các tiêu chí chấm điểm và bài thi mẫu. 1.2. Tổng quan các phần thi trong bài thi nói của kỳ thi IELTS 1.2.1 Ba phần thi trong bài thi nói IELTS. 1.2.2 Các tiêu chí chấm điểm và bài thi mẫu. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày mục tiêu chung của môn học, quy chế lớp học, định dạng thi hết môn cùng với tiêu chí đánh giá và mục tiêu của bài học (tuần 1) - Thảo luận nhóm: thảo luận định dạng đề thi nói của 2 kỳ thi VSTEP và IELTS (theo tài liệu được phát) - Thực hành: các nhóm lên trình bày rõ ràng từng phần thi và tiêu chí đánh giá tương ứng. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - ghi chép đầy đủ và trình bày theo nhóm. - chuẩn bị câu hỏi và câu trả lời với nhiệm vụ được giao. **Hình thức đánh giá:** - Bằng cách trình bày tại lớp cũng như quá trình làm việc theo nhóm.	4 tiết	-bài 1 trang 1,2,3,4 trong tài liệu học tập môn Nói tăng cường. -Truy cập các trang web: http://vstep.vnu.edu.vn/ và: https://www.idp.com/cambodia/ielts/testformat và https://www.britishcouncil.vn/thi/ky-thi-ielts?gclid=Cj0KEQjwhbzABRDHw_i4q6fXoLIBEiQANZKGW_mZyNITWJOFIioRng-PR06nfhq7C9RQrxv3p0russUaAgQu8P8HAQ

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)		
2-3	**Chương 2. Phần 2 trong bài thi nói VSTEP - thảo luận phương án cho 1 tình huống cụ thể (solution discussion).** 2.1: Chủ đề "phương tiện giao thông" – transportation 2.2: Chủ đề "nơi ở" – accomodation 2.3: Chủ đề "khoa học công nghệ" - technology 2.4: Chủ đề "kỳ nghỉ" – vacation 2.5: Chủ đề "sức khoẻ" – health **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày những nội dung chính của 2 tuần học (8 tiết). - Nghe giảng viên trình bày cụ thể cách làm bài tốt nhất cho phần thi nói thứ 2 của bài thi nói VSTEP với chủ đề 1: giao thông – transportation. + cách xử lý đề bài + cách lên dàn ý trong 1 phút + cách thức trình bày các ý trong 3 phút với hướng dẫn cụ thể về từ hoặc cụm từ nên dùng. - Thực hành theo cặp với 2 bài thực hành chính. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu và chuẩn bị từ vựng về chủ đề 5 chủ đề nêu trên. - Hoạt động theo nhóm trình bày từ vựng và các điểm cần lưu ý với 4 chủ đề nêu trên (chủ đề 1 – giao thông đã được giáo viên giới thiệu) - Thực hành các bài tập theo cặp và biết nhận xét cụ thể những mặt đạt và chưa đạt theo yêu cầu bài thi nói VSTEP. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tham gia của cá nhân sinh viên trong các hoạt động cặp - khả năng nắm bắt được những điểm chính phải có trong bài học. - kiểm tra ít nhất 3 sinh viên với các bài tập và nhận xét công khai trước lớp chi tiết về những mặt được và chưa được của sinh viên. **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	8 tiết	- Học trong sách Vocabulary for IELTS – Pauline Cullen – Cambridge University Press – 2008 (trang 1-60) trang web: http://ieltsliz.com/vocabulary/
4-7	**Chương 3. Phần 2 và 3 trong bài thi nói IELTS – topic**	16 tiết	Đọc sách IELTS

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	development and discussion 3.1: Chủ đề: "Sở thích" – tastes 3.2: Chủ đề: "môi trường" – the world around us 3.3: Chủ đề: "ngôn ngữ và giáo dục" – language and education 3.4: Chủ đề: " Thực phẩm" – food for thought 3.5: Chủ đề: "khoa học và công nghệ" – science and technology **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày: + những điểm khác biệt giữa phần thi nói 2 và 3 của bài thi nói IELTS với bài thi nói VSTEP. + Những điểm cần lưu ý về mặt ngữ pháp và từ vựng. + cách thức lên dàn ý trong 1 phút cho phần 2 và cách trả lời trong 2 phút. + cách thức phát triển ý trong phần 3 của bài thi IELTS. - Trình bày theo nhóm 5 chủ đề chính đã được đề cập ở trên. - Thực hành: thực hành theo cặp những điểm giáo viên đã trình bày.		Advantage –listening and speaking– Jon Marks – Delta Publishing – 2005 Bài 1- 5 IELTS Graduation – Mark Allan , Debra Powell & Dickie Dobie - Macmillan – 2002 Bài 1-8
8	**Ôn tập và kiểm tra**	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng hoàn thành bài tập nói và nghi âm ở nhà cũng như việc vận dụng các chiến thuật hoàn thành bài thi nói như đã được hướng dẫn trên lớp. Đánh giá mức độ sử dụng ngôn ngữ của sinh viên cho phần 2 của VSTEP và phần 2,3 của IELTS.	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành bài trình bày của nhóm cũng như những hoạt động của cá nhân vào bài trình bày của nhóm. Khả năng hoạt động theo nhóm.	20%
4	Bài kiểm tra	Đánh giá sinh viên qua việc hoàn thành 2 phần thi nói của 2 bài	40%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
	định kỳ	thi VSTEP và IELTS.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận x trọng số điểm bộ phận+điểm thi x trọng số thi)/100= kết quả học phần.

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Theo khung bậc IELTS.
- Phương pháp đánh giá: vấn đáp(Thi tự luận, Thục hành, vấn đáp, trắc nghiệm, …).
- Thời gian: 10 phút.

Ngày 26 tháng 10 năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng T. Hồng Nhung**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
Mã học phần: FL213521

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Thân Thị Hiền giang; Số điện thoại: 0917297676;
Email: thanthihiengiang@ymail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh năm thứ ba trở lên theo tiến trình học bình thường. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức thành thạo, nâng cao (advanced level). Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài đọc về các chủ đề: Team-work and Competition, Gender and Relationships, Health and Leisure, Money Matters, Human Behavior.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ nâng cao. Sinh viên có khả năng đọc hiểu nội dung, ý chính của bài đọc và thái độ, ngụ ý của tác giả, có khả năng trao đổi thông tin và diễn đạt ý tưởng trong các tình huống giao tiếp về các chủ đề Team-work and Competition, Gender and Relatioships, Health and Leisure, Money Matters, Human Behavior.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển các kỹ năng chiến lược đọc lướt (skimming, scanning), đoán từ theo ngữ cảnh, suy luận, đánh giá thông tin, tóm tắt nội dung bài, diễn đạt được những vấn đề trọng tâm của bài.

3.1.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, tích cực, chủ động chuẩn bị bài, nắm vững các thông tin đọc hiểu, tham gia trao đổi, thảo luận với giảng viên và sinh viên.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I **Team-work and Competition**	I.A.1. Trình bày được ý chính của bài đọc về tinh thần tập thể và tính cạnh tranh trong hai lĩnh vực thể thao và kinh doanh. I.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các thành ngữ và từ chuyên ngành trong các lĩnh vực thể thao và kinh doanh. I.A.3. Nhận diện được ý chính của bài đọc, hàm ý của tác giả, và xác định được các chuỗi sự kiên bằng việc sử dụng biểu	I.B.1. Hiểu được ý chính của bài về tinh thần tập thể và sự cạnh tranh trong thể thao và kinh doanh. I.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về lĩnh vực thể thao và kinh doanh các trong bài đọc. I.B.3. Lý giải được những khác biệt của sự hợp tác và cạnh tranh trong lĩnh vực thể thao và king doanh.	I.C.1. So sánh được những điểm giống nhau và khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh và thể thao xét ở góc độ cạnh trạnh và chung sức. I.C.2. Đánh giá và nêu được lí do vì sao bản thân thích tinh thần cạnh tranh và hợp tác trong lĩnh vực kinh doanh hay thể thao. I.C.3. Vận dụng được các khái niệm,

	đồ		từ vựng, cấu trúc câu để tự viết bài phân tích các thông tin trên Internet về một nhân vật nổi tiếng trong lĩnh vực thể thao hoặc kinh doanh.
Chương II **Gender and Relatioships**	II.A.1. Trình bày được ý chính của bài đọc về chủ đề giới tính và các mối quan hệ trong xã hội. II.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề giới tính và các mối quan hệ. II.A.3. Nhận diện được chủ đề, ý chính, ý phụ, các từ có nghĩa khác nhau trong bài đọc về chủ đề giới tính.	II.B.1. Hiểu được ý tổng quát, ý chi tiết trong bài đọc, hiểu được các thông tin được thể hiện trên biểu đồ. II.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về chủ đề giới tính và các mối quan hệ trong bài đọc II.B.3. Lý giải được những khái niệm về giới tính và các mối quan hệ, sự khác nhau giữa các câu thể hiện ý chung, tổng quát và các câu thể hiện ý chi tiết, cụ thể.	II.C.1. So sánh được sự khác nhau giữa các thế hệ ở hiện tại và quá khứ II.C.2. Đánh giá được những thay đổi lớn diễn ra trong cuộc sống gia đình và các mối quan hệ cá nhân trong xã hội Mỹ ngày nay. II.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để thuyết trình theo nhóm và viết bài tóm tắt về đề tài giới tính hoặc các mối quan hệ trong xã hội.
Chương III **Health and Leisure**	III.A.1. Trình bày, diễn đạt được ý chính của bài đọc về chủ đề sức khoẻ và thời gian rảnh rỗi. III.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, khái niệm, các từ vựng cần thiết về chủ đề sức khoẻ III.A.3. Nhận diện được ý chính, ý phụ, câu thể hiện thực tế hay quan điểm trong bài đọc, thông tin chi tiết trên biểu đồ.	III.B.1. Hiểu được ý chính, ý phụ, các quan điểm được nêu trong bài đọc về đề tài sức khoẻ và thời gian rảnh. III.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về các loại thực phẩm tốt cho sức khoẻ; những điểm tốt và những điểm xấu mà du khách đem đến nơi họ đến thăm III.B.3. Lý giải được những khác biệt về cách lựa chọn loại thức ăn nào là tốt nhất cho sức khoẻ của các dân tộc khác nhau cũng như các thời kì khác nhau	III.C.1. So sánh được những điểm khác biệt về cách lựa chọn thực phẩm tốt cho sức khoẻ. So sánh được sự khác nhau giữa thực tế và quan điểm. III.C.2. Đánh giá được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực mà du khách đem lại cho những nơi họ đến. III.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để tự viết bài và trình bày về chủ đề sức khoẻ, thời gian rảnh.

Chương IV **Money Matters**	IV.A.1. Trình bày được ý chính, các chi tiết của bài đọc về chủ đề tài chính. IV.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề tài chính IV.A.3. Nhận diện được từ vựng theo nhóm từ. Nhận ra được ngụ ý của tác giả. Nhận ra được bối cảnh, nhân vật, cốt truyện của của một câu truyện kể. Xác định được các thông tin chi tiết, cụ thể.	IV.B.1. Hiểu được ý chính, ý chi tiết của bài đọc. Hiểu được cốt truyện và hàm ý của tác giả trong bài đọc. IV.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về chủ đề toàn cầu hoá trong lĩnh vực kinh doanh. Phân tích được các hành động và kết quả của một tình huống sau đó nêu ra giải pháp trong một bài văn châm biếm IV.B.3. Lý giải được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của toàn cầu hoá đối với một quốc gia.	IV.C.1. So sánh được những quan điểm khác nhau về toàn cầu hoá. IV.C.2. Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của việc toàn cầu hoá; những tình huống khó khăn mà một người gặp phải trong giao tiếp xã hội khi hạn chế về tài chính. IV.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để tự viết và trình bày về chủ đề toàn cầu hoá trong lĩnh vực kinh doanh hoặc một bài văn châm biếm ngắn.
Chương V **Human Behavior**	V.A.1. Trình bày được ý chính, ý mở rộng của bài đọc về chủ đề hành vi của con người. V.A.2. Ghi nhớ được những thông tin chính, các từ vựng cần thiết về chủ đề. V.A.3. Nhận diện được ý chính, ý mở rộng. Xác định được các nhân vật và cốt truyện trong một truyện ngắn.	V.B.1. Hiểu được ý chính, ý mở rộng của bài đọc. Hiểu được ngụ của tác giả trong truyện ngắn V.B.2. Phân tích được các khái niệm, thông tin về đề tài nhân chủng học. Phân tích được tâm lí nhân vật trong truyện ngắn. V.B.3. Lý giải được những cách người ta đánh giá, nhìn nhận nền văn hoá của mình và nền văn hoá của người khác.	V.C.1. So sánh được những quan điểm khác nhau của nền văn hoá này khi đánh giá, nhận xét về các lĩnh vực ngôn ngữ, ẩm thực, … của một nền văn khác. V.C.2. Đánh giá được các hiện tượng được gọi là "sốc văn hoá": nguyên nhân. V.C.3. Vận dụng được các khái niệm, từ vựng, cấu trúc câu để viết và trình bày bài về những khác biệt về văn hoá dẫn đến những nhận xét, đánh giá mang tính tiêu cực về một nền văn hoá khác.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1]. Elaine Kirn (2007), Mosaic *1 – Reading*, The McGraw-Hill Companies – Singapore.

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. First Certificate in English (1997), Cambridge

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1. Teamwork and Competion **Nội dung:** 1.1. Part 1: Beckham: An Autobiography 1.2. Part 2: Outward Bound **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Tinh thần tập thể và tính cạnh tranh trong lĩnh vực thể thao và kinh doanh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 3 tiết	Sách Mosaic *1 – Reading:* Chương 1.
	Chương 2. Gender and Relationship **Nội dung:** 2.1. Part 1: Who's Taking Care of the Children 2.2. Part 2: 70 Brides and 7 Foreigners **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những thay đổi về cấu trúc gia đình từ Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đến nay. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 3 tiết	-Sách Mosaic *1 – Reading:* Chương 2.
	Chương 3. Health Care and Leisure **Nội dung:** 3.1. Part 1: Eat Like a Peasant, Feel Like a King 3.2. Part 2: Here Come the Tourists **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những điểm tích cực và tiêu cực mà ngành du lịch mang lại/gây ra cho một đất nước **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:**	LT: 3 tiết BT: 3 tiết	-Sách Mosaic *1 – Reading:* Chương 3.

	- Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 4. Money Matters **Nội dung:** 4.1. Part 1: Executive Takes Chance on Pizza, Transform Spain 4.2. Part 2: The Luncheon **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những thuận lợi và khó khăn của toàn cầu hoá **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 3 tiết	-Sách Mosaic *1 – Reading:* Chương 4.
	Chương 5. Human Behaviour **Nội dung:** 5.1. Part 1: Ethnocentrism 5.2. Part 2: A Clean, well-lighted Place **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Những khác biệt về văn hoá và hiện tượng "sốc văn hoá" **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	Sách Mosaic *1 – Reading:* Chương 5.
	Kiểm tra (Test)	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	T30%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	T30%

3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	T40%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Thân Thị Hiền Giang**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG
Mã học phần: FL 213522

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: TC
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: **FL212404**
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037;
Email: hoangxuan2602@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần viết tăng cường nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết các thể loại đa dạng với nhiều mục đích khác nhau Trong học phần này, sinh viên được cung cấp các bài mẫu, các kỹ năng cần thiết để thực hiện các hoạt động viết.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức

Sinh viên cần có được:

Viết những lá thư thường ngày và những lá thư trong tình huống trang trọng, Viết một bài phát biểu, Viết một bài báo cáo, Viết một tóm tắt, Viết một bài bình luận, Viết kết quả của điều tra và các bài tập mở rộng theo định hướng thi viết của các kỳ thi quốc tế.

3.2.2. Kỹ năng

Sinh viên sẽ phát triển năng lực viết Tiếng Anh đa dạng các thể loại.

3.2.3. Thái độ

Sinh viên có thái độ yêu thích và đúng đắn với viết luận và tự tin hơn khi làm bài thi viết của các kỳ thi quốc tế.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chapter 1. WRITING LETTERS	I.A.1. Trình bày được các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh. I.A.2. Ghi nhớ được các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh. I.A.3. Nhận diện được các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh.	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh. I.B.2. Phân tích được các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh. I.B.3. Lý giải đươc sự khác biệt giữa các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh.	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh. I.C.3. Vận dụng được các phần của một lá thư viết bằng tiếng Anh. trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi

			dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 2. WRITING A SPEECH	II.A.1. Trình bày các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh. II.A.2. Ghi nhớ được các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh. II.A.3. Nhận diện được các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh.	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh. II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh. II.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh. IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh. II.C.3. Vận dụng được các đặc điểm giữa các phần của một bài phát biểu viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 3. WRITING A REPORT	III.A.1. Trình bày các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh. III.A.2. Ghi nhớ được các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh. III.A.3. Nhận diện được các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh.	III.B.1. Hiểu được các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh. III.B.2. Phân tích được các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh. III.B.2. Lý giải được các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh.	III.C.1. So sánh và xác định chính xác các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh. III.C.3. Vận dụng được các phần và cách viết một bài báo cáo bằng tiếng Anh.
Chapter 4. WRITING A SUMMARY	IV.A.1. Trình bày các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh. IV.A.2. Ghi nhớ được các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh. IV.A.3. Nhận diện được các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh.	IV.B.1. Hiểu được các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh. IV.B.2. Phân tích được các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh. IV.B.2. Lý giải được các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh.	IV.C.1. So sánh và xác định chính các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các phần và cách viết một bài tóm tắt bằng tiếng Anh trong giao tiếp

			tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 5. WRITING A REFLECTION	V.A.1. Trình bày được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh. V.A.2. Ghi nhớ được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh. V.A.3. Nhận diện được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh.	V.B.1. Hiểu được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh. V.B.2. Phân tích được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh. V.B.2. Lý giải được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh.	V.C.1. So sánh và xác định chính xác các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh. V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. V.C.3. Vận dụng được các phần và cách viết một bài bình luận bằng tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 6. **REPORTING THE RESULTS OF A SURVEY**	VI.A.1. Trình bày các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh. VI.A.2. Ghi nhớ được các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh.VI.A.3. Nhận diện được các các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh.	VI.B.1. Hiểu được các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh. VI.B.2. Phân tích được các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh. VI.B.2. Lý giải được thành phần nghĩa của phát ngôn trong Tiếng Anh. các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh.	VI.C.1. So sánh và xác định chính xác các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh. VI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VI.C.3. Vận dụng được các phần và cách viết một bài báo cáo kết quả đều tra bằng tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

4. Tài liệu học tập:

[1]. Bài giảng Viết Tiếng Anh Chuyên Ngành (Lưu hành nội bộ). 2013

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. Andy Hopkins, *Outlines,* Longman Singapore Pte Ltd, 1994.

[2]. Andy Hopkins, *Perspectives,* Longman Singapore Pte Ltd, 1994.

[3]. FCE Cambridge First Certificate in English – Official examination from University of Cambridge, ESOL Examination. Cambridge University Press.

[4]. Littlejohn. A. *Writing 4.* Cambridge University Press, 1994

[5]. Stephens M , *Practicing Writing,* Longman Group UK Ltd, 1990.
[6]. Tim F, Paul A D, *Solutions.* Oxford University Press, 2008
[7]. Writing Focus. University of Languages and International Studies.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1 Writing a letter** **1.1. Writing an informal letter** **1.2 Writing a formal letter** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày **Hình thức đánh giá:** Trình bày của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 3 tiết	Bài giảng Viết Tiếng Anh Chuyên Ngành (Lưu hành nội bộ). 2013
2	**Chương 2: Writing a speech** **Nội dung:** **2.1 Sample analysis** **2.2. Writing task** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày **Hình thức đánh giá:** - Trình bày của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 3 tiết	Bài giảng Viết Tiếng Anh Chuyên Ngành (Lưu hành nội bộ). 2013
3	**Chương 3 Writing a report** **Nội dung:** **2.1 Sample analysis** **2.2. Writing task** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày **Hình thức đánh giá:** - Trình bày của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 3 tiết	Bài giảng Viết Tiếng Anh Chuyên Ngành (Lưu hành nội bộ). 2013
	Chương 4: Writing a summary	LT: 2 tiết	Bài giảng Viết Tiếng Anh

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Nội dung: **2.1 Sample analysis** **2.2. Writing task** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày **Hình thức đánh giá:** - Trình bày của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	BT: 3 tiết	Chuyên Ngành (Lưu hành nội bộ). 2013
5	**Chương 5: Writing a reflection** **Nội dung:** **2.1 Sample analysis** **2.2. Writing task** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày **Hình thức đánh giá:** - Trình bày của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết	Bài giảng Viết Tiếng Anh Chuyên Ngành (Lưu hành nội bộ). 2013
	Chương 6: Reporting the result of a survey **Nội dung:** **2.1 Sample analysis** **2.2. Writing task** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị trình bày **Hình thức đánh giá:** - Trình bày của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 3 tiết	Bài giảng Viết Tiếng Anh Chuyên Ngành (Lưu hành nội bộ). 2013
	TEST	1 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành	3%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Thị Xuân**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP ỨNG DỤNG
Mã học phần: FL213503

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Ngô Văn Thông;
Số điện thoại: 01643065978;
Email: ngo_van_thong@yahoo.com.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh năm thứ nhất, học kỳ 2 theo tiến trình học bình thường. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ loại (parts of speech): danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, đại từ, giới từ, liên từ, từ hạn định; về cụm từ (phrases); về mệnh đề (clauses); về các loại câu (sentences) trong Tiếng Anh. Những kiến thức này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích và khả năng ứng dụng về ngữ pháp tiếng Anh trong việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ Anh.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, mệnh đề và câu.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng nhận biết, phân tích và sử dụng được các loại từ loại, cụm từ, mệnh đề, các loại câu cơ bản trong tiếng Anh.

3.1.3. Thái độ: Sinh viên nắm bắt được những kiến thức cần thiết về môn học, từ đó hình thành ý thức chủ động trong học tập và nghiên cứu môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I **Introductory Units**	I.A.1. Trình bày được khái niệm chung về từ loại, cụm từ, câu và mệnh đề I.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm chung về từ loại, cụm từ, câu và mệnh đề bằng Tiếng Anh I.A.3. Nhận diện được các loại từ loại khác nhau và các loại câu cơ bản trong Tiếng Anh	I.B.1. Hiểu được khái niệm chung về từ loại, cụm từ, câu và mệnh đề I.B.2. Phân tích được các khái niệm chung về từ loại, cụm từ, câu và mệnh đề I.B.3. Lý giải được các khái niệm về từ loại, cụm từ, câu và mệnh đề	I.C.1. So sánh được hình thức các từ loại, các loại mệnh đề, các loại câu cơ bản trong Tiếng Anh I.C.2. Đánh giá được ý nghĩa của từ loại, các loại mệnh đề, các loại câu trong Tiếng Anh I.C.3. Vận dụng những hiểu biết ban đầu về từ loại, về cụm từ, về câu và mệnh đề để đi sâu nghiên cứu đặc điểm và chức năng của chúng trong ngôn ngữ Anh.
Chương II **Parts of Speech**	II.A.1. Trình bày được các khái niệm về từ loại Tiếng Anh II.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm về ý nghĩa của từ loại II.A.3. Nhận diện được các loại từ loại Tiếng Anh	II.B.1. Hiểu được các khái niệm về từ loại II.B.2. Phân tích được các từ loại Tiếng Anh II.B.3. Lý giải được ý nghĩa và chức năng của từ loại Tiếng Anh	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm, vị trí của từ loại trong cụm từ và trong câu Tiếng Anh. II.C.2. Đánh giá đầy đủ ý nghĩa và vai trò quan trọng của từ loại trong

			ngôn ngữ Tiếng Anh. II.C.3. Vận dụng kiến thức về từ loại trong việc học tập, nghiên cứu và sử dụng Tiếng Anh.
Chương III **Phrases, Sentences and Clauses**	III.A.1. Trình bày được các khái niệm về cụm từ, câu và mệnh đề trong Tiếng Anh III.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm về cụm từ, câu và mệnh đề III.A.3. Nhận diện được các loại cụm từ, câu và mệnh đề trong Tiếng Anh	III.B.1. Hiểu được các khái niệm về cụm từ, câu và mệnh đề trong Tiếng Anh III.B.2. Phân tích được các loại câu và mệnh đề trong Tiếng Anh III.B.3. Lý giải được ý nghĩa và chức năng của cụm từ, câu và mệnh đề trong Tiếng Anh	III.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm về cụm từ, câu và mệnh đề trong Tiếng Anh. III.C.2. Đánh giá đầy đủ ý nghĩa và vai trò quan trọng của cụm từ, câu và mệnh đề trong ngôn ngữ Tiếng Anh. III.C.3. Vận dụng các kiến thức về cụm từ, câu và mệnh đề trong việc học tập, nghiên cứu và sử dụng Tiếng Anh.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

1. Raymond Murphy (2012), *English Grammar in use*, Fourth Edition, Cambridge University Press
2. Michael Swan, Catherine Walter (2011), *Oxford English Grammar Course, Intermediate*, Oxford University Press
3. Collins Cobuild (2006), *Intermediate English Grammar*, The University of Birmingham

5. Tài liệu tham khảo:

1. Trần Trọng Dương (2008), *Handbook of English Noun Usage*, Nxb Từ Điển Bách Khoa
2. Lê Tuệ Minh (2009), *Manual use of English Adjective*, Nxb Đại học Sư Phạm

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 1. Introductory units **Nội dung:** **1.1.** Parts of speech **1.2.** Phrases, sentences and clauses **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đặc điểm của từ loại, của cụm từ, của mệnh đề, của các loại câu cơ bản trong tiếng Anh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết	1. Sách *English Grammar in use:* Các đề mục liên quan trong chương 1 2. Sách *Intermediate English Grammar:* Các đề mục liên quan trong chương 1
	Chương 2. Parts of speech **Nội dung:** **2.1. Nouns**	LT: 2 tiết	1. Sách *English Grammar in use:* Nouns, Verbs,

	- Classification - Syntactical functions - Number - Case - Gender - Noun patterns **2.2. Verbs** - Auxiliary verbs and lexical verbs - Modal verbs - The use of tenses - Conditional sentences - The passive voice - Reported speech **2.3. Adjectives** - Kinds of adjectives - Positions of adjectives - Order of adjectives in a noun phrase - Nouns used as adjectives - Adjective patterns **2.4. Adverbs** - Form and use - Kinds of adverbs - Positions of adverbs - Inversion after the verbs **2.5. Pronouns** - Kinds of pronouns - The use of pronouns **2.6. Prepositions** - Significance of prepositions - Forms of prepositions - Kinds of prepositions **2.7. Conjunctions** - Significance of conjunctions - Coordinating conjunctions - Subordinating conjunctions **2.8. Determiners** - Significance of determiners - Specific determiners - General determiners **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Ý nghĩa và chức năng của Danh từ, Động từ, Tính từ, Trạng từ, Đại từ, Giới từ, Liên từ, Từ hạn định **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Bài tập cá nhân - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	BT: 2 tiết LT: 2 tiết BT: 2 tiết LT: 1 tiết BT: 1 tiết LT: 1 tiết BT: 1 tiết LT: 1 tiết BT: 1 tiết LT: 1 tiết BT: 1 tiết LT: 1 tiết LT: 1 tiết	Adjectives, Adverbs, Pronouns, Prepositions 2. Sách *Intermediate English Grammar:* Nouns, Verbs, Adjectives, Adverbs, Pronouns, Prepositions, Conjunctions, Determiners 3. Sách *Oxford English Grammar Course, Intermediate:* Sections: 6; 7; 10; 12; 14; 17; 21. 4. Sách *Handbook of English Noun Usage: Cả cuốn* 5. Sách *Manual use of English Adjective: Cả cuốn*

	Chương 3. Phrases, Sentences and Clauses **3.1. Phrases** - The common phrases - Functions of phrases **3.2. Sentences and clauses** - Simple sentences - Compound sentences - Complex sentences - Noun clauses - Adjective clauses - Adverb clauses **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Cụm từ, Câu và Mệnh đề **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, báo cáo, chuẩn bị câu hỏi **Hình thức đánh giá:** - Bài tập cá nhân - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1tiết LT: 4 tiết BT: 2 tiết	1. Sách *Intermediate English Grammar:* Basic sentence structure; related clauses and participle clauses; other kinds of clauses. 2. Sách *Oxford English Grammar Course, Intermediate:* Section:19
	Kiểm tra (Test)	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	T30%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	T30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	T40%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa (biên soạn)	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Ngô Văn Thông**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: LUYỆN ÂM
Mã học phần: FL214001

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Giảng viên giảng dạy: Y Tru Alio; Số điện thoại: 0905 155 678; Email:……

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Luyện âm giúp sinh viên luyện âm tiếng Anh, biết cách phát âm các âm khó, âm không tồn tại trong tiếng Việt, các âm nối, âm biến thể, âm đồng hóa, âm dị hóa, âm nhấn, ngữ điệu.

Học phần Luyện âm gồm có 6 chương: Chương 1 trình bày các âm ở dạng thể yếu; Chương 2 tiếp tục trình bày các tổ hợp hai âm thể yếu; Chương 3 giới thiệu các tổ hợp ba âm thể yếu; Chương 4 trình bày các tổ hợp phụ âm đôi ở các vị trí; Chương 5 trình bày tổ hợp phụ âm ba; Chương 6 trình bày các âm tĩnh lược.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

Sinh viên rèn luyện phát âm tiếng Anh với những đặc thù riêng của hệ thống ngôn ngữ đa âm tiết: các âm ở dạng thể yếu, các tổ hợp âm đôi, âm ba, âm tĩnh lược …

3.1.2. Kỹ năng:

Sinh viên biết vận dụng hiểu biết về các âm tiết để phát âm đúng các từ, tạo ra các phát ngôn tiếng Anh một cách tự nhiên.

3.1.3. Thái độ:

Sinh viên có tinh thần trau giồi ngôn ngữ tiếng Anh đồng thời có ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng mẹ đẻ.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1 **Weak forms**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các âm ở dạng thể yếu (weak forms)	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, đặc điểm của các âm ở dạng thể yếu (weak forms)	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về âm dạng thể yếu trong giảng dạy phát âm tiếng Anh.
Chương 2 **Combination of two weak forms**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các tổ hợp hai âm thể yếu (two weak forms)	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, đặc điểm của tổ hợp hai âm thể yếu (two weak forms)	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về tổ hợp hai âm dạng thể yếu trong giảng dạy phát âm tiếng Anh.
Chương 3 **Combination of three weak forms**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các tổ hợp ba âm thể yếu (three weak forms)	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, đặc điểm của tổ hợp ba âm thể yếu (three weak forms)	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về tổ hợp ba âm dạng thể yếu trong giảng dạy phát âm tiếng Anh.
Chương 4 **Clusters VCC**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các tổ hợp hai phụ âm cuối	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, đặc	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về tổ hợp

	từ (reads, slept, watched…..)	điểm của tổ hợp hai phụ âm cuối từ (reads, slept, watched …)	hai phụ âm cuối từ (reads, slept, watched ….) trong giảng dạy phát âm tiếng Anh.
Chương 5 **Clusters VCCC**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các tổ hợp ba phụ âm cuối từ (gasps, triumphs…)	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, đặc điểm của tổ hợp ba phụ âm cuối từ (gasps, triumphs…)	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về tổ hợp ba phụ âm cuối từ (gasps, triumphs…) trong giảng dạy phát âm tiếng Anh.
Chương 6 **Contractions**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các dạng tĩnh lược và cách phát âm chúng (don't, he's, you're, won't …)	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, đặc điểm các dạng tĩnh lược và cách phát âm chúng (don't, he's, you're, won't …)	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về các dạng tĩnh lược và cách phát âm chúng (don't, he's, you're, won't …) trong giảng dạy phát âm tiếng Anh.

4. Tài liệu học tập:

[1]. O'Connor J.D.(1997). *Better English Pronunciation* (reprinted), CUP.

5. Tài liệu tham khảo:

[2]. Ann Baker. Sharon Goldstein (2001), *Pronunciation Pairs*, Nhà xuất bản Tp HCM.

[3]. Brazil D.(2000), *Pronunciation for Advanced learners of English*, CUP.

[4]. Dalton, C. & Seidlhofer, B. (1995), *Pronunciation*, Oxford University Press.

[5].Kenworthy, J.(1998), *Teaching English pronunciation*, Longman Publishing, New York.

[6]. Nguyễn Huy Kỷ (2006.) *Ngữ điệu tiếng Anh ở người Việt* (English Intonation by the Vietnamese) (sách chuyên luận), NXB Văn hóa - Thông tin.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chapter 1. Weak forms** 1.1. Weak Form **a** 1.2. Weak Form **an** 1.3. Weak Form **the** 1.4. Weak Form **some** 1.5. Weak Form **and** 1.6. Weak Form **but** 1.7. Weak Form **of** 1.8. Weak Form **from** 1.9. Weak Form **at** 1.10. Weak Form **them** 1.11. Weak Form **us** 1.12. Weak Form **that** 1.13. Weak Form **as** 1.14. Weak Form **as …as** 1.15. Weak Form **than** 1.16. Weak Form **there** 1.17. Weak Form **am; are; was; has; have; had; does;**	LT: 10 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	can; must **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe băng đĩa và luyện phát âm **Địa điểm học:** Giảng đường		
2	**Chapter 2. Combination of two weak forms** 2.1.Combination of two weak forms **of +** - of them - of the - of a - of an - of us 2.2. to + at a; at the; for a; for the; - to the - to them 2.3. from an; from a; from some; from them; are a; are the; are some; and the; was a; was an; was the; was some; were a; were the; were an; there were… **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe băng đĩa và luyện phát âm **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 10 tiết	
3	**Chapter 3. Combination of three weak forms** 3.1. and of the 3.2. and of a 3.3. only of the 3.4 .but at a; and at a; but at the; and for a; and for the; but for the; 3.5. are at a; are at the; was at a; was at the; was at an 3.6. are from the; are from a; was from a; was from the; 3.7. of us are; of us must; of them can; of us were; 3.8. there were some; there are some; there was an; **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe băng đĩa và luyện phát âm **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 05 tiết	
4	**Chapter 4. Clusters VCC** 4.1. robbed, stripped, rips, rops 4.2. sits, reads 4.3. marched, managed 4.4. went, returned 4.5. Florence, phones, months 4.6. launch, change 4.7. moved, lift, fifth, coughs, behaves 4.8. baths, bathed **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 05tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu, nghe băng đĩa và luyện phát âm **Địa điểm học:** Giảng đường		
5	**Chapter 5. Clusters VCCC** 5.1. contacts, mixed, sixth 5.2. prompt, lumps, triumphed, triumphs 5.3. months, against 5.4. punched, arranged 5.5. banked, sinks 5.6. sulks, sulked, helps, helped, results 5.7. films, overwhelmed 5.8. healths, whilst 5.9. gasps, gasped, tourists, tasks **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe băng đĩa và luyện phát âm **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 10 tiết	
6	**Chapter 6. Contractions** 6.1. D'you, don't, I'm 6.2. He's, John's, Jack's, It's, Who's 6.3. Isn't, It's not, He's not 6.4. You're, We're, Aren't 6.5. I'll, You'll, He'll, She'll, It'll, We'll, They'll, won't 6.6. I've, You've, They've, Haven't, Hasn't 6.7. He'd, You'd, It'd 6.8. Hadn't, Wouldn't, Could've **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên luyện phát âm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe băng đĩa và luyện phát âm **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 05tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: **90%**

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Sinh viên thực hiện được phát âm các thể dạng âm, các tổ hợp âm đã được học và rèn luyện
- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp
- Thời gian: 10phút/1SV

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	Th.S Bùi Thị Tịnh	TS. Y Tru Alio

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH
Mã học phần: FL212105

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Giảng viên giảng dạy: **Nguyễn Thị Kim Phượng**;
Số điện thoại: **0914.072.766**; Email: kimphuongtnu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những kiến thức về kỹ năng biên dịch cơ bản, kỹ năng biên dịch nâng cao. Học phần gồm 4 chương. Nội dung của học phần gồm các vấn đề tổng quan về biên dịch và nghề biên dịch, các kỹ thuật biên dịch cơ bản, các tài liệu thực hành dịch dưới hình thức: bài mô tả, chỉ dẫn, thư từ hành chính, báo cáo công việc, hoặc trích đọan truyện ngắn đơn giản. Sinh viên có thể học học phần này song song với các học phần về kỹ năng.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về biên dịch, những kỹ thuật biên dịch cơ bản và nâng cao.

3.2.2. Kỹ năng: Trang bị cho sinh viên kỹ năng biên dịch được các tài liệu dưới dạng văn bản viết với các hình thức: bài mô tả, chỉ dẫn, thư từ hành chính, báo cáo công việc, hoặc trích đọan truyện ngắn đơn giản.

3.2.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, tự thực hành và rèn luyện kỹ năng biên dịch, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	**Bậc 1**	**Bậc 2**	**Bậc 3**
Chương I: **Bài mở đầu**	I.A.1. Trình bày được khái niệm cơ bản về biên dịch và nghề biên dịch. I.A.2. Ghi nhớ được các thuật ngữ phổ biến trong biên dịch I.A.3. Nhận diện được các hoạt động biên dịch thông thường	I.B.1. Phân tích được đặc điểm của các hoạt động biên dịch thông thường I.B.2. Phân biệt được điểm khác nhau giữa biên dịch và phiên dịch I.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa biên dịch và phiên dịch	I.C.1. Xác định chính xác các đặc điểm của hoạt động biên dịch. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của một hoạt động biên dịch thành công. I.C.3. Vận dụng được kiế.n thức đã học để phân tích các hoạt động biên dịch.
Chương II: **Một số kỹ năng biên dịch cơ bản**	II.A.1. Nắm vững và trình bày được các kỹ thuật biên dịch cơ bản II.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc chung trong biên dịch cơ bản II.A.3. Nhận diện được các kỹ thuật cơ bản cần áp dụng trong biên dịch	II.B.1. Phân tích được các đặc điểm của từng kỹ thuật biên dịch cơ bản. II.B.2. Phân biệt được các kỹ thuật dịch cơ bản khác nhau. II.B.2. Lý giải được khác biệt giữa các kỹ thuật dịch cơ bản khác nhau.	II.C.1. Xác định chính xác các kỹ thuật dịch cơ bản. II.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các kỹ thuật dịch cơ bản. II.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để biên dịch và đánh giá bản dịch.
Chương 3: Một số kỹ năng biên dịch nâng cao	III.A.1. Nắm vững và trình bày được các kỹ thuật biên dịch nâng cao III.A.2. Ghi nhớ được các	III.B.1. Phân tích được các đặc điểm của từng kỹ thuật biên dịch nâng cao. III.B.2. Phân biệt được các	III.C.1. Xác định chính xác các kỹ thuật dịch nâng cao. III.C.2. Đánh giá và làm

Nội dung:	nguyên tắc chung trong biên dịch III.A.3. Nhận diện được các kỹ thuật nâng cao cần áp dụng trong biên dịch	kỹ thuật dịch nâng cao khác nhau. III.B.2. Lý giải được khác biệt giữa các kỹ thuật dịch nâng cao khác nhau.	sáng tỏ được đặc điểm của các kỹ thuật dịch nâng cao. III.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để biên dịch và đánh giá bản dịch.
Chương 4: Những điều cần biết của một biên dịch viên chuyên nghiệp	IV.A.1. Nắm vững và trình bày được các kỹ năng cần có của một biên dịch chuyên nghiệp. IV.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc chung trong nghề biên dịch IV.A.3. Nhận diện được các kỹ năng cần có của một biên dịch viên.	IV.B.1. Phân tích được các đặc điểm của từng kỹ năng. IV.B.2. Phân biệt được các kỹ năng cần có của một biên dịch chuyên nghiệp. IV.B.2. Lý giải được khác biệt giữa các kỹ thuật dịch khác nhau.	IV.C.1. Xác định chính xác các kỹ năng cần có của một biên dịch chuyên nghiệp. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các kỹ năng trên. III.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để đánh giá bản thân.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Nguyễn Đức Châu (2004). *Phương pháp mới Phiên dịch- Biên dịch Anh -Việt, Việt - Anh.* Nhà xuất bản Trẻ.

[2] Nguyễn Vạn Phú (2008). *Tiếng Anh theo dòng Thời sự.* Nhà Xuất Bản Trẻ

[3] Nguyễn Thành Yến (2005). *Luyện dịch tiếng Anh thương mại.* Nhà xuất bản Tổng hợp TPHCM.

5. Tài liệu tham khảo:

[4] Roderick Jones (2002). *Translation Practices Explained - Conference Interpreting Explained.* St. Jerome Publishing, Manchester, UK.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

6.2. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Bài mở đầu** **Nội dung:** 1.1. Giới thiệu về giáo trình biên dịch 1.2. Giới thiệu các thuật ngữ trong ngành biên dịch. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài thực hành, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp - Báo cáo của cá nhân trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 0 tiết TH: 0 tiết	[1] Chapter 1
2	**Chương 2. Một số kỹ năng biên dịch cơ bản** **Nội dung:** 2.1. Giới thiệu 1 số kỹ năng dịch cơ bản. 2.1.1. Luyện kỹ năng dịch các mẫu câu cơ bản trong tiếng Việt và	LT: 4 tiết BT: 8 tiết	[2] Outlining an Essay

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	tiếng Anh. 2.1.2. Luyện kỹ năng phân tích ngữ cảnh, xác định nghĩa của từ. 2.1.3. Luyện kỹ năng phân tích câu phức, xác định các thành phần chính của câu trong văn bản cần dịch. 2.2. Luyện dịch Anh- Việt, Việt Anh các diễn ngôn có logic. 2.3. Luyện dịch Anh- Việt, Việt Anh các diễn ngôn có cấu trúc phức tạp. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Đánh giá, góp ý bản dịch của các nhóm, cá nhân; - Thực hành: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	TL: 4 tiết TH: 8 tiết	
3	**Chương 3: Một số kỹ năng biên dịch nâng cao** **Nội dung:** 3.1. Kỹ năng sử dụng từ chính xác, văn phong và ngữ liệu phù hợp ngữ cảnh trong dịch thuật. 3.2. Kỹ năng biên tập bản dịch **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Đánh giá, góp ý bản dịch của các nhóm, cá nhân; - Thực hành: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 4 tiết BT: 8 tiết TL: 4 tiết TH: 8 tiết	
4	**Chương 4: Những điều cần biết của một biên dịch viên chuyên nghiệp** **Nội dung:** 4.1. Kỹ năng tự cập nhật kiến thức 4.2. Thảo luận 4.3. Kỹ năng lập kế hoạch và làm việc nhóm 4.4. Kỹ năng sử dụng công nghệ biên dịch 4.5. Đạo đức dịch thuật **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: - Thực hành: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị bài tập, chuẩn bị câu hỏi …	LT: 2 tiết BT: 2 tiết TL: 2 tiết TH: 2 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email) - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	3%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Thị Kim Phượng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: PHIÊN DỊCH
Mã học phần: FL212106

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Tống Thị Lan Chi ;
Số điện thoại: 0985404444; Email: ttlchi@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những kiến thức về các cấp độ và loại hình Phiên dịch, các tiêu chí, quy tắc đạo đức của người phiên dịch, các yêu cầu về kỹ năng, thái độ đối với người làm nghề phiên dịch, giới thiệu, thực hành các kỹ năng, kỹ thuật phiên dịch cần thiết.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các cấp độ và loại hình Phiên dịch, các tiêu chí, quy tắc đạo đức của người phiên dịch, các yêu cầu về kỹ năng, thái độ đối với người làm nghề phiên dịch, kỹ năng, kỹ thuật phiên dịch cần thiết.v

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển các kỹ năng phiên dịch Anh - Việt, Việt - Anh cần thiết (nghe hiểu, ghi nhớ, ghi chép, diễn giải, trình bày….)

3.1.3. Thái độ: Giúp sinh viên có hiểu biết về các quy tắc đạo đức của nghề phiên dịch, có ý thức rèn luyện học hỏi, và cập nhật kiến thức.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: Levels and Types of Interpreting	I.A.1. Trình bày được các cấp độ phiên dịch I.A.2. Nhận diện được các loại hình phiên dịch	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các cấp độ phiên dịch. I.B.2. Phân tích được đặc điểm của từng loại hình phiên dịch	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác sự khác biệt giữa các cấp độ phiên dịch. I.C.2. Đánh giá và vận dụng được các đặc trưng của các loại hình phiên dịch để có thể có cách tiếp cận, rèn luyện phù hợp cho công việc trong tương lai.
Chương 2: Criteria, rules and codes of ethics	II.A.1. Trình bày được các tiêu chí, quy tắc và đạo đức của người phiên dịch. II.A.2. Ghi nhớ và nhận diện các tiêu chí của một phiên dịch tốt (kiến thức ngôn ngữ học, kiến thức nền, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng phiên dịch); đạo đức của người phiên dịch (trước,	II.B.1. Hiểu được các tiêu chí, quy tắc và đạo đức của người phiên dịch. I.B.2. Phân tích được đặc trưng của các tiêu chí của một phiên dịch tốt (kiến thức ngôn ngữ học, kiến thức nền, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng phiên dịch); đạo đức của người	II.C.1. Đánh giá đúng đặc trưng của các tiêu chí của một phiên dịch tốt (kiến thức ngôn ngữ học, kiến thức nền, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng phiên dịch); đạo đức của người phiên dịch (trước, trong và sau khi dịch) II.C.2. Vận dụng được

	trong và sau khi dịch)	phiên dịch (trước, trong và sau khi dịch)	các kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch) khi luyện tập dịch trong lớp học và khi tác nghiệp trong tương lai.
Chương 3: Interpreting skills	III.A.1. Trình bày được quy trình dịch, các kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch) III.A.2. Ghi nhớ được các kỹ thuật (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch) III.A.3. Nhận diện được các kỹ thuật dịch (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch)	III.B.1. Hiểu được quy trình dịch, các kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch) III.B.2. Phân tích được đặc điểm của các kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch) III.B.2. Lý giải được đặc điểm của các kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch)	III.C.1. So sánh và xác định được các kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch). III.C.2. Đánh giá tầm quan trọng của kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch) III.C.3. Vận dụng được các kỹ năng phiên dịch cơ bản vào thực tế dịch.
Chương 4: Presenting skills for interpreters	IV.A.1. Trình bày được các kỹ năng trình bày khi dịch IV.A.2. Ghi nhớ được các kỹ năng trình bày khi dịch IV.A.3. Nhận diện được các kỹ năng trình bày khi dịch (kỹ năng diễn đạt và tái diễn đạt, giải thích, đơn giản hóa, trình bày trong các bối cảnh dịch khác nhau)	IV.B.1. Hiểu được các kỹ năng trình bày khi dịch IV.B.2. Phân tích được các kỹ năng trình bày khi dịch IV.B.2. Lý giải được tầm quan trọng của kỹ năng trình bày khi phiên dịch.	IV.C.1. Xác định được các kỹ năng trình bày khi dịch IV.C.2. Đánh giá được tầm quan trọng của các kỹ năng trình bày khi dịch IV.C.3. Vận dụng được các kỹ năng trình bày bản vào thực tế dịch.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt- Anh.* Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Đức Châu (2004). *Phương pháp mới Phiên dịch- Biên dịch Anh- Việt, Việt- Anh.* Nhà xuất bản Trẻ.

[2] Roderick Jones (2002). *Translation practices explained*. St. Jerome Publishing, Manchester, UK.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Thực hành dịch trên lớp

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1:** Levels and Types of Interpreting **Nội dung:** - Các cấp độ phiên dịch. - Đặc điểm của các loại hình phiên dịch **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe bài giảng của giảng viên - Làm bài tập theo nhóm: xác định đặc điểm của các loại hình phiên dịch **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Làm bài tập theo nhóm **Hình thức đánh giá:** Bài tập. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh.* Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh *Chương 1:* Levels and Types of Interpreting 1. Levels at which interpreters are accredited 2. Categories of Interpreting
2	**Chương 2:** Criteria, rules and codes of ethics **Nội dung:** - Các tiêu chí của một phiên dịch tốt (kiến thức ngôn ngữ học, kiến thức nền, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng phiên dịch); - Các quy định về đạo đức của người phiên dịch (trước, trong và sau khi dịch) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên chuẩn bị trình bày theo nhóm các iêu chí của một phiên dịch tốt theo sự phân công của giáo viên. - Giảng viên giới thiệu các khái niệm lồng ghép với phần trình bày của sinh viên - Thảo luận nhóm về khả năng áp dụng các quy định về đạo đức của người phiên dịch trong môi trường làm việc của phiên dịch viên tại Việt Nam. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh.* Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. *Chương 2:* Criteria, rules and codes of ethics. 1. Criteria for a good interpreter 2. Code of ethics
3	**Chương 3:** Interpreting skills **Nội dung:** - Quy trình dịch - Các kỹ năng phiên dịch cơ bản (ghi nhớ để dịch, ghi chép để dịch) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên giới thiệu quy trình, các kỹ năng phiên dịch cần thiết - Sinh viên thực hành áp dụng các kỹ năng phiên dịch đã được giáo viên hướng dẫn.	LT: 2 tiết BT: 5 tiết TL: 5 tiết	[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh.* Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. *Chương 3:* Interpreting skills 1. The process of interpreting

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Luyện tập dịch Anh-Việt. Việt- Anh theo cặp-nhóm. **Yêu cầu sinh viên:** - Thực hành theo cặp, nhóm **Hình thức đánh giá:** Bài dịch của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường		2. Memorizing skills in interpreting 3. Note taking skills in interpreting
4	**Chương 4:** Presenting skills for interpreters **Nội dung:** - Kỹ năng diễn đạt và tái diễn đạt - Kỹ năng giải thích, đơn giản hóa - Kỹ năng trình bày trong các bối cảnh dịch thuật khác nhau **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên giới thiệu các kỹ năng trình bày cần thiết khi phiên dịch - Sinh viên thực hành áp dụng các kỹ năng trình bày đã được giáo viên hướng dẫn khi thực hành dịch. - Luyện tập dịch Anh-Việt. Việt- Anh theo cặp-nhóm. **Yêu cầu sinh viên:** - Thực hành theo cặp, nhóm **Hình thức đánh giá:** - Bài dịch của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 5 tiết TL: 4 tiết	[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh.* Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh. *Chương 4:* Presenting skills for interpreters 1. Paraphrasing and Reformulating 2. Simplifying 3. Presenting
	Bài kiểm tra	1 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập thực hành theo cặp, nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ tham gia hoàn thành các bài luyện tập dịch sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua việc chấm bài, sửa bài dịch trên lớp của sinh viên.	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra khả năng dịch của sinh viên.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Vấn đáp (bài dịch).
- Thời gian: 4- 5 phút/ sinh viên.

Ngày ... tháng ... năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Tống Thị Lan Chi**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP THUYẾT TRÌNH
Mã học phần: FL212107

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Thị Hồng Vân ;
Số điện thoại: 0935356067; Email: rose_hongvan@yahoo.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những nội dung liên quan đến kỹ thuật thuyết trình trước công chúng, bằng cách giới thiệu khái niệm và các yếu tố của một bài thuyết trình trước công chúng cũng như 3 thể loại thuyết trình cơ bản. Học phần còn đề cập đến các bước để vượt qua nỗi sợ hãi cũng như 5 thành tố tạo nên một bài thuyết trình thành công. Phần cuối của học phần sẽ giới thiệu 3 bước quan trọng (3P) để đảm bảo thuyết trình hiệu quả.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về khái niệm và các yếu tố của một bài thuyết trình trước công chúng cũng như 3 thể loại thuyết trình cơ bản, các bước để vượt qua nỗi sợ hãi cũng như 5 thành tố tạo nên một bài thuyết trình thành công và 3 bước quan trọng (3P) để mỗi sinh viên có thể thực hiên được một bài thuyết trình trước công chúng hiệu quả trong vòng 5-7 phút.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh lưu loát, tự tin trước công chúng

3.1.3. Thái độ: Giúp sinh viên có thái độ học tập phù hợp, tích cực và chủ động tham gia hoạt động giao tiếp, thuyết trình.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Unit 1: Introduction to Public Speaking	I.A.1. Trình bày được vai trò của Public Speaking trong thế giới thương mại hóa, toàn cầu hóa hiện nay. I.A.2. Ghi nhớ được những lợi ích về mặt cá nhân và xã hội của kỹ năng Giao tiếp thuyết trình.	I.B.1. Hiểu được vai trò của Public Speaking trong thế giới thương mại hóa, toàn cầu hóa hiện nay. I.B.2. Phân tích được những lợi ích về mặt cá nhân và xã hội của kỹ năng Giao tiếp thuyết trình	I.C.1. So sánh được vai trò của Public speaking với các kỹ năng giao tiếp thông thường giữa các cá nhân. I.C.2. Đánh giá được chính xác lợi ích về mặt cá nhân và xã hội của kỹ năng Giao tiếp thuyết trình
Unit 2 – Evolution of Public Speaking	I.A.1. Trình bày được khái niệm về thuyết trình trước công chúng I.A.2. Ghi nhớ được 3 thành tố thuyết phục trong	I.B.1. Hiểu được nghĩa từ vựng về chủ đề. I.B.2. Phân tích được nghĩa của từ vựng, những cấu trúc ngữ pháp phù hợp với chủ đề	I.C.1. So sánh được các sắc thái nghĩa của từ vựng về chủ đề bài học. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng

	thuyết trình của Aristotle. I.A.3. Nhận diện được các yếu tố quan trọng của một bài nói thành công và 3 loại bài thuyết trình cơ bản.	bài học. I.B.2. Lý giải được nghĩa của từ, cách sử dụng cấu trúc ngữ pháp một cách hiệu quả.	từ, cấu trúc ngữ pháp trong các ngữ cảnh một cách hiệu quả. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp) để hoàn thành câu trả lời một cách tốt nhất đối với chủ đề "Communication: Announcements and Signs" và các chủ đề liên quan.
Unit 3 – Overcoming Fear of Public Speaking	I.A.1. Trình bày được cách vượt qua nổi sợ hãi khi thuyết trình I.A.2. Ghi nhớ được những câu chuyện hoang đường về nỗi sợ hãi trong thuyết trình I.A.3. Nhận diện được tâm lý tiềm ẩn đằng sau nỗi sợ hãi trong thuyết trình.	I.B.1. Hiểu được cách vượt qua nổi sợ hãi khi thuyết trình. I.B.2. Phân tích những nỗi sợ không có thật trong khi thuyết trình trước công chúng. I.B.3. Lý giải được tâm lý tiềm ẩn đằng sau nỗi sợ hãi trong thuyết trình.	I.C.1. So sánh, đánh giá được chính xác các nỗi sợ có thật và không có thật trong khi thuyết trình trước công chúng. I.C.2. Vận dụng được những kiến thức đã học để vượt qua được tâm lý sợ hãi khi thuyết trình.
Unit 4 – Components of a Successful Speech	I.A.1. Trình bày được những thành tố tạo nên một bài nói thành công. I.A.2. Ghi nhớ được tầm quan trọng của các thành tố nêu trên, bao gồm: chuyện kể, ngữ điệu, nhịp điệu, và các hình ảnh trực quan đi kèm. I.A.3. Nhận diện được các thành tố nêu trên trong các bài nói mẫu.	I.B.1. Hiểu được những thành tố tạo nên một bài nói thành công. I.B.2. Phân tích được tầm quan trọng của các thành tố nêu trên, bao gồm: chuyện kể, ngữ điệu, nhịp điệu, và các hình ảnh trực quan đi kèm. I.B.2. Lý giải được sự thành công trong việc sử dụng các thành tố nêu trên trong các bài nói mẫu.	I.C.1. So sánh được mức độ sử dụng thành công của các thành tố như chuyện kể, ngữ điệu, nhịp điệu, hình ảnh trực quan, được sử dụng trong một bài thuyết trình. I.C.2. Đánh giá được tầm quan trọng của các thành tố nêu trên, bao gồm: chuyện kể, ngữ điệu, nhịp điệu, và các hình ảnh trực quan đi kèm. I.C.3. Vận dụng được những kiến thức đã học để hoàn thành một bài nói có sử dụng các thành tố nêu trên.

Unit 5– The Three P's of a Successful Speech	I.A.1. Trình bày được 3 bước dẫn đến một bài thuyết trình thành công: chuẩn bị, luyện tập và trình diễn. I.A.2. Ghi nhớ được tầm quan trọng của việc chuẩn bị trước khi thuyết trình, cũng như sự tập luyện cần thiết trước khi thật sự trình diễn phần thuyết trình trước công chúng. I.A.3. Nhận diện được các bước đã được thực hiện của một thuyết trình viên.	I.B.1. Hiểu được 3 bước dẫn đến một bài thuyết trình thành công: chuẩn bị, luyện tập và trình diễn. I.B.2. Phân tích được tầm quan trọng của việc chuẩn bị trước khi thuyết trình, cũng như sự tập luyện cần thiết trước khi thật sự trình diễn phần thuyết trình trước công chúng. I.B.2. Lý giải được các bước đã được thực hiện để làm nên một bài thuyết trình hiệu quả nào đó. .	I.C.1. So sánh được các bước dẫn đến một bài thuyết trình thành công: chuẩn bị, luyện tập và trình diễn. I.C.2. Đánh giá được chính xác cách sử dụng các bước chuẩn bị, thực hành và trình diễn để tạo nên một bài thuyết trình thành công.. I.C.3. Vận dụng 3 bước đã học để làm được một bài thuyết trình hiệu quả.
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Arina Nikitina (2010). Successful Public Speaking. Bookboon.com. The ebook company.

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Susan Boyer (2002). *Understanding English pronunciation- An integrated practice course*. Boyer Educational Resources

[2] A.J. Hoge (2014). *Effortless English: Learn to Speak English like a native*. Effortless English LLC.

[3] tài liệu phát tay, sách báo, tạp chí, các bản tin trên đài BBC, VOA, VTV, các trang web trên Internet,… theo gợi ý của giáo viên

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Thực hành, luyện tập nói trên lớp

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Unit 1: Introduction to Public speaking** **Nội dung:** - Public speaking in the Business World - Personal and social benefits of Public speaking **Hình thức tổ chức dạy học:** - tìm hiểu giáo trình và các nội dung liên quan qua sách báo, internet - Trình bày trước nhóm/lớp các nội dung trên. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Luyện tập nói theo cá nhân, theo cặp, và nói	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Arina Nikitina (2010). Successful Public Speaking. Bookboon.com. The ebook company. **Unit 1: Introduction to Public Speaking**

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	trước lớp **Hình thức đánh giá:** Bài trình bày bằng tiếng Anh của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường		
2	**Unit 2: Evolution of Public Speaking** **Nội dung:** - What is public speaking? - Three parts of Persuasion by Aristotle - Modern Elements of Public Speaking - Three styles of speech **Hình thức tổ chức dạy học:** - tìm hiểu giáo trình và các nội dung liên quan qua sách báo, internet - Trình bày trước nhóm/lớp các nội dung trên. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Luyện tập nói theo cá nhân, theo cặp, và nói trước lớp **Hình thức đánh giá:** Bài trình bày bằng tiếng Anh của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Arina Nikitina (2010). Successful Public Speaking. Bookboon.com. The ebook company. **Unit 2: Evolution to Public Speaking**
3	**Unit 3: Overcoming Fear of Public Speaking** **Nội dung:** - The Hidden Psychologybehind the Fear of Public speaking - Two Biggest Myths about the Fear of Public Speaking **Hình thức tổ chức dạy học:** - tìm hiểu giáo trình và các nội dung liên quan qua sách báo, internet - Trình bày trước nhóm/lớp các nội dung trên. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Luyện tập nói theo cá nhân, theo cặp, và nói trước lớp **Hình thức đánh giá:** Bài trình bày bằng tiếng Anh của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Arina Nikitina (2010). Successful Public Speaking. Bookboon.com. The ebook company. **Unit 3: Overcoming Fear of Public Speaking**
4	**Unit 4: Components of a Successful Speech** **Nội dung:** - Story Telling - Tone of Voice	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Arina Nikitina (2010). Successful Public Speaking. Bookboon.com. The ebook company.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- The Power of Pause - Visual Aids **Hình thức tổ chức dạy học:** - tìm hiểu giáo trình và các nội dung liên quan qua sách báo, internet - Trình bày trước nhóm/lớp các nội dung trên. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Luyện tập nói theo cá nhân, theo cặp, và nói trước lớp **Hình thức đánh giá:** Bài trình bày bằng tiếng Anh của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường		**Unit 4: Components of a Successful Speech**
5	**Unit 5: The Three P's of a Successful Speech** **Nội dung:** - Preparation - Practice - Performance **Hình thức tổ chức dạy học:** - Tìm hiểu giáo trình và các nội dung liên quan qua sách báo, internet - Trình bày trước nhóm/lớp các nội dung trên. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Luyện tập nói theo cá nhân, theo cặp, và nói trước lớp **Hình thức đánh giá:** Bài trình bày bằng tiếng Anh của sinh viên **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Arina Nikitina (2010). Successful Public Speaking. Bookboon.com. The ebook company. **Unit 5: The Three P's of a Successful Speech**
	Bài kiểm tra thuyết trình trước nhóm	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập thực hành theo cặp, nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ tham gia hoàn thành các hoạt động nói của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua việc trình bày, nhận xét bài nói trên lớp của sinh viên.	3%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra khả năng nói tiếng Anh của sinh viên (trước nhóm)	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: thuyết trình trước lớp.
- Thời gian: 5-7 phút/ sinh viên.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Lê Thị Hồng Vân**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC
Mã học phần: FL213501

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy: Y Tru Alio; Số điện thoại: 0905 155 678; Email:……

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Ngữ âm – Âm vị học có vai trò quan trọng đối với việc trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị của tiếng Anh, là nền tảng để sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ. Học phần này gồm có 4 chương. Chương 1 trình bày khái quát về dẫn luận ngôn ngữ học. Chương 2 giới thiệu quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của các dây thanh và luồng hơi; Chương 3 trình bày về hệ thống ngữ âm: nguyên âm và phụ âm tiếng Anh và các tiêu chí phân loại chúng, nguyên âm đôi và nguyên âm ba trong tiếng Anh; Chương 4 cung cấp kiến thức về âm vị học. Chương này đi sâu vào phân tích âm vị âm đoạn tính và âm vị siêu âm đoạn tính trong tiếng Anh.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

Sinh viên có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và ngữ âm-âm vị học; hiểu được quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của cơ quan cấu âm; nắm vững đặc thù ngữ âm, âm vị học tiếng Anh, thực hiện đúng giọng điệu và ngữ điệu tiếng Anh trong chuỗi lời nói.

3.1.2 Kỹ năng:

Sinh viên có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm – âm vị học tiếng Anh trong giao tiếp, thể hiện được những đặc trưng về ngôn ngữ tiếng Anh một cách tự nhiên như người bản ngữ.

3.1.3 Thái độ:

Sinh viên có tinh thần ham học hỏi, nghiên cứu để hiểu biết sâu rộng hơn, để có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	**Bậc 1**	**Bậc 2**	**Bậc 3**
Chương 1 **A brief introduction to language**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các thông tin về bản chất ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói, phát ngôn.	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, đặc điểm của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói, phát ngôn.	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và lời nói, phát ngôn trong giảng dạy tiếng Anh.
Chương 2 **English Phonetics**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện được quá trình sản sinh âm thanh, lời nói, cơ chế phát ngôn.	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được quá trình sản sinh âm thanh, lời nói, cơ chế phát ngôn.	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về quá trình sản sinh âm thanh, lời nói, cơ chế phát ngôn trong giảng dạy tiếng Anh.
Chương 3 **The English sounds**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện được hệ thống và đặc điểm của các âm trong tiếng Anh: nguyên âm (đơn, đôi, ba) và phụ âm.	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được đặc điểm của các âm trong tiếng Anh: nguyên âm (đơn, đôi, ba) và phụ âm.	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về đặc điểm của các âm trong tiếng Anh: nguyên âm (đơn, đôi, ba) và phụ âm trong giảng dạy tiếng Anh.
Chương 4 **English**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các

Phonology	nhận diện âm vị âm đoạn tính và âm vị siêu âm đoạn tính trong tiếng Anh.	bản chất, đặc điểm của âm vị âm đoạn tính và âm vị siêu âm đoạn tính trong tiếng Anh.	hiểu biết về âm vị âm đoạn tính và âm vị siêu âm đoạn tính trong giảng dạy tiếng Anh.

4. Tài liệu học tập:

[1]. Roach P. (1990), *English Phonetics and Phonology, A practice Course.* CUP

[2]. Y Tru Alio (2007), *Giáo trình Ngữ âm - Âm vị tiếng Anh* (Giáo trình nội bộ), trường Đại học Tây Nguyên.

5. Tài liệu tham khảo:

[3]. Ann Baker. Sharon Goldstein (2001), *Pronunciation Pairs*, Nhà XB TP HCM

[4]. Cruttenden A. (1997), *Intonation*, CUP

[5]. Kenworthy, J.(1998), *Teaching English pronunciation*, Longman Publishing, New York

[6]. O'Connor J.D.(1997), *Better English Pronunciation* (reprinted), CUP.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chapter 1. A brief introduction to language** 1.1. Language and Speech 1.2. Sounds and Speech 1.3.Writing 1.4. Language 1.5. Grammar 1.6. The differences between speech and language 1.7. Phonetics and linguistics **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày - Thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe giảng và thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường …..	LT: 05 tiết	[1]. [2].
2	**Chapter 2. English Phonetics** 2.1 The production of speech sounds 2.2 Aspects 2.3 The Speech Chain 2.4 The speech mechanism (Articulators) 2.5 The vocal cords 2.6 The air stream **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày - Thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe giảng và thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 07 tiết	[1]. [2]. [3]. [4]. [5]. [6].
3	**Chapter 3. The English sounds** 3.1 The English Vowels 3.2 The English Diphthongs 3.3 The English Triphthongs 3.4 The English Consonants **Hình thức tổ chức dạy học:**	LT: 08 tiết	[1]. [2]. [3]. [4]. [5]. [6].

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Giảng viên trình bày - Thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe giảng và thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường		
4	**Chapter 4. English Phonology** 4.1 Segmental Phonology 4.2 The Transcription 4.3 Sounds in Connected Speech (General Phonological Rules) 4.4 The Description 4.5 Assimilation 4.6 The Elision 4.7 Liaison (sound linking) 4.8 Supra-Segmental Phonology **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày - Thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, nghe giảng và thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 08tiết	[1]. [2]. [3]. [4]. [5]. [6].
5	**Test**	02tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; Trọng số thi kết thúc học phần: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua thời gian tham dự học, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	7%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Sinh viên nắm vững kiến thức, vận dụng được kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề thuộc về ngữ âm – âm vị tiếng Anh
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	Th.S Bùi Thị Tịnh	TS. Y Tru Alio

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGỮ NGHĨA HỌC
Mã học phần: FL213502

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037;
Email: hoangxuan2602@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần ngữ nghĩa cung cấp lý thuyết nghĩa và nghĩa của từ vựng, trình bày các vấn đề về ý nghĩa từ vựng, các hiện tượng đồng âm, đa nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa, định danh và ý, và sự biến đổi và phát triển của nghĩa, các mối quan hệ về ý nghĩa, các loại quan hệ ý và sự phân tich nghĩa tố. nghĩa của câu, vai trò của ý nghĩa và các quan hệ về ý trong câu, trình bày nghĩa của các phát ngôn, các hành vi ngôn ngữ, hành động xuyên ngôn, lực tại ngôn, tiền giả định, các hàm ngôn và các chỉ tố trong các phát ngôn.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức

Sinh viên cần có được:

- khái niệm cơ bản về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa,
- các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm….,
- các quan hệ ý
- quan niệm về mệnh đề và cú pháp lôgích
- ý nghĩa của câu và của các phát ngôn

3.2.2. Kỹ năng

Sinh viên sẽ phát triển năng lực nghiên cứu, vận dụng các ly thuyết để hiểu nghĩa của từ và câu.

3.2.3. Thái độ

Sinh viên bước đầu biết đánh giá phê phán một số lý thuyết ngữ nghĩa học, và nhìn nhận nghĩa một cách sâu sắc hơn.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chapter 1 AN INTRODUTCION: SEMANTICS AND THE SUBJECT MATTER OF SEMANTICS	I.A.1. Trình bày được các lý thuyết về nghĩa tiếng Anh I.A.2. Ghi nhớ được các khái niệm về nghĩa, thành tố nghĩa I.A.3. Nhận diện được các loại nghĩa ở tiếng Anh.	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các lý thuyết về nghĩa tiếng Anh I.B.2. Phân tích được các loại nghĩa ở tiếng Anh	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của các loại nghĩa ở tiếng Anh I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các các loại nghĩa ở tiếng Anh I.C.3. Vận dụng được

		I.B.3. Lý giải được sự khác biệt giữa các loại nghĩa ở tiếng Anh	các đặc điểm các loại nghĩa ở tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 2: LEXICAL MEANING	II.A.1. Trình bày được khái niệm hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh. II.A.2. Ghi nhớ được khái niệm hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh. II.A.3. Nhận diện được hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh.	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa khái niệm hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh. II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa khái niệm hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh. II.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa khái niệm hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh. IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa các hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh. II.C.3. Vận dụng được các đặc điểm giữa các hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm, biến thể, trái nghĩa, tham chiếu và sự phát triển nghĩa từ vựng Tiếng Anh trong giao tiếp và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 3: SENSE RELATION	III.A.1. Trình bày được khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh. III.A.2. Ghi nhớ được khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh. III.A.3. Nhận diện được khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh.	III.B.1. Hiểu được khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh. III.B.2. Phân tích được khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh. III.B.2. Lý giải được khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh.	III.C.1. So sánh và xác định chính xác các mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của khái niệm về mối quan hệ chính phụ về nghĩa của tiếng Anh trong giao

			tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 4: THE MEANING OF THE SENTENCE	IV.A.1. Trình bày được khái niệm thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh. IV.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh. IV.A.3. Nhận diện được các thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh.	IV.B.1. Hiểu được thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh. IV.B.2. Phân tích được thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh. IV.B.2. Lý giải được thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh.	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của thành phần nghĩa của câu trong Tiếng Anh trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 5 UTTERANCE MEANING	V.A.1. Trình bày được khái niệm thành phần nghĩa của phát ngôn trong Tiếng Anh. V.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm thành phần nghĩa của phát ngôn trong Tiếng Anh. V.A.3. Nhận diện được các thành phần nghĩa của phát ngôn trong Tiếng Anh.	V.B.1. Hiểu được thành phần nghĩa phát ngôn trong Tiếng Anh. V.B.2. Phân tích được thành phần phát ngôn trong Tiếng Anh. V.B.2. Lý giải được thành phần nghĩa của phát ngôn trong Tiếng Anh.	V.C.1. So sánh và xác định chính xác thành phần nghĩa của phát ngôn trong Tiếng Anh. V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được thành phần nghĩa của phát ngôn trong Tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. V.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của thành phần nghĩa của phát ngôn trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

4. Tài liệu học tập:

Bài giảng Ngữ Nghĩa (Lưu hành nội bộ). 2012

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. Fromkin, V and Rodman, R (1993). *Introduction to Language* . Harcourt Brace Jovanovich College Publishers

[2]. Hurford, J.R and Heasley, B (1984). *Semantics. A course Book*. Cambridge University Press.

[3]. Leech, G (1983) *Principles of Pragmatics.* London: Longman

[4]. Peccei, J. S (1999). *Pragmatics.* Routledge

[5]. Richards, J, Platt, J and Weber. H (1987). *Longman Dictionary of Applied Linguistics*

[6]. Searle, J. R (1969). *Speech Acts.* Cambridge University Press.

[7]. Nguyen Hoa. (2001). *An Introduction to Semantics*. Vietnam National University

[8]. Tran Van Phuoc &Ton Nu Thuc Anh. (2003). *English Semantics.* Hue University

[9]. To Minh Thanh (2004). *English Semantics.* HCM city University.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1** 1.1What does semantics do? 1.2The meaning of "meaning" 1.3 Theories of meaning. 1.4 Semantic properties 1.5 Components of word meaning 1.6 Lexical meaning and grammatical meaning 1.7 Sentence and utterance meaning **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 4tiết BT: 2 tiết	Bài giảng Ngữ Nghĩa (Lưu hành nội bộ). 2012
2	**Chương 2:** **Nội dung:** 2.1 Words as meaningful units 2.2 Forms and expressions 2.3 Homonymy and polysemy 2.4. Synonymy 2.5. Lexical variants and paronyms 2.6 Antonymy 2.7 Full and empty words 2.8 Naming 2.8 Denotation and reference 2.10 Reference and sense 2.11 The change and development of meaning **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	Bài giảng Ngữ Nghĩa (Lưu hành nội bộ). 2012

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Chương 3** **Nội dung:** 3.1 Substitutional and combinatorial sense relations 3.2 Other types of sense relation 3.3. Componential analysis **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	Bài giảng Ngữ Nghĩa (Lưu hành nội bộ). 2012
	Chương 4: **Nội dung:** 4.1 Structural meaning of the sentence 4.2 Grammaticality, acceptability and meaningfulness 4.3 The semantic structure of the sentence 4.4 Semantic Roles and sentence semantics 4.5 Sense relation involving sentences **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 4 tiết BT: 2 tiết	Bài giảng Ngữ Nghĩa (Lưu hành nội bộ). 2012
5	**Chương 5** **Nội dung:** 5.1 Context 5.2 Utterances 5.3 Locutionary acts 5.4 Illocutionary force and perlocutionary acts 5.5 Statements, questions and directives	LT: 4tiết BT: 2 tiết	Bài giảng Ngữ Nghĩa (Lưu hành nội bộ). 2012

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	5.6 Presupposition 5.7 Implicatures 5.8 Deixis and definiteness **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	TEST	1 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Thị Xuân**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CÚ PHÁP
Mã học phần: FL213101

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần tiên quyết:

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngữ hệ sư phạm và cử nhân. Sinh viên đã học 5 học kỳ và đã có một năng lực ngôn ngữ ở độ Intermediate, đã học Ngữ âm và ngữ pháp 1. Môn học này hoàn chỉnh cú pháp và ngữ pháp nói chung.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Lệ Hằng; Số điện thoại: 0946878282;

Email: hangnguyenle72@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm 3 chương và phần mở đầu. Phần mở đầu khái quát hóa về định nghĩa cú pháp, cấu trúc có ngữ pháp và không ngữ pháp cũng như các khía cạnh khác mà cú pháp học nghiên cứu. Chương 1 về câu đơn trong đó đề cập đến những thành tố cấu tạo nên câu, kỹ thuật phân tích cấu trúc câu, các loại cụm từ có trong tiếng Anh cũng như các mẫu câu đơn cơ bản. Chương 2 về câu ghép xoay quanh từ nối, ngữ đồng vị và câu tĩnh lược. Câu phức được trình bày ở chương 3. Đây là chương giúp người học phân biệt được mệnh đề finite và non-finite cũng như là các loại mệnh đề phụ có trong câu phức. Phần tổng hợp câu cũng được đề cập trong chương này nhằm mục đích giúp người học vận dụng phần kiến thức đã học về câu đơn, câu ghép và câu phức để kết hợp nhiều câu lại thành một.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học phần giúp sinh viên chuyên ngữ ngành sư phạm và cử nhân tiếng Anh trang bị hoàn chỉnh kiến thức về cú pháp

3.2.1. Kiến thức: Sinh viên có khả năng nắm bắt được

- Khái niệm cơ bản về câu và cú, phân biệt được câu đơn, câu ghép và câu phức;
- Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả câu đơn;
- Những khái niệm cơ bản về các thành tố của câu, quan hệ giữa các loại động từ và các kiểu câu;
- Các loại cú: độc lập và chính phụ ở cấp độ ngữ và cú;

3.2.2. Kỹ năng: Biết phân tích, giải thích các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung cú pháp.

3.2.3. Thái độ: Biết tuân thủ các qui luật trong ngữ pháp tiếng Anh. Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Introduction	I.A.1. Trình bày được khái niệm về cú pháp I.A.2. Ghi nhớ được các tính chất của 1 câu I.A.3. Nhận diện được cấu trúc câu không rõ nghĩa.	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa một câu có ngữ pháp và một câu không có ngữ pháp trong tiếng Anh. I.B.2. Phân tích được một cấu trúc có ngữ pháp hay không ngữ	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của một cấu trúc có ngữ pháp I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được cấu trúc không rõ nghĩa để có thể có những phát hiện và đề

		pháp I.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa một câu có ngữ pháp và một câu không ngữ pháp	xuất trong nghiên cứu. I.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của cú pháp trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 1: Simple sentences	II.A.1. Trình bày được khái niệm của câu đơn II.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm cú pháp của các thành tố cấu tạo nên câu II.A.3. Nhận diện được vai trò về ngữ nghĩa của các thành tố cấu tạo nên câu trong tiếng Anh	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các kỹ thuật khác nhau để phân tích cấu trúc của 1 câu trong tiếng Anh. II.B.2. Phân tích cấu trúc của một câu bằng cách sử dụng các kỹ thuật khác nhau. II.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các kỹ thuật phân tích câu trong tiếng Anh.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của các thành tố cấu tạo nên câu IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa các kỹ thuật khác nhau để phân tích cấu trúc của 1 câu trong tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. II.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của cú pháp của các thành tố cấu tạo nên câu của tiếng Anh trong giao tiếp và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 1: Phrases	III.A.1. Trình bày được khái niệm về cụm từ III.A.2. Ghi nhớ được các loại cụm từ III.A.3. Nhận diện được loại cụm từ khác nhau	III.B.1. Hiểu được các thành phần cấu tạo của từng loại cụm từ III.B.2. Phân tích được các thành phần cấu tạo của cụm từ III.B.2. Lý giải được sự cấu tạo của các loại cụm từ khác nhau	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các cụm từ khác nhau III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các thành phần cấu tạo nên cụm từ để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của từng loại cụm từ trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 2: Compound sentences	IV.A.1. Trình bày được khái niệm của câu ghép IV.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của câu ghép IV.A.3. Nhận diện được câu ghép trong tiếng Anh	IV.B.1. Hiểu được cấu tạo của 1 câu ghép IV.B.2. Phân tích được cấu trúc của 1 câu ghép IV.B.2. Lý giải được cấu tạo của câu ghép	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác được câu ghép IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được cấu tạo của câu ghép trong tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong

			nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của câu ghép trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 3: Complex sentences	V.A.1. Trình bày được khái niệm của câu phức V.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của câu phức V.A.3. Nhận diện được câu phức trong tiếng Anh	IV.B.1. Hiểu được cấu tạo của 1 câu phức IV.B.2. Phân tích được cấu trúc của 1 câu phức IV.B.2. Lý giải đươc cấu tạo của câu phức	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác được câu phức IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được cấu tạo của câu phức trong tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của câu phức trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Giáo Trình Cú Pháp Học do Bộ Môn biên soạn và lưu hành nội bộ

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Jacobs, Roderick A. (1995). *English Syntax: A Grammar for English Language Professionals.* Oxford University Press

[2] Lê Văn Sự (2000), *An Outline of Syntax*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

[3] Quirk, R & Greenbaum, S. (1976) *A University Grammar of English*. Oxford University Press

[4] Paul Roberts (1964). English Syntax. New York: Harcourt, Brace and World

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Introduction** **Nội dung:** - Định nghĩa về cú pháp - Thế nào là có ngữ pháp và không ngữ pháp - Những khía cạnh khác của cú pháp **Hình thức tổ chức dạy học:**	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	1. What is syntax? 2. Grammatical or ungrammatical 3. What else do we know about syntax?

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận sự khác biệt giữa cấu trúc có ngữ pháp và không ngữ pháp. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, giải thích được các cấu trúc không rõ nghĩa **Hình thức đánh giá:** Khả năng vận dụng và giải thích được cấu trúc không rõ nghĩa trong tiếng Anh **Địa điểm học:** Giảng đường	TL:1tiết	
2	**Chương 1: Simple sentences** **Nội dung:** - Các đặc điểm cú pháp của các yếu tố cấu thành câu - Vai trò về ngữ nghĩa của các thành tố cấu tạo nên câu - Các kỹ thuật để phân tích cấu trúc của 1 câu **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận về các kỹ thuật khác nhau để phân tích cấu trúc của 1 câu trong tiếng Anh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, phân tích cấu trúc của 1 câu sử dụng các kỹ thuật khác nhau **Hình thức đánh giá:** Đánh giá khả năng vận dụng và phân tích cấu trúc câu. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 tiết BT:1tiết TL: 1 tiết	1. Syntactic features of sentence elements 2. Semantic roles of sentence elements 2.1. Semantic roles of subject 2.2. Semantic roles of object 2.3. Semantic roles of complement 3. Techniques of analyzing a sentence structure 3.1. Immediate constituent 3.2. Different types of diagrams showing IC 3.3. Constituent structure tree
3	**Chương 1: Phrases** **Nội dung:** - Định nghĩa về cụm từ - Các loại cụm từ trong tiếng Anh **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về sự khác biệt giữa cụm tính từ và trạng từ, giữa adjuncts, disjuncts và conjuncts cũng	LT: 5 tiết BT: 2 tiết TL: 1 tiết	1. What is a phrase? 2. Noun phrases 2.1.Types of pro-nominal modifiers 2.2.Types of post- nominal modifiers 3. Adjective and adverb phrases 3.1. Adjective phrases 3.2. Adverb phrases 4. Adjuncts, disjuncts and conjuncts 4.1. Unit realizing adverbial

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	như các mẫu câu cơ bản trong câu đơn **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Khả năng phân biệt các loại cụm từ trong tiếng Anh **Địa điểm học:** Giảng đường		functions 4.2. Classes of adverbials 4.2.1. Adjuncts and sub-classification of adjuncts 4.2.2. Disjuncts 4.2.3. Conjuncts 5. Prepositional phrases 6. Verb phrases 6.1. Intensive & extensive verb phrases 6.2. Stative & dynamic 6.3.Intransitive & transitive
4	**Chương 2:** Compound sentences **Nội dung:** - Các từ nối đẳng lập - Ngữ đồng vị **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các loại từ nối đẳng lập và phân biệt sự khác nhau giữa ngữ đồng vị không giới hạn và ngữ đồng vị có giới hạn **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và sử dụng các từ nối đẳng lập và phân biệt các ngữ đồng vị **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	1. Coordination 1.1.The meanings of coordinating connectives 1.2.Correlatives 2. Apposition 2.1 Non-restrictive & restrictive apposition 2.2. Ellipsis
5	**Chương 3:** Complex sentences **Nội dung:** - Mệnh đề finite và non-finite - Mệnh đề đẳng lập và mệnh đề phụ thuộc trong câu phức - Việc tổng hợp câu **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về sự khác nhau giữa mệnh đề finite và non-finite, xác định cấu tạo của 1 câu phức. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo	LT: 4 tiết BT: 2 tiết TL: 1 tiết	1. Finite clauses 2. Non-finite clauses 2.1.Non-finite verbs 2.2. Non-finite clauses 2.3.Functions of non-finite clauses 2.4.Structure S' 3. Dependent finite clauses or subordinate clauses in complex sentences 3.1. Noun clauses 3.2. Adjective clauses 3.3. Adverb clauses 4. Synthesis of sentences 4.1.combination of two or more

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - đánh giá khả năng nhận biết mệnh đề finite và non-finite - khả năng phân tích câu - khả năng tổng hợp câu **Địa điểm học:** Giảng đường		simple sentences into a single simple sentence 4.2.combination of two or more simple sentences into a compound sentence 4.3.combination of two or more simple sentences into a complex sentence
	TEST	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày … tháng … năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S. Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S. Bùi Thị Tịnh**	**Th.S. Nguyễn Lệ Hằng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: VĂN HỌC ANH
Mã học phần: FL213102

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có): Học phần này được học sau khi sinh viên đã hoàn thành học phần Viết 4 (FL212403)

Giảng viên giảng dạy: **Nguyễn Thị Kim Phượng**;

Số điện thoại: **0914.072.766**; Email: kimphuongtnu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần cung cấp những hiểu biết về nền văn học Anh với 2 phần:

-Phần 1: Văn học Anh: cung cấp những hiểu biết về quá trình hình thành và phát triển văn học qua các thời kỳ: cổ đại, trung đại và hiện đại; những trào lưu văn học và những xu thế sáng tác qua các giai đoạn với những tác giả, tác phẩm điển hình: thời kỳ Phục hưng với W. Shakespeare, thời kỳ Khai sáng với Daniel Defoe và Johnathan Swift, thời kỳ Lãng mạn với George Gordon Byron, thời kỳ Hiện thực phê phán với Charles Dickens…

- Phần 2: Trích giảng tác phẩm văn học gồm một số truyện ngắn đặc sắc về các chủ đề: tình yêu, gia đình, cuộc sống, lao động …. của các nhà văn hiện đại Anh.

3. Mục tiêu học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Sinh viên có hiểu biết về sự phát triển của nền văn học Anh, hiểu được xã hội và thời đại nước Anh qua một số tác phẩm văn học, đồng thời củng cố vốn từ đã học, tăng cường vốn từ văn học để có thể đọc và hiểu được ngôn ngữ tác phẩm nguyên bản, biết phân tích và đánh giá tác phẩm, tác giả. Qua môn học này, sinh viên rèn luyện khả năng cảm thụ văn học, từ đó càng hiểu và yêu mến văn học nước nhà và văn học thế giới.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

3.2.1. Kiến thức

Sinh viên có hiểu biết tổng thể về nền văn học Anh, những trào lưu tư tưởng và những xu thế văn học qua các thời kỳ lịch sử- xã hội; có nhận thức và cảm thụ một số tác phẩm văn học Anh nổi tiếng thế giới với giá trị tư tưởng và tính giáo dục cao.

3.2.2. Kỹ năng

Sinh viên có khả năng phân tích, bình luận các tác phẩm văn học, biết nhận xét và đưa ra những ý kiến đánh giá sự kiện, nhân vật, ý nghĩa của tác phẩm, vai trò đóng góp của tác giả.

3.2.3. Thái độ

Sinh viên hiểu và yêu thích, trân trọng các giá trị văn học của nước nhà và thế giới.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: The Old English Literature	I.A.1. Trình bày được lược sử quá trình hình thành và phát triển của nền văn học cổ đại Anh. I.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm chung của nền	I.B.1. Phân tích được vai trò của văn học Anh thời cổ đại trong tổng thể nền văn học Anh. I.B.2. Phân biệt được các đặc trưng của nền văn học cổ đại Anh.	I.C.1. Xác định chính xác các đặc trưng của nền văn học cổ đại Anh. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các yếu tố có ảnh hưởng

	văn học cổ đại Anh. I.A.3. Nhận diện được các đặc trưng của nền văn học cổ đại Anh.	I.B.2. Lý giải được sự khác biệt của nền văn học cổ đại Anh với các thời kỳ khác	đến nền văn học cổ đại Anh. I.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để bước đầu đánh giá các đặc trưng của nền văn học cổ đại Anh.
Chương 2: Middle English Literature	II.A.1. Trình bày được các đặc điểm của văn học Anh thời kỳ trung đại II.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của văn học Anh thời kỳ trung đại II.A.3. Nhận diện được các đặc trưng của văn học Anh thời kỳ trung đại.	II.B.1. Phân tích được vai trò của văn học Anh thời kỳ trung đại trong tổng thể nền văn học Anh. II.B.2. Phân biệt được các đặc điểm của văn học trung đại Anh. II.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa đặc điểm của văn học trung đại Anh với các thời kỳ khác.	II.C.1. Xác định chính xác các đặc trưng của nền văn học trung đại Anh. II.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các yếu tố có ảnh hưởng đến nền văn học trung đại Anh. II.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để bước đầu đánh giá các đặc trưng của nền văn học trung đại Anh.
Chương III: The Modern English Literature	III.A.1. Trình bày được các đặc điểm của văn học Anh hiện đại III.A.2. Ghi nhớ được các thời kỳ, trào lưu văn học Anh hiện đại. III.A.3. Nhận diện được các đặc trưng của các trào lưu văn học Anh hiện đại.	III.B.1. Phân tích được vai trò của văn học Anh thời kỳ hiện đại trong tổng thể nền văn học Anh. III.B.2. Phân biệt được các trào lưu văn học Anh hiện đại. III.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa trào lưu văn học Anh hiện đại.	III.C.1. Xác định chính xác các đặc trưng của các trào lưu văn học Anh hiện đại. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các yếu tố có ảnh hưởng đến các trào lưu văn học Anh hiện đại. III.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để bước đầu đánh giá các trào lưu văn học Anh hiện đại.
Chương 4: Some world-famous literature works	IV.A.1. Trình bày được nội dung chính của một số tác phẩm văn học Anh hiện đại IV.A.2. Ghi nhớ được các diễn biến chính của một số tác phẩm văn học Anh hiện đại. IV.A.3. Nhận diện được các đặc trưng của một số tác phẩm văn học Anh hiện đại.	IV.B.1. Phân tích được vai trò của một số tác phẩm văn học Anh hiện đại. IV.B.2. Phân biệt được các trào lưu sáng tác thể hiện trong nội dung của một số tác phẩm văn học Anh hiện đại. IV.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa trào lưu văn học Anh hiện đại.	IV.C.1. Xác định chính xác các trào lưu văn học Anh hiện đại thể hiện trong các tác phẩm. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc trưng của một số tác phẩm văn học Anh hiện đại. IV.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để bước đầu đánh giá một số tác phẩm văn học Anh hiện đại.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1]. Nguyễn Xuân Thơm (1997), *A History of English and American Literature*, Thế giới Publishers, Hà Nội, Vietnam.

5. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Kim Loan (1998), *Lịch sử văn học Anh (History of English Literarure)*, Nhà xuất bản Giáo dục, Việt Nam

[3]. Lê Văn Sự (2000), *Văn học Anh - Lược sử và trích giảng*, Nhà xuất bản Đồng Nai, Việt Nam

[4].Nguyễn Thị Hương (2010), *Bài giảng Văn học Anh - Mỹ* (Lưu hành nội bộ), trường Đại học Tây Nguyên

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1: The Old English Literature** **Nội dung:** 1.1. The background 1.2. "The Song of Beowulf" **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: trình bày nội dung các đoạn đọc và trả lời các câu hỏi thảo luận về nội dung bài đọc **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 5 tiết BT: 5 tiết TL: 3 tiết TH: 2 tiết	[1], [2]
2	**Chương 2: Middle English Literature (1200-1450)** **Nội dung:** 2.1. The Anglo-Norman period 2.2. The Anglo-Saxon period 2.3. Geoffrey Chaucer and "The Canterbury Tales" **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 5 tiết BT: 5 tiết TL: 3 tiết TH: 2 tiết	[1], [2]
3	**Chương 3: The Modern English Literature** **Nội dung:** 3.1. Literature of the Renaissance 3.1.1. William Shakespeare 3.1.2. John Milton 3. 2: Literature of the Enlightment 3.2.1. Daniel Defoe 3.2.2. Johnathan Swift 3.2.3. Robert Burns	LT: 5 tiết BT: 5 tiết	[1], [2]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.3. Literature of the Romanticism & George Gordon Byron 3.4. Literature of the Critical Realism & Charles Dickens 3.5. English Literature of the 20th century **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	TL: 3 tiết TH: 2 tiết	
4	**Chương 4: Some world-famous literature works** **Nội dung:** 4.1. The Gift of the Magi – O.Henry 4.2. Hope – John Galsworthy 4.3. My Oedipus Complex – Frank O'Connor **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 15 tiết BT: 15 tiết TL: 9 tiết TH: 6 tiết	[1], [3], [4]

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Thị Kim Phượng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: ĐẤT NƯỚC HỌC ANH – MỸ

Mã học phần: FL 213103

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 Số tín chỉ lý thuyết: 02

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh

Số điện thoại: 0983146976 Email: v07tinbt@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Thị Hồng Vân

Số điện thoại: 0935356067 Email: rose_hongvan@yahoo.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Đất nước học Anh - Mỹ là học phần cần thiết chương trình đào tạo chuyên ngành tiếng Anh với mục tiêu nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu hiểu biết về đất nước, con người và đời sống xã hội của Vương quốc Anh và Hoa kỳ.

Đất nước học Anh - Mỹ là học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn hóa - xã hội, biết liên hệ so sánh, đối chiếu đất nước, con người và đời sống xã hội của Vương quốc Anh và Hoa kỳ với đất nước, con người và đời sống xã hội của Việt Nam làm cơ sở cho việc xây dựng và phát huy ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa của nước nhà.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

- **Kiến thức:**
  Sinh viên được cung cấp những hiểu biết về đất nước, con người và đời sống xã hội của Vương quốc Anh và Hoa Kỳ.
- **Kỹ năng:**
  Sinh viên được phát triển kỹ năng nghiên cứu các vấn đề văn hóa - xã hội.
- **Thái độ:**
  Sinh viên có nhận thức đúng về môn học. Có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghiên cứu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I:	I.A.1. Trình bày được bằng	I.B.1. Hiểu được đất nước	I.C.1. So sánh được đất

Britain - The Land and The People	tiếng Anh về đất nước và con người của Vương Quốc Anh. I.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về đất nước và con người của Vương Quốc Anh. I.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về đất nước và con người của Vương Quốc Anh.	và con người của Vương Quốc Anh. I.B.2. Phân tích được những ưu thế của Vương Quốc Anh. I.B.3. Lý giải được các thành ngữ Union Jack.	nước và con người của Vương Quốc Anh với đất nước và con người của Hoa Kỳ. I.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu đất nước và con người của Vương Quốc Anh. I.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về đất nước và con người của Vương Quốc Anh.
Chương II: **History And The System Of Government**	II.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về lịch sử và hệ thống nhà nước của Vương Quốc Anh. II.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về lịch sử và hệ thống nhà nước của Vương Quốc Anh. II.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về lịch sử và hệ thống nhà nước của Vương Quốc Anh.	II.B.1. Hiểu được lịch sử và hệ thống nhà nước của Vương Quốc Anh. II.B.2. Phân tích được chế độ quân chủ, quốc hội của Vương Quốc Anh. II.B.3. Lý giải được các sự kiện lịch sử quan trọng của Vương Quốc Anh.	II.C.1. So sánh được lịch sử và hệ thống nhà nước của Vương Quốc Anh với lịch sử & hệ thống nhà nước của Hoa Kỳ. II.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu lịch sử và hệ thống nhà nước của Vương Quốc Anh. II.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về lịch sử và hệ thống nhà nước của Vương Quốc Anh.
Chương III: **Culture and Heritage**	III.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về văn hóa và di sản của Vương Quốc Anh. III.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về văn hóa và di sản của Vương Quốc Anh.	III.B.1. Hiểu được sự biến đổi về ngôn ngữ của Vương Quốc Anh. III.B.2. Phân tích được nền giáo dục của Vương Quốc Anh.	III.C.1. So sánh được văn hóa và di sản của Vương Quốc Anh với văn hóa và di sản của Hoa Kỳ. III.C.2. Đánh giá được

	III.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về văn hóa và di sản của Vương Quốc Anh.	III.B.3. Lý giải được các hoạt động văn hóa quan trọng của Vương Quốc Anh.	tính hiệu quả của việc nghiên cứu văn hóa và di sản của Vương Quốc Anh. III.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về văn hóa và di sản của Vương Quốc Anh.
Chương IV: **The Economy and Media**	IV.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về nền kinh tế và các phương tiện truyền thông của Vương Quốc Anh. IV.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về nền kinh tế và các phương tiện truyền thông của Vương Quốc Anh. IV.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về nền kinh tế và các phương tiện truyền thông của Vương Quốc Anh.	IV.B.1. Hiểu được thể chế kinh tế, hệ thống tiền tệ và các phương tiện truyền thông của Vương Quốc Anh. IV.B.2. Phân tích được xu hướng kinh tế của Vương Quốc Anh. IV.B.3. Lý giải được các nhu cầu việc làm của Vương Quốc Anh.	IV.C.1. So sánh được nền kinh tế và các phương tiện truyền thông của Vương Quốc Anh với nền kinh tế và các phương tiện truyền thông của Hoa Kỳ. IV.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu nền kinh tế và các phương tiện truyền thông của Vương Quốc Anh. IV.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về nền kinh tế và các phương tiện truyền thông của Vương Quốc Anh.
Chương V: **Customs and Traditions**	V.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về phong tục và tập quán của Vương Quốc Anh. V.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về phong tục và tập quán của Vương Quốc Anh. V.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về phong tục và tập	V.B.1. Hiểu được các quốc lễ của Vương Quốc Anh. V.B.2. Phân tích được các ngày lễ tôn giáo của Vương Quốc Anh. V.B.3. Lý giải được các nghi thức và tín ngưỡng của Vương Quốc Anh.	V.C.1. So sánh được phong tục và tập quán của Vương Quốc Anh với phong tục và tập quán của Hoa Kỳ. V.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu phong tục

	quán của Vương Quốc Anh.		và tập quán của Vương Quốc Anh. V.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về phong tục và tập quán của Vương Quốc Anh.
Chương VI: **An Introduction To The USA**	VI.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về con người, thể chế nhà nước và hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ. VI.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về con người, thể chế nhà nước và hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ. VI.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về con người, thể chế nhà nước và hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ.	VI.B.1. Hiểu được con người và gia đình của Hoa Kỳ. VI.B.2. Phân tích được thể chế nhà nước của Hoa Kỳ. VI.B.3. Lý giải được hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ.	VI.C.1. So sánh được về con người, thể chế nhà nước và hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ với con người, thể chế nhà nước và hệ thống giáo dục của Vương Quốc Anh. VI.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu về con người, thể chế nhà nước và hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ. VI.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về con người, thể chế nhà nước và hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ.
Chương VII: **New England and New York**	VII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về đặc điểm khác biệt của New England và New York. VII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về đặc điểm khác biệt của New England và New York.	VII.B.1. Hiểu được tính cách của New England Yunkee và trung tâm tài chính New York. VII.B.2. Phân tích được vị trí địa lý của New England và New York. VII.B.3. Lý giải được cuộc	VII.C.1. So sánh được New England và New York về tính cách của con người, về vị trí địa lý. VII.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu về tính cách

	VII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về đặc điểm khác biệt của New England và New York.	cách mạng ở Mỹ.	của con người, về vị trí địa lý của New England và New York. VII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về tính cách của con người, về vị trí địa lý của New England và New York.
Chương VIII: **The Mid-Atlantic Region and Midwest**	VIII.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về đặc điểm của thủ đô Washington và Great Lakes. VIII.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về đặc điểm của thủ đô Washington và Great Lakes. VIII.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về đặc điểm của thủ đô Washington và Great Lakes.	VIII.B.1. Hiểu được cách xây dựng thủ đô Washington và tầm quan trọng của Great Lakes đối với nền kinh tế của Hoa Kỳ. VIII.B.2. Phân tích được vị trí địa lý của vùng West Virginia. VIII.B.3. Lý giải được vì sao Midwest là trung tâm của Hoa Kỳ.	VIII.C.1. So sánh được New England và New York về tính cách của con người, về vị trí địa lý. VIII.C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu về tính cách của con người, về vị trí địa lý của New England và New York. VIII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về tính cách của con người, về vị trí địa lý của New England và New York.
Chương IX **The South and The SouthWest**	IX.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về đặc điểm của miền Nam và Tây Nam Hoa Kỳ, cuộc nội chiến, phong trào nhân quyền và thung lũng Grand Canyon. IX.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về đặc điểm của miền Nam và Tây Nam Hoa Kỳ, cuộc nội chiến, phong trào	IX.B.1. Hiểu được miền Nam Hoa Kỳ trước cuộc nội chiến, nguyên nhân và ảnh hưởng của cuộc nội chiến đối với Hoa Kỳ. IX.B.2. Phân tích được vị trí địa lý và tầm quan trọng của sông Mississippi đối với miền Nam Hoa Kỳ. IX.B.3. Lý giải được vì sao	IX.C.1. So sánh được Miền Nam và miền Tây Nam Hoa Kỳ về vị trí địa lý và về kinh tế. IX .C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu về tính cách của con người, về vị trí địa lý của miền Nam và Tây Nam Hoa Kỳ.

	nhân quyền và thung lũng Grand Canyon. IX.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về đặc điểm của miền Nam và Tây Nam Hoa Kỳ, cuộc nội chiến, phong trào nhân quyền, thung lũng Grand Canyon.	Texas đóng vai trò quan trọng đối với miền Tây Nam Hoa Kỳ.	IX.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về tính cách của con người, về vị trí địa lý của miền Nam và Tây Nam Hoa Kỳ.
Chương X **The Pacific Northwest, Alaska, California and Hawaii**	X.A.1. Trình bày được bằng tiếng Anh về đặc điểm của miền Tây Bắc Hoa Kỳ, Alaska, California và Hawaii. X.A.2. Ghi nhớ được bằng tiếng Anh về đặc điểm của miền Tây Bắc Hoa Kỳ, Alaska, California and Hawaii. X.A.3. Nhận diện được bằng tiếng Anh về đặc điểm của miền Tây Bắc Hoa Kỳ, Alaska, California and Hawaii.	X.B.1. Hiểu được vành đai núi lửa Thái Bình Dương, con người và vùng đất Alaska, con người và vùng đất Hawaii. X.B.2. Phân tích được vị trí địa lý và tầm quan trọng của Seattle đối với miền Tây Bắc Hoa Kỳ. X.B.3. Lý giải được vì sao California đóng vai trò quan trọng đối với Hoa Kỳ.	X.C.1. So sánh được Alaska và Hawaii về vị trí địa lý, con người và kinh tế. X .C.2. Đánh giá được tính hiệu quả của việc nghiên cứu về tính cách của con người, về vị trí địa lý của miền Tây Bắc Hoa Kỳ, Alaska, California và Hawaii. X.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc sử dụng ngôn ngữ để thảo luận về tính cách của con người, về vị trí địa lý của miền Tây Bắc Hoa Kỳ, Alaska, California và Hawaii.

4. Tài liệu học tập:

[1] Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Lê Văn Sự (2010), *Giáo trình Đất Nước Học Anh – Mỹ*, Nhà Xuất bản Thông tấn, Hà Nội.

[3] Stephen Rabley (2008), *Customs and Traditions in Britain*, Longman Group UK Limited.

[4] Stephen Rabley (2008), *Customs and Traditions in the USA*, Longman Group UK Limited.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Britain - The Land and The People** **Nội dung:** - Geographical context - The Four Lands - Some outstanding sites - The People **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận sự giống nhau và khác nhau giữa England, Wales, Scotland và Northern Ireland. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. The land – Geographical context. 2. The Four Lands. 2.1. England (area, population, religion, language, government, economy, cultural life.) 2.2. Wales (area, population, religion, language, government, economy, cultural life.) 2.3. Scotland (area, population, religion, language, government, economy, cultural life.) 2.4. Northern Ireland (area, population, religion, language, government, economy, cultural life.) 3. Some outstanding sites 4. The People 4.1. Ancestral sources 4.2. Demographic trend 4.3. Elderly People 4.4. Young People 4.5. Natioanlities
2	**Chương 2. History And The System Of Government** **Nội dung:** - The Main Invasions - The Notable Events - The Monarchy - The Parliament **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày.	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. The Roman rule 2. The Germanic invasions 3. The English Reformation 4. The Industrial Revolution 5. The monarchy 6. The monarchy and Common

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thảo luận nhóm: thảo luận về lịch sử hình thành Vương Quốc Anh và hệ thống chính phủ của Vương Quốc Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		Wealth 7. The parliament 8. The political system
3	**Chương 3.** Culture and Heritage **Nội dung:** - Language Variation - Education Provision - Religion - Cultural Activities **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về sự biến đổi của ngôn ngữ, các hoạt động văn hóa và tôn giáo. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. Language Variation 1.1. English is spoken with different accents 1.2. Cockney rhyming slang 1.3. The most popular British writers 2. Education Provision 2.1. Objectives 2.2. Schools 2.3. Further Education 2.4. Higher Education 2.5. Educational Standard 3. Religion – Religious Observance 3.1. The Church of England 3.2. The Church of Scotland 4. Cultural Activities
4	**Chương 4.** The Economy and Media **Nội dung:** - Economic Trend - Currency and Cash	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. Economic Strategy

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Job and Working - Exports and Imports - The Media - Leisure - Food and Drink **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về nền kinh tế, phương tiện truyền thông đại chúng và ẩm thực của Vương Quốc Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		2. Economic Trend 3. Currency and cash 4. Working style 5. Britain's main imports and exports 6. The Media 6.1. The Press 6.2. Television and Radio 7. Leisure Trends 8. Food and drink 8.1. The most popular food in Britain 8.2. Tea drinking
5	**Chương 5.** Customs and Traditions **Nội dung:** - National Days - Bank Holidays - Traditional and Religious Holidays - Superstitions - Etiquette **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về các ngày quốc lễ, các ngày lễ tôn giáo, các nghi thức của Vương Quốc Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 1tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. National Days 1.1. Scotland's National Day is St. Andrew's Day 1.2. National Day of Wales is St. David's 1.3. England's National Day is St. George's Day 1.4. St. Patrick's Day 2. 'Bank' Holidays 3. Traditional and religious holidays: Christmas Day, Boxing Day, New Year, Halloween, Easter, some other notable annual occasions 4. Superstitions: Don't walk under a ladder, Never open an umbrella in the house, The number '13', Never break a

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
			mirror, Black cats, Touching wood. 5. Etiquette: The honors system, 'Right Honorable', Addressing someone with a title. 6. Everyday life: Talking about the weather, Queuing, Shaking hands.
6	**Chương 6.** An Introduction To The USA **Nội dung:** - The overview of the country - The American people - The political system - The economy - Region - The family - The educational system - Holidays **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về bộ máy nhà nước, nền kinh tế, tôn giáo, hệ thống giáo dục của Hoa Kỳ. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. The overview of the country: area, climate, location, national flag and outlying islands. 2. The American people: the native American, the British, the African American, immigrants, Hispanic Americans, Asian Americans. 3. The political system: the constitution, federalism, three branches of government, state and local government and two - party system. 4. The economy: the free enterprise system. 5. Religion: separation of church and state, the different religions and regional differences. 6. The family: marriage and children, dual-earning families, single-parent and other nontraditional families. 7. The educational system: elementary school through high school and advanced schooling.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
			8. Holidays: New Year's Day, Martin Luther King Jr. Day, Presidents' Day, Memorial Day, Independence Day, Labor Day, Columbus Day, Veterans Day, Thanks-giving Day, Christmas and special occasions.
7	**Chương 7.** New England and New York **Nội dung:** - The New England Yunkee - The Sea - A Maine Vacation - Walking Freedom Trail - Sugaring Time - Manhattan - The Financial District - The Theater District - Harlem **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về tính cách của dân Yunkee, về tầm quan trọng của biển đối với nền kinh tế Hoa Kỳ và về khu tài chính phố Wall. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. The New England Yunkee: the Yunkee character. 2. The Sea 3. A Maine Vacation: a seaside vacation, an exploring vacation, a camping vacation. 4. Walking Freedom Trail: The Boston Tea Party. 5. Sugaring Time 6. Manhattan: Manhattan geography, midtown Manhattan and the Lower East Side. 7. The Financial District: 8. The Theater District: Times Square, On Broadway and Off. 9. Harlem
8	**Chương 8.** The Mid-Atlantic Region and Midwest **Nội dung:** - The Declaration and the Constitution - The Nation's Capital - West Virginia	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. The Declaration and the Constitution: The Declaration of Independence and the

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- The Midwest - The Great Lakes - Abraham Lincoln - The Indians of the Great Plains **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về thủ đô Washington, về tổng thống Abraham Lincoln và về Midwest. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		Constitution. 2. The Nation's Capital: Building a new city, Washington – the capital, monuments. 3. West Virginia: an Appalachian state and handicrafts . 4. The Midwest: America's heartland. 5. The Great Lakes: Superior, Michigan, Huron, Erie and Ontario. 6. Abraham Lincoln: childhood, personalities, political career. 7. The Indians of the Great Plains: the destruction of the buffalo, the ghost dance and wounded knee.
9	**Chương 9.** The South and The SouthWest **Nội dung:** - The South before the War - The Civil War - Civil rights in the South - The Mississippi River - Farming the Great Plains - Texas - The Cowboy - The Grand Canyon **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về miền Nam Hoa Kỳ trước cuộc nội chiến, cuộc nội chiến, sông Mississippi, Texas và thung lũng Grand Canyon. **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. The South before the War: slaves and cotton plantation 2. The Civil War: the war and its effect. 3. Civil rights in the South: the rise of segregation and the civil rights movement. 4. The Mississippi River: early history, steamboats, commerce and Mark Twain's river. 5. Farming the Great Plains: Boomers and Sooners, the hardship of settlers, the Dust Bowl and farming today.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		6. Texas: Texan food and Texan festival. 7. The Cowboy: Cattle Drives and modern Cowboys. 8. The Grand Canyon: Early explorations and how to exploring Grand Canyon today.
10	**Chương 10.** The Pacific Northwest, Alaska, California and Hawaii **Nội dung:** - Volcanoes - Seattle - The Abundance of The Pacific Northwest - Alaska - California - Hawaii **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: thảo luận về Seattle, Alaska, California and Hawaii. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1tiết	Randee Falk (2009), *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press. 1. Volcanoes: The Ring of Fire, Crater Lake and Mount St. Helens. 2. Seattle: an enterprising town, a livable city and visiting Seattle. 3. The Abundance of The Pacific Northwest: the Potlatch, trapping, mining and logging. 4. Alaska: land, people, travelling and the regions. 5. California: land, people, forty-niners, San Fransico, Golden Gate Bridge, Los Angeles, Hollywood. 6. Hawaii: history, economy, people and language.
	TEST	1 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%. **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ	2%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: tự luận
- Thời gian: 60 phút.

Ngày 30 tháng 10 năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Bùi Thị Tịnh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGỮ DỤNG HỌC
Mã học phần: FL215995

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết: Không
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Văn Thịnh; Số điện thoại: 0914041022;
Email: nvthinh ttn@edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần có 7 chương bao gồm những kiến thức về những khái niệm của ngữ dụng học như: chỉ xuất (Deixis, deictic expressions, Personal deixis, Spatial deixis, Temporal deixis, Deixis and grammar), và khoảng cách (distance), chiếu vật (Reference, Names and referents , The role of context, Anaphoric reference), tiền giả định (Presupposition, Types of presupposition), sự hợp tác, hàm ngôn, lời rào đón (The cooperative principle, Hedges, Conversational implicature, Generalized conversational implicatures, Scalar implicatures, Particularized conversational implicatures, Properties of conversational implicatures, Conventional implicatures), hành vi ngôn ngữ (Speech acts, Speech act classification, Direct and indirect speech acts), phép lich sự trong hội thoại (Politeness, Face wants, Negative and positive face, Positive and negative politeness). Cuối mỗi chương có các câu hỏi hoặc bài tập thực hành liên quan đến nội dung của chương.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.2.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngữ dụng học như: chỉ tố (Deixis), chỉ xuất (Reference), tiền giả định (Presupposition), hàm ngôn (Implicature), lời rào đón (Hedges), hành vi ngôn ngữ (Speech acts), phép lich sự trong hội thoại (Politeness).

3.2.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng sử dụng phát ngôn liên quan đến các khái niệm trong ngữ dụng học, giúp việc việc giao tiếp ngôn ngữ được hiệu quả hơn.

3.2.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I Definitions and background	I.A.1. Trình bày được khái niệm về ngữ dụng I.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm cơ bản về khái niệm ngữ dụng học I.A.3. Nhận diện được một cách khái quát các yếu tố cơ bản trong ngữ dụng.	I.B.1. Hiểu được các đặc điểm của khái niệm ngữ dụng I.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa ngữ dụng học với ngữ nghĩa học và cú pháp học. I.B.2. Lý giải được sự sử dụng các yếu tố ngữ dụng trong sử dụng ngôn ngữ.	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm cơ bản của ngữ dụng học với các ngành nghiên cứu khác như cú pháp học và ngữ nghĩa học trong giảng dạy. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm của ngữ dụng học để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. I.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của ngữ

			dụng học trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương II Deixis and distance	II.A.1. Trình bày được khái niệm chỉ xuất(deixis) và khoảng cách (distance) trong ngữ dụng học. II.A.2. Ghi nhớ được các loại biểu thức chỉ xuất (deictic expressions) II.A.3. Nhận diện được các loại biểu thức chỉ xuất (deictic expressions) trong phát ngôn tiếng Anh.	II.B.1. Hiểu được sự sử dụng các loại biểu thức chỉ xuất trong phát ngôn tiếng Anh. II.B.2. Phân tích được sự sử dụng các loại biểu thức chỉ xuất trong phát ngôn tiếng Anh. II.B.2. Lý giải được mối quan hệ của việc sử dụng các biểu thức chỉ xuất trong phát ngôn với vấn đề ngữ pháp trong tiếng Anh	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của các loại biểu thức chỉ xuất trong giảng dạy ngữ pháp tiếng Anh. II.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm của các loại biểu thức chỉ xuất và mối liên hệ ngữ pháp để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. II.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của các loại biểu thức chỉ xuất của ngữ dụng học trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương III Reference and Inference	III.A.1. Trình bày được khái niệm chiếu vật (reference) và suy diễn (inference) trong ngữ dụng học. III.A.2. Ghi nhớ được các hình thức biểu thức chiếu vật (referring expressions) III.A.3. Nhận diện được các hình thức chiếu vật trong phát ngôn tiếng Anh	III.B.1. Hiểu được sự sử dụng chiếu vật và suy diễn trong phát ngôn tiếng Anh. III.B.2. Phân tích được sự sử dụng các hình thức biểu thức chiếu vật trong phát ngôn tiếng Anh. III.B.2. Lý giải được mối quan hệ của việc sử dụng các biểu thức chiếu vật của các phát ngôn tiếng Anh trong ngữ cảnh (co-text)	III.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của các dạng biểu thức chiếu vật trong giảng dạy tiếng Anh. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm của các dạng biểu thức chiếu vật trong mối ngữ cảnh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của các dạng biểu thức chiếu vật của ngữ dụng học trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương IV Presupposition	IV.A.1. Trình bày được khái niệm và các loại tiền giả định trong ngữ dụng học. IV.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm và các loại tiền giả định.	IV.B.1. Hiểu được sự sử dụng chiếu vật và suy diễn trong phát ngôn tiếng Anh. IV.B.2. Phân tích được tiền giả định và các loại tiền giả định được sử dụng trong phát ngôn tiếng Anh.	IV.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của các loại tiền giả định trong giảng dạy tiếng Anh. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc

	IV.A.3. Nhận diện được việc sử dụng tiền giả định và các loại tiền giả định trong phát ngôn tiếng Anh.	IV.B.2. Lý giải được việc sử dụng tiền giả định và các loại tiền giả định được sử dụng rong phát ngôn tiếng Anh.	điểm của các loại tiền giả định để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của các loại tiền giả định trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương V Cooperation, Hedges and Implicature	V.A.1. Trình bày được khái niệm hợp tác (cooperation), lời rào đón (hedges) và hàm ngôn (implicature) trong ngữ dụng học. V.A.2. Ghi nhớ được các phương châm (maxims) trong nguyên tắc hợp tác (The cooperative principle), loại lời rào đón và hàm ngôn. V.A.3. Nhận diện được các lời rào đón và các loại hàm ngôn được sử dụng trong phát ngôn tiếng Anh.	V.B.1. Hiểu được sự hợp tác, việc sử dụng lời rào đón và hàm ngôn trong phát ngôn tiếng Anh. V.B.2. Phân tích được các phương châm hợp tác, sự dử dụng lời rào đón và hàm ngôn trong phát ngôn tiếng Anh. V.B.2. Lý giải được việc sử dụng lời rào đón và hàm ngôn trong phát ngôn tiếng Anh.	V.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm và cách sử dụng lời rào đón, các loại hàm ngôn trong giảng dạy tiếng Anh. V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm và cách sử dụng lời rào đón và hàm ngôn để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. V.C.3. Vận dụng được các đặc điểm và cách sử dụng lời rào đón và hàm ngôn trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương VI Speech acts	VI.A.1. Trình bày được khái niệm hành vi ngôn ngữ (Speech acts) trong ngữ dụng học. VI.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm và các loại hành vi ngôn ngữ. VI.A.3. Nhận diện được các lời rào đón và các loại hàm ngôn được sử dụng trong phát ngôn tiếng Anh.	VI.B.1. Hiểu được sự sử dụng hành vi ngôn ngữ trong phát ngôn tiếng Anh. VI.B.2. Phân tích được các đặc điểm và cách sử dụng hành vi ngôn ngữ trong phát ngôn tiếng Anh. VI.B.2. Lý giải được việc sử dụng hành vi ngôn ngữ trong phát ngôn tiếng Anh.	VI.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm và cách sử dụng hành vi ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng Anh. VI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm và cách sử dụng hành vi ngôn ngữ để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VI.C.3. Vận dụng được các đặc điểm và cách sử dụng hành vi ngôn ngữ trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương VII Politeness and interaction	VII.A.1. Trình bày được khái niệm phép lịch sự (politeness) trong tương	VII.B.1. Hiểu được sự sử dụng phép lịch sự trong tương tác tiếng Anh.	VII.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm và cách sử dụng

	tác trong ngữ dụng học. VII.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của phép lịch sự trong tương tác. VII.A.3. Nhận diện được sự sử dụng phép lịch sự trong tương tác tiếng Anh.	VII.B.2. Phân tích được các đặc điểm và cách sử dụng phép lịch sự trong tương tác tiếng Anh. VII.B.2. Lý giải được việc sử dụng phép lịch sự trong tương tác tiếng Anh.	phép lịch sự trong giảng dạy tương tác tiếng Anh. VII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm và cách sử dụng phép lịch sự để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VII.C.3. Vận dụng được các đặc điểm và cách sử dụng phép lịch sự trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.

4. Tài liệu học tập:

[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press.

[2] George Yule (2006), *The study of Language*, Cambridge University Press.

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Peter Grundy (2000). *Doing Pragmatics*. Oxford University Press.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần		Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương I: Definition and background** **Nội dung:** Nêu các định nghĩa của Ngữ dụng học và nền tảng của Ngữ dụng **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận sự khác biệt giữa các khái niệm về cú pháp, ngữ nghĩa và ngữ dụng học **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. **Hình thức đánh giá:** Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1 tiết TL:1 tiết	[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press: - Syntax, semantics and pragmatics - Regularities - The pragmatic wastebasket [2] George Yule (2006), *The study of Language*, Cambridge University Press: Pragmatics (P. 112)
2	**Chương II: Deixis and distance** **Nội dung:** - Nêu khái niệm chỉ xuất và khoảng cách trong ngữ dụng học. - Trình bày các loại chỉ xuất: chỉ xuất chỉ người, chỉ xuất chỉ không gian, chỉ xuất chỉ thời gian. - Chỉ xuất trong ngữ pháp. **Hình thức tổ chức dạy học:**	LT:1 tiết BT:1 tiết	[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press: -Personal deixis -Spatial deixis -Temporal deixis -Deixis and grammar [2] George Yule (2006), *The*

Tuần		Số tiết	Tài liệu học tập
	- Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: các loại chỉ xuất (deixis) và vai trò của chỉ tố trong ngữ pháp tiếng Anh **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	TL:1 tiết	*study of Language*, Cambridge University Press: Pragmatics (P. 112)
3	**Chương III: Reference and inference** **Nội dung:** - Các khái niệm về sự chiếu vật và suy diễn. - Vai trò của ngữ cảnh - Sự chiếu vật lặp lại. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Phân biệt giữa sự chiếu vật (reference) và suy diễn (inference), vật chiếu vật (referents), vai trò của ngữ cảnh, sự chiếu vật lặp lại (anaphoric reference) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT:2 tiết BT:1 tiết TL:2 tiết	[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press: -Referential and attributive uses -Names and referents -The role of context -Anaphoric reference [2] George Yule (2006), *The study of Language*, Cambridge University Press: Pragmatics (P. 112)
4	**Chương IV: Presupposition** **Nội dung:** - Nêu khái niệm của tiền giả định. - Các loại tiền giả định, bao gồm: existential, factive, non-factive, lexical, structural, counterfactual presupposition. Presupposition Types of presupposition **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT:2 tiết BT:1 tiết TL:2 tiết	[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press: - Presupposition - Types of presupposition [2] George Yule (2006), *The study of Language*, Cambridge University Press: Pragmatics (P. 112)
5	**Chương V: Cooperation, Hedges and Implicature** **Nội dung:** - Sự hợp tác và nguyên tắc hợp tác trong hội thoại	LT:2 tiết BT:1 tiết	[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press: -The cooperative principle -Hedges

Tuần		Số tiết	Tài liệu học tập
	- Lời rào đón và phân loại lời rào đón, gồm: hedges from the maxim of quality, hedges from the maxim of quantity, hedges from the maxim of relation, hedges from the maxim of manner. - Hàm ngôn hội thoại, bao gồm các loại: Generalized conversational implicatures, Scalar implicatures, Particularized conversational implicatures. - Các đặc điểm của hàm ngôn hội thoại. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	TL:2 tiết	-Conversational implicature -Generalized conversational implicatures -Scalar implicatures -Particularized conversational implicatures -Properties of conversational implicatures -Conventional implicatures [2] George Yule (2006), *The study of Language*, Cambridge University Press: Pragmatics (P. 112)
6	**Chương VI: Speech acts** **Nội dung:** - Nêu khái niệm của hành vi ngôn ngữ, bao gồm các khái niệm: locutionary act, illocutionary act và perlocutionary act - Phân loại hành vi ngôn ngữ theo cấu trúc, gồm: Direct and indirect speech acts. - Phân loại ngôn ngữ theo chức năng, gồm declarations, representatives, expressives, directives, commissives. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT:2 tiết BT:1 tiết TL:2 tiết	[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press: -Speech acts -Speech act classification -Direct and indirect speech acts [2] George Yule (2006), *The study of Language*, Cambridge University Press: Pragmatics (P. 112)
7	**Chương VII: Politeness and interaction** **Nội dung:** - Nêu khái niệm phép lịch sự và tương tác trong ngữ dụng học. - Thể diện âm tính và dương tính. - Phép lịch sự âm tính và dương tính **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT:1 tiết BT:1 tiết TL:1 tiết	[1] George Yule (1996). *Pragmatics*. Oxford University Press: -Politeness -Face wants -Negative and positive face -Positive and negative politeness [2] George Yule (2006), *The study of Language*, Cambridge

Tuần		Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		University Press: Pragmatics (P. 112)
	TEST	2	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 40% và Bậc 3: 30%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	**Trưởng Bộ môn**	**Người biên soạn**
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Văn Thịnh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN
Mã học phần: FL215994

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Thị Hồng Vân ; Số điện thoại: 0935356067;
Email: rose_hongvan@yahoo.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những kiến thức về diễn ngôn và các kỹ thuật phân tích, kiến tạo diễn ngôn ở hình thức diễn ngôn nói và diễn ngôn viết.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm về diễn ngôn, và kỹ thuật phân tích diễn ngôn

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng phân tích, xác định được các tính chất của diễn ngôn, các yếu tố ngôn ngữ trong diễn ngôn và sự khác nhau giữa diễn ngôn nói và diễn ngôn viết; phát triển kỹ năng xây dựng diễn ngôn ở nhiều thể loại khác nhau một cách hiệu quả để ứng dụng trong việc học và dạy ngôn ngữ.

3.1.3. Thái độ: Tạo cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: What is discourse analysis?	I.A.1. Trình bày được khái niệm diễn ngôn I.A.2. Ghi nhớ được các tính chất của diễn ngôn. I.A.3. Nhận diện được sự khác nhau giữa diễn ngôn nói và diễn ngôn viết.	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa diễn ngôn và từ, câu, hay đoạn văn đúng ngữ pháp. I.B.2. Phân tích được các tính chất của một diễn ngôn bất kỳ. I.B.2. Lý giải được sự hiệu quả trong việc sử dụng diễn ngôn nói hay diễn ngôn viết trong các tình huống cụ thể.	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác sự khác biệt giữa diễn ngôn và từ, câu, hay đoạn văn đúng ngữ pháp. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các tính chất của một diễn ngôn bất kỳ. I.C.3. Vận dụng được kiến thức về diễn ngôn nói và diễn ngôn viết để lựa chọn hình thức diễn ngôn phù hợp trong tình huống cụ thể.
Chương 2:	II.A.1. Trình bày được	II.B.1. Hiểu được sự	II.C.1. So sánh và xác

Linguistic Elements in Discourse	khái niệm tính liên kết (cohesion), tính mạch lạc (coherence) và các kỹ thuật liên kết, kỹ thuật tăng tính mạch lạc của diễn ngôn II.A.2. Ghi nhớ được cấu trúc thông tin (information structure) trong diễn ngôn, sự khác biệt giữa thông tin cũ và thông tin mới (given vs new information) trong một diễn ngôn. II.A.3. Nhận diện được các thể loại diễn ngôn cơ bản (discourse genres)	khác nhau giữa tính liên kết (cohesion), tính mạch lạc (coherence) và các kỹ thuật liên kết, kỹ thuật tăng tính mạch lạc của diễn ngôn II.B.2. Phân tích được cấu trúc thông tin (information structure) trong diễn ngôn, sự khác biệt giữa thông tin cũ và thông tin mới (given vs new information) trong một diễn ngôn. II.B.3. Lý giải được sự khác biệt giữa các thể loại diễn ngôn cơ bản (discourse genres)	định đúng tính liên kết (cohesion), tính mạch lạc (coherence) và các kỹ thuật liên kết, kỹ thuật tăng tính mạch lạc của diễn ngôn IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được cấu trúc thông tin (information structure) trong diễn ngôn, sự khác biệt giữa thông tin cũ và thông tin mới (given vs new information) trong một diễn ngôn. II.C.3. Vận dụng được các đặc điểm cả các thể loại diễn ngôn khác nhau để tạo ra những diễn ngôn phù hợp trong những tình huống phù hợp .
Chương 3: Conversation Analysis	III.A.1. Trình bày được hai thể loại diễn ngôn đàm thoại cơ bản: đàm thoại tương tác (interactional conversation) và đàm thoại trao đổi thông tin (transactional conversation) III.A.2. Ghi nhớ được tính chất của một đàm thoại tương tác và cấu trúc của một đàm thoại giao dịch cơ bản. III.A.3. Nhận diện được kỹ thuật tương tác để hiểu nghĩa diễn ngôn (negotiation of meaning) trong đàm thoại và các kỹ thuật phân tích diễn ngôn đàm thoại	III.B.1. Hiểu được các khái niệm đàm thoại tương tác (interactional conversation) và đàm thoại trao đổi thông tin (transactional conversation) III.B.2. Phân tích được tính chất của một đàm thoại tương tác và cấu trúc của một đàm thoại giao dịch cơ bản . III.B.3. Lý giải được nghĩa của diễn ngôn trong đàm thoại ứng dụng các kỹ thuật tương tác và phân tích diễn ngôn đàm thoại	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các đặc điểm của diễn ngôn đàm thoại tương tác và đàm thoại trao đổi thông tin. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được tính chất của một đàm thoại tương tác và cấu trúc của một đàm thoại giao dịch cơ bản . III.C.3. Vận dụng các kỹ thuật đã học để kiến tạo những diễn ngôn phù hợp trong hội thoại và trong các nghiên cứu về ngôn ngữ hội thoại
Chương 4:	IV.A.1. Trình bày được	IV.B.1. Hiểu được	IV.C.1. Xác định chính

Discourse Processing and Discourse in Language Teaching	các phương pháp diễn giải diễn ngôn IV.A.2. Ghi nhớ được mối tương quan giữa diễn ngôn và việc giảng dạy ngôn ngữ IV.A.3. Nhận diện được mô hình diễn ngôn điển hình trong lớp học ngôn ngữ.	phương pháp diễn giải diễn ngôn IV.B.2. Phân tích được mối tương quan giữa diễn ngôn và việc giảng dạy ngôn ngữ IV.B.2. Lý giải đươc mô hình diễn ngôn điển hình trong một lớp học ngôn ngữ xác định.	xác được chức năng của truyền thông IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được mối tương quan giữa ngôn ngữ và truyền thông IV.C.3. Vận dụng được kiến thức về sự tác động của truyền thông qua ngôn ngữ trong tiếng Anh
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Tran Van Phuoc & Truong Bach Le (2003). *An Introduction to Discourse Analysis*, Hue University College of Pedagogy.

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Hatch, E. (1994). *Discourse and Language Education*. Cambridge University Press.

[2] Nunan, D. (1993). *Introducing Discourse Analysis.* Penguin.

[3] McCarthy, M. (1991). *Discourse Analysis for Teachers*, Cambridge University Press.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1:** What is discourse analysis? **Nội dung:** 1. Introduction **2.** A brief Historical overview **3.** Discourse versus text 4. Spoken versus written discourse **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm bài tập theo nhóm: xác định vại trò ngôn ngữ, phân biệt ngôn ngữ xã hội học, ngôn ngữ học và xã hội học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Ghi chép, làm bài tập theo nhóm **Hình thức đánh giá:** Bài tập.	LT: 2tiết BT: 1 tiết TL:1tiết	[1] Tran Van Phuoc & Truong Bach Le (2003). *An Introduction to Discourse Analysis*, Hue University College of Pedagogy

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: Giảng đường		
2	**Chương 2: Linguistic Elements in Discourse** **Nội dung:** **1/ Cohesive devices** **2. Cohesion versus coherence** **3. Information structure** **4. Genres** **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên chuẩn bị trình bày theo nhóm các khái niệm theo sự hướng dẫn của giáo viên. - Giảng viên giới thiệu các khái niệm lồng ghép với phần trình bày của sinh viên - Thảo luận nhóm về đặc điểm và sự khác nhau giữa các khái niệm. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 6 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	
3	**Chương 3: Conversation Analysis** **Nội dung:** 1. Spoken Interaction: Interactional vs Transactional 2. Classroom discourse 3. Negotiation of meaning 4. How to analyze spoken discourse **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên chuẩn bị trình bày theo nhóm các khái niệm theo sự hướng dẫn của giáo viên. - Giảng viên giới thiệu các khái niệm lồng ghép với phần trình bày của sinh viên - Làm bài tập phân tích sự khác nhau giữa ngôn ngữ của nam giới và phụ nữ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Báo cáo theo nhóm, ghi chép - Làm bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài tập	LT: 6 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1] Tran Van Phuoc & Truong Bach Le (2003). *An Introduction to Discourse Analysis*, Hue University College of Pedagogy

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: Giảng đường		
4	**Chương 4: Discourse Processing and Discourse in Language Teaching** **Nội dung:** 1. Discourse Processing 2. Applications in Language Teaching **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên chuẩn bị trình bày theo nhóm các khái niệm theo sự hướng dẫn của giáo viên. - Giảng viên giới thiệu các khái niệm lồng ghép với phần trình bày của sinh viên - Làm bài tập phân tích cách người viết thể hiện thế giới quan thông qua ngôn ngữ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Báo cáo theo nhóm, ghi chép - Làm bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài tập **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 6 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	1] Tran Van Phuoc & Truong Bach Le (2003). *An Introduction to Discourse Analysis*, Hue University College of Pedagogy
	Bài kiểm tra tự luận	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc chấm bài, sửa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Lê Thị Hồng Vân**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ HỌC SO SÁNH ĐỐI CHIẾU
Mã học phần: FL213505

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02 ; Số tín chỉ thực hành:0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành:……..

Học phần học trước: …….

Học phần tiên quyết: ……

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Hoàng Thị Hồng Nhung;

Số điện thoại: 0914 54 08 08; Email: nhunghoang2710@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Học phần ***Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu*** tập trung vào việc giới thiệu những khái niện cơ bản nhất cho người học về ngôn ngữ học đối chiếu, các nguyên tắc và phương pháp của ngôn ngữ học đối chiếu, âm vị học đối chiếu, hình thái học đối chiếu và cú pháp học đối chiếu.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu chung nhất của học phần ***Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu*** là nhằm trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu, cũng như những kiến thức nền tảng để tạo điều kiện cho người học có cơ sở học những môn nâng cao khác như âm vị học, hình thái học, cú pháp học hay từ vựng học.

3.1. Mục tiêu chung:

- **Kiến thức:** Người học được trang bị khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học đối chiếu với những nguyên tắc và phương pháp của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.
- **Kỹ năng:** Người học được trang bị kỹ năng so sánh đối chiếu hai hoặc nhiều ngôn ngữ khác nhau theo những phạm trù so sánh đối chiếu khác nhau và điển hình nhất là so sánh 2 ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh.
- **Thái độ:** Học phần nhằm mục tiêu tạo dựng được niềm yêu thích khám phá sâu hơn về ngôn ngữ nói chung và về 2 ngôn ngữ đang được sử dụng trong lớp là tiếng Anh và tiếng Việt nói riêng. Từ đó, người học có thể học tập tích cực hơn, chủ động hơn trong việc tham gia phát biểu xây dựng bài.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1 Định nghĩa ngôn ngữ học đối chiếu	***I.A.1. Trình bày*** Trình bày được ít nhất 1 định nghĩa của ngôn ngữ học đối chiếu. ***I.A.2. Ghi nhớ***	***I.B.1. Hiểu*** Hiểu được nội dung cốt lõi chung nhất của ngôn ngữ học đối chiếu. ***I.B.2. Phân tích***	***I.C.1. So sánh*** So sánh được sự giống nhau và khác nhau sơ bộ giữa tiếng Anh và tiếng Việt (theo quan

	Ghi nhớ được ít nhất 1 định nghĩa của ngôn ngữ học đối chiếu. ***I.A.3. Nhận diện*** Nhận diện được một số điểm khác biệt giữa hai ngôn ngữ theo định nghĩa của ngôn ngữ học đối chiếu.	Phân tích được sự khác nhau và giống nhau cốt lõi giữa ngôn ngữ học đối chiếu và ngôn ngữ học so sánh. ***I.B.2. Lý giải*** Lý giải được một số điểm giống và khác nhau giữa ngôn ngữ học đối chiếu và ngôn ngữ học so sánh.	điểm cá nhân) ***I.C.2. Đánh giá*** Đánh giá được vai trò của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu như là một phần của ngôn ngữ học ứng dụng. ***I.C.3. Vận dụng*** Vận dụng được tích hợp những kiến thức trên để hoàn thành bài tập nhóm.
Chương 2 Những nguyên tắc và phương pháp của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.	***II.A.1. Trình bày*** Trình bày được những nguyên tắc và phương pháp phổ biến nhất của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu. ***II.A.2. Ghi nhớ*** Có khả năng ghi nhớ được những nguyên tắc và phương pháp phổ biến nhất của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu. ***III.A. 2. Nhận diện*** Có khả năng nhận diện được những nguyên tắc và phương pháp phổ biến nhất của ngôn ngữ học so sánh đối chiếu.	***II.B.1. Hiểu*** Hiểu được nguyên tắc đồng đại trong ngôn ngữ học đối chiếu. ***II.B.2. Phân tích*** Phân tích được phạm vi đối chiếu cần thiết. ***III. B.3. Lý giải*** Lý giải được bản chất của nguyên tắc đồng đại và phạm vi đối chiếu của ngôn ngữ học đối chiếu.	***II.C.1. So sánh*** So sánh được sự tương đồng và khác biệt của những phương pháp so sánh đối chiếu khác nhau như dôí chiếu đơn vị, đối chiếu thành phần, đối chiếu hệ thống và theo 2 chiều. ***II.C.2. Đánh giá*** Đánh giá được điểm mạnh và yếu của những phương pháp đối chiếu nêu trên. ***III. C.3. Vận dụng.*** Vận dụng phù hợp các kiến thức về nguyên tắc và phương pháp đối chiếu nêu trên vào bài tập nhóm.
Chương 3 Âm vị học đối chiếu	***II.A.1. Trình bày*** Trình bày được nội dung chínhc ủa âm vị học đối chiếu. ***II.A.2. Ghi nhớ*** Có khả năng nhớ được nội dung chínhc ủa âm vị học đối chiếu. ***III.A. 2. Nhận diện*** Có khả năng nhận diện bản chất của nội dung chính của	***II.B.1. Hiểu*** Hiểu được hai cách đối chiếu chính trong phần âm vị học là đối chiếu hai hệ thống nguyên âm, và đối chiếu hai hệ thống phụ âm. ***II.B.2. Phân tích*** Phân tích được hai cách đối chiếu chính trong phần âm vị học là đối chiếu hai hệ	***II.C.1. So sánh*** So sánh được hai cách đối chiếu chính trong phần âm vị học là đối chiếu hai hệ thống nguyên âm, và đối chiếu hai hệ thống phụ âm. ***II.C.2. Đánh giá***

	âm vị học đối chiếu.	thống nguyên âm, và đối chiếu hai hệ thống phụ âm. ***III. B.3. Lý giải*** Lý giải được nguyên lý hoạt động cơ bản của hai cách đối chiếu chính trong phần âm vị học là đối chiếu hai hệ thống nguyên âm, và đối chiếu hai hệ thống phụ âm.	Đánh giá được điểm mạnh và yếu của hai cách đối chiếu chính trong phần âm vị học là đối chiếu hai hệ thống nguyên âm, và đối chiếu hai hệ thống phụ âm. ***III. C.3. Vận dụng.*** Vận dụng phù hợp hai cách đối chiếu chính trong phần âm vị học là đối chiếu hai hệ thống nguyên âm, và đối chiếu hai hệ thống phụ âm trong bài tập nhóm.
Chương 4 **Hình thái học đối chiếu**	***II.A.1. Trình bày*** Trình bày được khái niệm cơ bản của hình thái học đối chiếu. ***II.A.2. Ghi nhớ*** Có khả năng nhớ được khái niệm cơ bản của hình thái học đối chiếu. ***III.A. 2. Nhận diện*** Có khả năng nhận diện được khái niệm cơ bản của hình thái học đối chiếu cũng như phạm vị của hình thái học đối chiếu, phương pháp so sánh đối chiếu trong phạm vi hình thái học.	***II.B.1. Hiểu*** Hiểu được cách đối chiếu 2 hệ thống thành lập từ và hai hệ thống từ loại. ***II.B.2. Phân tích*** Phân tích được cách đối chiếu 2 hệ thống thành lập từ và hai hệ thống từ loại. ***III. B.3. Lý giải*** Lý giải được bản chất của cách đối chiếu 2 hệ thống thành lập từ và hai hệ thống từ loại.	***II.C.1. So sánh*** So sánh được cách đối chiếu 2 hệ thống thành lập từ và hai hệ thống từ loại. ***II.C.2. Đánh giá*** Đánh giá được những bước cần tiến hành khi đối chiếu 2 hệ thống thành lập từ và hai hệ thống từ loại.. ***III. C.3. Vận dụng.*** Vận dụng phù hợp hai phương pháp đối chiếu 2 hệ thống thành lập từ và hai hệ thống từ loại vào bài tập nhóm.
Chương 5 **Cú pháp học đối chiếu**		***II.B.1. Hiểu*** Hiểu được bản chất của khái niệm chính của cú pháp học đối chiếu với 3 cấp bậc: cấu trúc cụm từ, cấu trúc mệnh đề và cấu trúc câu.nêu.	***II.C.1. So sánh*** So sánh được cú pháp học đối chiếu với 3 cấp bậc: cấu trúc cụm từ, cấu trúc mệnh đề và cấu trúc câu. ***II.C.2. Đánh giá***

		II.B.2. Phân tích Phân tích được bản chất khái niệm chính của cú pháp học đối chiếu với 3 cấp bậc: cấu trúc cụm từ, cấu trúc mệnh đề và cấu trúc câu. ***III. B.3. Lý giải*** Lý giải được bản chất khái niệm chính của cú pháp học đối chiếu với 3 cấp bậc: cấu trúc cụm từ, cấu trúc mệnh đề và cấu trúc câu.	Đánh giá được khái niệm chính của cú pháp học đối chiếu với 3 cấp bậc: cấu trúc cụm từ, cấu trúc mệnh đề và cấu trúc câu. ***III. C.3. Vận dụng.*** Vận dụng phù hợp cú pháp học đối chiếu với 3 cấp bậc: cấu trúc cụm từ, cấu trúc mệnh đề và cấu trúc câu vào bài tập nhóm.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

1. Bùi Mạnh Hùng (2008) Ngôn ngữ học đối chiếu – NXB Giáo dục.
2. Lê Quang Thiêm (1989, 2004) – Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ- NXB: ĐHTH, ĐHQG, Hà Nội.

5. Tài liệu tham khảo:

1. Breitensten P. H. (1978). The Application of Contrastive Linguistics. In English language teaching Journal, 1(1), p.p. 21-26
2. Fisiak, J. ed. (1981). Contrastive linguistics and the language teacher. Oxford, Pergamon.
3. Di Pietro, R. J. (1971). Language structures in contrast, Rowley, Mass: Newbury House Publisher.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận: lớp sẽ được chia thành nhiều nhóm khác nhau và mỗi nhóm sẽ phụ trách trình bày các điểm từ vựng theo các chủ đề, cũng như giải quyết các bài tập được đề ra theo chủ đề đó.
- Hoàn thành các bài tập được giao: sinh viên bắt buộc phải nộp ít nhất 2 bài tập cá nhân và bài tập nhóm.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Định nghĩa ngôn ngữ học đối chiếu.** 1.1 Ngôn ngữ đối chiếu là gì? 1.2 Ngôn ngữ học đối chiếu và ngôn ngữ học so sánh. 1.3 Ngôn ngữ học đối chiếu như là một phân ngành của ngôn ngữ học ứng dụng. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày mục tiêu chung của	4 tiết	Bùi Mạnh Hùng (2008) Ngôn ngữ học đối chiếu – NXB Giáo dục.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	môn học, quy chế lớp học, định dạng thi hết môn cùng với tiêu chí đánh giá và mục tiêu của bài học - Thảo luận nhóm: thảo luận về định nghĩa của ngôn ngữ học đối chiếu, nội dung chính của ngôn ngữ học đối chiếu, sơ bộ một số cách đối chiếu mà sinh viên biết. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - ghi chép đầy đủ và trình bày theo nhóm. - chuẩn bị câu hỏi và câu trả lời với nhiệm vụ được giao. **Hình thức đánh giá:** - Bằng cách trình bày tại lớp cũng như quá trình làm việc theo nhóm. **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)		
2	**Chương 2. Những nguyên tắc và phương pháp của ngôn ngữ học đối chiếu.** 2.1. Nguyên tắc đồng đại. 2.2. Phạm vi đối chiếu. 2.3. Các phương pháp của ngôn ngữ học đối chiếu 2.3.1. đối chiếu đơn vị 2.3.2. đối chiếu thành phần 2.3.3. đối chiếu hệ thống 2.3.4. đối chiếu 2 chiều **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày những nội dung chính của bài học - thảo luận nhóm hoặc cặp theo những câu hỏi được nêu. - làm bài tập nhóm (bài tập lớn) - trình bày bài tập nhóm (2 tiết) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung buổi học trước khi đến lớp. - Hoạt động theo cặp hoặc nhóm thảo luận các câu hỏi được nêu. - làm bài tập thuyết trình theo nhóm. **Hình thức đánh giá:** - Mức độ tham gia của cá nhân sinh viên trong các hoạt động cặp. - khả năng nắm bắt được những điểm chính phải có trong bài học. - khả năng hoạt động nhóm và kết quả đạt được cho bài trình bày nhóm.	6 tiết	**Giáo trình** Bùi Mạnh Hùng (2008) Ngôn ngữ học đối chiếu – NXB Giáo dục. Và Lê Quang Thiêm (1989, 2004) – Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ- NXB: ĐHTH, ĐHQG, Hà Nội.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)		
3	**Chương 3. Âm vị học đối chiếu** 3.1. Đối chiếu hai hệ thống nguyên âm. 3.2. Đối chiếu hai hệ thống phụ âm. **<u>Hình thức tổ chức dạy học:</u>** - Nghe giảng do giảng viên trình bày những nội dung chính của bài học - thảo luận nhóm hoặc cặp theo những câu hỏi được nêu. - làm bài tập nhóm (bài tập lớn) - trình bày bài tập nhóm (2 tiết) **<u>Yêu cầu sinh viên:</u>** - Đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung buổi học trước khi đến lớp. - Hoạt động theo cặp hoặc nhóm thảo luận các câu hỏi được nêu. - làm bài tập thuyết trình theo nhóm. **<u>Hình thức đánh giá:</u>** - Mức độ tham gia của cá nhân sinh viên trong các hoạt động cặp. - khả năng nắm bắt được những điểm chính phải có trong bài học. - khả năng hoạt động nhóm và kết quả đạt được cho bài trình bày nhóm. Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	6 tiết	Bùi Mạnh Hùng (2008) Ngôn ngữ học đối chiếu – NXB Giáo dục.
4	**Chương 4. Hình thái học đối chiếu** 4.1. Đối chiếu hai hệ thống thành lập từ. 4.2. Đối chiếu hai hệ thống từ loại. **<u>Hình thức tổ chức dạy học:</u>** - Nghe giảng do giảng viên trình bày những nội dung chính của bài học - thảo luận nhóm hoặc cặp theo những câu hỏi được nêu. - làm bài tập nhóm (bài tập lớn) - trình bày bài tập nhóm (2 tiết) **<u>Yêu cầu sinh viên:</u>** - Đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung buổi học trước khi đến lớp. - Hoạt động theo cặp hoặc nhóm thảo luận các câu hỏi được nêu. - làm bài tập thuyết trình theo nhóm.	6 tiết	**<u>Giáo trình</u>** Bùi Mạnh Hùng (2008) Ngôn ngữ học đối chiếu – NXB Giáo dục. Và Lê Quang Thiêm (1989, 2004) – Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ- NXB: ĐHTH, ĐHQG, Hà Nội.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	<u>Hình thức đánh giá:</u> - Mức độ tham gia của cá nhân sinh viên trong các hoạt động cặp. - khả năng nắm bắt được những điểm chính phải có trong bài học. - khả năng hoạt động nhóm và kết quả đạt được cho bài trình bày nhóm. Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)		
5	**Chương 5. Cú pháp học đối chiếu** 5.1. Đối chiếu các cấu trúc cụm từ. 5.2. Đối chiếu các cấu trúc mệnh đề 5.3. Đối chiếu các cấu trúc câu. **<u>Hình thức tổ chức dạy học:</u>** - Nghe giảng do giảng viên trình bày những nội dung chính của bài học - thảo luận nhóm hoặc cặp theo những câu hỏi được nêu. - làm bài tập nhóm (bài tập lớn) - trình bày bài tập nhóm (2 tiết) **<u>Yêu cầu sinh viên:</u>** - Đọc tài liệu và chuẩn bị nội dung buổi học trước khi đến lớp. - Hoạt động theo cặp hoặc nhóm thảo luận các câu hỏi được nêu. - làm bài tập thuyết trình theo nhóm. **<u>Hình thức đánh giá:</u>** - Mức độ tham gia của cá nhân sinh viên trong các hoạt động cặp. - khả năng nắm bắt được những điểm chính phải có trong bài học. - khả năng hoạt động nhóm và kết quả đạt được cho bài trình bày nhóm. Địa điểm học: - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)	6 tiết	**<u>Giáo trình</u>** Bùi Mạnh Hùng (2008) Ngôn ngữ học đối chiếu – NXB Giáo dục. Và Lê Quang Thiêm (1989, 2004) – Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ- NXB: ĐHTH, ĐHQG, Hà Nội.
6	**Ôn tập và kiểm tra** - Những kiến thức chính về các phương pháp ngôn ngữ học đối chiếu. - Bản chất và cách thức tiến hành của mỗi phương pháp ngôn ngữ học đối chiếu.	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%;Trọng số thi kết thúc học phần: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	1%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng tham gia phát biểu, thảo luận và trả lời câu hỏi của giảng viên trên lớp	3%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành bài trình bày của nhóm cũng như những hoạt động của cá nhân vào bài trình bày của nhóm. Khả năng hoạt động theo nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá sinh viên qua việc hoàn thành bài thi hết môn.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá:
  Sinh viên làm bài luận với 3 câu hỏi chính. Trong đó có 1 câu hỏi lý thuyết và hai câu hỏi thực hành.
- Phương pháp đánh giá: bài luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày 26 tháng 10 năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng T. Hồng Nhung**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIAO VĂN HÓA
Mã học phần: FL213509

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Hồ Ngọc Đoan Thư; Số điện thoại: 0914248778;
Email: hongocdoanthu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm phần giới thiệu chung về môn học (các thuật ngữ và các nguyên tắc chung) và 3 chương, nhằm giới thiệu cho người học những khác biệt cơ bản về văn hóa trong giao tiếp giữa văn hóa Hoa Kỳ và một số nền văn hóa khác trong đó có Việt Nam. Nội dung học phần gồm có:

- Các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa.
- Giao tiếp liên văn hóa, gồm các chủ điểm nhưng xưng hô, khen ngợi và thể hiện sự đánh giá cao người giao tiếp.
- Tương tác bằng tiếng Anh: gồm các chủ điểm như thể hiện sự hiểi biết, dẫn dắt cuộc nói chuyện và tương tác trong nhóm.
- Thực hiện các cuộc tiếp xúc liên văn hóa, gồm các chủ điểm: chọn lọc chủ đề đàm thoại, cách bắt đầu cuộc đối thoại và các kỹ thuật để giữ cuộc nói chuyện tiếp tục.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.2.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về sự khác biệt cơ bản về văn hóa trong giao tiếp giữa văn hóa Hoa Kỳ và một số nền văn hóa khác trong đó có Việt Nam. Đồng thời môn học này cũng nhằm giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng và mối liên hệ giữa kiến thức về văn hóa cảu các nền văn hóa khác nhau với việc học và sử dụng tiếng Anh.

3.2.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng nhận biết và sử dụng được một cách linh hoạt hiểu biết về văn hóa trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

3.2.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học. Tạo cho sinh viên ý thức giũ gìn và phát huy các giá trị căn hóa tốt đẹp của nước nhà và thế giới.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: Introduction	I.A.1. Trình bày được các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa I.A.2. Ghi nhớ được các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa I.A.3. Nhận diện được các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa	I.B.1. Hiểu được các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa I.B.2. Phân tích được các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên ăn hóa I.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa I.C.3. Vận dụng được các các thuật ngữ và các

		liên văn hóa	nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 2: Communication Across Culture	II.A.1. Trình bày được khái niệm về cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. II.A.2. Ghi nhớ được cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. II.A.3. Nhận diện được các cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác.	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. II.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. II.C.3. Vận dụng được các cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. trong giao tiếp và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 3: Interaction in English	III.A.1. Trình bày được các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the	III.B.1. Hiểu được các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you

	conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. III.A.2. Ghi nhớ được cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. III.A.3. Nhận diện được cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh.	dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. III.B.2. Phân tích được các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. III.B.2. Lý giải được cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh.	understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. III.C.3. Vận dụng được các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 4: Making contact in another culture	IV.A.1. Trình bày được cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. IV.A.2. Ghi nhớ được cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. IV.A.3. Nhận diện được cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác.	IV.B.1. Hiểu được cách cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. IV.B.2. Phân tích được cách cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. IV.B.2. Lý giải được cách cách giữ cho cuộc	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác được cách cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác để có thể có những phát hiện và đề

		nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác.	xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Levine, D., (2002), *The Culture Puzzle: Cross-Cultural Communication for English as a Second Language.*

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Bửu Đạt (2002), Văn Hóa và Ngôn Ngữ Giao Tiếp của người Việt, Nhà xuất bản Va9n Hóa Thông Tin.

[2] Datesman, M.K., (1994) *The American Way.* New Jersey: Prentice Hall Regents.

[3] Kramsch, C., (1994) *Context and Cutural in Language Teaching.* Hongkong: Oxford University.

[4] Levine, D. R. & Adelman, Mara B. (1982). *Beyon Language:* Intercutural Communication for English as a Second Language.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1: Introduction** **Nội dung:** - Nêu định nghĩa thuật ngữ và các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa - Phân biệt các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận sự khác biệt giữa các khái niệm về những nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 4tiết TL: 4tiết	[1] Datesman, M.K., (1994) *The American Way.* New Jersey: Prentice Hall Regents Chapter 1: Introduction

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
2	**Chương 2:** Communication Across Culture **Nội dung:** - Nêu khái niệm về cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về khái niệm về cách xưng hô (adressing people), cách khen ngợi và bộc lộ sự cảm kích (complimenting and showing appreciation) và cách bộc lộ cảm xúc (expressing emotion) của người Mỹ và người Việt Nam cũng như một số nước khác. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1] Levine, D., (2002), *The Culture Puzzle: Cross-Cultural Communication for English as a Second Language* - adressing people - complimenting and showing appreciation - expressing emotion
3	**Chương 3:** Interaction in English **Nội dung:** - Nêu định nghĩa về các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. - Biết cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các cách bộc lộ rằng mình đang hiểu cuộc nói chuyện (showing that you understand) và cách dẫn dắt cuộc nói chuyện (guiding the conversation) trong giao tiếp bằng tiếng Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1] Levine, D., (2002), *The Culture Puzzle: Cross-Cultural Communication for English as a Second Language* - showing that you understand - guiding the conversation

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 4: Making contact in another culture **Nội dung:** - Nêu các cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. - Luyện tập cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các cách giữ cho cuộc nói chuyện tiếp tục (keeping the conversation moving) và cách chọn chủ đề cho cuộc nói chuyện (choosing conversation topics) trong văn hóa Mỹ và Việt Nam cùng một số nước khác. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1] Levine, D. R. & Adelman, Mara B. (1982). *Beyon Language:* Intercutural Communication for English as a Second Language. - keeping the conversation moving - choosing conversation topics
	TEST	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày 19 tháng 12 năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hồ Ngọc Đoan Thư**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ XÃ HỘI HỌC
Mã học phần: FL215981

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Tự chọn
Giảng viên 1: Họ và tên: Tống Thị Lan Chi ; Số điện thoại: 0985404444;
Email: ttlchi@ttn.edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những kiến thức về mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ và các yếu tố xã hội (như tuổi tác, giới tính, thành phần dân tộc, nghề nghiệp…), các khái niệm về phương ngữ, xã hội ngữ, ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm về phương ngữ, xã hội ngữ, ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông, mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ và các yếu tố xã hội (như tuổi tác, giới tính, thành phần dân tộc, nghề nghiệp…),

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng phân biệt, xác định được mối quan hệ tương hỗ giữa ngôn ngữ và các yếu tố xã hội (như tuổi tác, giới tính, thành phần dân tộc, nghề nghiệp…), các khái niệm về phương ngữ, xã hội ngữ, ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), mối quan hệ giữa ngôn ngữ và truyền thông
nhận biết và sử dụng được hình vị của từ, các loại từ và các phương thức cấu tạo từ ở tiếng Anh.

3.1.3. Thái độ: Tạo cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: Introduction to Sociolinguistics	I.A.1. Trình bày được khái niệm ngôn ngữ xã hội học I.A.2. Ghi nhớ được các cách tiếp cận ngôn ngữ xã hội học khác nhau. I.A.3. Nhận diện được vai trò của nghiên cứu ngôn ngữ xã hội học.	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa ngôn ngữ xã hội học, ngôn ngữ học và xã hội học. I.B.2. Phân tích được các cách tiếp cận ngôn ngữ xã hội học khác nhau. I.B.2. Lý giải được vai trò của nghiên cứu ngôn ngữ xã hội học.	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác sự khác biệt giữa ngôn ngữ xã hội học, ngôn ngữ học và xã hội học. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các cách tiếp cận ngôn ngữ xã hội học khác nhau để có thể có cách tiếp cận môn học phù hợp. I.C.3. Vận dụng được kiến thức về ngôn ngữ xã hội học trong khi học ngôn ngữ, giao tiếp tiếng Anh và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chương 2: Language varieties	II.A.1. Trình bày được khái niệm biến thể ngôn ngữ (language variety), phương ngữ (dialect), cá nhân ngữ (idiolect) xã hội ngữ (sociolect), ngôn ngữ tiêu chuẩn (standard language) II.A.2. Ghi nhớ được sự khác	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa biến thể ngôn ngữ (language variety), phương ngữ (dialect), cá nhân ngữ (idiolect) xã hội ngữ (sociolect), ngôn ngữ tiêu chuẩn (standard	II.C.1. So sánh và xác định đúng đặc điểm của biến thể ngôn ngữ (language variety), phương ngữ (dialect), cá nhân ngữ (idiolect) xã hội ngữ (sociolect), ngôn ngữ tiêu chuẩn (standard language) IIC.2. Đánh giá và làm sáng

	biệt giữa song ngữ (bilingualism), multilingualism (đa ngữ), diaglossia (song thể ngữ) II.A.3. Nhận diện được ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), tiếng bồi, tiếng lai tạp (Pidgin and Creole)	language) II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa song ngữ (bilingualism), multilingualism (đa ngữ), diaglossia (song thể ngữ) II.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), tiếng bồi, tiếng lai tạp (Pidgin and Creole)	tỏ được sự khác nhau giữa song ngữ (bilingualism), multilingualism (đa ngữ), diaglossia (song thể ngữ) II.C.3. Vận dụng được các đặc điểm sự khác biệt giữa ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), tiếng bồi, tiếng lai tạp (Pidgin and Creole) khi đọc tài liệu bằng tiếng Anh.
Chương 3: Language and gender	III.A.1. Trình bày được khái niệm ngôn ngữ kỳ thị giới tính (sexist language) và ngôn ngữ thiên kiến về giống (gender-biased language) III.A.2. Ghi nhớ được cách xác định sự thiên kiến, kỳ thị giới trong ngôn ngữ. III.A.3. Nhận diện được những đặc điểm ngôn ngữ của nam giới và phụ nữ	III.B.1. Hiểu được các khái niệm ngôn ngữ kỳ thị giới tính (sexist language) và ngôn ngữ thiên kiến về giống (gender-biased language) III.B.2. Phân tích được sự thiên kiến, kỳ thị giới trong ngôn ngữ. III.B.2. Lý giải được đặc điểm ngôn ngữ của nam giới và phụ nữ	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các đặc điểm khái niệm ngôn ngữ kỳ thị giới tính (sexist language) và ngôn ngữ thiên kiến về giống (gender-biased language). III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự thiên kiến, kỳ thị giới trong ngôn ngữ và những tác động đến giao tiếp và nhận thức của người sử dụng ngôn ngữ. III.C.3. Vận dụng được kiến thức đặc điểm ngôn ngữ của nam giới và phụ nữ trong giao tiếp tiếng Anh và trong nghiên cứu ngôn ngữ.
Chương 4: Language and the media	IV.A.1. Trình bày được chức năng của truyền thông IV.A.2. Ghi nhớ được mối tương quan giữa ngôn ngữ và truyền thông IV.A.3. Nhận diện được sự tác động của truyền thông qua ngôn ngữ.	IV.B.1. Hiểu được chức năng của truyền thông IV.B.2. Phân tích được mối tương quan giữa ngôn ngữ và truyền thông IV.B.2. Lý giải được sự tác động của truyền thông qua ngôn ngữ.	IV.C.1. Xác định chính xác được chức năng của truyền thông IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được mối tương quan giữa ngôn ngữ và truyền thông IV.C.3. Vận dụng được kiến thức về sự tác động của truyền thông qua ngôn ngữ trong tiếng Anh
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Linda Thomas et al. (2004). *Language, Society and Power*. Routledge Taylor& Francis Group.

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Văn Khang (1999). *Ngôn ngữ xã hội học*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

[2] Florian Coulmas (2005). *Sociolinguistics*. Cambridge University Press.

[3] Ronald Wardhaugh (2006). Introduction to Sociolinguistics. Blackwell Publishing.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1:** Introduction to Sociolinguistics **Nội dung:** - Ngôn ngữ: định nghĩa, ý nghĩa nghiên cứu và vai trò - Khái niệm ngôn ngữ xã hội học và tầm quan trọng của việc nghiên cứu ngữ xã hội học **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Làm bài tập theo nhóm: xác định vại trò ngôn ngữ, phân biệt ngôn ngữ xã hội học, ngôn ngữ học và xã hội học. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu trước - Ghi chép, làm bài tập theo nhóm **Hình thức đánh giá:** Bài tập. **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 1 tiết TL:1tiết	[1] Linda Thomas et al. (2004). *Language, Society and Power.* Routledge Taylor& Francis Group. *Chương 1: Introduction to Sociolinguistics* *1. Why study language?* *2. What is language?* *3. Power* *4. Sociolinguistics*
2	**Chương 2:** Language varieties **Nội dung:** - Khái niệm biến thể ngôn ngữ (language variety), phương ngữ (dialect), cá nhân ngữ (idiolect) xã hội ngữ (sociolect), ngôn ngữ tiêu chuẩn (standard language) - Sự khác biệt giữa song ngữ (bilingualism), multilingualism (đa ngữ), diaglossia (song thể ngữ) - Khái niệm ngôn ngữ cầu nối (lingua franca), tiếng bồi, tiếng lai tạp (Pidgin and Creole) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên chuẩn bị trình bày theo nhóm các khái niệm theo sự hướng dẫn của giáo viên. - Giảng viên giới thiệu các khái niệm lồng ghép với phần trình bày của sinh viên - Thảo luận nhóm về đặc điểm và sự khác nhau giữa các khái niệm. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:**	LT: 6 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1] Linda Thomas et al. (2004). *Language, Society and Power.* Routledge Taylor& Francis Group. *Chương 2: Language varieties* *1. Language variety* *2. Dialect* *3. Sociolect* *4. Standard language* *5. Idiolect* *6. Multilingualism* *7. Diaglossia* *8. Lingua franca, Pidgin and Creole*

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Chương 3:** Language and gender **Nội dung:** - Khái niệm ngôn ngữ kỳ thị giới tính (sexist language) và ngôn ngữ thiên kiến về giống (gender-biased language) - Cách xác định sự thiên kiến, kỳ thị giới trong ngôn ngữ. - Những đặc điểm ngôn ngữ của nam giới và phụ nữ **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên chuẩn bị trình bày theo nhóm các khái niệm theo sự hướng dẫn của giáo viên. - Giảng viên giới thiệu các khái niệm lồng ghép với phần trình bày của sinh viên - Làm bài tập phân tích sự khác nhau giữa ngôn ngữ của nam giới và phụ nữ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Báo cáo theo nhóm, ghi chép - Làm bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài tập **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 6 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	[1] Linda Thomas et al. (2004). *Language, Society and Power.* Routledge Taylor& Francis Group. *Chương 3: Language and gender* *1. How is language sexist?* *1.1. Symmetry and asymmetry* *1.2. Unmarked and marked terms* *1.3. Semantic derogation* *1.4. Sexism in discourse* *2. Do men and women talk differently?* *2.1. How much talk?* *2.2. Turn construction and interruption* *2.3. Back channel support* *2.4. Mitigated and aggravated forms* *2.5. Topic development* *3. Why do men and women talk differently?*
4	**Chương 4:** Language and the media **Nội dung:** - Chức năng của truyền thông - Mối tương quan giữa ngôn ngữ và truyền thông - Sự tác động của truyền thông qua ngôn ngữ. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Sinh viên chuẩn bị trình bày theo nhóm các khái niệm theo sự hướng dẫn của giáo viên. - Giảng viên giới thiệu các khái niệm lồng ghép với phần trình bày của sinh viên - Làm bài tập phân tích cách người viết thể hiện thế giới quan thông qua ngôn ngữ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Báo cáo theo nhóm, ghi chép - Làm bài tập **Hình thức đánh giá:** - Bài tập	LT: 6 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	1] Linda Thomas et al. (2004). *Language, Society and Power.* Routledge Taylor& Francis Group. *Chương 4: Language and the media* *1. The function of the media* *2. Media, language and power* *3. Language and power*

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: Giảng đường		
	Bài kiểm tra tự luận	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc chấm bài, sửa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Tống T. Lan Chi**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: LÝ LUẬN GIẢNG DẠY TIẾNG ANH
Mã học phần: FL213104

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy: Y Tru Alio; Số điện thoại: 0905 155 678; Email:……

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: (ít nhất 150 từ)

Học phần Lý luận giảng dạy tiếng Anh là một trong những học phần cốt lõi, đóng vai trò quan trọng trong đào tạo ngành sư phạm tiếng Anh. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp luận giảng dạy tiếng nói chung và dạy tiếng Anh nói riêng.

Học phần bao gồm 6 chương. Chương 1 cung cấp kiến thức về phương pháp luận dạy tiếng, học tiếng; Chương 2 trình bày về các nguyên tắc dạy và học; Chương 3 nêu đặc điểm của quá trình tiếp thu ngôn ngữ; Chương 4 cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp giảng dạy đã và đang được áp dụng trong giảng dạy ngoại ngữ; Chương 5 trình bày về bối cảnh giảng dạy ngoại ngữ, lứa tuổi,trình độ; Chương 6 đề cập đến việc ứng dụng các phương pháp giảng dạy vào thực tiễn giảng dạy.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

Sinh viên nắm được:

- Các phương pháp luận dạy tiếng và học tiếng, bản chất của quá trình dạy học;
- Các cơ sở nguyên tắc dạy tiếng và học tiếng;
- Quá trình học tiếng và những yếu tố tác động của quá trình học tiếng;
- Bốn phương pháp giảng dạy cơ bản, những ưu và nhược điểm, và ứng dụng vào tình hình học tiếng trong điều kiện ở Việt Nam;
- Phương pháp dạy tiếng theo các trình độ và lứa tuổi đồng thời giới thiệu bối cảnh và tình huống lựa chọn tiếng để dạy trong các viện trường và các công sở.

3.1.2 Kỹ năng:

Sinh viên phát triển kỹ năng phân tích và vận dụng thích hợp các nguyên tắc và phương pháp dạy tiếng.

3.1.3 Thái độ:

Có thái độ khách quan và tích cực khi ứng dụng phương pháp luận dạy tiếng vào công việc giảng dạy

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1 **Methodology**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện bản chất, nguyên tắc trong phương pháp luận dạy tiếng, học tiếng	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được bản chất, nguyên tắc trong phương pháp luận dạy tiếng, học tiếng	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về bản chất, nguyên tắc trong phương pháp luận dạy tiếng, học tiếng trong giảng dạy tiếng Anh.
Chương 2 **Teaching principles**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các nguyên tắc giảng dạy tiếng, học tiếng	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải được các nguyên tắc dạy tiếng, học tiếng	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các hiểu biết về các nguyên tắc trong dạy tiếng, học tiếng trong giảng dạy tiếng Anh.
Chương 3 **Language**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện quá	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng

acquisition and language learning	trình tiếp thu ngôn ngữ và các yếu tố tác động quá trình học tiếng.	giải được quá trình tiếp thu ngôn ngữ và các yếu tố tác động quá trình học tiếng.	các hiểu biết về quá trình tiếp thu ngôn ngữ và các yếu tố tác động quá trình học tiếng trong giảng dạy tiếng Anh.
Chương 4 **Language teaching methods**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các phương pháp giảng dạy từ truyền thống đến hiện đại.	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải các phương pháp giảng dạy từ truyền thống đến hiện đại.	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng kết hợp các phương pháp giảng dạy từ truyền thống đến hiện đại trong quá trình giảng dạy tiếng Anh.
Chương 5 **Context of teaching**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện các bối cảnh giảng dạy liên quan đến lứa tuổi, trình độ.	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải các bối cảnh giảng dạy liên quan đến lứa tuổi, trình độ.	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng, lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp trong giảng dạy tiếng Anh.
Chương 6 **Sociopolitical and institutional contexts**	Sinh viên có khả năng trình bày, ghi nhớ và nhận diện bối cảnh về xã hội, nhà trường trong quá trình triển khai dạy và học ngoại ngữ.	Sinh viên có thể hiểu, biết phân tích và lý giải bối cảnh về xã hội, nhà trường trong quá trình triển khai dạy và học ngoại ngữ.	Sinh viên có thể so sánh, đánh giá và vận dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với bối cảnh xã hội, nhà trường trong quá trình dạy và học tiếng Anh.

4. Tài liệu học tập:

[1] Brown, H. D. (1994). *Teaching by Principles, An Interactive Approach to Language Pedagogy.*

[2] Y Tru Alio (2007). *Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1* (Giáo trình nội bộ), Trường Đại học Tây Nguyên

5. Tài liệu tham khảo:

[3] Barasch, R. M., and James, C.V. (1994). *Beyond The Monitor.*

[4] Cross, D. (1992). *A Practical Handbook of Language Teaching.*

[5] Harmer,J. (1992). *The Practice of English Language Teaching*

[6] Krashen,S.D. (1987). *Principles and Practice in Second Language Acquisition*

[7] Larsen, D. and Freeman (1986). *Techniques and Principles in Language Teaching.*

[8] Nunan, D. (1985). *Language Teaching Course Design, Trends & Issues*

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chapter 1: Methodology** 1.1.The nature of methodology 1.2. Principles 1.3. Techniques 1.4. Approach, Design, Procedure **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên thảo luận **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 05 tiết	[1] [2]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu, thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường		
2	**Chapter 2. Teaching principles** ***2.1 Cognitive Principles*** 2.1.1 Automaticity 2.1.2 Meaningful Learning 2.1.3 Anticipation of Rewards 2.1.4 Intrinsic Motivation 2.1.5 Strategic Investment ***2.2 Affective Principles*** 2.2.1 Language Ego 2.2.2 Self-Confidence 2.2.3 Risk-Taking 2.2.4 Language-Culture Connection ***2.3 Linguistic Principles*** 2.3.1 Native Language Effect 2.3.2 Interlanguage 2.3.3 Communicative Competence **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 10 tiết	[3] [4]
3	**Chapter 3. Language acquisition and language learning** *3.1 Acquisition* 3.1.1 The interference of the first language 3.1.2 What is Foreign Language Acquisition 3.1.3 Competence and Performance *3.2 Learning* 3.2.1 Learning strategy 3.2.2 Learning Styles 3.2.3 Language-Learning Language *3.3 The natural Route of Development* *3.4 Contextual Variation in Language-Learner Language* *3.5 Individual Learner Differences* *3.6 The Role of the Input* *3.7 Learner Processes* *3.8 Types of Learning Associated with the CLT Approach* *3.9 The Role of Formal instruction* *3.10 The Acquisition-Learning Distinction* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 05tiết	[5] [6]
4	**Chapter 4. Language teaching methods** *4.1 The Grammar Translation Method (GTM)* 4.1.1 What is the Grammar Translation Method?	LT: 18 tiết	[7] [8]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.1.2 The major characteristics of the Grammar Translation Method 4.1.3 Principles and techniques of the GTM 4.1.4 Advantages and Disadvantages of the GTM 4.1.5 Implications for Classroom Teaching in Vietnam *4.2 The Direct Method (DM)* 4.2.1 What is the Direct Method? 4.2.2 Some characteristics of the DM 4.2.3 Advantages and Disadvantages of the DM 4.2.4 Implications for Classroom Teaching in Vietnam *4.3 The Audio-Lingual Method (ALM)* 4.3.1 What is the Audio-Lingual Method? 4.3.2 The major characteristics of the ALM 4.3.3 Principles and techniques of the ALM 4.3.4 Advantages and Disadvantages of the ALM 4.3.5 Implications for Classroom Teaching in Vietnam *4.4 The Communicative Language Teaching Method (CLTM)* 4.4.1 What is the Communicative Language Teaching Method (CLTM)? 4.4.2 Some characteristics of the CLTM 4.4.3 Advantages and Disadvantages of the CLTM 4.4.4 Implications for Classroom Teaching in Vietnam *4.5 Conclusion* **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường		
5	**Chapter 5. Context of teaching** *5.1 Teaching Across Age Levels* 5.1.1 Teaching Children 5.1.2 Teaching Adults *5.2 Teaching Across Proficiency Levels* 5.2.1 Teaching Beginning Levels 5.2.2 Teaching Intermediate Levels 5.2.3 Teaching Advanced Levels **Hình thức tổ chức dạy học:** - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 03 tiết	[8]
6	**Chapter 6. Sociopolitical and institutional contexts** 6.1 Sociopolitical Contexts 6.2 Second and Foreign Language Contexts 6.3 English as an International Language 6.4 Language Policy Issues 6.5 Institutional Contexts	LT: 02 tiết	[8]

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức tổ chức dạy học: - Giảng viên trình bày, hướng dẫn sinh viên thảo luận **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu, thảo luận **Địa điểm học:** Giảng đường		
7	**Test**	02 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: **85%**

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua thời gian tham dự học, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	7%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Sinh viên nắm vững kiến thức, vận dụng được kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực phương pháp luận về giảng dạy tiếng Anh.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**TS. Y Tru Alio**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: GIẢNG DẠY LỒNG GHÉP 4 KỸ NĂNG

Mã học phần: FL 213105

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: BB

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần tiên quyết: Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng cho sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh sau khi đã hoàn thành các học phần về năng lực ngôn ngữ và Lí Luận Giảng Dạy Tiếng Anh.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037; Email: hoangxuan2602@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng bao gồm các nội dung sau đây:

- các thuật ngữ phổ biến trong phương pháp giảng dạy Tiếng Anh
- các phần trong một bài dạy tiếng, cách thức luyên tập có ý nghĩa
- cách hướng dẫn thực hiện các hoạt động học tập một cách dễ hiểu
- các thủ thuật dạy phát âm, từ vựng, ngữ pháp
- cách dạy lồng ghép các thành tố và kỹ năng ngôn ngữ.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức

Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh cần thiết khi lên lớp bao gồm kỹ thuật dạy các thành tố và kỹ năng theo kiểu lồng ghép. Nội dung giảng dạy bao gồm:

- Các yếu tố ngôn ngữ và các kỹ năng
- Các giai đọan của một bài học nói
- Các luyện tập có nghĩa
- Dạy cách phát âm
- Dạy từ vựng
- Dạy ngữ pháp
- Lồng ghép các kỹ năng
- Dạy nghe
- Dạy nói
- Dạy đọc
- Dạy viết

3.2.2. Kỹ năng: Sinh viên phát triển kỹ năng

- Phân tích và đánh giá các nguyên tắc dạy lồng ghép kỹ năng.
- Vận dụng vào thực tế giảng dạy lồng ghép các kỹ năng.

3.2.3. Thái độ

- Tích cực vận dụng linh hoạt các chiến thuật trong giảng dạy các kỹ năng.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chapter 1. LANGUAGE ELEMENTS AND SKILLS	I.A.1. Trình bày được các lý thuyết về yếu tố ngôn ngữ. I.A.2. Ghi nhớ được yếu tố ngôn ngữ. I.A.3. Nhận diện được yếu tố ngôn ngữ.	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa yếu tố ngôn ngữ. I.B.2. Phân tích được yếu tố ngôn ngữ. I.B.3. Lý giải được sự khác biệt giữa yếu tố ngôn ngữ.	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các yếu tố ngôn ngữ. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các yếu tố ngôn ngữ. I.C.3. Vận dụng được các đặc điểm trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 2. STAGES OF AN ORAL LESSON	II.A.1. Trình bày các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh. II.A.2. Ghi nhớ được các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh. II.A.3. Nhận diện được các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh.	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh. II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh. II.B.2. Lý giải được sự khác biệt các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh. IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh. II.C.3. Vận dụng được các các giai đoạn dạy trong một bài giảng Tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 3. MEANINGFUL DRILLS	III.A.1. Trình bày được khái niệm các hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh. III.A.2. Ghi nhớ được hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh. III.A.3. Nhận diện được hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh.	III.B.1. Hiểu được khái niệm hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh III.B.2. Phân tích được khái niệm hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh. III.B.2. Lý giải được khái niệm hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh.	III.C.1. So sánh và xác định chính xác hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của khái niệm hình thức luyện tập trong giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 4. TEACHING	IV.A.1. Trình bày được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy cách phát âm	IV.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các

PRONUNCIATION	Tiếng Anh. IV.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy cách phát âm Tiếng Anh. IV.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy cách phát âm Tiếng Anh.	dạy cách phát âm Tiếng Anh. IV.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy cách phát âm Tiếng Anh. IV.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy cách phát âm Tiếng Anh.	dạng thực hành dạy cách phát âm Tiếng Anh. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy cách phát âm Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy cách phát âm Tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 5. TEACHING VOCABULARY	V.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh. V.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh. V.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh.	V.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh. V.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh. V.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh.	V.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh. V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. V.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy từ vựng Tiếng Anh. và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 6. TEACHING GRAMMAR	VI.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng Anh. VI.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng Anh. VI.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng Anh.	VI.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng Anh. VI.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng Anh. VI.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng	VI.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng Anh. VI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp g Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VI.C.3. Vận dụng

		Anh.	được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy ngữ pháp Tiếng Anh. và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 7. INTEGRATING THE SKILLS	VII.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh. VII.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh. VII.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh.	VII.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh. VIIB.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh. VII.B.2. Lý giải đươc đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh.	VII.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh. VII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VII.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành lồng ghép các kỹ năng trong giảng dạy Tiếng Anh, và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 8. TEACHING LISTENING	VIII.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh. VIII.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh. VIII.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh.	VIII.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh. VIII.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh. VIII.B.2. Lý giải đươc đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh.	VIII.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh. VIII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VIII.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nghe Tiếng Anh. và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 9. TEACHING	IX.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nói	IX.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành	IX.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các

SPEAKING	Tiếng Anh. IX.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nói Tiếng Anh. IX.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nói Tiếng Anh.	dạy nói Tiếng Anh. IX.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nói Tiếng Anh. IX.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nói Tiếng Anh.	dạng thực hành dạy nói Tiếng Anh. IX.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nói Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IX.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy nói Tiếng Anh. và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 10. TEACHING READING	X.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh. X.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh. X.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh.	X.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh. X.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh. X.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh.	X.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh. X.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. X.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy đọc Tiếng Anh, và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 11. TEACHING WRITING	XI.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh. XI.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh. XI.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh.	XI.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh. XI.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh. XI.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh.	XI.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh. XI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành dạy viết Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. XI.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành

			dạy viết Tiếng Anh. và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

4. Tài liệu học tập:

- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. Doff, A. (1988) *Teach English.* Cambridge University Press.

[2]. Cross, D. (1995). *A Practical Handbook of Language Teaching*. Prentice Hall International.

[3]. Harmer.J (1996) *The practice of English Language Teaching*. Longman Group Limited

[4]. Harmer. J(1998). *How to Teach English*. Longman

[5].Barker J.& Westrup H.(2000) . *The English Language Teacher's Handbook*. Continuum

[6]. Nguyen Bang et al (2003). *English Language Teaching Method*. Hanoi

[7]. Nelson (1991). *At the Chalkface*. Edward Arnold Ltd.

[8]. Tạ Tiến Hùng & Nguyễn Văn Độ.(1994) *Methodology HandBook for VietNam*. Hanoi

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	1.1 Pronunciation 1.1.1. Sounds 1.1.2. Stress 1.1.3. Intonation 1.2. Grammar 1.3. Vocabulary 1.1.4. Discourse 1.4.1 Appropriacy	LT: 2tiết BT: 2 tiết	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ
	1.4.2. Structuring discourse 1.5. Language skills 1.5.1. Skins 1.5.2. Sub-skills 2.1. The presentation stage 2.1.1. The language items to present 2.1.2. The purpose of the presentation stage 2.1.3. Contexts for presentation 2.1.4. Procedures for presentation 2.2. The practice stage 2.2.1. The features of practice stage work		

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.2.2. Controlling language at the practice stage 2.3.Practice stage procedures 2.3. The production stage 2.3.1. The role of the production stage 2.3.2. Types of activity Exercise **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Chương 3** **Nội dung:** 3.1. Using drills 3.2. The principles of a drill 3.3. Kinds of drills 3.3.1. The repetition drill 3.3.2. Chaining 3.3.3. The substitution drill 3.3.4. The ripple drill 3.3.4 Chinese whispers 3.3.5. Incremental drill 3.3.6. The transformation drill 3.3.7. Variational drills Discussion Exercise **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 1t BT:1 t	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ
	Chương 4& Chương 5 **Nội dung:** 4.1. Teaching the sounds of English	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.2. Principles for teaching English sounds 4.3. Steps for Teaching and Practicing Sounds 4.4. Some activities for teaching sounds: 4.5. Stress in English and some activities for practicing stress 4.6 Teaching intonation Discussion and exercise 5.1. Vocabulary: What need to be taught? 5.2 Techniques of presentation 5.2.1. Ostensive means 5.2.2 Verbal definition 5.2.3 Audio presentation 5.2.4 Running context 5.3. Choosing which vocabulary to present 5.4. Presentation procedure 5.5 The importance of review **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
5	**Chương 6 & chương 7** 6.1. Methods of teaching grammar 6.1.1. The deductive method 6.1.2. The inductive method 6.1.3. The eclectic way 6.2. Principles for teaching grammar 6.3. Steps for introducing grammar structures 6.4. Examples of grammar teaching 6.4.1. Introducing tenses 6.4.2. Practising tenses 6.4.3 Examples of grammar practice activities 6.4.4 Conclusion 7.1. What are integrated skills? 7.2. Why integrate the skills? **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày	LT: 2tiết BT: 2 tiết	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 8 8.1. Listening skills 8.2. Principles for teaching listening 8.3. Activities for listening practice and communication Discussion **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ
	Chương 9 9.1 Why encourage students to do speaking tasks 9.2. Principles for teaching speaking 9.3. Activities for speaking Example activities for communication 9.4. Dialogues 9.4.1 Steps to writing a dialogue 9.4.2. Dialogue presentation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ
	Chương 10 10.1. Reading skills 10.2. Principles for teaching reading	LT: 2tiết BT: 2 tiết	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	10.3. Steps for presenting a reading text 10.4. Reading exercise and activities Exercise **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 11 11.1. The process of writing 11.2. The progression of writing 11.3. Kinds of writing 11.4. Principles for teaching writing 11.5. Feedback in writing 11.6. Exercises and activities for teaching writing Discussion **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 1 tiết	- Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ
	Test	1t	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Thị Xuân**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ LỚP HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ
Mã học phần: FL213106

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần tiên quyết:

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành sư phạm. Sinh viên đã học 5 học kỳ và đã có một năng lực ngôn ngữ ở trình độ trung cấp, đã học môn Lý luận giảng dạy tiếng Anh và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 lồng ghép 4 kỹ năng. Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về quản lý lớp học và phương pháp sử dụng dụng cụ trực quan.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976;

Email: v07tinbt@gmail.com

Giảng viên 2: Giảng viên đảm nhận học phần phương pháp giảng dạy thuộc khoa Ngoại ngữ

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm 5 chương cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về phương pháp sử dụng giáo cụ dạy học, phương pháp tổ chức lớp, phương pháp phát vấn, khích lệ người học tham gia xây dựng bài. Cụ thể là, chương 1 nói về sử dụng giáo cụ trực quan. Chương 2 liên quan đến việc sử dụng bảng; chương 3 tập trung vào các vấn đề về các kỹ thuật khích lệ người học phát vấn; chương 4 về cách xử lý và sửa lỗi cho người học; chương 5 xoay quanh cách tổ chức hoạt động cặp và nhóm.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học phần giúp sinh viên ngành sư phạm nắm vững về phương pháp giảng dạy. Cụ thể là cách thức quản lý lớp học và phương pháp tổ chức lớp học sao cho đạt được hiệu quả cao nhất, cũng giúp người học có được kiến thức về phương pháp sử dụng các dụng cụ trực quan và nhận thức rõ về tầm quan trọng của chúng trong giảng dạy. Thông qua đó người học có thể tự tin tổ chức hoạt động dạy học để giờ học đạt hiệu quả cao.

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về những nội dung sau:

- Sử dụng giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Anh,
- Sử dụng bảng phấn,
- Sử dụng các kỹ thuật kích lệ người học phát biểu xây dựng bài,
- Sửa lỗi cho người học,
- Tổ chức hoạt động theo cặp và nhóm,

3.1.2. Kỹ năng:

- Sinh viên có khả năng vận dụng các các chiến thuật để đạt hiệu quả trong quản lý lớp hoc.
- Sinh viên có khả năng sử dụng các dụng trực quan phục vụ cho giảng dạy một cách có hiệu quả.

3.1.3. Thái độ:

Sinh viên sáng tạo vận dụng cách thức quản lý lớp học tiếng Anh và sáng tạo trong giảng dạy. Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: Using visual aids	I.A.1. Trình bày được tầm quan trọng của giáo cụ trực quan I.A.2. Ghi nhớ được các mặt lợi thế của việc sử dụng giáo cụ trực quan trong dạy tiếng Anh I.A.3. Nhận diện được các loại giáo cụ trực quan	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các loại giáo cụ trực quan I.B.2. Phân tích được mặt lợi thế của việc sử dụng giáo cụ trực quan trong dạy tiếng Anh I.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa các laoij giáo cụ trực quan	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác ưu thế của các loại giáo cụ trực quan khác nhau I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được tầm quan trọng của việc sử dụng giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. I.C.3. Vận dụng được các ưu điểm của giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 2: Using the blackboard	II.A.1. Trình bày được ưu điểm của việc sử dụng bảng phấn II.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc khi sử dụng bảng II.A.3. Nhận diện được các nguyên tắc khi sử dụng bảng	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa việc trình bày bảng cho việc giảng dạy các kỹ năng khác nhau II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa việc trình bày bảng cho việc giảng dạy các kỹ năng khác nhau trong tiếng Anh. II.B.2. Lý giải đươc sự khác nhau giữa việc trình bày bảng cho việc giảng dạy các kỹ năng khác nhau	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các nguyên tắc sử dụng bảng trong giảng dạy. IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa việc trình bày bảng cho việc giảng dạy cho các kỹ năng khác nhau để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. II.C.3. Vận dụng được các nguyên tắc khi sử dụng bảng trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 3: Eliciting	III.A.1. Trình bày được tầm quan trọng của việc khích lệ người học phát biểu xây dựng bài III.A.2. Ghi nhớ được các cách khích lệ người học phát biểu xây dựng bài III.A.3. Nhận diện được các cách khích lệ người học phát	III.B.1. Hiểu được tầm quan trọng của việc khích lệ người học phát biểu xây dựng bài III.B.2. Phân tích được các cách khác nhau khích lệ người học phát biểu xây dựng bài III.B.2. Lý giải đươc sự	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các cách khác nhau khích lệ người học phát biểu xây dựng bài III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các cách khích lệ người học phát biểu xây dựng bài để có

	biểu xây dựng bài	các cách khích lệ người học phát biểu xây dựng bài	thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các cách khích lệ người học phát biểu xây dựng bài trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 4: Correction	IV.A.1. Trình bày được tầm quan trọng của việc sửa lỗi cho người học IV.A.2. Ghi nhớ được bản chất của việc sửa lỗi IV.A.3. Nhận diện được các cách sửa lỗi	IV.B.1. Hiểu được tầm quan trọng và bản chất của việc sửa lỗi IV.B.2. Phân tích được các cách sửa lỗi khác nhau IV.B.2. Lý giải được các cách sửa lỗi	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác cách xử lý lỗi khác nhau IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các được các cách sửa lỗi để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được bản chất và các cách sửa lỗi trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 5 Using pair work and group work	V.A.1. Trình bày được tầm quan trọng của hoạt động cặp và nhóm V.A.2. Ghi nhớ được những vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm V.A.3. Nhận diện được những vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm	V.B.1. Hiểu được các vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm V.B.2. Phân tích được các vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm V.B.2. Lý giải được vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm	V.C.1. So sánh và xác định chính xác được các vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. V.C.3. Vận dụng được các giải pháp cho các vấn đề nảy sinh khi tổ chức hoạt động cặp và nhóm trong giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Giáo Trình Phương Pháp Giảng Dạy do Bộ Môn biên soạn và lưu hành nội bộ

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Andrian Doff (1988). *Teach English*. Scotland: CUP

[2] Jeremy Harmer (1996). *The Practice of English Language Teaching*. Longman London and New York

[3] Michael H.Long & Jack C. Richards (1987). Methodology in TESOL. Heinle &Heinle Publishers

[4] Sách giáo khoa tiếng Anh 10, 11, 12.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1:** Using visual aids **Nội dung:** - Tầm quan trọng của giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Anh - Các loại giáo cụ trực quan: lợi thế khi sử dụng, cách làm và cách sử dụng **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận về tầm quan trọng của việc sử dụng giáo cụ trực quan và lợi thế của việc sử dụng chúng **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng làm các giáo cụ trực quan cho bài giảng **Hình thức đánh giá:** Khả năng vận dụng và làm giáo cụ trực quan cho giảng dạy **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 2 tiết TL:1tiết	1. Importance of using visual aids 2. Real objects- Uses of real objects 3. Flash cards 3.1.Advantages of using flash cards 3.1.Making flash cards 3.2.Examples of flash cards and their uses 4. Charts 4.1.Advantages of showing pictures on a chart 4.2.Examples of charts and their uses
2	**Chương 2:** Using the blackboard **Nội dung:** - Ưu thế của việc sử dụng bảng phấn - Các nguyên tắc khi sử dụng bảng - Các kỹ thuật trình bày bảng **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các nguyên tắc trình bày bảng	LT: 2 tiết BT: 3 tiết TL: 1 tiết	1. Advantages of blackboard work 2. Some gold rules for using the blackboard properly 3. Blackboard models 3.1.Laying out grammar structures 3.2.Language practice tables 4. Blackboard drawings

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng các nguyên tắc và trình bày bảng theo yêu cầu **Hình thức đánh giá:** - Khả năng trình bày bảng khi đứng lớp. **Địa điểm học:** Giảng đường		
3	**Chương 3:** Eliciting **Nội dung:** - Tầm quan trọng của việc kích lệ người học phát biểu xây dựng bài - Các kỹ thuật kích lệ người học phát biểu xây dựng bài - Quản lý lớp học **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các kỹ thuật khác nhau để có thể kích lệ người học phát biểu xây dựng bài **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để kích lệ người học phát biểu xây dựng bài thông qua tình huống giảng viên đưa ra **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và giải quyết tình huống **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 2 tiết TL: 1 tiết	1. Importance of eliciting 2. Ways of eliciting 2.1.Teacher- student eliciting 2.2.Getting students to questions each other 3. Managing the class during question time 4. Coping with mixed ability classes
	Chương 4: Correction **Nội dung:** - Lỗi và bản chất của lỗi - Cách sửa lỗi cho người học **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các cách sửa lỗi cho người học với từng kỹ năng khác nhau **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để sửa lỗi cho người học	LT: 2 tiết BT: 2 tiết TL: 1 tiết	1. Significance of errors and mistakes 2. Errors and mistakes and their nature 2.1.Mistakes and their nature 2.2.Errors and their nature 3. Dealing with mistakes and errors 3.1 Approaches to correction 3.2.Dealing with spoken errors 3.3.Dealing with written errors

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức đánh giá: - Khả năng vận dụng và sửa lỗi cho người học **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chapter 5: Using pair work and group work **Nội dung:** - Tầm quan trọng của hoạt động theo cặp và nhóm trong giảng dạy tiếng Anh - Các vấn đề nảy sinh và các giải pháp khắc phục - Cách tổ chức hoạt động cặp và nhóm **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các vấn đề có thể nảy sinh khi cho học sinh hoạt động theo cặp và nhóm và cách giải quyết **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng tổ chức hoạt động theo cặp và nhóm cho người học **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và tổ chức hoạt động theo cặp và nhóm **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết TL: 1 tiết	1. Significance of pair work and group work 2. Problems with pair work and group work and solutions 2.1.Incorrectness 2.2. Noise 2.3.The use of the mother tongue 3. Organizing pair work 3.1. The teacher's role during pair work 3.2. Introducing pair work 3.3. Forming pair work 3.4.Steps in using pair work 3.5. Suitable activities for pair work 4. Organizing for group work 4.1.The role of the teacher in group work 4.2. Suitable group work tasks
	TEST	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng	4%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S. Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S. Bùi Thị Tịnh**	**Th.S. Nguyễn Lệ Hằng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: THIẾT KẾ GIÁO ÁN DẠY HỌC NGOẠI NGỮ
Mã học phần: FL213107

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần tiên quyết:

Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành sư phạm. Sinh viên đã học 7 học kỳ và đã có một năng lực ngôn ngữ ở trình độ trung cao cấp, đã học môn Lý luận giảng dạy tiếng Anh, phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 lồng ghép 4 kỹ năng và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 3. Môn học này hoàn chỉnh về phương pháp giảng dạy cho sinh viên trước khi ra trường.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Lệ Hằng; Số điện thoại: 0946878282;

Email: hangnguyenle72@gmail.com

Giảng viên 2: Giảng viên đảm nhận học phần phương pháp giảng dạy thuộc khoa Ngoại Ngữ Thông.

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này gồm 7 đơn vị bài cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về phương pháp phương pháp soạn giáo án nói chung cũng như phương pháp soạn giáo án dạy các kỹ năng ngôn ngữ nói riêng để phục vụ việc soạn giáo án môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông.

Bài 1 khái quát hóa về việc soạn giáo án bao gồm khái niệm, lợi ích của việc soạn giáo án, các yếu tố cần phải xem xét khi soạn 1 giáo án cũng như các thành phần cần có của 1 giáo án. Bài 2 về giáo án cho kỹ năng đọc. Bài 3 về giáo án cho kỹ năng nói. Bài 4 xoay quanh việc sọan giáo án cho dạy phát âm. Phương pháp soạn giáo án cho môn viết, nghe và ngữ pháp được trình bày ở bài 5, 6 và 7.

.3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học phần giúp sinh viên ngành sư phạm nắm vững các bước cơ bản của việc soạn giáo án cấp trung học phổ thông và cách tiến hành thực hiện soạn giáo án cho từng kỹ năng ngôn ngữ. Thông qua đó sinh viên có khả năng tham khảo, nghiên cứu nắm vững giáo trình giảng dạy tiếng Anh cấp trung học phổ thông từ đó tự tin đứng lớp.

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về phương pháp soạn giáo án và thực hiện giáo án giảng dạy tiếng Anh cấp trung học phổ thông

3.1.2. Kỹ năng:

- Sinh viên có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn của việc soạn giáo án,
- Sinh viên có thể soạn giáo án giảng dạy tiếng Anh cho các kỹ năng khác nhau.

3.1.3. Thái độ:

Sinh viên tự tin trước khi soạn 1 giáo án khi đứng lớp đồng thời phát triển thái độ tìm tòi học hỏi trong công việc soạn giáo án.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Unit 1: Lesson Planning	I.A.1. Trình bày được định nghĩa về giáo án I.A.2. Ghi nhớ được các mặt lợi ích của việc soạn giáo án trong giảng dạy I.A.3. Nhận diện được 1 giáo án được biên soạn tốt	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các thành phần của 1 giáo án I.B.2. Phân tích được những yếu tố cần phải xem xét khi soạn 1 giáo án I.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa các thành phần của 1 giáo án	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các giai đoạn chính của 1 bài giảng I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được tầm quan trọng của việc soạn giáo án trong giảng dạy tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. I.C.3. Vận dụng được các ưu điểm của việc soạn giáo án trong giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Unit 2: A Lesson Plan for Reading	II.A.1. Trình bày được các bước cơ bản của 1 giáo án đọc II.A.2. Ghi nhớ được các bước chính của 1 giáo án đọc II.A.3. Nhận diện được các bước chính của 1 giáo án đọc	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các bước cơ bản của 1 giáo án đọc II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa các bước cơ bản của 1 giáo án đọc II.B.2. Lý giải đươc sự khác nhau giữa các bước cơ bản của 1 giáo án đọc	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các các bước cơ bản của 1 giáo án đọc IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa các bước cơ bản của 1 giáo án đọc để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. II.C.3. Vận dụng được các nguyên tắc khi tiến hành giáo án dạy đọc trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

Unit 3: A Lesson Plan for Speaking	III.A.1. Trình bày được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói III.A.2. Ghi nhớ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói III.A.3. Nhận diện được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói	III.B.1. Hiểu được tầm quan trọng của các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói III.B.2. Phân tích được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói III.B.2. Lý giải đươc các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nói trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 4: A Lesson Plan for Teaching Pronunciation	IV.A.1. Trình bày được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm IV.A.2. Ghi nhớ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm IV.A.3. Nhận diện được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm	IV.B.1. Hiểu được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm IV.B.2. Phân tích được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm IV.B.2. Lý giải được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được bản chất và các bước cơ bản của 1 giáo án dạy luyện âm trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 5 A Lesson Plan for Writing	V.A.1. Trình bày được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết V.A.2. Ghi nhớ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết V.A.3. Nhận diện được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết	V.B.1. Hiểu được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết V.B.2. Phân tích được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết V.B.2. Lý giải đươc các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết	V.C.1. So sánh và xác định chính xác được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. V.C.3. Vận dụng được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy viết trong

			giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 6 A Lesson Plan for teaching Language Focus	VI.A.1. Trình bày được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp VI.A.2. Ghi nhớ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp VI.A.3. Nhận diện được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp	VI.B.1. Hiểu được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp VI.B.2. Phân tích được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp VI.B.2. Lý giải đươc các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp	VI.C.1. So sánh và xác định chính xác được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp VI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp VI.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của các bước cơ bản của 1 giáo án dạy ngữ pháp trong giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 7 A Lesson Plan for Listening	VII.A.1. Trình bày được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nghe VII.A.2. Ghi nhớ được lợi ích của việc sọa giáo án VI.A.3. Nhận diện được thành phần chính của 1 giáo án	I.B.1. Hiểu được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nghe VII.B.2. Phân tích được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nghe VII.B.2. Lý giải đươc các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nghe	VII.C.1. So sánh và xác định chính xác được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nghe VII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nghe VII.C.3. Vận dụng được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy nghe trong giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

4. Tài liệu học tập:

[1] Giáo Trình Phương Pháp Giảng Dạy do Bộ Môn biên soạn và lưu hành nội bộ

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Andrian Doff (1988). *Teach English*. Scotland: CUP

[2] Jeremy Harmer (1996). *The Practice of English Language Teaching*. Longman London and New York

[3] Michael H.Long & Jack C. Richards (1987). Methodology in TESOL. Heinle &Heinle Publishers

[4] Sách giáo khoa tiếng Anh 10, 11, 12.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Unit 1: Lesson Planning** **Nội dung:** - Định nghĩa về giáo án - Lợi ích của việc soạn giáo án - Những yếu tố cần xem xét khi soạn 1 giáo án - Các thành phần chính của 1 giáo án - Một giáo án được phát triển tốt - Các giai đoạn chính của 1 bài giảng **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận về tầm quan trọng của việc soạn giáo án, các yếu tố cần xem xét, các thành phần chính của 1 giáo án cũng như các bước chính của 1 bài giảng. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng viết mục tiêu cho 1 bài giảng trong sách giáo khoa tiếng Anh lớp 10 hoặc 11 **Hình thức đánh giá:** Khả năng vận dụng và viết mục tiêu cho bài giảng **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TL:1tiết	- **Tài liệu Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh do bộ môn biên soạn** - **Tiếng Anh 10 & 11** 1. What's a lesson plan? 2. The benefits of planning 3. What to consider when writing a lessonplan 4. Key components of a lesson plan 5. A well-developed lesson plan 6. Main stages of a lesson
2	**Unit 2: A Lesson Plan for Reading** **Nội dung:** Các bước cơ bản của 1 giáo án đọc **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài đọc **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để soạn 1 giáo án cho 1 bài đọc trong sách Tiếng Anh 10 & 11 **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và soạn giáo án **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	- **Tài liệu Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh do bộ môn biên soạn** - **Tiếng Anh 10 & 11** **1.** Stages of planning a reading lesson **2.** Practice planning a reading lesson
	Unit 3: A Lesson Plan for Speaking **Nội dung:**	LT: 2 tiết	

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Các bước cơ bản của 1 giáo án nói **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài nói **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để soạn 1 giáo án cho 1 bài nói trong sách Tiếng Anh 10 & 11 **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và soạn giáo án **Địa điểm học:** Giảng đường	BT: 1 tiết TL: 1 tiết	- **Tài liệu Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh do bộ môn biên soạn** - **Tiếng Anh 10 & 11** 1. Stages of planning a speaking lesson 2. Practice planning a speaking lesson
	Unit 4: Pronunciation **Nội dung:** Các bước cơ bản cho 1 giáo án dạy luyện âm **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các bước dạy luyện âm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng luyện âm trong sách Tiếng Anh 10 & 11 **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và soạn giáo án **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	- **Tài liệu Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh do bộ môn biên soạn** - **Tiếng Anh 10 & 11** 1. Features of a good pronunciation task 2. Stages of planning a pronunciation lesson 3. Practice planning a pronunciation lesson
	Chương 5: A Lesson for a Writing Lesson **Nội dung:** Các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng viết **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng viết **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để soạn 1 giáo án cho 1 bài viết trong sách Tiếng Anh 10 & 11 **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và soạn giáo án	LT: 2tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	- **Tài liệu Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh do bộ môn biên soạn** - **Tiếng Anh 10 & 11** 1. Stages of a writing lesson 2. Practice planning a writing lesson

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: Giảng đường		
	Unit 6: A Lesson Plan for Teaching Language Focus **Nội dung:** - Các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng ngữ pháp **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng ngữ pháp **Hình thức tổ chức dạy học:** **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng ngữ pháp trong sách Tiếng Anh 10 & 11 **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và soạn giáo án **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	- **Tài liệu Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh do bộ môn biên soạn** - **Tiếng Anh 10 & 11** 1. Basic procedures for planning a grammar lesson 2. Practice Planning a grammar lesson
	Unit 7: A Lesson Plan for a Listening lesson **Nội dung:** - Đặc điểm của dạng bài tập nghe - Các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng nghe **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng nghe **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng lý thuyết để soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng nghe trong sách Tiếng Anh 10 & 11 **Hình thức đánh giá:** - Khả năng vận dụng và soạn giáo án **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TL: 1 tiết	- **Tài liệu Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh do bộ môn biên soạn** - **Tiếng Anh 10 & 11** 1. Features of a good listening task 2. Stages of planning a listening lesson 3. Practice planning a listening lesson
	TEST	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	3%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S. Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S. Bùi Thị Tịnh**	**Th.S. Nguyễn Lệ Hằng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HỌC PHẦN: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ

Mã học phần: FL 213108

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2

Loại môn học: BB

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần PPKTĐG cho sinh viên ngành sư phạm Tiếng Anh thường sau khi đã hoàn thành các học phần về năng lực ngôn ngữ và kiến thức về nghiệp vụ.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037; Email: hoangxuan2602@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần PPKTĐG bao gồm các nội dung sau đây:

- các thuật ngữ phổ biến trong kiểm tra đánh giá
- các dạng kiểm tra và đánh giá các kỹ năng và yếu tố ngôn ngữ.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức

Cung cấp cho sinh viên kiến thức và cách tiến hành kiểm tra đánh giá kỹ năng và các yếu tố ngôn ngữ trong lĩnh vực ngôn ngữ, bao gồm các vấn đề:

- Giới thiệu về việc đánh giá ngôn ngữ
- Các hình thức đánh giá
- Kiểm tra ngữ pháp
- Kiểm tra từ vựng
- Kiểm tra đọc hiểu
- Kiểm tra nghe
- Kiểm tra nói
- Kiểm tra viết
- Các tiêu chí để đánh giá một bài kiểm tra

3.2.2. Kỹ năng: Sinh viên phát triển kỹ năng

- Phân tích và đánh giá các hình thức kiểm tra đánh giá.
- Vận dụng vào thực tế thiết kế các dạng bài kiểm tra đánh giá.

3.2.3. Thái độ:

- Tích cực vận dụng linh hoạt các chiến thuật trong kiểm tra đánh giá các kỹ năng và các yếu tố ngôn ngữ.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chapter 1. ASSESEMENT	I.A.1. Trình bày được các lý thuyết về việc đánh giá. I.A.2. Ghi nhớ được lý thuyết về việc đánh giá. I.A.3. Nhận diện được lý	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa lý thuyết về việc đánh giá. I.B.2. lý thuyết về việc đánh giá.	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các lý thuyết về việc đánh giá. I.C.2. Đánh giá và

	thuyết về việc đánh giá	I.B.3. Lý giải được sự khác biệt giữa lý thuyết về việc đánh giá.	làm sáng tỏ được các lý thuyết về việc đánh giá. I.C.3. Vận dụng được các lý thuyết về việc đánh giá tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chapter 2. INTRODUCTION TO LANGUAGE TESTING	II.A.1. Trình bày các lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh. II.A.2. Ghi nhớ được lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh II.A.3. Nhận diện được các lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa các lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh. II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa các lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh II.B.2. Lý giải được sự khác biệt các lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa các lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh II.C.3. Vận dụng được các các lý thuyết về việc kiểm tra Tiếng Anh Tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 3. THE CRITERIA OF A GOOD TEST	III.A.1. Trình bày được khái niệm các tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt. III.A.2. Ghi nhớ được tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt. III.A.3. Nhận diện được tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt.	III.B.1. Hiểu được tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt. III.B.2. Phân tích được tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt. III.B.2. Lý giải được tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt.	III.C.1. So sánh và xác định chính xác tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các đặc điểm tiêu chí của một bài kiểm tra tiếng Anh tốt trong thiết kế bài kiểm tra đánh giá và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ.
Chapter 4. OBJECTIVE TESTING	IV.A.1. Trình bày được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá khách quan Tiếng Anh. IV.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá khách quan	IV.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các đánh giá khách quan Tiếng Anh. IV.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá khách quan Tiếng Anh. IV.C.2. Đánh giá và

	Tiếng Anh. IV.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá khách quan Tiếng Anh.	khách quan Tiếng Anh. IV.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá khách quan Tiếng Anh.	làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các đánh giá khách quan Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá khách quan Tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ.
Chapter 5. TESTS OF GRAMMAR AND USAGE	V.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh. V.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh. V.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh.	V.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh. V.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh. V.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh.	V.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh. V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. V.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra ngữ pháp Tiếng Anh. và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ.
Chapter 6. TESTING VOCABULARY	VI.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh. VI.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh. VI.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh.	VI.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh. VI.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh. VI.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh.	VI.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh. VI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu.

			VI.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra từ vựng Tiếng Anh. và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chapter 7. TESTING READING COMPREHENSION	VII.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh. VII.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh. VII.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh.	VII.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh. VIIB.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh. VII.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh.	VII.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh. VII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VII.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng đọc hiểu Tiếng Anh, và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ.
Chapter 8. **LISTENING COMPREHENSION TESTS**	VIII.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh. VIII.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh. VIII.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh.	VIII.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh. VIII.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh. VIII.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh.	VIII.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh. VIII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. VIII.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nghe hiểu Tiếng Anh, và trong công

			tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ.
Chapter 9 **ORAL PRODUCTION TESTS**	IX.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh. IX.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh. IX.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh.	IX.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh. IX.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh. IX.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh.	IX.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh. IX.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng thực hành đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh, để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IX.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các đánh giá kiểm tra kỹ năng nói Tiếng Anh trong công tác KTĐG và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ.
Chapter 10. **TESTING THE WRITING SKILLS**	X.A.1. Trình bày được khái niệm đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh. X.A.2. Ghi nhớ được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh. X.A.3. Nhận diện được các đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh.	X.B.1. Hiểu được đặc điểm, nguyên tắc, các đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh. X.B.2. Phân tích được đặc điểm, nguyên tắc, các đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh. X.B.2. Lý giải được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh.	X.C.1. So sánh và xác định chính xác đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh. X.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm, nguyên tắc các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh., để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. X.C.3. Vận dụng được đặc điểm, nguyên tắc, các dạng đánh giá kiểm tra kỹ năng viết Tiếng Anh trong công tác KTĐG và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

- Tài liệu chính: Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests.* Longman Group UK Ltd.

5. Tài liệu tham khảo:

[1]. Hughes Arthur (1991). *Testing for Language Teacher*. Cambridge University Press

[2]. Bachman L.F (1990). *Fundamental Considerations in Language Testing*. Oxford University Press

[3] *Coombe,C & Folse,K & Hubley.N (2007). A Practical Guide to Assessing English Language Learners*. The University of Michigan Press

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	1. Chương 1 & chương 2 1.1 The prurposes of assessment 1.2 Types of assessment 1.3 The process of planning asessment 2.1 Testing and teaching 2.2 Why test? 2.3 What should be tested and to what standard? 2.4 Testing the language skills 2.5 Testing language areas 2.6 Language skills and language elements 2.7 Recognition and production 2.8 Problems of sampling 2.9 Avoiding traps for the students **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests*. Longman Group UK Ltd.
3	Chương 3 3.1. Validity 3.2. Reliability 3.3. Reliability versus validity 3.4. Discrimination 3.5. Administration **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm	LT: 1t BT:1 t	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests*. Longman Group UK Ltd.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 4 *4*.1 Subjective and objective testing 4.2 Objective tests 4.3 Multiple-choice items: general 4.4 Multiple-choice items: the stem/ the correct option/the distractors 4.5 Writing the test **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests.* Longman Group UK Ltd.
5	Chương 5 5.1. Introduction 5.2. Multiple-choice grammar items: item types 5.3. Constructing multiple-choice items 5.4. Constructing error-recognition multiple - choice items 5.5. Constructing rearrangement items 5.6. Constructing completion items 5.7. Constructing transformation items 5.8. Constructing items involving the changing of words 5.9. Constructing "broken sentence" items 5.10. Constructing pairing and matching items 5.11. Constructing combination and addition items **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests.* Longman Group UK Ltd.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Chương 6 6.1. Selection of items 6.2. Multiple-choice items (A) 6.3. Multiple-choice items (B) 6.4. Sets (associated words) 6.5. Matching items 6.6. More objective items 6.7. Completion items **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests.* Longman Group UK Ltd.
	Chương 7 7.1. The nature of the reading skills 7.2. Initial stages of reading: matching tests 7.3. Intermediate and advanced stages of reading: matching tests 7.4. True/false reading tests 7.5. Multiple-choice items (A): short texts 7.6. Multiple-choice items (B):longer texts 7.7. Completion items 7.8. Rearrangement items 7.9. Cloze procedure 7.10. Open-ended and miscellaneous items 7.11. Cursory reading **Chương 8** 8.1. The writing skills 8.2. Testing composition writing 8.3. Setting the composition 8.4. Grading the composition 8.5. Treatment of written errors 8.6. Objective tests: mechanics 8.7. Objective tests: style and register 8.8. Controlled writing **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 2tiết BT: 2 tiết	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests.* Longman Group UK Ltd.

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
	Chương 9 9.1 Some difficulties in testing the speaking skills 9.2 Reading aloud 9.3 Conversational exchanges 9.4 Using pictures for assessing oral production 9.5 The oral interview 9.6 Some other techniques for oral examining **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 2 tiết	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests.* Longman Group UK Ltd.
	Chương 10 10.1. The writing skills 10.2. Testing composition writing 10.3. Setting the composition 10.4. Grading the composition 10.5. Treatment of written errors 10.6. Objective tests: mechanics 10.7. Objective tests: style and register 10.8. Controlled writing **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2tiết BT: 1 tiết	Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests.* Longman Group UK Ltd.
	Test	1t	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Thị Xuân**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN
Mã học phần: FL216715

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 1 ; Số tín chỉ lý thuyết: 0
Loại môn học: Bắt buộc
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:

Đây là môn học sau môn theo sau môn Phương Pháp Giảng Dạy Lý Thuyết. Do đó, sinh viên đã được trang bị kiến thức về nghề dạy học, kiến thức lý thuyết về thực hành giảng dạy, các quy trình tiến hành giảng dạy cho học sinh cấp trung học phổ thông. Sinh viên đã nắm vững phương pháp giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết), cũng như cách quản lý lớp, và cách thiết kế bài giảng.

Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Lệ Hằng; Số điện thoại: 0946878282;
Email: hangnguyenle72@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên gồm 4 phần. Phần 1 sinh viên ôn lại các kỹ năng đứng lớp và các kỹ thuật hỗ trợ phương pháp giảng dạy. Phần 2 sinh viên thực hành thao giảng cho 1 tiết nghe nói. Điều này đòi hỏi sinh viên phải ôn lại tài liệu về cách dạy phát âm, các hoạt động tổ chức cho kỹ năng nghe, các hoạt động giao tiếp, cách sửa lỗi cho người học và cách đặt câu hỏi. Phần 3 sinh viên thực hành thao giảng cho kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên phải vận dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy đã học như cách dạy từ vựng, cách tổ chức các hoạt động cho kỹ năng đọc và sử dụng bài đọc hiểu cho hoạt động sau khi đọc. Phần 4 sinh viên thực hành thao giảng cho kỹ năng viết và ngữ pháp. Các hoạt động sử dụng cho kỹ năng viết, cách sửa lỗi và cách dạy cấu trúc ngữ pháp phải được sinh viên xem lại trước khi thao giảng.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

- Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kỹ năng và kỹ thuật đứng lớp thực tế cần thiết cho việc giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ.
- Sinh viên được trang bị kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy qua việc thực hành soạn giáo án và tập giảng.

3.1.2. Kỹ năng:

Sau khi hoàn tất học phần, sinh viên có khả năng soạn một giáo án một cách khoa học, vận dụng các lý thuyết về phương pháp giảng dạy tự tin khi đứng lớp, và dạy thành công.

3.1.3. Thái độ:

Học phần rèn luyện cho sinh viên phát triển thái độ tích cực, tự tin khi giảng dạy cùng với khả năng giảng dạy và chuẩn bị cho các sinh viên yêu thích nghề dạy học bước vào nghề một cách vững vàng.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Phần 1: Techniques	I.A.1. Trình bày được các kỹ năng đứng lớp I.A.2. Ghi nhớ được kỹ năng đứng lớp I.A.3. Nhận diện được các kỹ thuật hỗ trợ phương pháp giảng dạy	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau kỹ năng và kỹ thuật I.B.2. Phân tích được các kỹ thuật hỗ trợ giảng dạy I.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa kỹ năng và kỹ thuật trong giảng dạy	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác tiến trình trong giảng dạy. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các kỹ thuật hỗ trợ trong giảng dạy để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. I.C.3. Vận dụng được kỹ năng và các kỹ thuật trong giảng dạy tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Phần 2: Listening and speaking	II.A.1. Trình bày được các bước dạy nghe và nói II.A.2. Ghi nhớ được các bước dạy nghe và nói II.A.3. Nhận diện được các bước dạy nghe và nói	II.B.1. Hiểu được các bước dạy nghe và nói II. B.2. Phân tích được các bước dạy nghe và nói II.B.2. Lý giải đươc các bước dạy nghe và nói	II.C.1. So sánh và xác định chính xác được cách hoạt động cho dạy nghe và nói II.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các bước dạy nghe và nói để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. II.C.3. Vận dụng được các các bước dạy nghe và nói trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Phần 3: Reading	III.A.1. Trình bày được các bước dạy kỹ năng đọc III.A.2. Ghi nhớ được các bước dạy kỹ năng đọc III.A.3. Nhận diện được các bước dạy kỹ năng đọc	III.B.1. Hiểu được các bước dạy kỹ năng đọc III.B.2. Phân tích được các bước dạy kỹ năng đọc III.B.2. Lý giải đươc các bước dạy kỹ năng đọc	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được cách hoạt động cho dạy kỹ năng đọc III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các bước dạy kỹ năng đọc để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các các bước dạy kỹ năng đọc trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ

Phần 4: Writing and grammar	IV.A.1. Trình bày được các bước dạy viết và ngữ pháp IV.A.2. Ghi nhớ được các bước dạy viết và ngữ pháp IV.A.3. Nhận diện được các bước dạy viết và ngữ pháp	IV.B.1. Hiểu được các bước dạy viết và ngữ pháp IV.B.2. Phân tích được các bước dạy viết và ngữ pháp IV.B.2. Lý giải đươc các bước dạy viết và ngữ pháp	IV.C.1. So sánh và xác định chính xác được cách hoạt động cho dạy viết và ngữ pháp IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các bước dạy viết và ngữ pháp để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các các bước dạy viết và ngữ pháp trong giảng dạy và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
TEST			

4. Tài liệu học tập:

[1] Tiếng Anh 10
[2] Tiếng Anh 11
[3] Tiếng Anh 12

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Giáo trình nội bộ: Lý Luận Giảng Dạy Tiếng Anh. Khoa Ngoại ngữ biên soạn

[2] Giáo trình nội bộ: Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh- Lồng ghép bốn kỹ năng. Khoa Ngoại ngữ biên soạn

[3] Giáo trình nội bộ**:** Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh – Quản lý lớp & Thiết kế giáo án. Khoa Ngoại ngữ biên soạn

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Phần 1:** **Nội dung:** Ôn tập các kỹ năng đứng lớp và các kỹ thuật hỗ trợ phương pháp giảng dạy **Hình thức tổ chức dạy học:** SV tập viết giáo án giảng dạy cho 1 tiết đứng lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc lại tài liệu - Soạn giáo án cho 1 tiết đứng lớp **Hình thức đánh giá:** Khả năng vận dụng thành thạo các kỹ thuật	TH: 7	1. Preview of the procedures of Teaching Practice 2. Techniques 2.1. Using the Board 2.2. Using Visual Aids 2.3. Using Worksheets 2.4. Eliciting 2.5. Using English in Class

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	đứng lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		2.6. Pair work and group work 2.7. Role Play
2	**Phần 2: Listening & Speaking** **Nội dung:** Thực hành bằng cách thao giảng **Hình thức tổ chức dạy học:** - thực hành tại lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng nghe/ nói **Hình thức đánh giá:** - tiết giảng thực hành **Địa điểm học:** Giảng đường	TH: 7	1. Teaching pronunciation 2. Listening activities 3. Communication activities 4. Correcting errors 5. Asking questions
3	**Phần 3: Reading** **Nội dung:** Thực hành bằng cách thao giảng **Hình thức tổ chức dạy học:** Thực hành tại lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng đọc **Hình thức đánh giá:** - tiết giảng thực hành **Địa điểm học:** Giảng đường	TH: 7	1. Presenting vocabulary 2. Reading activities 3. Using a reading text
	Phần 4: Writing & Grammar **Nội dung:** Thực hành bằng cách thao giảng **Hình thức tổ chức dạy học:** Thực hành tại lớp **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng viết và ngữ pháp **Hình thức đánh giá:** - tiết giảng thực hành **Địa điểm học:** Giảng đường	TH: 9	1. Writing activities 2. Correcting errors 3. How to teach grammar

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần
8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0; **Trọng số thực hành học phần**: 100 %

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S. Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S. Bùi Thị Tịnh**	**Th.S. Nguyễn Lệ Hằng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN NGHIỆP VỤ
Mã học phần: FL213109

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 2; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Hoàng Khánh Bảo; Số điện thoại: 090 3519 558;
Email: khanhbaohoang@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần phát triển nghiệp vụ giới thiệu vai trò và tầm quan trọng của các hoạt động phát triển, nâng cao năng lực thực hành giảng dạy sau khi tốt nghiệp đối với ngành sư phạm dành cho sinh viên ngành tiếng Sư phạm tiếng Anh. Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng giúp sinh viên hình thành ý thức về hoạt động học tập suốt đời, đặc biệt trong bối cảnh thực hành giảng dạy ngoại ngữ, nhằm cải thiện hoạt động dạy học ngoại ngữ tại trường học nơi mình công tác. Thông qua học phần sinh viên nhận thức được vai trò của hoạt động học tập nâng cao trình độ thường xuyên và suốt đời, đồng thời tiếp cận được các hoạt động phát triển nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ bao gồm: workshops, self-monitoring, teacher support groups, keeping teaching journals, peer observation, teaching porfolios, team teaching, peer coaching, case study và action research.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các nhận thức về vai trò và mục đích của hoạt động phát triển nghiệp vụ trong dạy học ngoại ngữ, định hướng cho sinh viên tiếp cận các phương pháp phát triển nghiệp vụ, tự học tập nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình thực hành giảng dạy ngoại ngữ.

3.1.2 Kỹ năng:

Học phần giúp hình thành và phát triển kỹ năng tự học tập và nghiên cứu nâng cao trình độ năng lực giúp phát huy tối đa hiệu quả trong quá trình thực hành giảng dạy ngoại ngữ, bao gồm các hoạt động: self-monitoring, teacher support groups, keeping teaching journals, peer observation, teaching porfolios, team teaching, peer coaching, case study và action research.

3.1.3 Thái độ:

Học phần giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò của học tập suốt đời và có ý thức tự học tập và nghiên cứu giúp phát huy hiệu quả của hoạt động giảng dạy thông qua việc tiếp cận các phương pháp phát triển nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I: Professional development: Nature of teacher education	I.A.1. Trình bày được khái niệm và vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng. I.A.2. Ghi nhớ khái niệm và vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung	I.B.1. Hiểu khái niệm và vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng. I.B.2. Phân tích được khái niệm và vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng. I.B.3. Lý giải được sự cần thiết	I.C.1. So sánh được sự khác biệt giữa hoạt động đào tạo giáo viên và hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tó được khái niệm và vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với

	và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng. I.A.3. Nhận biết được vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ.	của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng.	giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng. I.C.3. Vận dụng được kiến thức cơ bản về các khái niệm và vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng.
Chương II: Workshops	II.A.1. Trình bày được khái niệm, quy trình tổ chức, lợi ích của của hội thảo chuyên đề trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. II.A.2. Ghi nhớ được khái niệm và quy trình tổ chức hội thảo chuyên đề (seminar/workshop) và lợi ích của hoạt động trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. II.A.3. Nhận biết được khái niệm về hội thảo chuyên đề (seminar/workshop), quy trình tổ chức và lợi ích của của hội thảo trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	II.B.1. Hiểu khái niệm, quy trình tổ chức, lợi ích của của hội thảo chuyên đề trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. II.B.2. Phân tích được vai trò của hội thảo chuyên đề trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. III.B.3. Lý giải được sự cần thiết của việc tiến hành tổ chức hội thảo chuyên đề như một hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các hình thức quy trình và lợi ich của việc tổ chức hội thảo chuyên đề như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. II.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các hình thức, quy trình và lợi ich của việc tổ chức hội thảo chuyên đề như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. II.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các hình thức, quy trình và lợi ích của việc tổ chức hội thảo chuyên đề như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương III: Self-monitoring	III.A.1. Trình bày được khái niệm, quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động tự giám sát (self-monitoring) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. III.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động tự giám sát (self-monitoring) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. III.A.3. Nhận biết được khái niệm, quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt	III.B.1. Hiểu khái niệm, quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động tự giám sát (self-monitoring) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. III.B.2. Phân tích được vai trò của hoạt động tự giám sát (self-monitoring) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. III.B.3. Lý giải được sự cần thiết của việc tiến hành hoạt động tự giám sát (self-monitoring) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	III.C.1. So sánh được và xác định chính xác các hình thức quy trình và lợi ich của hoạt động tự giám sát (self-monitoring) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động tự giám sát (self-monitoring) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. III.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động tự giám sát

	động tự giám sát (self-monitoring) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.		(self-monitoring) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương IV: Teacher support groups	IV.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IV.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, mục đích, quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IV.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	IV.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IV.B.2. Phân tích được vai trò của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IV.B.3. Lý giải được sự cần thiết của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	IV.C.1. So sánh được và xác định chính xác các hình thức, quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. IV.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo viên (Teacher support groups) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương V: Keeping a teaching journal	V.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. V.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. V.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) trong phát triển	V.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. V.B.2. Phân tích được vai trò của hoạt động viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. V.B.3. Lý giải được sự cần thiết của hoạt động viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	V.C.1. So sánh được và xác định chính xác quy trình thực hiện, lợi ích hoạt động viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. V.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. V.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động viết nhật ký giảng dạy (Teaching journal) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.

	nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.		
Chương VI: Peer observation	VI.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của hoạt động Peer observation trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VI.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của hoạt động Peer observation trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VI.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của hoạt động Peer observation trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	VI.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của hoạt động Peer observation trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VI.B.2. Phân tích được vai trò của hoạt động Peer observation trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VI.B.3. Lý giải được sự cần thiết của hoạt động Peer observation trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	VI.C.1. So sánh được và xác định chính xác quy trình thực hiện, lợi ích hoạt động hoạt động Peer observation như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. VI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động Peer observation như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. VI.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động Peer observation như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương 7: Teaching porfolios	VII.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Teaching porfolios trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VII.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Teaching porfolios trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VII.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Teaching porfolios trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	VII.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Teaching porfolios trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VII.B.2. Phân tích được vai trò của Teaching porfolios trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VII.B.3. Lý giải được sự cần thiết của Teaching porfolios trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	VII.C.1. So sánh được và xác định chính xác quy trình thực hiện, lợi ích Teaching porfolios như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. VII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của Teaching porfolios như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. VII.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của Teaching porfolios như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương 8: Critical incidents and Case analysis	VIII.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình	VIII.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống (case study) trong phát triển nghiệp	VIII.C.1. So sánh được và xác định chính xác quy trình thực hiện, lợi ích phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống

	huống (case study) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VIII.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Teaching porfolios trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VIII.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống (case study) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VIII.B.2. Phân tích được vai trò của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống (case study) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. VIII.B.3. Lý giải được sự cần thiết của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống (case study) trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	(case study) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. VIII.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống (case study) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. VIII.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống (case study) như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương 9: Peer coaching	IX.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Peer coaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IX.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Peer coaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IX.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Peer coaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	IX.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Peer coaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IX.B.2. Phân tích được vai trò của Peer coaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. IX.B.3. Lý giải được sự cần thiết của Peer coaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	IX.C.1. So sánh được và xác định chính xác quy trình thực hiện, lợi ích Peer coaching như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. IX.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của Peer coaching như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. IX.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của Peer coaching như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương 10: Team(peer) teaching	X.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Team(peer) teaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. X.A.2. Ghi nhớ được khái	X.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Team(peer) teaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. X.B.2. Phân tích được vai trò của Team(peer) teaching trong phát triển nghiệp vụ đối với	X.C.1. So sánh được và xác định chính xác quy trình thực hiện, lợi ích Team(peer) teaching như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. X.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực

	niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Team(peer) teaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. X.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Team(peer) teaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	giáo viên dạy ngoại ngữ. X.B.3. Lý giải được sự cần thiết của Team(peer) teaching trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	hiện, lợi ích của Team(peer) teaching như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. X.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của Team(peer) teaching như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.
Chương 11: Action research	XI.A.1. Trình bày được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Action research trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. XI.A.2. Ghi nhớ được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Action research trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. XI.A.3. Nhận biết được khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Action research trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	XI.B.1. Hiểu khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của Action research trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. XI.B.2. Phân tích được vai trò của Action research trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ. XI.B.3. Lý giải được sự cần thiết của Action research trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.	XI.C.1. So sánh được và xác định chính xác quy trình thực hiện, lợi ích Action research như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. XI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ các quy trình thực hiện, lợi ích của Action research như một hoạt động phát triển nghiệp vụ. XI.C.3. Vận dụng kiến thức cơ bản về các quy trình thực hiện, lợi ích của Action research như một hoạt động phát triển nghiệp vụ phục vụ hoạt động học tập suốt đời.

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Jack C. Richards & Charles Lockhart (1995). *Reflective Teaching in Second Language Classroom*, Cambridge University Press.

[3] Jack C. Richards & David Nunan (1990). *Second Language Teacher Education*, Cambridge University Press.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1-3	**Chương 1.** Professional development: Nature of		

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	teacher education **Nội dung:** - Nature of teacher education - Teacher training and Teacher development - Conceptualizations of teacher learning - Individual and institutional perspectives - Collaborative and self-directed learning - Implementing professional development **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm + Nature of teacher education + Teacher training and Teacher development + Conceptualizations of teacher learning + Individual and institutional perspectives + Collaborative and self-directed learning + Implementing professional development **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 4 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. +Nature of teacher education + Teacher training and Teacher development + Conceptualizations of teacher learning + Individual and institutional perspectives + Collaborative and self-directed learning + Implementing professional development
1-3	**Chương 2.** Workshops **Nội dung:** - What are workshops? - Benefits of workshops - Procedures for planning effective workshops **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. + What are workshops? + Benefits of workshops + Procedures for planning effective workshops **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. + What are workshops? + Benefits of workshops + Procedures for planning effective workshops
	Chương 3. Self-monitoring **Nội dung:** - The nature of self-monitoring - Purpose and benefits of self-monitoring - Procedures used in self-monitoring - Implementing self-monitoring	LT: 2 tiết BT: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher*

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức tổ chức dạy học: - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. + The nature of self-monitoring + Purpose and benefits of self-monitoring + Procedures used in self-monitoring + Implementing self-monitoring **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	TL: … tiết TH: … tiết	*Learning*, Cambridge University Press. + The nature of self-monitoring + Purpose and benefits of self-monitoring + Procedures used in self-monitoring + Implementing self-monitoring
	Chương 4. Teacher support groups **Nội dung:** - The nature of teacher support groups - Purpose and benefits of teacher support groups - Types of teacher support groups - Forming a teacher support group **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. + The nature of teacher support groups + Purpose and benefits of teacher support groups + Types of teacher support groups + Forming a teacher support group **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. + The nature of teacher support groups + Purpose and benefits of teacher support groups + Types of teacher support groups + Forming a teacher support group
	Chương 5. Keeping a teaching journal **Nội dung:** - The nature of a teaching journal - Purpose and benefits of a teaching journal - Procedures used for keeping a journal - Audience for a teaching journal - Responding to another teacher's teaching journal - Implementing journal writing **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. + The nature of a teaching journal + Purpose and benefits of a teaching journal + Procedures used for keeping a journal	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. - The nature of a teaching journal - Purpose and benefits of a teaching journal - Procedures used for keeping a journal

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	+ Audience for a teaching journal + Responding to another teacher's teaching journal + Implementing journal writing **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		- Audience for a teaching journal - Responding to another teacher's teaching journal - Implementing journal writing
4 - 5	**Chương 6.** Peer observation **Nội dung:** - The nature of peer observation - Purpose and benefits of peer observation - Procedures used for peer observation - Implementing peer observation **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. + The nature of peer observation + Purpose and benefits of peer observation + Procedures used for peer observation + Implementing peer observation **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. - - The nature of peer observation - Purpose and benefits of peer observation - Procedures used for peer observation - Implementing peer observation
	Chương 7. Teaching portfolios **Nội dung:** - The nature of teaching portfolios - Purpose and benefits of creating a portfolio - Procedures used in compiling a teaching portfolio - Implementing teaching portfolios **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. +The nature of teaching portfolio + Purpose and benefits of creating a portfolio + Procedures used in compiling a teaching portfolio + Implementing teaching portfolios **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. The nature of teaching portfolios - Purpose and benefits of creating a portfolio - Procedures used in compiling a teaching portfolio - Implementing teaching portfolios

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học: - Giảng đường		
	Chương 8. Critical incidents and case analysis **Nội dung:** - The nature of critical incidents - Purpose and benefits of critical incident analysis - Procedures used in analyzing critical incidents - Implementing critical incident analysis - Nature of case analysis - Purpose and benefits of using cases - Procedures for analyzing and discussing cases - Implementing case analysis **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. +The nature of critical incidents + Purpose and benefits of critical incident analysis + Procedures used in analyzing critical incidents + Implementing critical incident analysis + Nature of case analysis + Purpose and benefits of using cases + Procedures for analyzing and discussing cases + Implementing case analysis **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học: -** Giảng đường	LT: 4 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. - The nature of critical incidents - Purpose and benefits of critical incident analysis - Procedures used in analyzing critical incidents - Implementing critical incident analysis - Nature of case analysis - Purpose and benefits of using cases - Procedures for analyzing and discussing cases - Implementing case analysis
	Chương 9. Peer coaching **Nội dung:** - The nature of peer coaching - Purpose, benefits and types of peer coaching - Procedures used for peer coaching - Implementing peer coaching **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. + The nature of peer coaching + Purpose, benefits and types of peer coaching + Procedures used for peer coaching + Implementing peer coaching **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:**	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. - The nature of peer coaching - Purpose, benefits and types of peer coaching - Procedures used for peer coaching - Implementing peer coaching

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Giảng đường		
	Chương 10. Team teaching **Nội dung:** - The nature of team teaching - Purpose and benefits of team teaching - Procedures used for team teaching - Implementing team teaching **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. + The nature of team teaching + Purpose and benefits of team teaching + Procedures used for team teaching + Implementing team teaching **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. - The nature of team teaching - Purpose and benefits of team teaching - Procedures used for team teaching - Implementing team teaching
	Chương 11. Action research **Nội dung:** - The nature of ation research - Purpose and benefits of action research - Procedures used for conducting action research - Implementing action research **Hình thức tổ chức dạy học:** - Thảo luận nhóm trình bày và giảng viên tổng hợp thông tin và giải đáp thắc mắc. +The nature of ation research + Purpose and benefits of action research + Procedures used for conducting action research + Implementing action research **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết BT: … tiết TL: … tiết TH: … tiết	[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press. - The nature of ation research - Purpose and benefits of action research - Procedures used for conducting action research - Implementing action research

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ	1%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
		của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	6%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận
- Thời gian: 90 phút.

Ngày … tháng … năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Ths. Hoàng Khánh Bảo**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN TÀI LIỆU
Mã học phần: FL213110

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Giảng viên giảng dạy: **Nguyễn Thị Kim Phượng**;
Số điện thoại: **0914.072.766**; Email: kimphuongtnu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức về tầm quan trọng và sự đa dạng về hình thức của tài liệu, giáo trình môn tiếng Anh trong chương trình đào tạo nói chung, về các phương pháp và tiêu chí trong lựa chọn và phát triển giáo trình giảng dạy và tài liệu bổ trợ cho việc dạy học môn tiếng Anh đối với các đối tượng người học khác nhau, đồng thời giúp người học nắm được các nguyên tắc và phương thức để đánh giá các tài liệu sẵn có trên bình diện lý thuyết và tính sư phạm và có khả năng sử dụng, kết hợp, cải tiến sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu chương trình, đối tượng người học, hoàn cảnh giảng dạy. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về chọn lựa giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu bổ trợ, mục tiêu và kỹ thuật điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy sẵn có, mục tiêu và kỹ thuật thiết kế và xây dựng giáo trình điện tử trong học ngoại ngữ; các nguyên tắc trong lựa chọn tài liệu giảng dạy; các phương pháp và nguyên tắc trong cải tiến và thiết kế tài liệu, giáo trình; các nguyên tắc và phương pháp trong lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu bổ trợ, mục tiêu và các nguyên tắc trong lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu bổ trợ, mục tiêu và các kỹ thuật trong điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu bổ trợ, các nguyên tắc và phương pháp lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng nhận biết và nắm vững các khái niệm, mục tiêu, các nguyên tắc và phương pháp lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo.

3.1.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, chủ động và sáng tạo trong áp dụng vào thực tế thực hiện chương trình đào tạo sau này.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I: **Selection of Materials**	I.A.1. Trình bày được vai trò, chức năng của giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ I.A.2. Ghi nhớ được các	I.B.1. Phân tích được vai trò, chức năng của giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ I.B.2. Phân biệt được các	I.C.1. Xác định chính xác các phương thức đánh giá và lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ

	nguyên tắc chung của việc đánh giá và lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ I.A.3. Nhận diện được các đặc điểm của phương thức đánh giá và lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ	phương thức đánh giá và lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ. I.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa các phương thức đánh giá và lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ	I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các yếu tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn phương thức đánh giá và lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ. I.C.3. Vận dụng được kiến thức và khung tham chiếu để bước đầu về đánh giá và lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ
Chương II: **Adapting Classroom Materials**	II.A.1. Trình bày được các nguyên nhân của việc điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ II.A.2. Ghi nhớ được các mục tiêu của việc điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ II.A.3. Nhận diện được các kỹ thuật của việc điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ	II.B.1. Phân tích được các nguyên nhân của việc điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ II.B.2. Phân biệt được các kỹ thuật sử dụng trong điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ II.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các kỹ thuật điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ	II.C.1. Xác định chính xác các mục tiêu của việc điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ II.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các kỹ thuật điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ. II.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để bước đầu điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ
Chương III: **Developing Electronic Materials for Language Teaching**	III.A.1. Trình bày được vai trò của giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ III.A.2. Ghi nhớ được các nguyên tắc chung của việc sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ III.A.3. Nhận diện được các đặc điểm của giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ	III.B.1. Phân tích được vai trò, chức năng của giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ III.B.2. Phân biệt được các ưu điểm và hạn chế giáo giữa giáo trình, tài liệu giảng dạy truyền thống và giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ. III.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các giáo trình, tài liệu giảng dạy truyền thống và giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ.	III.C.1. Xác định chính xác các đặc trưng của giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được ưu điểm của giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ. I.C.3. Vận dụng được kiến thức để bước đầu tìm hiểu và đánh giá giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Tomlinson, B. et all (2014). *Developing Materials for Language Teaching*, Bloombury Publishing PLC, New York.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Nation, I.S.P and Macalister, J. (2010). *Language Curriculum Design*, Routledge, New York.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Selection of Materials** **Nội dung:** 1.1. The Roles and Functions of Course books 1.2. Material Evaluation and Selection 1.3. Existing proposals for Evaluating materials 1.4. A Framework for the Selection of Coursebooks **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + So sánh chức năng, tính sư phạm trong sách giáo khoa tiếng Anh phổ thông và các giáo trình, tài liệu giảng dạy tiếng Anh sẵn có trên thị trường + Đánh giá SGK theo khung tham chiếu về lựa chọn giáo trình và tài liệu giảng dạy **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 4 tiết BT: 6 tiết TL: 6 tiết	[1] Chapter 2: Selection of Materials
2	**Chương 2. Adapting Classroom Materials** **Nội dung:** 2.1. Reasons for Adaptation 2.2. Objectives and Techniques for Adaptation 2.3. Techniques for Adaptation **Hình thức tổ chức dạy học:** Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Các mục tiêu của việc điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ + Các kỹ thuật điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 4 tiết BT: 6 tiết TL: 6 tiết	[1] Chapter 5: Adapting Classroom Materials [2] Chapter 11: Adopting and Adapting an Exisiting Course Book
3	**Chương 3. Developing Electronic Materials for Language Teaching** **Nội dung:**	LT: 4 tiết BT: 6 tiết	[1] Chapter 12:

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.1. Introduction 3.2. Contribution to Language Learning 3.3. Building an Electronic Learning Environment **Hình thức tổ chức dạy học:** Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tìm hiểu một số giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử dùng trong dạy và học ngoại ngữ + So sánh giáo trình, tài liệu giảng dạy truyền thống và giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử dùng trong dạy và học ngoại ngữ + Đánh giá ưu điểm của giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong dạy và học ngoại ngữ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	TL: 6 tiết	Developing Electronic Materials for Language Teaching

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.

- Thời gian: 75 phút.

Ngày … tháng … năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Thị Kim Phượng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ TRONG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ
Mã học phần: FL213111

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1; Số tín chỉ thực hành: 1
Loại môn học: Tự chọn
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Hoàng Khánh Bảo; Số điện thoại: 090 3519 558;
Email: khanhbaohoang@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần CN trong dạy học ngoại ngữ giới thiệu khái niệm cơ bản, vai trò và mục đích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ, định hướng cho sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh tiếp cận công nghệ thông tin dưới góc độ dạy và học ngoại ngữ. Học phần tập trung cung cấp kiến thức và kỹ năng áp dụng một số phần mềm cơ bản và mạng internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách hiệu quả nhất với vai trò là một giáo viên dạy ngoại ngữ.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1 Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản, vai trò và mục đích ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ, định hướng cho sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông gắn với phương pháp dạy học trong dạy học ngoại ngữ.

3.1.2 Kỹ năng:

Học phần giúp hình thành và phát triển kỹ năng khai thác và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Cụ thể sau khi học xong học phần sinh viên có thể sử dụng một số phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh hỗ trợ tạo bài giảng điện tử, các ứng dụng trình chiếu giúp thiết kế bài giảng, tạo bài tập điện tử tương tác định dạng trang web, một số ứng dụng trên internet hỗ trợ thiết kế các hoạt động tương tác mở rộng môi trường học tập ngoài lớp học, phát huy năng lực tự học của người học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

3.1.3 Thái độ:

Học phần giúp sinh viên có thái độ tích cực đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ, yêu thích môn học, có ý thức tự học và nghiên cứu giúp phát huy tính sáng tạo về mặt phương pháp giảng dạy trên cơ sở công nghệ thông tin và truyền thông.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương I: Khái quát về UDCN trong dạy học ngoại ngữ	I.A.1. Trình bày được về lịch sử và các giai đoạn phát triển ứng dụng công nghệ trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng I.A.2. Ghi nhớ về lịch sử và các giai đoạn phát triển ứng dụng công nghệ trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. I.A.3. Nhận biết được vai trò của công nghệ trong dạy học	I.B.1. Hiểu lịch sử phát triển công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ và vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ và các thuật ngữ, khái niệm cơ bản của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. I.B.2. Phân tích được các giai đoạn lịch sử phát triển của công nghệ thông tin và	I.C.1. So sánh được sự khác nhau giữa các khái niệm và thuật ngữ về ứng dụng công nghệ trong dạy học và các giai đoạn phát triển của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ. I.C.2. Đánh giá được khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ hiện nay ở

	ngoại ngữ.	sự ảnh hưởng của nó đến hoạt động dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. I.B.3. Lý giải được vai trò và vị trí của ứng dụng công nghệ trong dạy học ngoại ngữ.	các cấp học tại Việt Nam. I.C.3. Vận dụng kiến thức về lịch sử phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng vào bối cảnh cụ thể tại Việt Nam.
Chương II: Các đường hướng và hình thức UDCN trong dạy học ngoại ngữ	II.A.1. Trình bày được các đường hướng dạy học (Hành vi, Tạo dựng luận, Văn hóa xã hội) tương ứng với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. II.A.2. Ghi nhớ được các đường hướng dạy học (Hành vi, Tạo dựng luận, Văn hóa xã hội) tương ứng với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. II.A.3. Nhận biết được các đường hướng dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin.	II.B.1. Hiểu được được các đường hướng dạy học (Hành vi, Tạo dựng luận, Văn hóa xã hội) tương ứng với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. II.B.2. Phân tích được các đường hướng dạy học (Hành vi, Tạo dựng luận, Văn hóa xã hội) tương ứng với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng. II.B.3. Lý giải được các đường hướng dạy học (Hành vi, Tạo dựng luận, Văn hóa xã hội) tương ứng với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng.	II.C.1. So sánh được các đường hướng dạy học ngoại ngữ có ứng dụng công nghệ thông tin. II.C.2. Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn của các đường hướng dạy học ngoại ngữ có ứng dụng công nghệ thông tin. II.C.3. Vận dụng kiến thức về các đường hướng dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng vào bối cảnh cụ thể tại Việt Nam.
Chương III: Một số ứng dụng trong dạy học ngoại ngữ	III.A.1. Trình bày được các tính năng cơ bản của các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot Potatoes. III.A.2. Ghi nhớ được các tính năng cơ bản của các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies	III.B.1. Hiểu được các tính năng cơ bản của các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot Potatoes. III.B.2. Phân tích được các tính năng cơ bản của các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot	III.C.1. So sánh được các tính năng cơ bản của các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot Potatoes. III.C.2. Đánh giá được khả năng ứng dụng phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool,

	maker, MS Power Point, Hot Potatoes. III.A.3. Nhận biết được các tính năng cơ bản của các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot Potatoes	Potatoes. III.B.3. Lý giải được tính hữu ích của các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot Potatoes.	Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot Potatoes trong bối cảnh dạy học thực tế tại Việt Nam. III.C.3. Vận dụng kiến thức và kỹ năng sử dụng các phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, thiết kế bài giảng điện tử phục vụ dạy học ngoại ngữ: Snipping tool, Paint, Windows movies maker, MS Power Point, Hot Potatoes. Có khả năng tiếp tục tự học nâng cao trình độ năng lực ứng dụng các phần mềm tương tự khác.
Chương IV: Ứng dụng mạng internet trong dạy học ngoại ngữ	IV.A.1. Trình bày được các tính năng cơ bản của các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS). IV.A.2. Ghi nhớ được các tính năng cơ bản của các các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS). IV.A.3. Nhận biết được các tính năng cơ bản của các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS).	IV.B.1. Hiểu được các tính năng cơ bản của các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS). IV.B.2. Phân tích được các tính năng cơ bản của các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS). IV.B.3. Lý giải được tính hữu ích của các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS).	IV.C.1. So sánh được các tính năng cơ bản của các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS). IV.C.2. Đánh giá được khả năng ứng dụng của các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS) trong bối cảnh dạy học thực tế tại Việt Nam. IV.C.3. Vận dụng kiến thức và kỹ năng sử dụng các ứng dụng trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, bao gồm các ứng dụng trên Google, Blogger, Web 2.0 (LMS). Có khả năng tiếp tục tự học nâng cao trình độ năng lực sử dụng các ứng dụng tương tự khác trên internet phục vụ dạy học ngoại ngữ.

4. Tài liệu học tập:

[1] Bùi Ngọc Oánh (2009) *Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin Vào Dạy Học Ngoại Ngữ*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông lưu hành nội bộ

[2] Sở Giáo Dục và Đào Tạo Đăk Lăk (2009) *Tài liệu tập huấn – Hỗ trợ của công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá*, Tài liệu tập huấn giáo viên phổ thông

5. Tài liệu tham khảo:

[3]Martin Weller (2005). *Delivering Learning on the Net – The What, Why and How of Online Education*, Rouledge Falmer **6. Nhiệm vụ của sinh viên:**

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

6.2. Phần thực hành

- Các bài thực hành của học phần: các phần mềm hỗ trợ xử lý hình ảnh, âm thanh, xây dựng bài giảng điện tử và các ứng dụng trên internet.
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành: thao tác thuần thục các tính năng cơ bản của các phần mềm hỗ trợ xử lý hình ảnh, âm thanh, xây dựng bài giảng điện tử và các ứng dụng trên internet.

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Khái quát về UDCN trong dạy học ngoại ngữ** **Nội dung:** ngữ) **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm và trình bày: + Lịch sử ứng dụng công nghệ trong giáo dục + Lịch sử ứng dụng công nghệ trong dạy học Ngoại ngữ + Khái niệm và các thuật ngữ + Vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học (Ngoại ngữ) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thảo luận, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi. **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận) **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1] Bùi Ngọc Oánh (2009) *Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin Vào Dạy Học Ngoại Ngữ*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông lưu hành nội bộ [2] Sở Giáo Dục và Đào Tạo Đăk Lăk (2009) *Tài liệu tập huấn – Hỗ trợ của công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá,* Tài liệu tập huấn giáo viên phổ thông - Lịch sử ứng dụng công nghệ trong giáo dục - Lịch sử ứng dụng công nghệ trong dạy học Ngoại ngữ - Khái niệm và các thuật ngữ - Vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học (Ngoại ngữ)
1	**Chương 2. Các đường hướng và hình thức UDCN trong dạy học ngoại ngữ** **Nội dung:** - Các đường hướng dạy học (Hành vi luận, Tạo dựng luận, Tạo dựng luận xã hội) - Các hình thức ứng dụng công nghệ trong dạy học và kiểm tra đánh giá - Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng ở Việt Nam	LT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1] Bùi Ngọc Oánh (2009) *Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin Vào Dạy Học Ngoại Ngữ*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông lưu hành nội bộ [2] Sở Giáo Dục và Đào Tạo Đăk Lăk (2009) *Tài liệu tập huấn – Hỗ trợ của công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm*

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Hình thức tổ chức dạy học: Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Mối tương quan giữa các đường hướng dạy học và ứng dụng công nghệ trong dạy học + Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng ở Việt Nam **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết)		*tra đánh giá,* Tài liệu tập huấn giáo viên phổ thông. - Các đường hướng dạy học (Hành vi luận, Tạo dựng luận, Tạo dựng luận xã hội) - Các hình thức ứng dụng công nghệ trong dạy học và kiểm tra đánh giá - Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng ở Việt Nam
2 – 3	**Chương 3. Một số ứng dụng trong dạy học ngoại ngữ** **Nội dung:** - Thu thập và xử lý dữ liệu hình ảnh (Snipping tool, Paint, Windows Movies Maker) - Thu thập và xử lý dữ liệu âm thanh (Cool Edit Pro, Audacity) - Thiết kế bài giảng bằng MS Power Point - Thiết kế bài giảng và bài tập kiểm tra đánh giá bằng Hot Potatoes **Hình thức tổ chức dạy học:** Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: + Thu thập và xử lý dữ liệu hình ảnh (Snipping tool, Paint, Windows Movies Maker) + Thu thập và xử lý dữ liệu âm thanh (Cool Edit Pro, Audacity) + Thiết kế bài giảng bằng MS Power Point + Thiết kế bài giảng và bài tập kiểm tra đánh giá bằng Hot Potatoes (5 modules: Jquiz, Jmatch, Jmix, Jcross, Mash up) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành theo hướng dẫn của giảng viên **Hình thức đánh giá:** - Gửi file thực hành lên hệ thống máy chủ **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng máy (cho các tiết thực hành)	LT: 4 tiết TH: 15 tiết	[1] Bùi Ngọc Oánh (2009) *Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin Vào Dạy Học Ngoại Ngữ,* Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông lưu hành nội bộ [2] Sở Giáo Dục và Đào Tạo Đăk Lăk (2009) *Tài liệu tập huấn – Hỗ trợ của công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá,* Tài liệu tập huấn giáo viên phổ thông. - Thu thập và xử lý dữ liệu hình ảnh (Snipping tool, Paint, Windows Movies Maker) - Thu thập và xử lý dữ liệu âm thanh (Cool Edit Pro, Audacity) - Thiết kế bài giảng bằng MS Power Point - Thiết kế bài giảng và bài tập kiểm tra đánh giá bằng Hot Potatoes

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
3 - 4	**Chương 4. Ứng dụng mạng internet trong dạy học ngoại ngữ** **Nội dung:** - Các ứng dụng trên Google: Google form, Google doc - Ứng dụng hỗ trợ dạy học ngoại ngữ trên internet: Voki, Wordle, Storybird, blogger. - Hệ thống quản trị học tập (LMS), mạng xã hội học tập Edmodo (Web 2.0) **Hình thức tổ chức dạy học:** Ví dụ: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: + Các ứng dụng trên Google: Google form, Google doc + Ứng dụng hỗ trợ dạy học ngoại ngữ trên internet: Voki, Wordle, Storybird, blogger. + Hệ thống quản trị học tập (LMS), mạng xã hội học tập Edmodo (Web 2.0) **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, thực hành theo hướng dẫn của giảng viên **Hình thức đánh giá:** - Các bài thực hành trên internet **Địa điểm học:** - Giảng đường (cho các tiết lý thuyết) - Phòng máy (cho các tiết thực hành)	LT: 4 tiết TH: 15 tiết	[1] Bùi Ngọc Oánh (2009) *Ứng Dụng Công Nghệ Thông Tin Vào Dạy Học Ngoại Ngữ*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên phổ thông lưu hành nội bộ [2] Sở Giáo Dục và Đào Tạo Đăk Lăk (2009) *Tài liệu tập huấn – Hỗ trợ của công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá,* Tài liệu tập huấn giáo viên phổ thông. - Các ứng dụng trên Google: Google form, Google doc - Ứng dụng hỗ trợ dạy học ngoại ngữ trên internet: Voki, Wordle, Storybird, blogger. - Hệ thống quản trị học tập (LMS), mạng xã hội học tập Edmodo (Web 2.0)

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%;**Trọng số thi kết thúc học phần**: 85%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	1%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	1.5%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	1.5%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
4	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành. Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	1.5%
		Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	
5	Bài kiểm tra định kỳ		4.5%
			10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ đảm bảo mức độ: Bậc 1(A) 30%; Bậc 2 (B) 40% và Bậc 3(C) 30%)
- Phương pháp đánh giá: Thi thực hành trên máy tính
- Thời gian: 60 phút.

Ngày … tháng … năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Hoàng Khánh Bảo**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: HÌNH THÁI HỌC
Mã học phần: FL213510

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 2 ; Số tín chỉ lý thuyết: 2
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Học phần tiên quyết:
Giảng viên giảng dạy:
Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Văn Thịnh; Số điện thoại: 0914041022;
Email: nvthinh ttn@edu.vn

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần bao gồm những khái niệm về hình vị, các tính chất của hình vị, sự phân biệt hình vị với âm vị, âm tiết và từ trong tiếng Anh, phân loại các hình vị (free morphemes and bound morphemes) quá trình phái sinh (derivation) và thêm biến tố (inflection) của hình vị tiếng Anh và sự khác biệt giữa 2 quá trình này, các biến thể của hình vị (Variations of Morphemes – Allomorphs), khái niệm và cách xác định các thành phần cấu tạo từ trực tiếp (immediate constituents) của tiếng Anh, khái niệm về từ, các tính chất của từ (Indivisibility, Internal stability and Positional mobility), các loại từ và các cách cấu tạo từ của tiếng Anh như: coinage, borrowing, compounding, blending, clipping, acronomy, conversion, affixation và back-formation.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.2.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về hình vị của từ, các loại từ và các phương thức cấu tạo từ ở tiếng Anh.

3.2.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng nhận biết và sử dụng được hình vị của từ, các loại từ và các phương thức cấu tạo từ ở tiếng Anh.

3.2.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1: Morphemes	I.A.1. Trình bày được khái niệm hình vị tiếng Anh I.A.2. Ghi nhớ được các tính chất của một hình vị I.A.3. Nhận diện được các loại hình vị và các biến thể của hình vị ở tiếng Anh	I.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa hình vị với âm vị, âm tiết và từ trong tiếng Anh. I.B.2. Phân tích được các loại hình vị và các biến thể hình vị. I.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa hình vị với âm vị, âm tiết và từ trong tiếng Anh, sự hình thành các biến thể của hình vị	I.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của hình vị với âm vị, âm tiết, từ trong tiếng Anh, cũng như các loại hình vị trong giảng dạy. I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc điểm của hình vị với âm vị, âm tiết, từ trong tiếng Anh, cũng như các loại hình vị để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. I.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của hình vị

			với âm vị, âm tiết, từ trong tiếng Anh, cũng như các loại hình vị trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 2: Derivation and Inflection	II.A.1. Trình bày được khái niệm phái sinh (derivation) và thêm biến tố (inflection) của tiếng Anh II.A.2. Ghi nhớ được cách phân loại phụ tố phái sinh (derivational affixes) và phân loại biến tố II.A.3. Nhận diện được các loại phụ tố phái sinh (derivational affixes) và các loại biến tố ở tiếng Anh	II.B.1. Hiểu được sự khác nhau giữa quá trình phái sinh và quá trình thêm biến tố trong tiếng Anh. II.B.2. Phân tích được sự khác nhau giữa quá trình phái sinh và quá trình thêm biến tố trong tiếng Anh. II.B.2. Lý giải đươc sự khác biệt giữa hình vị với âm vị, âm giữa quá trình phái sinh và quá trình thêm biến tố trong tiếng Anh.	II.C.1. So sánh được và xác định chính xác các đặc điểm của quá trình phái sinh và quá trình thêm biến tố trong tiếng Anh trong giảng dạy. IIC.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được sự khác nhau giữa quá trình phái sinh và quá trình thêm biến tố trong tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. II.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của quá trình phái sinh và quá trình thêm biến tố của tiếng Anh trong giao tiếp và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 3: Immediate Constituents in Morphology	III.A.1. Trình bày được khái niệm các thành phần cấu tạo từ trực tiếp(immediate constituents) của tiếng Anh. III.A.2. Ghi nhớ được cách phân chia các thành phần cấu tạo từ trực tiếp (immediate constituents division). III.A.3. Nhận diện được sơ đồ cấu tạo từ từ các thành phần cấu tạo từ trực tiếp	III.B.1. Hiểu được các thành phần cấu tạo từ trực tiếp(immediate constituents) của tiếng Anh. III.B.2. Phân tích được các thành phần cấu tạo từ trực tiếp(immediate constituents) của tiếng Anh. III.B.2. Lý giải đươc sự cấu tạo từ từ các thành phần cấu tạo từ trực tiếp(immediate constituents) của tiếng Anh.	III.C.1. So sánh và xác định chính xác được các đặc điểm các thành phần cấu tạo từ trực tiếp (immediate constituents) trong giảng dạy. III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các thành phần cấu tạo từ trực tiếp (immediate constituents) để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. III.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của quá trình cấu tạo từ từ các thành phần cấu tạo từ trực tiếp (immediate constituents) trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
Chương 4:	IV.A.1. Trình bày được khái	IV.B.1. Hiểu được cách	IV.C.1. So sánh và xác

Words	niệm từ của tiếng Anh IV.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của từ trong tiếng Anh IV.A.3. Nhận diện được các loại từ và cách cấu tạo từ ở tiếng Anh	phân loại từ và cách cấu tạo từ trong tiếng Anh. IV.B.2. Phân tích được cách phân loại từ và cấu tạo từ trong tiếng Anh. IV.B.2. Lý giải được cách phân loại từ và cách cấu tạo từ trong tiếng Anh.	định chính xác được cách phân loại từ và cách cấu tạo từ trong tiếng Anh trong giảng dạy. IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các được cách phân loại từ và cách cấu tạo từ trong tiếng Anh để có thể có những phát hiện và đề xuất trong nghiên cứu. IV.C.3. Vận dụng được các đặc điểm của cách phân loại từ và cách cấu tạo từ trong giao tiếp tiếng Anh và trong công tác tự bồi dưỡng nâng cao trình độ
TEST			

4. Tài liệu học tập: (những tài liệu sinh viên sử dụng trong học tập)

[1] Tô Minh Thanh (2003), *Hình Thái Học Tiếng Anh*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

5. Tài liệu tham khảo:

[1] Andrew Carstair – McCathy (2002), *Introduction to English Morphology: Words and their Structure*, Edinburgh University Press

[2] Lê Văn Sự (2000), *An Outline of Morphology*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1:** Morphemes **Nội dung:** - Definition – Characteristics - How to distinguish Morphemes from Phonemes, Syllables and Words? - Classification of Morphemes - Variations of Morphemes - Allomorphs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận sự khác biệt giữa các khái niệm về hình vị, sự khác biệt giữa hình vị với âm vị, âm tiết và từ ở tiếng Anh, các loại hình vị và các biến thể của hình vị. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 4tiết BT: 2 tiết TL:1tiết	1. Definition -Characteristics 2. How to distinguish Morphemes from Phonemes, Syllables and Words? 3.Classification of Morphemes 3.1. Free morphemes vs. Bound morphemes. 3.2. Bases vs. Affixes 4. Variations of Morphemes – Allomorphs 4.1. Definition 4.2. Selection of Allomorphs 4.3. Types of Allomorphs

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		
2	**Chương 2:** Derivation and Inflection **Nội dung:** - Derivation - Inflection - How to distinguish Derivation from Inflection **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về quá trình derivation và inflection và sự khác biệt giữa 2 quá trình này trong cấu tạo từ tiếng Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 4 tiết BT: 2 tiết TL: 1 tiết	1. Derivation 1.1. Definition 1.2. Types of derivational affixes 1.3. Morphological rules 2. Inflection 2.1. Definition 2.2. Various kinds of inflection 3. How to distinguish derivation from inflection 3.1. Derivation 3.2. Inflection
3	**Chương 3:** Immediate Constituents in Morphology **Nội dung:** - Definition - Some recommendations on IC division - Diagram **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về khái niệm các thành phần trực tiếp cấu tạo từ (Immediate constituents) và cách phân chia các thành phần trực tiếp (Immediate constituent division) . **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường	LT: 2 tiết BT: 2 tiết TL: 1 tiết	1. Definition 2. Some recommedations on IC division 3. Diagram
	Chương 4: Words **Nội dung:** - Definition - Characteristics - Classification **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về khái niệm từ, các đặc điểm và phân loại từ trong tiếng Anh **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 5 tiết BT: 3 tiết TL: 2 tiết	1. Definition 2. Characteristics 2.1. Indivisibility. 2.2. Internal stability and Positional mobility 3. Classification 3.1. Classification of words according to their structure 3.2. Classification of words according to their word-

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** Giảng đường		formation processes
	TEST	2 tiết	

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	3%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	3%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút.

Ngày ... tháng ... năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Văn Thịnh**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÊN HỌC PHẦN: GIẢNG DẠY TIẾNG ANH NHƯ MỘT NGÔN NGỮ QUỐC TẾ
Mã học phần: FL215101

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0
Loại môn học: Tự chọn
Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
Giảng viên giảng dạy: **Nguyễn Thị Kim Phượng**;
Số điện thoại: **0914.072.766**; Email: kimphuongtnu@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần trang bị cho người học kiến thức về các đặc điểm của những mô hình, biến thể về từ vựng, phát âm, hình thái, cú pháp, chính tả,… của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ. Trên cơ sở đó, học phần còn cung cấp cho người học những kỹ năng cần thiết để lựa chọn mô hình, biến thể tiếng Anh phù hợp để làm khuôn mẫu, áp dụng trong việc dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ hoặc một ngôn ngữ thứ hai, các công cụ, các hoạt động, các kỹ thuật giảng dạy mà người học có thể áp dụng, hoặc vận dụng trong những môi trường giảng dạy đa dạng, có tính quốc tế trong tương lai.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về các đặc điểm của những mô hình, biến thể về từ vựng, phát âm, hình thái, cú pháp, chính tả,… của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hay ngoại ngữ, những kỹ năng cần thiết để lựa chọn mô hình, biến thể tiếng Anh phù hợp để làm khuôn mẫu, áp dụng trong việc dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ hoặc một ngôn ngữ thứ hai, các công cụ, các hoạt động, các kỹ thuật giảng dạy mà người học có thể vận dụng trong những môi trường giảng dạy đa dạng, có tính quốc tế trong tương lai.

3.1.2. Kỹ năng: Phát triển kỹ năng nhận biết và nắm vững các khái niệm, các nguyên tắc và phương pháp phân loại, phân biệt các mô hình, biến thể tiếng Anh và vận dụng trong giảng dạy.

3.1.3. Thái độ: Tạo cho cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, chủ động và sáng tạo trong áp dụng vào thực tế thực hiện chương trình đào tạo sau này.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3
Chương 1. Standard English in the world	I.A.1. Trình bày được các mô hình tiếng Anh khác nhau trên thế giới I.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của các mô hình tiếng Anh khác nhau trên thế giới I.A.3. Nhận diện được các điểm đặc trưng của các mô hình tiếng Anh khác nhau trên thế giới	I.B.1. Phân tích được vai trò, chức năng của các mô hình tiếng Anh khác nhau trên thế giới I.B.2. Phân biệt được các đặc trưng của các mô hình tiếng Anh. I.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa các mô hình tiếng Anh khác nhau trên thế giới	I.C.1. Xác định các mô hình tiếng Anh I.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc điểm của các mô hình tiếng Anh I.C.3. Vận dụng được kiến thức để bước đầu nhận xét các mô hình tiếng Anh khác nhau trên thế giới
Chương II:	II.A.1. Trình bày được các	II.B.1.Phân tích được các đặc	II.C.1. Xác định chính

English, Australasian, South African and Welsh English	đặc điểm của giọng phát âm chuẩn tiếng Anh II.A.2. Ghi nhớ được các đặc điểm của tiếng Anh Australia, New Zealand, Nam Phi II.A.3. Nhận diện được các đặc điểm tiếng Anh xứ Wales	điểm của tiếng Anh phổ thông II.B.2. Phân biệt được các đặc điểm của tiếng Anh Australia, New Zealand, Nam Phi, xứ Wales II.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa tiếng Anh phổ thông và tiếng Anh Australia, New Zealand, Nam Phi, xứ Wales	xác các đặc điểm của tiếng Anh phổ thông, tiếng Anh Australia, New Zealand, Nam Phi, xứ Wales II.C.2. Đánh giá đặc điểm của tiếng Anh phổ thông, tiếng Anh Australia, New Zealand, Nam Phi, xứ Wales II.C.3. Vận dụng được kiến thức đã học để phân biệt các biến thể tiếng Anh
Chương III: **English and North American English: grammatical, orthographical and lexical differences**	III.A.1. Trình bày được sự khác biệt về hình thái và cú pháp của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ III.A.2. Ghi nhớ được sự khác biệt về cách viết, dấu câu của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ III.A.3. Nhận diện được sự khác biệt về từ vựng của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ	III.B.1.Phân tích được sự khác biệt về hình thái và cú pháp của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ III.B.2. Phân biệt được cách viết, dấu câu của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ. III.B.2. Lý giải được sự khác biệt từ vựng của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ	III.C.1. Xác định chính xác sự khác biệt về hình thái và cú pháp của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ III.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được khác biệt về cách viết, dấu câu của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ I.C.3. Vận dụng được kiến thức để bước đầu phân biệt từ vựng của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ
Chương IV: **Chương 4. Scottish and Irish English**	IV.A.1. Trình bày được sự khác biệt của tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland IV.A.2. Ghi nhớ được sự khác biệt của tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland IV.A.3. Nhận diện được các đặc điểm của tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland	IV.B.1.Phân tích được sự khác biệt của tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland IV.B.2. Phân biệt được tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland IV.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland	IV.C.1. Xác định chính xác các đặc trưng của tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland IV.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được các đặc trưng của tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland. IV.C.3. Vận dụng được kiến thức để bước đầu phân biệt tiếng Anh Scotland, tiếng Anh Ireland
Chương V: **West Indian English and English-based creoles**	V.A.1. Trình bày được đặc trưng của tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ V.A.2. Ghi nhớ được các đặc trưng của tiếng Anh	V.B.1.Phân tích được đặc trưng của tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ V.B.2. Phân biệt được đặc trưng của tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng	V.C.1. Xác định chính xác các đặc trưng của tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ V.C.2. Đánh giá và làm

	bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ V.A.3. Nhận diện được các đặc trưng của tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ	Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ V.B.2. Lý giải được sự khác biệt giữa tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ	sáng tỏ được đặc trưng của tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ V.C.3. Vận dụng được kiến thức để bước đầu phân biệt tiếng Anh bồi, tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh, tiếng Anh Tây Ấn Độ
Chương VI: **Second language varieties of English** **Nội dung:** 6.1. West African English 6.2. East African English 6.3. Indian English 6.4. Singaporean English 6.5. English in the Philippines	VI.A.1. Trình bày được đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine VI.A.2. Ghi nhớ được các đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine VI.A.3. Nhận diện được các đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine.	VI.B.1.Phân tích được đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine VI.B.2. Phân biệt được các đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine. VI.B.2. Lý giải được sự khác biệt của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine	VI.C.1. Xác định chính xác các đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine VI.C.2. Đánh giá và làm sáng tỏ được đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine VI.C.3. Vận dụng được kiến thức để bước đầu đánh giá đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine

4. Tài liệu học tập:

[1] Trudgill, P. and Hannah, J. (2013). *International English*, Routledge, New York.

5. Tài liệu tham khảo:

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. Standard English in the world** **Nội dung:** 1.1. Models of English 1.2. The spread of English 1.3. The nature of native overseas Englishes **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày	LT: 3 tiết BT: 2 tiết	[1] **Chapter 1.Standard English in the world**

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Thảo luận nhóm: + So sánh các mô hình phân loại tiếng Anh trên thế giới + Đánh giá sự thay đổi về bản chất của tiếng Anh ở các nước sử dụng tiếng Anh khác **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	TL: 2 tiết	
2	**Chương 2. English, Australasian, South African and Welsh English** **Nội dung:** 2.1. The RP accent 2.2. Australian, New Zealand, and South African English 2.3. Welsh English **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Các đặc điểm của giọng Anh phổ thông + Các đặc điểm của tiếng Anh ở Australia, New Zealand, Nam Phi, xứ Wales **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:**- Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1] **Chapter 2. English, Australasian, South African and Welsh English**
3	**Chương 3. English and North American English: grammatical, orthographical and lexical differences** **Nội dung:** 3.1. Grammatical differences 3.2. Spelling and punctuation differences 3.3. Vocabulary differences **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tìm hiểu sự khác biệt về hình thái và cú pháp của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ + So sánh sự khác biệt về cách viết, dấu câu của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ + Đánh giá sự khác biệt về từ vựng của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp	LT: 3 tiết BT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1] **Chapter 4. English and North American English: grammatical, orthographical and lexical differences**

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Địa điểm học:- Giảng đường		
4	**Chương 4. Scottish and Irish English** **Nội dung:** 4.1. Scottish English 4.2. English in Ireland **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tìm hiểu sự khác biệt của tiếng Anh Scotland + Đánh giá sự khác biệt của tiếng Anh Ireland **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:**- Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1] **Chapter 5. Scottish and Irish English**
5	**Chương 5. West Indian English and English-based creoles** **Nội dung:** 5.1. English-based pidgins 5.2. English-based creoles 5.3. Decreolization 5.4. Post-creoles and mesolectal varieties 5.5. West Indian Standard English 5.6. English-based creoloids **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tìm hiểu tiếng Anh bồi + Tìm hiểu tiếng lóng có nguồn gốc từ tiếng Anh + Đánh giá đặc trưng của tiếng Anh Tây Ấn Độ **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:**- Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1] **Chapter 6. West Indian English and English-based creoles**
6	**Chương 6. Second language varieties of English** **Nội dung:** 6.1. West African English 6.2. East African English 6.3. Indian English 6.4. Singaporean English 6.5. English in the Philippines **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tìm hiểu đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn	LT: 3 tiết BT: 2 tiết TL: 2 tiết	[1] **Chapter 8. Second language varieties of English**

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine + Đánh giá sự khác biệt của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi … **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:**- Giảng đường		

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%; **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	3%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	5%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: Việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.
- Thời gian: 75 phút.

Ngày … tháng … năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Nguyễn Thị Kim Phượng**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TÊN HỌC PHẦN: LÝ LUẬN GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO TRẺ EM

Mã học phần:FL215102

1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:

Tổng số tín chỉ: 02 Số tín chỉ lý thuyết: 02

Loại môn học: Bắt buộc

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh

Số điện thoại: 0983146976 Email:v07tinbt@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên:Nguyễn Lệ Hằng

Số điện thoại:0946878282 Email:hangnguyenle72@gmail.com

2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Cơ sở giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em là học phần cần thiết trong chương trình đào tạo chuyên ngành tiếng Anh với mục tiêu nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu hiểu biết về tính cách của trẻ em khi học một ngoại ngữ và các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ phù hợp cho trẻ em.

Cơ sở giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em là học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em. Học phần này cũng giúp sinh viên biết liên hệ so sánh, đối chiếu phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em với phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho học sinh cấp 2, cấp 3 và người trưởng thành.

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

3.1.1. Kiến thức:

+Sinh viên hiểu thêm về tính cách của trẻ em khi học Tiếng Anh.

+Sinh viên được trang bị thêm kiến thức về mặt phương pháp giảng dạy Tiếng Anh phù hợp cho trẻ em.

+Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em.

3.1.2. Kỹ năng:

Sinh viên được trang bị các kỹ năng đọc hiểu, thuyết trình, nghiên cứu và giảng dạy.

3.1.3. Thái độ:

Sinh viên có nhận thức đúng về học phần 'Lý luận giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em'. Có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp.

3.2. Mục tiêu chi tiết:

Mục tiêu / Chương	**Bậc 1**	**Bậc 2**	**Bậc 3**
Chương I:	I.A.1. Trình bày được tính	I.B.1. Hiểu được bản năng	I.C.1. So sánh được

How children learn English	cách của trẻ em khi học Tiếng Anh. I.A.2. Ghi nhớ được tính cách của trẻ em khi học Tiếng Anh. I.A.3. Nhận diện được tính cách của trẻ em khi học Tiếng Anh.	của trẻ em khi học Tiếng Anh. I.B.2. Phân tích được trẻ em cần làm gì để học được Tiếng Anh. I.B.3. Lý giải được các điều kiện giúp trẻ em học được Tiếng Anh.	cách trẻ em học tiếng mẹ đẻ và Tiếng Anh. I.C.2. Đánh giá được môi trường nào phù hợp cho trẻ học Tiếng Anh. I.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc nghiên cứu tính cách của trẻ em để áp dụng phương pháp giảng dạy Tiếng Anh phù hợp.
Chương II: Are all children the same?	II.A.1. Trình bày được khả năng nhận biết khác nhau của trẻ em khi học Tiếng Anh. II.A.2. Ghi nhớ được khả năng nhận biết khác nhau của trẻ em khi học Tiếng Anh. II.A.3. Nhận diện được khả năng nhận biết khác nhau của trẻ em khi học Tiếng Anh.	II.B.1. Hiểu được sự khác nhauvề nhận thức, về tư duy, về thái độ và về động lực của trẻ em khi học Tiếng Anh. II.B.2. Phân tích được các phương pháp giảng dạy phù hợp cho từng đối tượng trẻ em khi học Tiếng Anh. II.B.3. Lý giải được các mong đợi của trẻ em khi học Tiếng Anh.	II.C.1. So sánh được điểm khác nhau của trẻ em khi học Tiếng Anh. II.C.2. Đánh giá đượcchiến lược nào phù hợp với nhu cầu nào của trẻ em khi học Tiếng Anh. II.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc nghiên cứu các chiến lược phù hợp để giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em.
Chương III: Managing pupils' language learning	III.A.1. Trình bày được loại hình lớp học phù hợp cho trẻ em khi học Tiếng Anh. III.A.2. Ghi nhớ được loại hình lớp học phù hợp cho trẻ em khi học Tiếng Anh. III.A.3. Nhận diện được loại hình lớp học phù hợp	III.B.1. Hiểu được cách tạo bầu không khí thân thiện cho trẻ em khi học Tiếng Anh. III.B.2. Phân tích được cách tổ chức cặp và nhóm khi dạy Tiếng Anh cho trẻ em. III.B.3. Lý giải được lòng	III.C.1. So sánh được điểm khác nhau về loại hình lớp học Tiếng Anh cho trẻ em và các đối tượng khác. III.C.2. Đánh giá đượcphương pháp nào phù hợp để tạo bầu không khí thân thiện

	cho trẻ em khi học Tiếng Anh.	tự trọng của trẻ em khi học Tiếng Anh.	cho trẻ em khi học Tiếng Anh. III.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc nghiên cứu phương pháp nào phù hợp để tạo bầu không khí thân thiện cho trẻ em khi học Tiếng Anh.
Chương IV: Who has some good news for today?	IV.A.1. Trình bày được điểm thuận lợi và điểm khó khăn khi sử dụng Tiếng Anh để dạy Tiếng Anh cho trẻ em. IV.A.2. Ghi nhớ được điểm thuận lợi và điểm khó khăn khi sử dụng Tiếng Anh để dạy Tiếng Anh cho trẻ em. IV.A.3. Nhận diện được điểm thuận lợi và điểm khó khăn khi sử dụng Tiếng Anh để dạy Tiếng Anh cho trẻ em.	IV.B.1. Hiểu được mục đích của giáo viên khi sử dụng Tiếng Anh trong lớp học Tiếng Anh. IV.B.2. Phân tích được tương tác giữa người dạy và trẻ em khi sử dụng Tiếng Anh trong giao tiếp ở lớp. IV.B.3. Lý giải được tầm quan trọng của việc sử dụng Tiếng Anh trong lớp học Tiếng Anh.	IV.C.1. So sánh được điểm thuận lợi và điểm khó khăn khi sử dụng Tiếng Anh và Tiếng mẹ đẻ trong lớp học Tiếng Anh. IV.C.2. Đánh giá được chiến lược nào phù hợp để tạo môi trường nói Tiếng Anh cho trẻ em trong lớp học Tiếng Anh. IV.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc nghiên cứu chiến lược nào phù hợp để tạo môi trường nói Tiếng Anh cho trẻ em trong lớp học Tiếng Anh.
Chương V: Supporting children’s language learning	V.A.1. Trình bày được cách thức giúp trẻ học Tiếng Anh một cách hiệu quả. V.A.2. Ghi nhớ được cách thức giúp trẻ học Tiếng Anh một cách hiệu quả.	V.B.1. Hiểu được cách trợ giúp trẻ em một cách hiệu quả khi học Tiếng Anh. V.B.2. Phân tích được mức độ cần trợ giúp trẻ em khi học Tiếng Anh. V.B.3. Lý giải được cách	V.C.1. So sánh được cách trợ giúp trẻ em với các đối tượng khác khi học Tiếng Anh V.C.2. Đánh giá đượccách trợ giúp nào phù hợp cho trẻ em

	V.A.3. Nhận diện được cách thức giúp trẻ học Tiếng Anh một cách hiệu quả.	điều chỉnh sự trợ giúp trẻ em khi học Tiếng Anh.	trong việc học Tiếng Anh. V.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc nghiên cứu cách trợ giúp nào phù hợp cho trẻ em trong việc học Tiếng Anh.
Chương VI: Creating, adapting and evaluating activities for children language learning	VI.A.1. Trình bày được cách xây dựng và lựa chọn các hoạt động phù hợp cho trẻ em học Tiếng Anh. VI.A.2. Ghi nhớ được cách xây dựng và lựa chọn các hoạt động phù hợp cho trẻ em học Tiếng Anh. VI.A.3. Nhận diện được cách xây dựng và lựa chọn các hoạt động phù hợp cho trẻ em học Tiếng Anh.	VI.B.1. Hiểu được những hoạt động nào phù hợp cho trẻ em khi học Tiếng Anh. VI.B.2. Phân tích những hoạt động nào phù hợp cho trẻ em khi học Tiếng Anh. VI.B.3. Lý giải được cách điều chỉnh các hoạt động để phù hợp với trẻ em khi học Tiếng Anh.	VI.C.1. So sánh được các hoạt động trong lớp dành cho trẻ em với các đối tượng khác khi học Tiếng Anh VI.C.2. Đánh giá đượchoạt động trong lớp nào phù hợp cho trẻ em trong việc học Tiếng Anh. VI.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc nghiên cứu hoạt động trong lớp nào phù hợp cho trẻ em trong việc học Tiếng Anh.
Chương VII: Planning for children’s language learning	VII.A.1. Trình bày được cách xây dựng giáo án phù hợp cho trẻ em học Tiếng Anh. VII.A.2. Ghi nhớ được cách xây dựng giáo án phù hợp cho trẻ em học Tiếng Anh. VII.A.3. Nhận diện được cách xây dựng giáo án phù hợp cho trẻ em học Tiếng	VII.B.1. Hiểu được nội dung và các bước trong xây dựng giáo án phù hợp cho trẻ em học Tiếng Anh. VII.B.2. Phân tích được các bước trong xây dựng giáo án phù hợp cho trẻ em khi học Tiếng Anh. VII.B.3. Lý giải được quan điểm của người dạy	VII.C.1. So sánh được nội dung và các bước trong xây dựng giáo án cho trẻ em với các đối tượng khác khi học Tiếng Anh VII.C.2. Đánh giá đượccác bước trong giáo án phù hợp cho trẻ em trong việc học Tiếng Anh.

	Anh.	khi xây dựng giáo án phù hợp cho trẻ em học Tiếng Anh.	VII.C.3. Vận dụng: nâng cao được hiệu quả trong việc nghiên cứu các bước trong giáo án phù hợp cho trẻ em trong việc học Tiếng Anh.

4. Tài liệu học tập:

[1] Bài giảng Lý luận giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em. Lưu hành nội bộ.

5. Tài liệu tham khảo:

[2] Jayne Moon (2011), *Children Learning English*, Macmillan Press.

[3] William O'Grady (2009), *How Children Learn Language*, Cambridge University Press.

[4] Nunan, D (2001), *Designing Tasks For The Communicative Classroom*, Oxford University Press.

[5] Vale, D and Feunteun, A.(2000), *Teaching Children English*, Cambridge Educational Press.

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Dự lớp ≥ 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7. Nội dung chi tiết học phần và hình thức dạy học

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	**Chương 1. How Children Learn English** **Nội dung:** - Contexts for learning English - Children as language learners - Children special characteristics, instincts and abilities - Ways of observing children's language learning **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về tính cách của trẻ em và cách trẻ em học Tiếng Anh. **Yêu cầu sinh viên:**	LT: 3 tiết BT: 1tiết	[1] chương 1 [2] chương 1 [3] chương 1 [4] chương 1 [5] chương 1

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
2	**Chương 2. Are All Children The Same?** **Nội dung:** - Teachers' experience of differences - Teacher's expectations of pupils - Strategies for responding to different needs **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về các phương pháp giúp đáp ứng cho từng nhu cầu của trẻ khi học Tiếng Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 1tiết	[1] chương 2 [2] chương 2 [3] chương 2 [4] chương 2 [5] chương 2
3	**Chương 3. Managing Pupils' Language Learning** **Nội dung:** - Kinds of classroom managers - Ways of developing a positive classroom atmosphere - Organizing pupils for language learning in pairs and groups **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về cách tạo ra không khí thân thiện trong lớp học Tiếng Anh và cách tổ chức làm việc theo cặp và	LT: 3 tiết BT: 1tiết	[1] chương 3 [2] chương 3 [3] chương 3 [4] chương 3 [5] chương 3

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	theo nhóm. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
4	**Chương 4. Who Has Some Good News For Today?** **Nội dung:** - The purposes of teacher talk in the language classroom. - Some advantages and disadvantages of using English to teach English. - Developing classroom interaction strategies which create an environment supportive of risk – taking. - Teachers' concerns about communicating with pupils through English. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng Tiếng để dạy Tiếng Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 1tiết	[1] chương 4 [2] chương 4 [3] chương 4 [4] chương 4 [5] chương 4
5	**Chương 5. Supporting Children's Language Learning** **Nội dung:** - Support and how to provide it. - Ways of supporting children's language	LT: 3 tiết BT: 1tiết	[1] chương 5 [2] chương 5 [3] chương 5 [4] chương 5 [5] chương 5

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	learning. - How to assess the support needed. - How to adjust and reduce support gradually. - Teachers' questions about providing appropriate support for young learners. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về cách trợ giúp trẻ em học Tiếng Anh một cách hiệu quả. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
6	**Chương 6. Creating, Adapting and Evaluating Activities for Children Language Learning** **Nội dung:** - Teachers' views on creating their own materials. - How to analyze and evaluate activities. - How to select activities for language learning. - The benefits of adapting activities and of creating your own. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về cách chọn lựa các hoạt động trong lớp cho phù hợp với trẻ em khi học Tiếng Anh. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu	LT: 3 tiết BT: 1tiết	[1] chương 6 [2] chương 6 [3] chương 6 [4] chương 6 [5] chương 6

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	- Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường		
7	**Chương 7. Planning For Children's Language Learning** **Nội dung:** - Teachers' views on planning. - Decisions involved in planning lessons. - The content and organizing of a lesson plan. - A closer look at some of the steps in planning lesson. **Hình thức tổ chức dạy học:** - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thảo luận nhóm: Thảo luận về các bước để tạo nên một giáo án dạy Tiếng Anh cho trẻ em hiệu quả. **Yêu cầu sinh viên:** - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo **Hình thức đánh giá:** - Báo cáo của nhóm trước lớp **Địa điểm học:** - Giảng đường	LT: 3 tiết BT: 1tiết	[1] chương 7 [2] chương 7 [3] chương 7 [4] chương 7 [5] chương 7
	Review and test	2 tiết	[1], [2], [3], [4], [5]

8. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 10%. **Trọng số thi kết thúc học phần**: 90%

8.2. Mục đích, thành phần và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	2%

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	2%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên. Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	2%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	4%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	10%

8.3. Thi kết thúc học phần:

- Tiêu chí đánh giá: việc đánh giá dựa trên các tiêu chí về mức độ đạt được các mục tiêu Bậc 1: 30%, Bậc 2: 30% và Bậc 3: 40%.
- Phương pháp đánh giá: tự luận
- Thời gian: 75 phút.

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Trưởng khoa	Trưởng Bộ môn	Người biên soạn
Th.S Nguyễn Văn Thịnh	**Th.S Bùi Thị Tịnh**	**Th.S Bùi Thị Tịnh**